

Truyện ngắn Phạm Lưu Vũ



Vnthuquan.net, 2009.

“Lễ” của nước Việt

(Trích Luận ngữ tân thư)

Nghe nói “Lễ” có trước luật pháp. Rồi sau đó, “Lễ” vừa đề ra luật pháp, vừa bổ sung cho những chỗ không thể đủ của luật pháp. “Lễ” chính là luật pháp vậy. Lại nghe “Lễ” có sau luật pháp, ấy là muốn nói tới cái lúc con người không cần phải dùng tới luật pháp nữa thì “Lễ” vẫn còn. Thiên hạ đâu đâu cũng chỉ gồm người với người, nước nào cũng thế cả. Vậy mà “Lễ” của mỗi nước lại không giống nhau. Có phải tại “thủy thổ” của mỗi nước khác nhau chăng? Ví như cái “Lễ” của nước Việt sau đây. Có thể coi là “độc nhất vô nhị”, thậm chí phải nói là đáng “tự hào” nhất trong thiên hạ vậy...

Mấy dòng trên vẫn cái kiểu “lảm nhảm” của “Lời tựa” trong *Luận ngữ tân thư*. Sau đây lại xin trích một phần của bộ sách đó:

Tử Cống muốn đầu tư, mở rộng việc kinh doanh buôn bán ở nước Việt, mới thỉnh ý kiến Khổng Tử. Khổng Tử bảo:

“Nếu người nước Việt biết giữ Lễ, thì có thể làm ăn, buôn bán với họ được.”

Bèn sai thầy Tử Hạ sang nước Việt để điều tra xem “Lễ” ở bên đó thế nào. Tử Hạ vâng lời giắt theo một ít bạc rồi khăn gói ra đi. Lặn lội hàng tháng trời mới đến địa giới nước Việt. Đêm đầu tiên ngủ ở khách điểm, Tử Hạ cẩn thận nằm gói đầu lên hành lý. Vậy mà sáng dậy, thấy đầu mình đang gói lên một... bao cỏ, còn gói hành lý thì đã

vĩnh biệt thầy từ lúc nào. Tử Hạ bèn gọi chủ khách điểm đến hỏi:

“Nước Việt lắm kẻ trộm thế hay sao?”

Chủ khách điểm tỉnh bơ trả lời:

“Ngài mất một gói hành lý, lớn không hơn cái gói, nặng bất quá vài cân. Chỉ cần nửa tên trộm cũng khuân đi được, huống hồ phải tốn đến một tên. Vậy mà ngài đã vội kết luận rằng nước Việt lắm kẻ trộm? Một người mang danh học trò của Khổng Tử như ngài mà không sợ bị thiên hạ chê là hồ đồ ư?”

Tử Hạ cứng lưỡi, đành ngậm ngùi chịu mất gói hành lý. Đêm hôm sau. Đang ngủ, bỗng có một kẻ bịt mặt lén vào tận giường, dí dao lên cổ thầy đòi nộp toàn bộ số bạc trong người. Tử Hạ sợ nguy đến tính mạng, đành móc hết nộp cho nó. Sáng ra, Tử Hạ lại mời chủ khách điểm đến. Rút kinh nghiệm hôm trước, lần này thầy hỏi:

“Nước Việt vẫn còn *một* tên kẻ cướp hay sao?”

Chủ khách điểm thản nhiên trả lời:

“Ngài chỉ là một anh học trò bạch diện thư sinh, lại dúm dó thất thủ từ nơi xa đến, nom chẳng có gì nổi bật. Chắc cũng không phải hạng phú quý gì. Người nước Việt xưa nay tuy được tiếng là người hơi tiền giỏi nhất thiên hạ. Song chắc gì đã có nhiều kẻ biết ngài giắt theo tiền bạc trong người. Ấy thế mà ngay đêm thứ hai, đã có kẻ cướp mò đến hỏi thăm. Chứng tỏ trước mặt, sau lưng ngài không lúc nào thiếu kẻ cướp. Vậy mà ngài cho rằng cả nước Việt chỉ còn một tên? Trình độ suy luận của ngài nông cạn như thế, không sợ mang tiếng là dài lưng tốn vải ư?”

Tử Hạ ớ người, xấu hổ đến nỗi không nói lại được câu nào. Đành lủi thủi chuồn vội ra khỏi địa giới nước Việt. Rồi thầy vừa đi đường vừa xin ăn, mấy tháng sau mới về tới nước Lỗ, tình cảnh thực

thê thăm. Về tới nhà rồi, Tử Hạ đợi mấy hôm sau mới dám vào ra mắt Khổng Tử. Trước tiên thầy tạ lỗi về chuyến đi không thu được kết quả gì, sau đó kể lại chuyện xảy ra, như có ý muốn thanh minh, hy vọng nhận được vài lời an ủi. Không ngờ Khổng Tử nghe xong lại tỏ ra mừng rỡ. Ngài gật gù khen:

“Ta lại thấy chuyến đi của người có kết quả tốt đấy. Kẻ quân tử chớ nghĩ đến chuyện mất của. Việc ấy chứng tỏ người nước Việt rất biết giữ Lễ. Nước Việt quả không hổ là con cháu Ngu Thuấn. Một nước ở xa Trung nguyên như thế, mà vẫn biết giữ Lễ. Điều đó thật đáng tự hào, thật đáng tự hào...”

Tử Hạ tròn mắt kinh ngạc, không hiểu Khổng Tử khen thế là nghĩa làm sao. Thầy có ý hơi bất mãn, không phục. Bèn thắc mắc:

“Kẻ học trò này vừa bị trộm, vừa bị cướp. Lại còn phải đồng tai nghe gã điếm ấy uốn ba tấc lưỡi, leo lên cái lỗ mồm. May còn mang được cái thân thừa về đây, chưa đến nỗi chết đói chết khát dọc đường. Thế mà Phu Tử không thêm động lòng xót thương lấy một tiếng, lại còn khen nước Việt biết giữ “Lễ”? Kẻ ngu này thật chẳng hiểu ra làm sao cả.

Câu nói của Tử Hạ không ngờ làm cho Khổng Tử nổi giận. Ngài bật đứng lên khỏi ghế, trở tay mắng:

“Sao mà đầu óc người u tối, lại cố chấp làm vậy. Một nước có lắm kẻ cướp như nước Việt, mà vẫn biết ăn trộm trước, rồi sau đó mới ăn cướp. Phàm xử việc mà không nóng vội, lại có thứ tự, lớp lang như thế, chẳng phải “Lễ” là gì? Giả sử nó làm ngược lại, ăn cướp ngay đêm đầu tiên, thì đến đêm sau, người còn cái gì để cho nó ăn trộm nữa?”

PLV

Một đêm cuối tháng giêng năm Đinh Hợi (2007)

Phạm Lưu Vũ

Cậu Tư

Tôi sẽ viết sau đây một câu chuyện thần thoại. Đất nước này trong những thời điểm vô vọng của tâm linh, trong những lúc kỳ cùng của kiếp sống thường sinh ra những kỳ nhân. Có thời đại nào, có ở đâu trên thế gian này lại dày đặc xương người, vương vãi nơi đồng không mông quạnh, vùi lấp giữa rừng thẳm suối sâu... như ở dải đất từng là bãi chiến trường vô nhân vô đạo lý khủng khiếp này? Bao oan hồn vất vưởng, dãi dầu nơi xứ lạ quê người, mấy mươi năm “*thở than dưới đất ăn nằm trên sương*” (Văn chiêu hồn - Nguyễn Du), lạnh lẽo không một tiếng khóc than, không một ai hương khói, mà đường về quê Mẹ thì xa xôi mù mịt, quỷ dữ luôn rình rập ở mọi chốn, mọi nơi... Nếu con người ở xứ sở này không mắc chứng ích kỷ và vô cảm bẩm sinh, thì ở bất cứ chỗ nào, bất cứ lúc nào cũng có thể nghe tiếng gào thét của hàng nghìn, hàng vạn oan hồn. Cõi âm đã “động” đến thế thì cõi dương yên ổn làm sao được. Nỗi đau đớn không thể nào nguôi của những người thân, cùng với những tiếng thở than, gào thét xé lòng ấy đã bao năm ngùn ngụt thấu đến tận Trời. Và những kỳ nhân đã xuất hiện. Bằng khả năng ngoại cảm thiên tài của mình,

họ đã ra tay. Hàng nghìn, hàng vạn hài cốt và cũng là hàng nghìn, hàng vạn oan hồn tưởng mãi mãi vùi lấp chốn lãng quên, mãi mãi ngậm hờn làm con ma vô chủ, nay đã được trở về với quê hương, trở về với những người thân để đợi ngày siêu thoát...

Trước những sự thật ghê hồn đó, khoa học hiện đại, khôn ngoan tuyệt đỉnh của con người không thể giải thích. Các công cụ, thiết bị tối tân của nó đã bó tay. Những chủ nghĩa, học thuyết vô thần thi nhau sụp đổ, hoặc leo lẻo biến hình, hoặc đổi màu như những con kỳ nhông, hoặc vẫn mặt dày tồn tại một cách trơ trẽn, thảm hại... Mặc kệ những thứ đó, các oan hồn đã cất lên tiếng nói, chỉ rõ nơi vùi lấp, khai tên tuổi, địa chỉ, người thân... cùng hàng trăm nghìn nỗi đau không bút nào tả xiết, không cái nào giống với cái nào. Những ông bố, bà mẹ mất con, những người vợ mất chồng, những người con mất cha, v.v... đã tin vào những sự thật hiển nhiên đó. Nhân dân đã tin, bất kể sự im lặng tuyệt đối của những đấng vô thần. Cuộc đời, nếu có ai đó khát khao sự thật, tất có kẻ sẽ hoảng sợ vì nó. Không ít những sự thật chẳng phải đang được chứa chất trong những oan hồn tưởng vĩnh viễn bị chôn vùi, vĩnh viễn không được cất lên tiếng nói đó ư? Chỉ đến khi nào cả thế gian không còn sự dối trá nữa, thì mới không còn ai cần đến sự thật, và cũng không còn kẻ nào phải sợ hãi trước sự thật. Những nhà ngoại cảm từng cứu vớt bao linh hồn của cả người chết lẫn người đang sống ấy đã và chắc sẽ chẳng cần được phong anh hùng. Song việc làm thần thánh của họ có trời cao đất dày này chứng kiến. Công lao kỳ vĩ, tuyệt vời nhân bản, không gì sánh nổi của họ trùm cả 3 cõi, được cả 3 cõi: người, quỷ thần và cõi từ bi ghi nhận, chỉ trừ mỗi cái "cõi" im lặng kia thôi.

Những ai đó có thể nhắm mắt làm ngơ, có thể "lờ" đi vì sợ hãi, vì

mặc cảm tội lỗi hay vì một mục đích tối tăm nào đó. Song không ai có thể nghi ngờ về sự song song tồn tại của cả một thế giới tâm linh cùng với nền "văn minh" hiện đại của loài người. Âu cũng là một孽 biến chứng của cuộc đời. Có điều ở đây, đó là một thế giới thảm thương. Thế giới mà thi hào Nguyễn Du đã miêu tả trong "Văn chiêu hồn":

*"Sống đã chịu một bề thảm thiết
Ruột héo khô da rét căm căm
Dãi dầu trong mấy mươi năm
Thở than dưới đất ăn nằm trên sương.
Nghe gà gáy tìm đường lánh ẩn
Lặn mặt trời lặn thân tìm ra
Lôi thôi ẵm trẻ dốt già
..."*

Rất may, thế giới đó đã và đang có những kỳ nhân để đưa các vong hồn trở về với người thân, trở về nơi siêu thoát. Thế còn thế giới của những người nghèo, những "cô hồn" sống đang lâm vào cảnh kỳ cùng của kiếp người trên cõi dương gian này?

Thế kỷ 21 này vẫn chưa cho phép những kẻ nghèo hèn có quyền được sống tử tế nếu trót mang bệnh trong người. Từng bày, từng bày dân chúng nhàu nát, hôi hám, lôi thôi già trẻ chen chúc xếp hàng ngùn ngụt trước cửa những phòng khám, ngập ngụa những hành lang, la liệt trên những giường bệnh cũ kĩ có khi phải 2, thậm chí 3 "con bệnh" nằm giờ đầu đuôi... Đơn giản thôi. Các bệnh viện đã quá tải trầm trọng. Có thể bảo hiểm y tế ư? Đó là thứ mà nhiều bác sĩ ăn lương nhà nước thời nay ghét cay ghét đắng. Mức độ nhiệt tình, thái độ đối xử... của họ tỉ lệ nghịch với tấm thẻ đáng thương ấy. Thật tội

nghiệp, thẻ bảo hiểm chỉ đem lại lợi ích cho những ai đó, cho những cấp “quản lý” ở tận đâu đâu... chứ không mang lợi trực tiếp đến cho họ. Xứ sở này chỉ hâm mộ "tiền tươi" mà thôi. Đó là những đồng tiền được nhìn thấy, sờ thấy liền trước mắt, những đồng tiền sẵn sàng chui ngay vào trong túi của mình. Thế là "con bệnh" không có thể có khi còn đỡ, có thể vẫn phải đóng tiền. Con người vốn thông minh nên dễ dàng nghĩ ra những khoản nằm "ngoài thẻ bảo hiểm": tiền cho những thứ thuốc gọi là "đặc trị", tiền mua thuốc ngoại, tiền cho những mũi tiêm rất đáng nghi mà "con bệnh" không có quyền thắc mắc... Đặc biệt, khoản này thì bất kể có thể hay không. Đó là phải chuẩn bị sẵn những món tiền "bồi dưỡng", để sẵn sàng nhét vào túi cái áo blu trắng tinh và cao quý của những vị "từ mẫu lương y" ấy. Thăm bệnh: nhét, chích thuốc: nhét, truyền dịch: nhét, thậm chí nếu “con bệnh” đang hấp hối, thì người nhà càng phải nhét thật nhanh tay, v.v... "Luật" ấy, than ôi dấu "bất thành văn", song từ lâu đã "bất di bất dịch".

Ai đã lần đầu tiên dùng từ "con bệnh"? "Thuật ngữ" ấy mới chính xác làm sao, cay đắng làm sao. Xin lỗi những vị y, bác sĩ chân chính, các vị hãy tin rằng người viết luôn có sẵn ý định trừ các vị ra. Song là những người "nằm trong chăn", các vị chắc chắn thừa biết rằng hàng hà sa số những "con bệnh" kia chính là nguồn sống, nguồn kiếm tiền, nguồn làm giàu vô tận của nhiều, rất nhiều những người mặc blu trắng, những gã cò mồi, những kẻ buôn thuốc, những cấp "quản lý"... Tóm lại là những người dính dáng đến nghề y, hết như những con bò, con heo, hay con gà, con vịt... nuôi trong chuồng nhà họ vậy. Thế những người nghèo không có tiền mua thuốc (xin lưu ý: giá thuốc đang ngày càng tăng phi mã, tăng tự do, vô tội vạ), những

người nghèo không có tiền nằm viện, không có tiền "bồi dưỡng"... thì sao? Nhất là họ không may mắc phải những chứng bệnh nan y?

Thì... họ không có quyền được chữa trị, thậm chí không có quyền được sống nữa chẳng?

Chắc sẽ thế thôi. Họ sẽ không có cơ hội được sống, như một cách "chọn lọc tự nhiên" ghê rợn, để dành chỗ trong cuộc đời cho những kẻ khỏe mạnh! Cứ gì thế kỷ 21 ảm đạm hạnh phúc này, thế kỷ nào chắc cũng phải vậy thôi. Những kiếp giẻ rách ấy sẽ phải chết, nếu nơi đây không xuất hiện những kỳ nhân...

Ai đã tin rằng có những "kỳ nhân" của các vong hồn, tưởng cũng nên tin rằng có "kỳ nhân" của những kiếp người "kỳ cùng" ấy.

Một trong những "kỳ nhân" ấy là Cậu Tư.

Đó là một vùng quê hẻo lánh rất xa Thành phố. Con đường nhựa đủ cho khoảng 1,5 làn xe từ lộ chính chạy hun hút vào một ấp nhỏ. Nơi ấy có Cậu Tư đang "hành nghề". Chẳng biết từ bao giờ, cái ấp nhỏ này đã trở nên sầm uất, sôi động với đủ các loại hàng quán bệ rạc, chợ búa tanh tươi, nhà trọ tồi tàn mọc lên san sát. Nơi đây lúc nào cũng thường xuyên có khoảng bốn đến năm trăm người bệnh nằm la liệt, nhếch nhác trên những dãy giường tre, trong những căn nhà lá tùm lụp. Bất chấp cái nắng nóng rùng rục, nóng như nung người của miền Tây, bất chấp ruồi, muỗi như trấu, bất chấp dòng kinh đen sì lúc nào cũng bốc lên một thứ mùi hôi thối khủng khiếp. Những con bệnh nan y mà các bệnh viện đã thải về chờ chết, hoặc không có tiền viện phí, hoặc không tiền mua thuốc... hàng ngày từ khắp nơi ùn ùn về đây hy vọng kéo dài thêm cái kiếp sống khốn khổ của mình. Nghĩ cũng phải thôi. Đến con vật còn khát khao cuộc sống nữa là con người. Nghe nói Cậu Tư sinh năm Canh Tý, năm nay sang tuổi 48.

Tối tối, bước qua chiếc cầu xi măng rộng chừng hơn mét, không lan can bắc qua dòng kinh đen, dòng người lần mò bước thấp bước cao trong một con hẻm nhỏ ngoắt ngoéo, chỗ sáng chỗ tối loang lổ, hai bên là liên tiếp những dãy phòng trọ mùng mền luộm thuộm ken dày đặc. Từ trong đó xộc ra một thứ mùi rất khó tả. Đó là mùi người trộn lẫn với mùi hôi thối của nước dòng kinh. Nhà Cậu Tư cất sát một con rạch khác nước cũng đen không kém. Một "phòng khám" rộng chừng 9m2 cất bằng cây sớ sài, không cửa nẻo, trong đó kê một chiếc bàn và 2 chiếc ghế băng. Một căn điện thờ toạ lạc chính giữa sân. Phía sau là một nhà chứa thuốc kiêm phát thuốc rộng rãi. Tất cả đều làm bằng gỗ, lợp lá, tồi tàn như hầu hết các căn nhà khác trong ấp. Một khoảnh sân trước "phòng khám" đủ rộng cho vài trăm con người. Tối nào Cậu Tư cũng ngồi nói chuyện khoảng hơn 1 giờ đồng hồ với các bệnh nhân hoặc người nhà của họ.

Đám đông rầu rĩ, nhợt nhạt dưới ánh đèn nê ông hắt ra từ "phòng khám", nơi Cậu Tư đang ngồi. Già trẻ, lớn bé ước chừng hơn trăm con người ngồi bệt dưới đất hoặc đứng lố nhố vòng trong vòng ngoài. Tất cả cùng im lặng nghe Cậu Tư nói chuyện. Cậu Tư mặc quần tây sẫm màu, áo sơ mi trắng, người cao ráo, ốm nhom, hai bàn tay xương xẩu, ngón dài gấp rưỡi người thường. Đôi mắt Cậu sáng quắc. Cậu ngồi vắt chân đường hoàng, đốt thuốc lá liên tục, vừa rít vừa trả lời những câu hỏi đủ các loại trên gò dưới bề của đám đông. Thỉnh thoảng lại một giọng rụt rè cất lên...

"... Tôi ăn không tiêu, bác sĩ kê toa cho uống thuốc song chỉ được vài hôm. Giờ không đủ tiền mua thuốc, cái bụng cứng ngắc lại rồi, đau không chịu nổi. Bác sĩ bảo ung thư dạ dày, phải xạ trị, mỗi lần xạ trị 15 triệu đồng, trăm sự nhờ Cậu. Cậu Tư ời..."

"Đứa nào bảo ung thư dạ dày? - Cậu Tư mắng - trước mày khó tiêu là tại cái gan đó. Gan không tiết đủ dịch nên không tiêu hóa được thức ăn, lại cứ đổ tại dạ dày. Uống thuốc tiêu hoá thì nước mẹ gì. Nay cái u trong gan mày đã to tướng lên rồi, chắc không dưới 27 cm. Sáng mai vô tao xem thế nào..."

Một giọng đàn ông khác thiếu não:

"... bệnh viện nói gan tôi hư, phải ghép. Chi phí ghép gan 1 tỷ rưỡi. Cậu Tư ơi! Tôi một trăm ngàn cũng không có, lấy đâu ra tỷ rưỡi bây giờ?..."

"Mày 48 đúng bằng tuổi tao, chết cũng được rồi đó. - Cậu Tư pha trò - Xuống dưới ấy mua lấy vài mẫu đất, phân lô sẵn đợi tui tao xuống rồi bán, chắc chẳng mấy chốc có đủ tỷ rưỡi (đám đông bật cười rào rào). Bây giờ đâu đâu người ta cũng làm như thế hà rầm à. Có đúng không bà con? (nhiều tiếng vỗ tay từ đám đông). Nếu muốn ở lại cõi dương này thì đưa đây hai trăm triệu, đảm bảo tao chữa khỏi cái gan cho mày. Không khỏi tao trả lại tiền, chứ bệnh viện thì đừng hòng người ta trả lại. Chịu không?"

Im lặng...

"Thế nào? Hai trăm thôi, rẻ hơn bệnh viện những 1 tỷ ba. Nói thế chứ gan mày đâu đã đến nỗi hư. Chỉ là bị lủng một ống huyết đó thôi. Từ đó máu chảy ra đổ vào dạ dày, vì thế ỉa ra máu. Lại đổ vào bể thận, vì thế đái cũng ra máu. Chịu hai trăm đi rồi tao cho thuốc, đảm bảo 2 tiếng sau ngưng ra máu liền..."

Im lặng...

"Chịu đi, chịu đi..." – nhiều tiếng xì xào giục khě từ phía đám đông.

Im lặng...

"Tao chữa bệnh cho bà con gần 18 năm nay, chưa hề lấy một đồng

tiền thuốc nào. Vậy mà có lúc vẫn bị nghi là lừa đảo để ăn tiền của dân. Đã vậy tao phải "mần" cho ra tấm, ra món đảng hoàng, không thèm "mần" lật vật. Vì thế vụ này phải kêu hấn hai trăm. Đúng không bà con?" – đám đông lại bật cười rào rào.

Người đàn ông khốn khổ kia vẫn cúi đầu im lặng. Từ trong hai hốc mắt đen ngòm của anh ta, vừa lặn ra hai giọt nước mắt long lanh... "Bà con thấy chưa. Thằng này hai trăm còn tiếc, huống hồ là tỷ rưỡi. Chẳng trách bệnh viện người ta đuổi về là phải. Thôi, nói chơi vậy nghen. Tao mà lấy của ai một đồng thì người ta cho tao vào tù lâu rồi. Còn đâu mà ngồi đây chữa bệnh cho mày... Có đúng không bà con?"

"Đúng thế. Đúng thế..." – đám đông hưởng ứng.

Rồi Cậu Tư tiếp tục:

"Bà con mình chỉ những lúc bệnh mới thấy quý mạng sống. Có biết đâu rằng bệnh nó xâm nhập vào mình từ mọi lúc, mọi nơi. Cơ thể hàng ngày sản sinh ra biết bao nhiêu tế bào. Trong số những tế bào mới sinh ra đó, tất phải có những cái phế phẩm. Số lượng phế phẩm nhiều ít liên quan đến ăn uống, hít thở, tiếp xúc với độc hại, ô nhiễm... Bình thường thì cơ thể thu những "phế phẩm" ấy vào một chỗ rồi "khoá" lại, gọi là cái u lành. Đến một lúc nào đó, cái "khoá" bỗng bị hư. Thế là những tế bào phế phẩm ấy được dịp tung ra, tự nhân đôi vô tội vạ, một thành hai, hai thành bốn, v.v... Cứ thế, chẳng mấy chốc cái u phình to ra, chèn ép các cơ quan khác, lại phát tán đi khắp nơi... Thế là thành u ác. Nó là cái thứ rất độc. Nếu biết sớm mà "dọn" đi, thì sau này dẫu "khoá" có bị hư, cũng không hề hấn gì..."

...

"Bà con tới đây toàn là những người bệnh viện đã thải về, nếu không

thì cũng tự thả do không có tiền nằm viện hoặc không tiền mua thuốc. Thuốc của Cậu Tư chỉ gồm 3 thứ: nam, bắc và núi. Nhẹ dùng thuốc nam, nặng dùng thuốc bắc, kết hợp với lá cây hái ở trên núi. Đã nghe Cậu Tư này chữa bệnh thì phải biết ăn kiêng. Không kiêng khem thì có khi lại nuôi cho cái u nó ngày càng lớn lên, thuốc nào trực ra cho xuề..."

...

"Chữa bệnh nan y có khi phải lấy độc trị độc. Nghĩa là phải làm sao cho tự những chất độc trong cơ thể nó thủ thế diệt nhau, mạng ta ở giữa hưởng lợi. Song đừng để cho những chất độc ấy rơi vào thế mất cân bằng. Nếu mất cân bằng thì mạng tiêu luôn. Vì thế càng phải ăn uống theo đúng chỉ định. Cái thằng bác sĩ ở bệnh viện (...) trên Thành phố ấy. Ung thư di căn giai đoạn cuối, bệnh viện bó tay rồi, xuống đây tao bảo còn nước còn tát. Uống thuốc tao 6 tháng khỏe mạnh trở lại. Về nhà siêu âm thấy không còn khối u. Con cháu, bạn bè mừng quá mở tiệc ăn mừng. Giời xui đất khiến thế nào mà trong tiệc lại có món lươn là món tao cấm. Thằng ấy lú lẫn nhất thời không nhớ ra bèn ăn vào. Chết liền hai giờ đồng hồ sau đó..."

...

"Kể chuyện ấy ra đây không phải để hù bà con. Cậu Tư này muốn nói rằng có thể chữa được bệnh, song không thể chữa được "đức". Một khi "đức" đã cạn thì "mạng" ắt phải tiêu. Dẫu chữa được bệnh này thì cũng chết vì bệnh khác, thậm chí không bệnh cũng phải chết. Cái nhẽ sinh tử nó như vậy mà. Chẳng nhẽ cứ chữa được hết mọi bệnh thì con người ta sẽ sống mãi hay sao? Cậu Tư nói không thể chữa được "đức", cũng tức là không thể đổi được "thiên cơ". Con người ta sống ở đời, ngoài việc cần phải có cơm ăn, nước uống, cần

đến một cơ thể không bình tật... còn cần phải có "đức" nữa. Tại sao như thế? Bởi "đức" là "tài sản", là "của cải" đảm bảo cho cái "mạng" của mình. Cũng như nhà nước in tiền ra phải có vàng ở trong kho đảm bảo vậy. Vàng trong kho mà cạn, thì tiền chỉ còn là giấy lộn mà thôi. Vàng trong kho càng nhiều thì tiền càng có giá. Cũng như "đức" càng dày thì "mạng" càng lớn, có khi đạn bắn trúng tim cũng không chết, kẻ ác tìm mọi cách cũng không hại nổi... huống hồ chỉ là vài căn bệnh cỏn con. Song nếu "đức" đã cạn thì Phật Tổ cũng bó tay. Lúc đó mạng người hay là giẻ rách thì cũng chẳng khác gì nhau. "Đức" cần đối với mạng sống của con người cũng ví như cái cây sống cần phải có nước vậy. Nước đã cạn rồi thì dầu có bắt sạch hết mọi loại sâu bọ đang đục trong thân đi, cái cây vẫn phải chết... Ông bác sĩ kia chính là ứng vào trường hợp như thế đó. Chẳng phải tại Cậu Tư không dặn kĩ đâu..."

Kết thúc buổi nói chuyện hằng đêm, con hẻm ngoắt ngoéo, tối tăm lại đưa đám đông rời nhà Cậu Tư. Những bóng đen dất dứu nhau dò dẫm lần mò trên bờ rạch, len lỏi giữa những căn phòng trọ lúc này chỉ còn tù mù những ngọn đèn ngủ đỏ quạch. Con hẻm tối tăm, khắp khảnh, khó đi như muốn thử thách ý chí của những con người cố níu lại sự tồn tại của mình ở chốn dương gian. Nếu không có những tiếng rì rầm trò chuyện, có lẽ ai đó sẽ tưởng nhầm đây là những bóng ma đang lần bước dưới địa ngục. Chợt "rào" một cái. Một bà cụ nào đó vừa trượt chân té xuống con rạch. Mấy người đi gần cụ hoảng hốt, nhón nháo. Hàng người dừng lại, chôn chân tại chỗ nghe ngóng trong đêm đen mà chẳng giúp gì được. "Giá có một cây đèn cao áp..." – tôi bật lên tiếng nói. Người phụ nữ đi sau tôi nhanh nhẩu: "Dào ôi! mười tám năm nay rồi chứ có phải mới một vài ngày, một vài

tháng đầu..." – "Thế chính quyền địa phương không quan tâm gì à?" – tôi hỏi – "Dân nghèo chưa muốn xuống âm phủ ngay thì tự dắt dúi nhau mà đi tìm lấy cơ hội sống. Chính quyền nào thềm quan tâm". – "Chẳng lẽ chữa bệnh ì xèo như thế này mà họ không biết hay sao?" – "Họ biết chứ. Bao nhiêu đoàn thanh tra, kiểm tra đã tới đây rồi đó. Họ điều tra xem Cậu Tư có lừa đảo, có làm tiền bất chính hay không. Song Cậu Tư khám, chữa bệnh cho dân mà tịnh không lấy của ai một đồng nào. Họ không có cơ gì mới để yên cho đấy..."

Cậu Tư không hề lấy của ai một đồng nào, cả tiền khám lẫn tiền thuốc. Đó là một sự thật, còn hơn thế nữa kia, tôi đang nghĩ. Vậy cậu lấy đâu ra tiền để sinh sống, để mua thuốc. Mỗi ngày phát không cho bà con hàng nghìn thang thuốc. Cả một căn nhà lớn chứa đầy thuốc. Lại còn những người giúp việc...? Chị phụ nữ bảo: "Cậu có nguồn tài trợ, có các nhà chùa quanh vùng trồng thuốc cung cấp..." – "Ai tài trợ?" – "Thì những người được Cậu Tư chữa khỏi bệnh ấy. Nhiều lắm, có cả Việt kiều, có cả người nước ngoài... Song tất cả chỉ là đồn đoán vậy thôi. Cậu Tư bí ẩn như người giời, không ai có thể giải thích nổi. Có điều con đường nhựa từ lộ vào ấp này, cả chiếc cầu xi măng bắc qua con kinh thì đúng là do người ta tài trợ đấy, có biển ghi tên họ hẳn hoi. Sao không ai nghĩ ra một ngọn đèn cao áp nhỉ?..." – "Vậy tôi muốn biếu Cậu một ít tiền có được không?" – "Đồ anh làm được chuyện ấy đấy. Kể cả những người giúp việc. Họ là những người cũng được Cậu chữa lành bệnh, nay tình nguyện ở lại làm công quả, người hai năm, người ba năm... Tất cả đều tuân thủ nguyên tắc không tiếp xúc riêng với bất kỳ bệnh nhân hay người nhà nào. Mọi người bệnh đều tuyệt đối bình đẳng, không hề có ưu tiên, trừ bệnh nặng..." – "Bệnh nặng thì sao?" – "Thì sẽ được khám và

cho thuốc ngay. Còn không phải đăng kí trước hàng tháng theo từng "đoàn", có danh sách hẳn hoi. Đông ùn ùn thế này, không đặt ra quy củ thế có mà loạn..."

Về đến phòng trọ, ông chủ nhà trọ hốt hải chạy đến đòi tôi giấy chứng minh nhân dân để đem lên trình công an xã. "Tôi tìm anh mãi. Không có giấy chứng minh, bố tôi cũng không dám cho anh ngủ trọ. Họ mà biết thì ngày mai tôi hết được cho thuê phòng luôn." Ra thế. Đây là dấu hiệu duy nhất cho thấy sự tồn tại của chính quyền. Tôi móc giấy đưa cho ông ta rồi kéo chiếc ghế nhựa ra hè ngồi. Trời nóng kinh khủng. Muối bay ràn rạt làm tôi cứ phải luôn tay đập đèn đét. Chắc chẳng bao giờ người ta phun thuốc trừ muỗi, mà có phun chắc cũng không xuể. Những phòng trọ rì rầm, nhón nháo tiếng người. Thôi thì đủ các giọng Bắc, Trung, Nam... Chỉ cần ngoái đầu lại một cái là lập tức mùi người hầm hập, đặc quánh xộc thẳng vào mặt. Những căn phòng đen ngòm như những cái hang chuột khổng lồ. Mấy bóng đèn làm lõi ra vào, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc chổng mông sắc thuốc la liệt suốt dọc con đường đất tối thui. Mùi thuốc thơm bốc lên không át nổi mùi chua khẳn, hôi hám của con rạch dâm thẳng ngay trước mặt. Cái loa thùng ở một quán gần đấy cất lên một giọng ca vọng cổ não nề. Một cái loa khác lại ca tân nhạc, nghe mà phát ón: *"Chưa có bao giờ đẹp như hôm nay, non nước mây trời lòng ta mê say..."* Đàn muỗi xung quanh tôi đã thay đổi chiến thuật.

Chúng chia làm nhiều mũi, tấn công tôi tứ phía, cả trên mặt lẫn dưới chân như bị rắc cát. Tôi phải đứng bật dậy, co chân chạy đi chạy lại, vừa chạy vừa quạt tay lia lịa như thể ra dấu hiệu xin hàng... Một đêm kinh khủng đây, tôi nghĩ...

Quả là nếu Cậu Tư không đặt ra quy củ thì không biết sẽ hỗn loạn ra

sao. Sáng hôm sau tôi mới chứng kiến những người bệnh đông như thế nào. Từ khắp các nhà trọ bên này cầu, bên kia cầu, từng đám người lúi thôi bông bế, dắt díu nhau ra. Thật chỉ khác với những cô hồn trong mô tả của cụ Nguyễn Du ở thời khắc. Tất cả lại rong rần theo con hẻm nhỏ rì rầm kéo vào nhà Cậu Tư. Khoảnh sân trước "phòng khám" của Cậu hầu như đã kín người, song ai cũng từ tốn, trật tự. Cậu Tư vẫn ngồi chỗ tối qua, ngay sau chiếc bàn kê giữa "phòng khám". Tay Cậu cầm một chiếc khăn bông, phanh ngực lau mồ hôi túi bụi. Bên cạnh Cậu có một người đàn ông mặt đỏ au mặc áo ca rô, một tay cầm xấp giấy nhỏ, một tay cũng đang hời hả lau mồ hôi. Đó là Cậu Ba, viên "thư kí" ghi bệnh, đồng thời bốc thuốc, trợ thủ đắc lực của Cậu Tư. Hai chiếc ghế băng kê hai bên "phòng khám" đã kín người ngồi. Đó là những người bệnh may mắn đã đăng kí trước theo "đoàn".

Tám giờ sáng, cuộc khám bắt đầu. Cậu Ba cầm từng mảnh giấy lên đọc tên. Lần lượt từng người trong "đoàn" rời khỏi ghế, tới ngồi trước mặt Cậu Tư. Cậu Tư một tay xem mạch, một tay trở vào chỗ nọ chỗ kia trên cơ thể người bệnh, nói rành rọt từng căn bệnh, triệu chứng... để Cậu Ba ghi vào "bệnh án". Người bệnh ngồi trước mặt Cậu không hề phải kể, không hề nói bất kỳ câu gì. Cứ thế Cậu chỉ ra từng chỗ, từng chỗ... như thể Cậu nhìn thấu lục phủ ngũ tạng, nhìn thấu tận xương tuỷ của người bệnh vậy. Tất cả chỉ trong vòng một phút, *đúng một phút* không hơn không kém. Từ tim, gan, phèo, phổi... đến máu, thận, dạ dày, rồi ruột non, ruột già, từ bàng quang, tiền liệt tuyến đến cột sống, ống chân, v.v... đau ở đâu, u ở đâu, kích thích bao nhiêu, đã di căn chưa, di căn tới chỗ nào... Rồi thì nhức ở đâu, mỏi ở đâu, mất ngủ như thế nào, vầng vất ra làm sao, cái gì gây nên bệnh, chỗ

nào cần chữa ngay... Cả những chỉ số y học như áp huyết, lượng đường, cholestrol, chức năng gan... Cậu vanh vách chỉ ra chính xác đến từng dấu phẩy, như thể Cậu đang đọc một bản thông báo đặt ngay trước mặt vậy. Thật là những cuộc khám tổng quát kỳ diệu, có một không hai trên thế gian này. Sở dĩ nói như thế bởi tất cả chỉ diễn ra trong vòng 1 *phút*. Ai đã từng vô bệnh viện khám tổng quát? Nếu suôn sẻ, thì ít nhất cũng phải mất cả ngày trời với bao nhiêu xét nghiệm, rồi lấy máu, lấy nước tiểu, rồi X quang, siêu âm, rồi nội soi, điện tâm đồ... với những thiết bị tinh vi, những chuyên gia đầy bằng cấp... mà cũng phải đợi hàng tuần sau mới có đầy đủ kết quả, những kết quả y hệt như Cậu Tư vừa chỉ ra trong cái phút giây thần kỳ ấy. Tôi đang chứng kiến một câu chuyện thần thoại diễn ra ngay trước mắt mình. Chẳng mấy chốc Cậu Tư đã khám xong cho số người đăng kí trước ở hai hàng ghế. Họ sẽ được Cậu Ba ghi toa và bốc thuốc phát ngay trong ngày hôm đó. Những ngày sau không cần khám lại nữa, người nhà chỉ việc đem toa vào lãnh thuốc. Bây giờ đến lượt những ca bệnh nặng, những người chưa kịp đăng kí đang ngồi la liệt dưới sân. "Thuật ngữ" ở đây gọi là "khám ngoài giờ" (lẽ ra phải là "ngoài luồng" mới đúng). Già trẻ lớn bé, bất kể thần thái ra sao, bất kể mập ốm thế nào, cứ bệnh nặng là Cậu nhìn ra, không trật một người nào. Sau khi lau mồ hôi, ngồi một lát định thần, Cậu trở tay gọi người này, người kia... Tất cả hầu như bệnh nan y. Một phụ nữ vừa tới được một lúc, trên tay bế đứa nhỏ khoảng bốn tuổi. Cô bé mặt mũi kháu khỉnh, ngây thơ, người ốm nhom như bị suy dinh dưỡng. Cậu Tư vừa nhìn thấy liền gọi ngay: "Bệnh viện nhi đồng trả về phải không? Tội nghiệp, con bé trông thế kia mà bị ung thư máu nặng đấy. Thôi thì còn nước còn tát..."

Người phụ nữ đổ sụp xuống, òa lên nước mắt. "Trời, đúng thế đấy Cậu Tư ơi. Xin Cậu cứu lấy con tui..."

Đến lượt người đàn ông tới qua. Khoanh ngón tay trở và ngón cái dí vào bụng người ấy làm động tác "nội soi", Cậu bảo:

"Tối qua, tao đoán khối u này chừng 27 cm. Nay "nội soi" cho kết quả hai mươi chín phẩy hai xăng ti mét..."

Người khác:

"Giờ áo lên coi vết mổ ở bụng xem nào. Cắt dạ dày phải không? Ấu quá, phải chụp lại làm bằng chứng mới được, sau này nhờ bệnh viện họ cãi phăng. Họ cắt có một phần ba phía bờ cong lớn, lại nói là cắt hai phần ba. Mày bị loét dạ dày nặng, đầu phải ung thư. Nay động dao kéo vào nó sinh ra di căn..."

...

Buổi khám bệnh kết thúc đúng vào lúc 10 giờ. Hai tiếng đồng hồ kịp yên lòng cho khoảng trên dưới 40 người may mắn. Những người khác tiếp tục chờ đến hôm sau, hôm sau, và hôm sau nữa, v.v... Cậu Tư và Cậu Ba phờ phạc đứng dậy, trật áo ra khỏi vai lau mồ hôi, một tay cầm chiếc quạt giấy quạt lấy quạt để. Đám đông vẫn từ tốn, trật tự kéo nhau rời khỏi mảnh sân. Không một tiếng năn nỉ, luật vậy rồi, năn nỉ cũng vô ích. Rất nhiều người chưa được khám, song không một gương mặt thất vọng. Tất cả rồi sẽ đến lượt. Chỉ một phút thôi. Nhưng để có được cái phút quý giá ấy, nhiều người đã phải ăn chực nằm chờ cả tháng trời...

Rồi cũng đến lúc tôi rời khỏi cái áp nhỏ bé chật chội và ô nhiễm ấy. Chiếc cầu xi măng cong cong bắc qua con kênh vừa trải qua một ngày đêm đã trở nên thân thuộc. Trước đây nó chỉ là cái cầu khỉ, người lớn phải cõng trẻ con qua. Ngay đầu cầu gắn một tấm biển đề

mấy câu “lục, bát” cực kỳ sai vắn:

"Qua cầu chậm bước ngắm nhìn.

Nhớ đời từ thiện ông bà Thọ, Thu"

Tôi được biết ông bà có tên Thọ và Thu ấy đã bỏ tiền xây chiếc cầu này. Nghe người ở đây bảo ông bà ấy là Việt kiều Canada. Ông được Cựu Tư chữa khỏi ung thư. Thỉnh thoảng về nước họ vẫn ghé thăm Cựu Tư. Dòng kinh đen ngòm vẫn lơ lờ trôi những rác rưởi, mảnh bao ni lông... Đứng trên cầu nhìn bốn phía, nhà trọ, quán hàng, quán cà phê, tạp hoá... cái thụt cái thò, chen vai thích cánh. Duy nhất có 1 dãy nhà trọ xây gồm 7 phòng, mái lợp tôn. Dân ở đây nhờ có Cựu Tư mà đã tự phát phát triển bao nhiêu dịch vụ. Hàng nghìn người bệnh rách rưới từ khắp nơi đổ về đây vì thế cũng có chỗ che mưa che nắng, có chỗ mua thức ăn, nước uống, mua than, mua củi sắc thuốc... Không thấy một dấu hiệu nào của cái chính quyền "của dân, do dân và vì dân" của địa phương này ở đâu, ngoại trừ việc trình giấy chứng minh nhân dân. Chợt nhớ chuyện thời nhà Chu bên Tàu. Cách đây hơn hai ngàn năm, các quan sở tại thời đó còn biết cất những nhà quán xá ở dọc đường để cho khách thập phương tam đạo có chỗ nghỉ phòng khi bị lỡ độ đường... Gần mười tám năm rồi, sao người dân nơi đây không “đầu tư” những phòng trọ cho tử tế một chút nhỉ? Câu trả lời tôi vừa nhận được từ một ông chủ nhà: "Đầu tư thì giá thuê mắc, người nghèo lấy đâu ra trả. Họ chỉ cần 1 chỗ nằm thôi. Vả lại, biết Cựu Tư còn được cái khả năng ấy đến lúc nào?" Tôi giật thót mình. Cựu Tư đến một lúc nào đó, có thể sẽ mất đi cái khả năng kỳ diệu ấy sao?

Con đường nhựa lại đưa tôi ra ngoài lộ. Nghe nói ngày trước nó chỉ là một con đường đất lầy lội. Ngay đầu đường cũng trồng một tấm

bằng đúc bằng xi măng, trên đó có ghi mấy câu thơ:

Từ giã nơi đây cổ nghẹn ngào.

Hết bệnh mạnh giỏi nghĩa ơn sâu.

Thân con nay còn - Cậu Tư giúp.

Ơn này mang nặng đến đời sau.

Phía dưới ghi tên họ những người đã góp tiền làm nên con đường này. Chẳng cứ gì họ. Ngay cả tôi, chứng kiến những kiếp người khổ đang trầy trụa, nhằn nhục chịu đựng dưới cái nắng nóng khắc nghiệt, trong những ổ chuột khổng lồ kia để cố níu kéo lấy sự sống của mình, nghĩ đến những gì đã chứng kiến từ hôm qua đến giờ, chính tôi cũng cảm thấy cổ họng nghẹn ngào. Trong óc tôi chợt hiện lên mấy câu thơ mộc mạc treo ngay nơi phát thuốc trong nhà Cậu Tư. Nghe nói mấy câu này là của Cậu Tư dành tặng Cậu Ba:

Bàn tay phục được uy linh.

Trần thân xả hết sức mình cứu nguy.

Phước này non biển đâu bì.

Tấm lòng quảng đại từ bi tuyệt vời.

Miền Tây, một ngày cuối tháng 4 năm 2007

Phạm Lưu Vũ

Chị Cả Bóng

Lời Giới Thiệu

Truyện ngắn Chị Cả Bóng xuất hiện đầu tiên trên báo Người Hà Nội, số ra ngày 8/6/05. Lập tức toàn bộ số báo bị tịch thu. Ông phó tổng biên tập cho in bài "nổi loạn" này bị mất chức. Tác giả đang bị công an hù dọa liên tục. Hiện tại số báo ngày 8/6 này đang được phô tô truyền tay nhanh chóng tại Hà Nội, vượt xa cả số phát hành chính thức là 2000 tờ. Những số báo đã lỡ gởi ra trước khi có lệnh tịch thu mà các đại lý nhanh tay giấu được ngay lập tức được bán với giá gấp 10 lần (20.000 đồng một tờ). Tại Sài Gòn nơi tác giả lấy bối cảnh để viết, giá lên gấp hai mươi, ba mươi lần.

Chiều tà, một người đàn ông phóng như ngựa phi nước đại về phía tây thành phố, nơi ấy có nhà tù với cái tên rất đẹp là "Hoà khí". Tới cổng gác, ông ta trình thẻ căn cước cho lính canh. Sau khi xem chứng minh thư, lính canh dẫn ông vào văn phòng nộp hồ sơ. Một người đứng tuổi đeo kính trắng nhận hồ sơ rồi bảo:

- Dẫn tới khu nhà chờ, đợi thẩm tra hồ sơ, ba tuần sau có kết quả.

Lính canh lại dẫn ông ta đi, khu nhà chờ gồm vài dãy nhà cấp 4 xập xệ và rêu mốc, rất đông người ở kín các gian phòng, đàn ông, đàn

bà, lớn bé, già trẻ, đủ cả... Điều kiện sinh hoạt rất tồi tệ song không ai ta thán, đơn giản họ chỉ ở lại đây có vài tuần. Từ khi lập ra khu nhà chờ này không lúc nào vui người. Ngày nào cũng có người đi lại, ngày nào cũng có người đến. Giống như người đàn ông kia, mọi người chờ thẩm tra hồ sơ, nếu đủ tiêu chuẩn sẽ được vào tù. Tiêu chuẩn đơn giản nhưng không phải không kỹ càng, chỉ những người lương thiện không dính tí lưu manh nào mới được vào tù. Tất nhiên lũ bất lương đừng hòng bén mảng tới.

Chẳng ai lấy làm ngạc nhiên, ở xứ xở này, không có chuyện gì là không xảy ra kể cả những chuyện ngược đời, đơn giản mọi người không những thích đùa mà còn đùa rất dai; 5 giờ rưỡi sáng, kỹ sư Hoàng thức dậy, vợ và đứa con trai mười tuổi của anh đang ngủ say. Đứa con gái 17 tuổi của anh đêm qua không về, chị giúp việc cũng đã dậy từ lúc nào, đèn dưới bếp hắt lên mấy vệt sáng le lói qua khe cửa. Mười phút cho việc vệ sinh cá nhân, 25 phút cho việc mở các loại cửa. Như mọi nhà trong thành phố, từ lâu anh đã biến căn hộ của mình thành một pháo đài. Các cửa sổ ngoài việc lắp chấn song bằng thép dày, còn được giăng ngang ba ống thép to bằng cổ tay, chia đều từ trên xuống dưới. Cửa đi cũng bằng thép đúc, bên ngoài dán một lớp gỗ mỏng. Tính từ trong ra đến cửa, còn năm lớp cửa như thế, tất cả đều có khoá đặc biệt, mỗi cửa gồm ba chiếc khác loại nhau. Mở đến lần cửa cuối cùng thì vợ con anh cũng vừa trở dậy. Những việc chuẩn bị cho một ngày mới diễn ra đã thành nếp. Sau khi dọn dò kỹ lưỡng chị giúp việc hai vợ chồng dắt xe đi làm. Chị kiêm thêm nhiệm vụ đưa con tới trường, chiều về ghé qua chợ mua thức ăn cho ngày hôm sau. Trước khi ra cổng, anh một lần nữa kiểm tra trên người vợ con xem có đeo bất cứ loại trang sức nào không, nhắc

vợ cẩn thận kéo bị cướp... Anh lại lần lượt khoá tất cả các cửa từ trong ra ngoài, trong lúc vợ đứng giữ xe. Đứng bên ngoài thò tay qua các lỗ cửa thực hiện những thao tác của người mù, mười phút nữa cho công việc ấy, xong xuôi vợ chồng con cái chia thành hai ngã phóng xe đi.

Kỹ sư Hoàng làm việc tại một cơ quan thiết kế gần trung tâm thành phố. Mới ngoài 40 mà tóc anh đã gần như bạc trắng, thằng con trai lớn 19 tuổi đang ở trung tâm cai nghiện, đứa con gái thứ hai 17 tuổi đua đòi chúng bạn bỏ cả học đi vũ trường thâu đêm, suốt sáng. Không phải vợ chồng anh không biết dạy con mà là bất lực. Con đường đời biết bao nhiêu cạm bẫy, nó gài khắp mọi nơi, mọi chốn, gài trên mỗi bước chân. Già đời chẳng chặc như vợ chồng anh, ngày nào cũng phải nhắc nhau từng tí một mà vẫn ngay ngáy lo rằng không biết lúc nào, cái bẫy nào sẽ ụp xuống mình đây ?

Kỹ sư Hoàng chợt lạnh người. Có tiếng còi nghe rợn tai, một cảnh sát giao thông bước quả quyết từ trên vỉa hè xuống đường vừa tuýt còi, vừa chỉ thẳng cái dùi cui vắn vện vào mặt anh, một cảnh sát khác ngồi vắt vẻo trên yên xe máy phân khối lớn sơn màu trắng. Chưa kịp hiểu mình có sai luật hay không anh vội đạp phanh, chiếc xe dừng tấp lại.

- Kiểm tra giấy tờ! Người cảnh sát vừa rút chiếc còi ra khỏi miệng vừa giơ tay lên mũ chào như một cái máy, vừa ra lệnh cho anh. Cầm giấy tờ của anh đưa cho anh cảnh sát ngồi trên chiếc xe phân khối lớn, anh cảnh sát ấy lại tiếp tục đút còi vào miệng cầm gậy trở xuống đường chọn bắt xe khác. Anh cảnh sát ngồi trên chiếc xe phân khối lớn, lướt qua đồng giấy tờ của một anh khác. Không nói năng anh ta đưa mắt ngó lơ đi chỗ khác như thể chờ ai đến đọc giùm. Cũng như

một cái máy, kỹ sư Hoàng dựng xe, móc bóp, rút ra một tờ đẹp để vuông vẫn có in hình lãnh tụ, bước tới chỗ anh ta.

Đến cơ quan, vừa kịp giờ làm việc, chuông điện thoại reo. Đầu dây bên kia là một thẩm phán toà án, người đang xử lý vụ kiện đòi nợ của cơ quan anh. Bằng một giọng rất lễ phép anh thẩm phán nhắc khéo anh rằng vụ kiện của cơ quan anh sẽ có thể bị đình chỉ vì phía anh chưa nộp chi phí cho việc thẩm tra. Nhân tiện anh ta nhấn rằng bữa nay chiều qua vì điện thoại cho anh không được mà anh ta và đám chiến hữu bên viện kiểm sát phải ký nợ nhà hàng một khoản kha khá, lúc nào anh ghé qua thanh toán giùm...

Chiều hôm đó về nhà, kỹ sư Hoàng chưa kịp mừng vì tin cô con gái đã trở về đang nằm bẹp trên gác thì đã nghe vợ mếu máo báo tin chiếc xe máy của chị bị cướp, mẹ con phải đi bộ về. Thực ra chị đã dối anh, chiếc xe máy đó chị đã buộc phải thế chấp để chuộc cô con gái từ cái động của một mục tử bà, vì cô còn nợ mục một khoản tiền vay mua son phấn với mức lãi 40% một ngày. Thế coi như cửa đi thay người. Kỹ sư Hoàng chưa kịp phát điên lên vì giận dữ thì may quá nhà có khách. Ông trưởng khu phố và mấy cán bộ của Ủy ban lưỡng lự bước vào:

- Chúng tôi đến nhắc anh về khoản đóng góp xây nhà tù - Ông trưởng khu vào đề ngay, - nhân tiện báo để anh biết tháng trước có xe chở vật liệu đến đây, anh đã thuê thợ sửa nhà mà không xin phép. Ủy ban đã nắm được việc này, nếu anh không thu xếp ngay thì sẽ bị lập biên bản thu giữ giấy tờ nhà, giấy tờ đất.

Kỹ sư Hoàng ngó ra, quả thật tháng trước anh có thuê thợ lắp thêm một lần cổng nữa, phải xây mấy mét vuông tường, tường việc nhỏ, không phải xin phép, ai ngờ... Thôi đành "thu xếp" cho mấy vị trong

Ủy ban, nhưng còn khoản đóng góp xây nhà tù?

- Can phạm bây giờ nhiều quá ông trưởng khu phố giải thích. Đấy anh xem, trong nhà gặp lưu manh, ra đường đụng kẻ cướp, đủ các kiểu ăn cướp; rồi còn lũ ăn trộm, lừa đảo cho vay nặng lãi, nhà tù nào cũng chật ních, phải xây thêm. Ngân sách không kham nổi phải áp dụng phương pháp "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Phố ta được giao chỉ tiêu góp vốn xây 500 mét vuông nhà tù, thế mà ngẫm lại vẫn chưa đủ cho số tội phạm của chính phố ta đang nằm trong đó, chưa kể số sắp phải vào tù nay mai...

Đoàn cán bộ khu phố về được một lúc thì lão Tiến cụt giò đến, đó là một lão già vô tích sự nhà kế bên. Lão bị cụt một bên giò từ hồi chiến tranh, giò sống bằng số tiền thương tật, thỉnh thoảng con cháu dăm dúi gặp chẳng hay chớ cho thêm. Suốt ngày chẳng làm trò gì, chỉ hay la cà hết nhà này đến nhà khác kiếm câu chuyện làm quà. Nhà kỹ sư Hoàng là một trong những nơi lão hay mò đến. Lão dờ hơi ấy liền thoảng như thể đã tỏ tường mọi chuyện:

- Họ đến đòi tiền đóng góp xây nhà tù phải không? Anh kỹ sư này tôi nói anh xem có đúng không nhé: làm người lương thiện bây giờ vất vả quá, phải góp tiền xây nhà tù cho bọn bắt lương ở, lại còn phải nai lưng nuôi chúng nữa, trong khi bọn lưu manh ngày càng chiếm đa số, người lương thiện ngày càng giảm đi. Biết đâu đến một lúc nào đó, những nhà tù kia mới chính là địa chỉ mà người lương thiện cần đến cho mình. Khi ấy tất nhiên bọn lưu manh tha hồ ở ngoài, vì lương thiện bây giờ đâu có nhiều nhận gì, vừa bắt chính bọn chúng phải nai lưng ra làm đề nuôi người lương thiện, như thế có phải là công bằng không ?

Kỹ sư Hoàng phì cười vì cái lý sự ấy của lão Tiến cụt, vừa lúc ấy,

chuông điện thoại trong nhà đổ dồn, vợ anh nghe xong, mặt tái mét ra báo tin dữ:

- Anh tới ngay bệnh viện Chúng Sinh. thằng Phúc con chị cả bị cướp giật té xe, chấn thương sọ não đang nằm cấp cứu trong ấy.

Chị Cả Bống là chị gái kỹ sư Hoàng ở dưới quê, anh chị có ba thằng con trai thì hai thằng lớn theo bố làm nghề xin đều kiêm trấn lột ở bến đò Đuôi Cáo bị đâm lòi ruột, chết cả ba bố con từ năm kia. Cũng là cái số thôi. Làng khối người làm nghề ấy hoặc hao hao nghề ấy mà có sao đâu, chỉ thỉnh thoảng lại thấy đi ở tù, vài năm về còn lưu manh hơn trước. May còn lại một mình thằng út tên Phúc ngoan, hiền, học giỏi. Năm ngoái đỗ đại học lên ở ký túc xá. Nó thương cậu mợ Hoàng nghèo nên không muốn nhờ vả. Chị Cả bán hết mảnh vườn còn lại sắm cho nó cái xe máy cũ làm phương tiện đi lại. Hôm ấy đang làm cỏ ngoài đồng có người gọi về cái trạm điện thoại công cộng ở đầu làng báo tin nó bị nạn. Chị nghe nhẩn lại mà muốn quy luôn xuống ruộng. Vội vã chạy về nhà, chị vét vội mấy bơ lạc, bơ gạo nếp cho vào mấy cái bao ruột tượng tất tả chạy ra bến đò Đuôi Cáo. Vừa mới mon men gạ bán ở các hàng quán quanh đó, bất ngờ gặp mấy anh quản lý thị trường, chị bị bắt vào trụ sở. Lạy van thế nào họ cũng không nghe, còn dẫn hết "nghị định 01" đến "thông tư 04" giở ra đọc sang sảng vào hai cái tai đã chỉ còn nghe thấy tiếng lùng bùng của chị. Kết quả mấy bơ lạc ấy bị tịch thu vì lý do bao bì không có nhãn hiệu hàng hoá!

Thật khốn khổ cho chị, chỉ do cuống lên vì đứa con cuối cùng còn sót lại đang gặp nạn, muốn bán tổng bán tháo mấy món tài sản ít ỏi ấy cho thật nhanh để lấy tiền đi xe lên thành phố. Chứ có phải chị buôn gian bán lận gì đâu ? Còn tiền thuốc thang, nói đại, nếu nó bị nặng

chị chưa biết sẽ trông vào đâu, một viên thuốc cảm bằng cái cúc áo bây giờ giá bằng ba bốn cân thóc. Giờ thì ngay đến việc lên nhìn mặt con cũng bị chặn đứng lại rồi. Không có tiền ai người ta cho chị đi xe hàng trăm cây số? Càng nghĩ chị càng quỳnh quáng chân tay, cuống cuống, đứng chôn chân một chỗ, đầu óc mụ đi, mắt ráo hoảnh, vô hồn nhìn phía trước như một bức màn sương... bỗng từ trong cái màn đục lờ ấy, một bóng trắng hiện ra quằn quại, máu bê bết hiện ra chập chờn lúc xa xa, lúc ập ngay trước mặt, gió lạnh quất gai người. Phảng phất mùi tanh của máu tươi. Tai chị nghe rõ ràng tiếng kêu cứu của đứa con trai. Chị bàng hoàng nhận ra đó là tiếng rên từ địa ngục, tiếng của một âm hồn không còn ở cõi nhân gian này nữa:

- Mẹ ơi, con chết rồi. Họ đang mổ bụng con. Mẹ ơi...

Chị cả Bóng hốt hoảng lao tới, giơ hai tay tóm lấy bóng con, chột cái bóng như có người giằng lấy, chập chờn quăng qua quăng lại trước mặt chị rồi mờ dần mờ dần, vẫn còn ri rỉ tiếng kêu cứu của oan hồn, rồi tắt cả lịm đi. Cả tiếng kêu cứu lẫn cái bóng máu me chột tắt ngấm bởi một tràng cười ré lên sáng sặc như của lũ ma quỷ nhưng không phải vọng lên từ địa ngục, tiếng cười ấy rõ ràng đang ở cõi nhân gian hiện hữu này...

Chị cả Bóng sau này phát điên không về làng nữa, cứ lê la liếm láp ở quanh cái bến đò có cái tên rất ấn tượng là bến đò Đuôi Cáo ấy.

Nhưng chị không điên ngay lúc đó, có người chứng minh là sau khi ra khỏi trụ sở ban quản lý thị trường chị vẫn còn tỉnh táo nhớ ra trong người còn sót mấy đồng tiền lẻ. Chị lần vào trạm điện thoại công cộng gọi điện báo cho cậu em trai. Đó là tất cả những gì chị làm được cho đứa con. Sau đó chị mới phát điên.

Kỹ sư Hoàng đến bệnh viện Chúng Sinh thì trời đã tối. Tìm tới phòng

cấp cứu, anh hỏi thăm nạn nhân tên Phúc, cô hộ lý mặc blu trắng bảo:

- Biết ai là phúc với họa gì ở đây. Đi mà hỏi trực ban.

Phòng cấp cứu rộng mênh mông, đầy những giường là giường, giường nào cũng ít nhất hai người nằm trở đầu đuôi. Đủ các kiểu tai nạn, vỡ đầu, gãy chân, lòi ruột, lòi xương. Ánh đèn nê ông trắng bệch soi loang lổ những máu me bông gạc. Nồng nặc một thứ mùi vừa tanh tanh máu, vừa ngầy ngậy thuốc tây. Bóng những blu trắng đi qua lại giữa các giường như ma trôi. Làm sao nhận ra đứa cháu bấy giờ ?

Kỹ sư Hoàng vội vã đến phòng trực ban. Phòng trực ban cấp cứu nằm cuối dãy hành lang đầy những kẻ nằm người ngồi vạ vật rất chi là bệ rạc. Trong phòng có mấy người cũng mặc blu trắng đang chụm đầu bàn bạc nhỏ to:

- Cái mật hôm trước bán vội quá. Ngay hôm sau có người tới trả cao hơn cả chục triệu, tiếc đứt ruột - một người nói

- Cái này đếch bán nữa, đem ngâm rượu. Hũ rượu trước hết con mẹ nó rồi. Mấy lão hen suyễn kinh niên uống vào là khỏi, để giành bán cho các lão ấy. Gớm họ vừa chi tiền vừa cảm ơn rồi rít ấy chứ - một người khác nói

- Thôi được rồi! Người thứ ba nói - các ông xuống làm ngay đi, thằng này căn cước ghi rõ ràng: 19 tuổi. Đã kiểm tra, đảm bảo còn nguyên dương (đàn ông chưa xuất tinh lần nào) chết do chấn thương sọ não vừa được mấy phút. Cái mật này mới tuyệt hảo, để quá hai tiếng có mà hỏng mẹ nó cả chì lẫn chài. Đã điện thoại cho bên công an rồi, họ bảo cứ mỗ đi, có gì đừng "quên" họ là được.

Hai người kia vội vã đứng dậy lao nhanh ra khỏi phòng, vừa lúc ấy kỹ

sư Hoàng bước vào:

- Bác sĩ làm ơn cho hỏi thăm nạn nhân tên Phúc, 19 tuổi, sinh viên năm thứ hai, nghe nói bị chấn thương sọ não có cấp cứu ở đây không, nằm giường số mấy? Tôi là cậu ruột cháu - kỹ sư Hoàng vừa hỏi vừa tự giới thiệu

Anh bác sỹ còn lại trong phòng thoáng một chút giật mình. Anh ta làm như nghĩ ngợi điều gì rồi ngập ngừng:

- Tên Phúc, sinh viên, 19 tuổi.. A... anh... à bác ngồi chờ cháu một lát.

Linh cảm thấy có gì nghiêm trọng xảy đến với đứa cháu, lại cứ tưởng anh bác sỹ kia vì thông cảm với nỗi đau của mình mà chưa nỡ nói ngay. Kỹ sư Hoàng vừa lo sợ vừa cảm động nhìn anh bác sỹ đang cúi gằm mặt, tay lần giở một cuốn sổ to tướng chậm rãi lần một hồi. Mồ hôi đã toát ra lấm tấm trên khuôn mặt đỏ như gà chọi, anh bác sỹ chợt ngẩng lên bảo:

- Trong sổ này không thấy có tên Phúc. Bác ngồi đây chờ cháu đi lấy sổ khác. Nhớ là đừng đi đâu đấy.

Nói xong anh ta gấp sổ rồi vội vã ra khỏi phòng, không quên đóng sập cửa lại. Còn một mình trong phòng, kỹ sư Hoàng lòng như lửa đốt. Bỗng chuông điện thoại reo vang, một hồi, hai hồi... chừng như người đầu dây bên kia có việc cần gọi cho bằng được. Kỹ sư Hoàng do dự giây lát rồi nhào người với lấy cái ống nghe, định nói cho bên kia chờ lát nữa gọi lại. Vừa áp ống nghe lên tai, kỹ sư Hoàng chợt nghe ngay một giọng nói dần từng tiếng:

- Trục ban cấp cứu phải không ? Bảo với pháp y rằng cái mật lần này tuyệt đối không được bán nghe chưa! Chú Sáu bên Ủy ban đăng ký rồi đấy.

Kỹ sư Hoàng chưa kịp hiểu mô tê ra sao thì người đầu dây bên kia đã dập máy. Sau khi định thần suy nghĩ kết hợp với mấy câu cuối nghe được loáng thoáng lúc mới bước vào phòng, kỹ sư Hoàng chợt lạnh người với một nỗi nghi ngờ. Anh với cuốn sổ lúc nãy mở ra. Ngay giữa trang cuối cùng, rõ ràng có tên nạn nhân Nguyễn Hồng Phúc, 19 tuổi, sinh viên, té xe, nhập viện lúc... giờ... ngày - người đưa đến: Phạm văn A - bạn cùng lớp. Bỗng cánh cửa sịch mở, anh bác sỹ khi nãy ulla vào. Nhìn thấy cuốn sổ trên tay kỹ sư Hoàng, anh ta thoáng một giây bối rối rồi lập tức liên thoáng:

- Cháu quên không đọc trang cuối, đúng là có...

Anh ta chưa kịp nói hết câu kỹ sư Hoàng đã ngắt lời:

- Tôi biết hết rồi, anh không phải giải thích

Rồi chẳng muốn nói gì thêm, nữa kỹ sư Hoàng ném trả cuốn sổ, hấp tấp lao nhanh ra khỏi phòng, anh bác sỹ hé cửa ngó theo, hơi lắc đầu, mím một nụ cười ý nhị rồi đóng cửa lại, ung dung quay vào.

Chuông điện thoại lại reo, anh ta cầm lấy ống nghe:

- Dạ... dạ... à thế ạ... Báo cáo, xong xuôi cả rồi ạ. Thế thì chú nói chú Sáu chuẩn bị rượu tốt để ngâm, cháu sẽ bảo anh em mang sang ngay bây giờ ạ.

Kỹ sư Hoàng xuống đến nhà xác thì Phúc đã nằm trong ngăn lạnh. Một không khí thê lương sặc mùi tử khí. Nền nhà vương đầy những bó nhang cụt, những cục nến gãy, những mẩu giấy tiền vàng mã... làm quang cảnh nơi đây giống như vừa xảy ra một vụ cướp. Viên quản lý nhà xác nghe trình bày, quan sát anh từ đầu đến chân bằng cặp mắt âm u như cặp mắt quỷ rồi chẳng nói chẳng rằng, ông ta lừ lừ tiến đến kéo một ngăn tủ ra. Kỹ sư Hoàng lạnh toát người nhìn trân trân cái xác... "Đúng thẳng Phúc rồi, chị Cả ơi, khổ thân chị quá"...

Không giữ nổi bình tĩnh, anh khụy xuống gục đầu vào ngăn tủ. Mùi máu tanh tươi ập vào giác quan. Anh chợt tỉnh, ngẩng phắt lên, lấy tay lật mạnh áo trước bụng đứa cháu... một vết mổ cầu thận còn chưa khít miệng với mấy mũi khâu vội vàng, dùm đó :

- Các người đã mổ cháu tôi... các người đã... Tôi sẽ kiện, kỹ sư Hoàng gào lên trong nước mắt

- Híc... viên quản lý nhà xác cất tiếng, giọng cũng âm u như phát ra từ bụng gã – Tha hồ cho ông kiện, tất cả những cái chết bất đắc kỳ tử thế này đều phải mổ hết, luật pháp quy định như vậy. Hừ có mà điên mới đi kiện luật pháp. À mà tôi đã vi phạm nội quy khi cho ông xem xác, lấy gì chứng minh ông là người nhà bây giờ? Mời ông đi khỏi đây.

Nói xong gã đưa tay đóng sập ngăn tủ lại

- Nhưng tôi... kỹ sư Hoàng chứng hững... vậy còn cháu tôi?

- Trước hết phải có giấy tờ chứng minh ông là người nhà của nạn nhân đã, rồi sau đó phải làm đầy đủ thủ tục mới mang được lấy xác ra khỏi đây. Mà ông định cõng xác trên lưng mang về hay sao? Viên quản lý lạnh lùng phán.

Kỹ sư Hoàng có vẻ hiểu ra những việc cần làm, anh thất thểu bước ra khỏi nhà xác gọi điện về nhà bảo vợ chuẩn bị căn cước, sổ hộ khẩu lên phường xin giấy chứng nhận rồi tìm đến một tiệm bán quan tài. Ông chủ tiệm quan tài có tên "Nhân nghĩa đường" hăng hái đón khách. Chỉ vào đồng quan tài đủ các kiểu loè loẹt đang bày la liệt, bảo kỹ sư Hoàng:

- Tùy bác chọn cái nào thì chọn. Bác cho biết địa chỉ, số nhà, giờ khâm liệm... chúng tôi sẽ cho người đến lo liệu.

- Không phải liệm ở nhà mà là ở nhà xác bệnh viện chúng sinh. Kỹ

sư Hoàng ngắt lời

- Thế thì không được rồi. Ông chủ Nhân nghĩa đường lắc đầu - tôi không bán được cho bác đâu, cũng không làm gì được hết.

- Tại sao lại như thế ? Kỹ sư Hoàng kinh ngạc thốt lên ?

- Chắc đây là lần đầu tiên nhà bác có người chết ở bệnh viện - ông chủ Nhân nghĩa đường giải thích - bệnh viện có luật của họ, muốn lấy được xác ra phải có cửa. Quan tài mua tiệm nào do họ chỉ, khâu liệm, ma chay... tất tần tật do người của họ làm hết. Có thể họ mới ăn chứ, độc quyền mà.

- Té ra phải như vậy. Kỹ sư Hoàng cay đắng nghĩ rồi rời khỏi tiệm "Nhân nghĩa đường". Quay lại chỗ nhà xác chờ một lúc lâu thì vợ anh mang giấy tờ tới. Máy đưa bạn học của Phúc biết tin cũng đã tìm đến, mang theo nhang hoa và trái cây. Lúc này đêm đã gần khuya, mắt đỏ hoe vợ anh meo meo:

- Ôi anh ơi, vẫn chưa thấy tăm hơi chị cả đâu, em đến nhà ông chủ tịch nói mãi ông ấy mới ký cho cái giấy chứng nhận, lại vừa đóng lệ phí, vừa bồi dưỡng hết mấy trăm. Cháu nó nằm đâu để em vào thắp nén nhang cho cháu.

Kỹ sư Hoàng dẫn vợ và đám bạn của Phúc vào, trình mớ giấy tờ cho viên quản lý.

Gã này sẫm soi một lát rồi lắc đầu:

- Không được, trường hợp này công an còn phải điều tra, vả lại khi này ông còn định kiện tụng gì nữa cơ mà? Sáng mai đến giải quyết. Chẳng lẽ để đưa cháu lạnh lẽo qua đêm không một chút khói nhang an ủi linh hồn ? kỹ sư Hoàng lúc này đã mệt mỏi hết tinh thần, gạt què cả ý chí, anh chỉ còn biết vót vát như một cái máy:

- Tôi xin ông, ấy là tôi chót nhớ mồm. Tôi không kiện tụng gì đâu. Mọi

việc giao cho các ông "lo" hết. Chỉ mong sao mang cháu về nhà...

- Vậy thì về viết cam đoan đi, viên quản lý hạ giọng - nhưng cứ phải sáng mai mới giải quyết. Không có giấy của công an thì bố tôi cũng không dám giao xác cho các người.

Sáng sớm hôm sau. vừa thò mặt đến cổng nhà xác bệnh viện Chúng Sinh đã có mấy kẻ mặt mũi rất chi là khả nghi túm lấy kỹ sư Hoàng.

- Xác của bác là xác tai nạn giao thông phải không ? Giá chót tám triệu, chúng em lo mọi thủ tục chiều lấy xác ra... quan tài khâm liệm 12 triệu nữa bao trọn gói - một người trong bọn bảo

- Tại sao lại phải đến chiều ? Làm ngay trong sáng nay không được sao ? kỹ sư Hoàng hỏi lại

- Hì các bác này đúng là chưa "chết" hẳn nào. Phải đợi công an người ta hoàn tất hồ sơ chứ... một người khác giải thích - mà chúng em phải đưa bác đến làm tờ khai, chiều lấy được là còn nhanh, với điều kiện phải có bồi dưỡng... không thì cứ đợi đấy.

Đám người ấy quả là thạo việc, rốt cục chiều hôm ấy kỹ sư Hoàng cũng đưa được xác đưa cháu về nhà sau khi đã được khâm liệm cẩn thận. Vẫn không thấy bóng dáng chị cả đâu, linh tính xảy ra chuyện chẳng lành, kỹ sư Hoàng bàn với vợ cùng mấy đứa bạn của Phúc trông nom nhang khói, để anh về làng đón chị Cả lên.

Có mấy kẻ lạ mặt lảng vảng ngoài cổng nghiêng ngó hỏi thăm, mấy đứa bạn của Phúc chạy ra nghe ngóng rồi vào báo:

- Mấy thằng cò nghia địa bác ạ. Nó bảo đất chôn mặt tiền lối đi là 12 triệu, phía trong tám triệu, chưa kể tiền lo giấy phép chôn và công đào huyệt lấp đất xây mộ, tùy theo to nhỏ tính riêng. Nếu túng tiền thì chôn đứng. Chôn đứng rẻ hơn một nửa, tất nhiên đất rộng chỉ bằng 1/3. Nghĩa địa bây giờ khối người phải chôn như thế, thành ra đầy

những ma đứng, linh hồn đứng, đứng vĩnh hằng.

Vội vã phóng về quê, kỹ sư Hoàng hoảng hốt lạnh người khi hàng xóm bảo chị Cả Bống đã lên thành phố từ chiều hôm qua, mấy nhà khác thấy anh về đổ đến hỏi thăm. Có người chợt nhớ ra bảo:

- Sáng nay đi chợ thấy ở bến đò Đuôi Cáo có ai nhang nhác bác Cả Bống ấy. Hay là bác sang tìm thử xem.

Không kịp suy tính, kỹ sư Hoàng vội vã lao sang bến đò, tìm khắp các hàng quán hỏi thăm, ai cũng lắc đầu. Chợt anh nhìn thấy dưới bờ sông sát mép nước, một người đàn bà đầu tóc rũ rượi đang ngồi ném những nắm cát xuống dòng sông... kỹ sư Hoàng vừa nghi hoặc, vừa thận trọng tiến lại gần... "Ai như chị Cả?" Anh cất tiếng gọi... một tiếng, hai tiếng... Người đàn bà chợt quay phắt lại... Đúng là chị, chị nhìn anh với đôi mắt thất thần, khuôn mặt răn reo, lem luốc cát. Bống chị lão đảo lao đến, ôm chầm lấy anh, gào lên nức nở:

- Ôi! Con ơi, con về với mẹ đây rồi, người ta cướp cái gì của con, con chết có đau không? Con về đây báo oán mẹ... mẹ không đến được với con... con ơi

Cứ thế chị gào mãi, gào mãi, tiếng gào rộn cả một khúc sông. Kỹ sư Hoàng hai tay nâng khuôn mặt chị, miệng hoảng hốt nhắc đi nhắc lại : - Em đây mà, Hoàng đây mà!

Song chị đâu có nghe, đâu có thấy, chỉ một mực gào tên con... dần dần tiếng chị khản đặc chỉ còn như tiếng thở lò phào... Người chị bỗng lả đi, từ từ khụy xuống. Kỹ sư Hoàng quỳ xuống theo, hai chị em ôm nhau quỳ trên bãi cát, hoàng hôn bắt đầu buông, trăng chiều rực lên đỏ thắm. Qua màn nước mắt, anh cảm thấy tất cả không gian như chìm trong biển máu, bên tai anh chợt vọng lên văng vẳng giọng nói của lão Tiến cụt hôm trước:

- Làm người lương thiện bây giờ vất vả quá... biết đâu đến một lúc nào đó những nhà tù kia mới chính là địa chỉ mà người lương thiện cần đến cho mình

Phạm Lưu Vũ

Chuyện xảy ra từ cái thời loạn lạc

Chuyện xảy ra từ cái thời loạn lạc, thật giả tít mù.

Làng Văn Mộng tục gọi là làng Cóc có mấy anh rách việc thích lập ngôn, lập tự, xưng là những “tục sĩ”, hay ngồi quán rượu tán gẫu. Quán nằm ngay ngã tư, bốn hướng đều là đường cái, thành ra ngồi đó được chứng kiến khối kẻ qua, người lại. Người ta qua lại thì mặc người ta, đừng ngựa mồm làm gì. Nhưng khốn nỗi mấy “tục sĩ” này lại không thể, cứ nhòm thấy gì lạ là lại hét toáng lên, rồi chỉ trỏ, cười chê với nhau ra tuồng khoái chí lắm. Chẳng hạn thấy một người trán hói, đeo kính trắng, tay cầm một chiếc cặp to tướng, trông rất đáng thầy giáo đang đi sang phía Đông. Các “tục sĩ” vừa trỏ vừa tán. Cứ một câu “thực” lại đến một câu “luận”... Một anh nói:

- “Thế kia mà cũng làm thầy”

Anh khác vừa cười vừa phụ họa:

- “Thảo nào thiên hạ cứ đẩy người ngu”

Lại thấy một ông cao lớn đầu nhẵn thín, lông mày rậm, cặp ô đi phăm phăm về phía Tây. Một anh cười chảy cả nước mắt, vừa cười vừa

nói oang oang:

- “Thế kia mà cũng đi tu”

Một anh khác hơn hử tiếp lời:

- “Trách nào mẹ đĩ lộn mu ra ngoài”...

Kết quả tối về nhà, anh nào anh nấy mồm sưng vếu lên hết lượt, có anh còn bị gãy cả răng. Vợ thấy thế bèn hỏi: “làm sao đến nông nỗi này?” – trả lời: “bị người ta vả”. Lại hỏi: “tại sao vả?” – trả lời: “tại cười người ta.” Vợ bảo: “thế thì vả là đáng lắm. Nên nhớ con người ta là chỗ chỉ có thể khen, không có thể cười chê được.”

Mấy “tục sĩ” thấm thía bài học ấy lắm. Bèn rút kinh nghiệm, một hôm lại rạch việc đúng cái chỗ ngã tư ấy. Lần này thì không dám cười chê gì nữa, mà bảo nhau vừa ca ngợi, vừa khen lấy khen để. Chẳng hạn nhìn thấy một ông mồm rộng, răng lớn đang đi xuống phía Nam, các “tục sĩ” bèn xuýt xoa khen ngợi. Nhưng lần này thì cứ một câu “luận” lại đến một câu “kết”... Một anh nói:

- “Mồm kia mới thực dẻo dai”

Anh khác tiếp lời:

- “Răng kia mới thực thiên tài... gặm dân”

Bất chợt lại trông thấy một ông mặt to, bụng phệ đi lên phía trước.

Một anh nói:

- “Mặt kia vĩ đại như thần”

Một anh khác nói:

- “Bụng kia mười thước thì... phân cả mười.”...

Lại kết quả tối về nhà, anh nào anh nấy không những sưng mồm, gãy răng hết lượt, mà còn học cả máu mồm máu mũi ra nữa. Vợ thấy thế lại hỏi: “làm sao đến nông nỗi này?” – trả lời: “bị người ta tát”. Lại hỏi: “tại sao tát?” – trả lời: “tại khen người ta.” Vợ bảo: “thế thì tát là

còn may đấy. Đời không có gì đáng khen. Vậy mà cứ ra rả khen thì có khác gì chửi đổng...”

Lần này thì các “tục sĩ” không phục lắm cái bài học ấy của vợ. Bụng cứ thắt mắc mãi. Cười không được, khen cũng không được, thế là nghĩa lý gì. Chợt nhớ lão chủ cái quán rượu ấy. Lão ở ngay chỗ ngã tư đường cái, chúng kiến không biết bao nhiêu việc lạ. Mà lão cũng là con người, tránh sao cho khỏi có lúc ngứa mắt, rồi mồm. Vậy mà lão không hề bị ai vả, ai tát. Mồm mũi quanh năm vẫn lành lặn, nguyên si... là có làm sao. Bèn rủ nhau đến hỏi nguyên do. Lão chủ quán nghe xong thì bảo:

- Các anh há lại không biết rằng con người bây giờ còn thiêng hơn cả thần thánh, ma quỷ hay sao? Lão cả đời ở chỗ ngã tư này, hai mắt tuy thao láo đấy, nhưng đã luyện được phép... không nhìn thấy gì. Vả lại các anh cười hay khen gì thì cứ việc. Hà có gì lại diễn ra... thơ.

Trong khi thơ là một thứ hiểm nguy chứ không phải tầm thường. Cười ra thơ thì dẫu có “giả” người ta cũng tức, khen ra thơ thì dẫu có “thực” người ta cũng nghi... Huống chi cuộc đời bây giờ đối với cái chuyện văn chương thơ phú, có khác gì ăn cá mà lại mắc chứng hóc xương, cứ thấy ở đâu có chữ nghĩa là người ta phải nâng cao cảnh giác. Nhưng thôi, nói nhiều cũng vô ích. Các anh đã không luyện được phép “không nhìn thấy gì” như lão thì hãy cho lão hỏi. Chẳng hay các anh cười bằng cái gì?

Các “tục sĩ” nhìn nhau ngạc nhiên, bụng nghĩ lão này chắc lên cơn hâm hay sao mà hỏi lạ vậy. Song vẫn trả lời:

- Chúng tôi cười bằng mồm.

Lão chủ quán rượu “hừ” một tiếng rồi bảo:

- Thế thì phải rồi. Đời bây giờ mà cười chê người ta bằng cái mồm

cha sinh mẹ đẻ của mình, thì có bị gãy răng cũng là còn may. Phải cười bằng “khuôn” mới được. Trên đỉnh ngã tư này có cửa hàng bán một thứ gọi là cái “khuôn cười”. Khuôn chỉ một cỡ, nhưng vừa cho tất cả bàn dân thiên hạ. Vì thế không cần phải đo mồm. Các anh cứ đến đấy mà mua. Từ nay muốn cười ai thì cứ chụp cái “khuôn” ấy vào mồm rồi tha hồ mà cười. Cười khùng khục, cười ra chữ nghĩa hay thơ văn gì càng tốt. Tiếng tuy có bị méo đi song người khác nghe rất vừa tai, không ai thêm động lòng.

Các “tục sĩ” nghe lời, bèn tìm đến cửa hàng ấy mua mỗi người một cái “khuôn cười”, đem chụp vào mồm rồi cười thử. Quả nhiên nghe lạ hẳn đi, không ai nhận ra tiếng của mình trước đây nữa. Lại phải nắn mồm sao cho đúng với hình dáng của cái khuôn, quá một tí là bị ngay những mũi kim chích vào hai mép đau điếng. Kết quả chỉ phát ra những tiếng lí nhí, êm ru như muỗi kêu. Giải quyết xong chuyện cười. Các “tục sĩ” quay lại hỏi lão chủ quán:

- Cười phải có “khuôn” thì được rồi. Thế còn khen thì sao?

Lão chủ quán rượu hỏi:

- Chẳng hay xưa nay các anh khen bằng cái gì?

Các “tục sĩ” trả lời:

- Thì... cũng bằng mồm đấy thôi.

Lão chủ quán rượu lại “hừ” một tiếng rồi bảo:

- Thế thì càng không được. Cái mồm cha sinh mẹ đẻ của bọn “tục sĩ” các anh, vốn thật giả khó lường, khen với chửi nhiều khi không phân biệt được. Vì thế khen mà vẫn bị hộc máu mũi ra là còn may đấy.

Khen cũng phải nắn lại mồm. Nhưng không dùng khuôn, mà dùng “rọ”. Ở cửa hàng ấy cũng có bán thứ đó, gọi là cái “rọ khen”. Rọ cũng chỉ một cỡ, nhưng cũng vừa với tất cả bàn dân thiên hạ. Các anh

đến mua đi rồi muốn khen ngợi ai, khen cái gì, cứ chụp cái “rọ” ấy vào mồm thì tha hồ mà khen. Có dùng đến chữ nghĩa cũng chẳng sao, càng khen ra nhiều văn, nhiều thơ càng tốt. Có thể người ta mới yên tâm, mới sướng tai nghe những lời khen của các anh được. Các “tục sĩ” nghe nói, lại lập tức đến cửa hàng ấy mua “rọ khen”. Kích thích của cái “rọ khen” này cũng hao hao cái “khuôn cười”. Nhưng lại có những lỗ mắt cáo y hệt cái rọ thường chụp vào mồm chó để phòng cắn càn. Quả là an toàn cho tất cả mọi người. Bèn chụp “rọ” vào mồm, rồi anh nào anh nấy thử ngâm nga mấy câu ca ngợi. Quả nhiên giọng tuy cũng lạc hẳn đi nhưng nghe rất du dương, dễ chịu.

Từ đấy, các “tục sĩ” làng Cóc anh nào cũng thử sẵn một chiếc “khuôn cười” và một chiếc “rọ khen”, coi như hai thứ “bảo bối” trong người. Ông chủ cửa hàng bán “khuôn cười” và “rọ khen” ở đỉnh ngã tư ấy là người vừa nghĩ ra mẫu mã vừa đọc quyền phân phối, nên càng ngày càng phát đạt ra trông thấy.

Cũng từ đó trở đi, mồm mũi các “tục sĩ” luôn luôn lành lặn, không còn lo bị sưng vếu, bị gãy răng hay học máu tươi như trước nữa. Về sau, các “tục sĩ” còn rủ nhau lập thành “hội”, có nội quy, điều lệ đảng hoàng, lại bầu ra hội trưởng, hội phó hẳn hoi, gọi là: “Hội Tục sĩ làng Cóc”.

Hội vài năm họp một lần, mỗi lần họp vui như đám mỗ bò, lại cũng bầu bán rất ghê. Hội kết nạp hội viên thoải mái, ai vào cũng xong, chỉ cốt có tí “tục”, kèm theo... một bữa nhậu là được. Tiêu chuẩn quan trọng duy nhất là phải sắm cho bằng được hai thứ “bảo bối” ấy ở cửa hàng độc quyền của ông chủ ở đỉnh ngã tư kia.

Phạm Lưu Vũ

Có một cái khó giữ được, đó là lương tâm.

Không biết từ bao giờ, con người cứ không ngớt tranh luận, rằng Chúa hay Quỷ sứ, bên nào cần hơn. Phe cho rằng Chúa cần thì luôn luôn trưng ra bằng chứng về sự thông thái tuyệt vời, hơn hẳn Quỷ sứ của Chúa.

Câu chuyện như sau :

Một hôm, Chúa bảo với Quỷ sứ.

- Nào! chúng ta hãy tiếp tục cuộc tranh luận đi.

Quỷ sứ bèn dẫn Chúa đến một xứ sở nọ, lẳng lặng dán vào mỗi trái tim của mỗi con người ở đó một miếng lương tâm bé bằng đầu ngón tay xinh xắn, chói lọi. Lập tức:

Những gương mặt hung dữ vụt trở nên hiền lành

Lác đác vài gương mặt hiền lành vụt trở thành thánh thiện

Những bàn tay đang thò vào túi người khác vội vàng dặt lại

Những khẩu súng giương lên chuẩn bị bóp cò bỗng nhiên hạ xuống

*Những gã đầy tớ to béo bỗng trở nên thon thả và vô cùng tử tế
Những ông chủ gầy còm bỗng béo tốt và hết sức hân hoan*

Cuộc đời đang là thiên đường đối với lũ bịp bợm,

*thoắt cái trở thành địa ngục
Đang là địa ngục đối với dân lành,*

lập tức biến thành chốn thiên thai...

Quỷ sứ đắc thắng trước cái kết quả ấy, bèn quay lại hỏi Chúa:

- Thế nào ?

Chúa tỉnh bơ:

- Chẳng thế nào cả. Hãy xem lại đi ?

Quỷ sứ quay phắt lại và há hốc mồm kinh ngạc. Tất cả đã lập tức trở lại như cũ.

Chỉ thấy:

Những gương mặt hung dữ

Lác đác vài gương mặt hiền lành

Những bàn tay đang thò vào túi người khác

Những khẩu súng giương lên chuẩn bị bóp cò

Những gã đầy tớ to béo và rất lưu manh

Những ông chủ gầy còm và vô cùng thất vọng

*Cuộc đời là thiên đường đối với lũ bịp bợm
Và là địa ngục đối với dân lành...*

Quý sứ tức tối không hiểu con người đã dấu cái miếng lương tâm bé bỏng ấy của mình đi đâu, bèn sục vào tất cả các trái tim để tìm kiếm. Rốt cuộc trở lại với hai bàn tay trắng. Những miếng lương tâm kia đã hoàn toàn biến mất, không còn lại tí dấu vết nào.

Điều này chỉ có Chúa mới biết được tại sao. Chúa bèn quay lại bảo các giáo sĩ đi theo:

- Chép ngay, chép ngay :

" Ở xứ sở này có một cái không thể giữ được, đó là lương tâm."

Trong khi đó, phe cho rằng Quý sứ cần hơn cũng có câu chuyện làm chứng sau đây:

Một người đàn bà goá ở cạnh nhà một giáo sĩ. Người đàn bà này có thói quen hễ gặp việc gì khốn khó là lại đến gõ cửa giáo sĩ, cầu xin được gặp Chúa. Lần đầu, giáo sĩ bảo:

- Chúa nghe thấy lời cầu xin của bà rồi. Nhưng Chúa còn phải đi tìm Quý sứ về đã.

Người đàn bà hỏi:

- Chúa tìm Quý sứ ở đâu?

Giáo sĩ trả lời:

- Hôm qua, lũ đầy tớ ăn cướp được của đám ông chủ mấy món hời lắm. Hôm nay chúng mời Quý sứ tới để vừa chia chác, vừa ăn khao.

Người đàn bà thất vọng ra về. Lần sau đến, giáo sĩ lại bảo:

- Chúa vẫn nghe thấy lời cầu xin của bà đấy. Nhưng cứ phải tìm Quý sứ về đã.

Người đàn bà hỏi:

- Quỷ sứ lại đi đâu mà Chúa phải tìm?

Giáo sĩ trả lời:

- Quỷ sứ được mời đi dự đám tiệc mừng thắng lợi của phe dân chủ.

Chắc phải vài hôm nữa mới về...

Người đàn bà lại chưng hửng.

Mấy năm sau, bà ta mới có việc phải tìm đến.

Lại nghe giáo sĩ bảo:

- Chúa vẫn nghe thấy lời cầu xin của bà như mọi lần. Nhưng vẫn cứ phải tìm Quỷ sứ về mới được.

Người đàn bà lại hỏi:

- Lần này Quỷ sứ lại đi đâu?

Giáo sĩ trả lời:

- Quỷ sứ được mời đi dự đám tiệc mừng thắng lợi của phe độc tài, chắc cũng phải vài hôm nữa mới về...

Cứ như thế, lần này qua lần khác, năm nọ qua năm kia ...

Lần nào Chúa cũng nghe thấy...

Nhưng lần nào cũng phải đi tìm Quỷ sứ...

Rốt cuộc, người đàn bà góa ấy chẳng bao giờ gặp được Chúa cả.

Bà ta bèn nói với vị giáo sĩ:

- Tôi cần gặp Chúa để cầu ban phước lành. Chứ có cần gặp Quỷ sứ đâu? Tại sao cứ phải tìm Quỷ sứ về để làm gì?

Vị giáo sĩ trả lời:

- Ô! Đơn giản thế mà bà cũng không biết ư ? Không có Quỷ sứ ở bên cạnh, thì người trần mắt thịt như bà làm sao mà nhận được ra Chúa.

Người đàn bà góa chợt tỉnh ngộ. Từ đấy bà không đến gõ cửa nhà

giáo sĩ nữa. Mỗi lần muốn gặp Chúa, bà ta cứ việc tìm đến những nơi có Quỷ sứ là lập tức gặp được ngay.

Té ra !

Quỷ sứ chính là **chiếc gương**, mà từ đó, con người mới “soi” ra ...
Chúa của mình.

Phạm Lưu Vũ

Cơm trắng

Vào thành phố làm thuê đã gần chục năm nay, Tết này anh ở lại ăn Tết với vợ chồng tôi. Sáng ba mươi làm cỗ cúng ông bà ông vải, nhìn vợ tôi xới ra mấy lưng cơm trắng đặt lên mâm, anh bảo: “Ông có tin là tới khi lấy vợ, tôi mới biết thế nào là cơm trắng không?” Rồi không đợi tôi trả lời, anh nói tiếp, giọng bùi ngùi: “Giờ nói ra chắc chẳng ai tin. Nhưng có một thời những người nông dân quê tôi không biết thế nào là cơm trắng. Thế mà mấy ông mấy bà nhà văn cứ viết thế này thế nọ. Tài thật!...” Rồi anh kể cho chúng tôi nghe một chuyện ở làng anh. Tôi nghe xong định bụng sẽ có sao chép vậy. Cầu mong những vong hồn ở quê anh có khôn thiêng chứng giám. Mâm cơm này xin được cúng cả cho những oan hồn ngày ấy. Còn sau đây là câu chuyện của anh:

Năm đó chị Thắm về thăm làng đúng vào dịp giỗ bà nội của chị là bà Gái. Đã mấy chục năm trôi qua. Cái chết của bà nội lúc nào cũng ám ảnh chị. Bà chết vì lên cơn dại sau mấy ngày bị chó cắn. Lúc đó chị mới lên chín tuổi. Ôi! Bà chết mới thương tâm, kinh sợ làm sao. Bắt đầu là những triệu chứng sợ gió, sợ nước, những trận run không

hãm lại được. Rồi bà lên cơn, miệng sùi bọt mép, tấm thân già nua co giật dữ dội, bố mẹ chị phải cố hết sức mới giữ cho bà khỏi lăn xuống nền nhà. Bố mẹ chị khóc không thành tiếng. Cái Thắm bấy giờ sợ quá đứng ôm nép một bên cột nước mắt ràn rụa. Nó gào khóc ầm ĩ. “Ồi bà ơi... bà làm sao thế bà ơi...” Hàng xóm láng giềng đổ đến. Mấy ông già cao tuổi nhìn cảnh ấy lắc đầu. Rồi có những lúc cơn đại tạm lui, bà mềm nhũn như một cọng bún, người đầm mồ hôi, dúm dó. Mặt bà tái dại đi. Song bà vẫn tỉnh táo. Bà biết bà sắp chết. Bố mẹ cũng biết bà sắp chết mà không làm sao được. Tất cả chỉ còn biết nhìn nhau thê thảm. Đôi mắt đã thất thần của bà vẫn như muốn dõi tìm cái Thắm. Bà giơ hai tay lên, muốn kéo nó lại gần. Bà phều phào lầy bầy mấy lời trần trối: “Con... ơ... ơi... Cháu... ơ... ơi... Đừng bao giờ mơ cơm trắng nữa... ng... nghe... chư...chưa...” Chỉ được có thế, rồi một cơn đại khác lại ập đến...

Chị Thắm xin phép bố mẹ để chị đi chợ mua đồ về làm lưng cơm cúng bà. Đặt đĩa xôi, con gà lên bàn thờ, chị xới ra lưng bát cơm trắng để lên trước bát nhang rồi thắp hương, cúi đầu làm rằm khăn vái. Khấn xong, chị chấp tay ngẩng nhìn tấm di ảnh nhăn nheo của bà nội trên bàn thờ. Khói hương như những con giun ngoằn ngoèo cuộn lên rồi toả ra xung quanh thành những vòng tròn nằm ngang. Qua làn khói, chị cảm thấy đôi mắt của bà lung linh như vừa chớp một cái, lúc nhìn chị, lúc lại nhìn xuống bát cơm trắng đặt trước mặt. Cặp môi răn reo của bà hình như vừa mấp máy điều gì. Bất giác, chị cảm thấy một luồng hơi lạnh chạy giần giật dọc sống lưng, toàn thân chị sồn hết gai ốc, chị muốn quỵ xuống.

Chị sực tỉnh khi bố chị nhắc chị đứng ra ngoài để ông vào cúng. Giọng cúng của ông đều đều, ầm áp như một bài tụng kinh siêu thoát

làm tâm thần vừa nặng trĩu của chị vội đi được phần nào. “Nam mô A di đà Phật, tái thế té thứ... Thượng hạ Đông Tây Nam Bắc... Thượng hạ mồ ma đông cao...” Cứ sau mỗi đoạn của bài cúng, ông lại lấy hơi bằng cách “suýt” nhẹ một tiếng rõ dài. Chị đứng nghe mà không cảm nổi nước mắt. Cúng xong, ông đưa hai tay lên bàn thờ sửa lại mấy nén hương. Bỗng ông hoảng hốt kêu thét lên: “Ồi giò! Cái gì thế này?...” Chị giật mình thấy ông bố mặt tái mét đang trở tay vào bát cơm trên bàn thờ, miệng ú ớ nói không nghe ra tiếng nào nữa. Chị vội lao tới, nhìn theo hướng ngón tay trở của ông. Ngay lập tức, đến lượt chị cũng rụng rời hồn xiêu phách tán. Bát cơm trắng muốt chị vừa xới ra, giờ đổ lòm như một bát máu. Kí ức của cái Thắm bé bỏng ngày xưa tưởng đã quên đi, giờ lại đột ngột dội về... Cuối làng có một túp nhà tranh, tường đắp đất như cái lô cốt. Đó là nhà Rốp Đực. Rốp Đực mới gần ba mươi, học mất sáu năm trường làng lên tới lớp ba rồi nghỉ luôn. Bố mẹ lấy vợ cho gã rồi cho gã ở riêng. Cái dĩ Nhài con nhà Phệt quắt queo, thò lò mũi thế mà về làm vợ gã độ nửa năm bỗng trở mã phồng phao câu, má đỏ hây, ngực căng muốn nứt áo, nom ngon như một con bò cái tơ. Vợ chồng lực điền son rồi thành ra cũng không đến nổi, đủ ngày hai bữa cơm độn, không phải ăn cháo rau như khối nhà khác trong làng. Từ khi trở mã, cái Nhài được đích thân thằng Tấn, bí thư Đoàn tuyên truyền giác ngộ rồi kết nạp vào Đoàn... Riêng gã vẫn thành phần thanh niên chậm tiến. Thằng Tấn con Bí thư Nục quyền sinh quyền sát trong làng. Nó cũng chỉ học đến lớp bảy rồi phá ngang, suốt ngày lêu lổng, tụ tập mấy đứa ranh con đi ăn cắp trứng gà hoặc rình đàn bà con gái tắm. Từ ngày ông Nục đưa nó lên chức bí thư Đoàn, lúc nào nó cũng cố tỏ ra chững chạc ta đây cán bộ cán bèo, song về lưu manh thì

không giấu đi đâu được.

Cái Nhài sinh hoạt Đoàn được mấy tháng thì thằng Tấn tỉ tê hứa sẽ bồi dưỡng để nó được đứng trong hàng ngũ của Đảng quang vinh. Thế thì có mà đổi đời. Rốp Đực chẳng tin điều đó. Song con vợ cứ hí hửng thì thào vào tai gã: “Bố nó là Bí thư, nó muốn làm gì chả được...” Gã gắt lên với vợ: “Dung mà tao ghét thích cái thằng ấy, cả bố con nhà nó...” Rồi một buổi tối, sau khi sinh hoạt Đoàn xong, thằng Tấn dẫn cái Nhài ra phía cánh đồng, vừa đi vừa khoát chân khoát tay “bồi dưỡng” lý tưởng... cho nó. Tới tít cánh Rộc cùng, giọng “bồi dưỡng” của thằng Tấn chợt run lên ào ào, trộn lẫn những hơi thở gấp. Cả người nó bỗng ngùn ngụt như muốn bốc cháy. Nó kéo cái Nhài ngồi sụp xuống bờ ruộng. Cái Nhài chợt tỉnh ra, sợ quá la lên: “Tôi là gái có chồng...”. Thằng Tấn vội vàng dùng tay bóp chặt mồm nó lại không cho kêu rồi đè ngửa ra, rút vội một nắm cỏ nhét đầy vào mồm nó. Cái Nhài ú ớ giãy giụa. Không ăn thua gì. Thằng con trai kia vẫn một tay ghì chặt ngang cổ nó, một tay giật phụt phụt những nút áo. Đoạn rồi gã nhồm đít, co một chân lên, móc ngón cái vào cạp quần ngay dưới rốn cái Nhài, đập mạnh xuống...

Suốt mấy ngày đêm, cả nhà Rốp Đực lẫn nhà Phệt đổ đi tìm con Nhài. Không thấy tăm tích nó đâu. Cả đời nó đi xa nhất chỉ sang đến chợ Đò. Vậy mà mấy đứa trong ban chấp hành Đoàn cả quyết rằng tối ấy sinh hoạt xong sớm, chúng nó thấy cái Nhài rủ đi xem phim tận bên Gia Trung... Ba ngày sau, xác cái Nhài nổi lên ở cuối đoạn sông gần cánh đồng Rộc cùng, người nó mắc vào một chân cột vó bè, mồm ngậm đầy những cỏ, hai mắt nó trợn ngược, trắng dã, quần áo rách te tua phơi cái bụng trướng sinh, trắng như lợn cạo. Lão Phệt nghe tin sét đánh vội vã lao tới. “Ồi con ơi!...” Vừa lúc ấy từ miệng cái

Nhài, nắm cổ ộc ra ngoài kèm theo một ngụm máu lẫn nước dãi, nom nhờ nhờ như máu cá. Bí thư Nục vội vàng triệu tập họp những cán bộ chủ chốt để phổ biến tình hình trật tự an ninh trong khu vực. Ông ta thông báo rằng gần đây có một nhóm cướp mới tụ tập, chuyên lảng vảng làng này, làng nọ. Công an đang tổ chức truy bắt. Trường hợp của đồng chí Nhài chắc chắn do nhóm cướp đó gây ra... Tiếc quá, bên Đoàn đã giới thiệu đồng chí nữ đoàn viên tích cực ấy vào diện cảm tình, đối tượng...

Rốp Đực phát điên từ ngày đó. Một hôm gã vác con dao bầu đến nhà ông Nục đòi gặp thằng bí thư Đoàn. Gã cho rằng chính vì chuyện sinh hoạt Đoàn điếc cái con mẹ nhà chúng nó ấy đã khiến vợ gã chết oan. “Ồi Nhài ơi... em cứ ở nhà với anh thì đâu ra nông nổi... Đoàn điếc gì để người ta hiếp chết em ơi...” Lúc ấy, thằng Tấn cùng mấy đứa trong ban chấp hành Đoàn đang tụ họp đánh chén trong nhà hoảng hốt chui hết vào buồng, đóng chặt cửa lại. Mãi sau, một thằng được phân công lên cửa sau đi báo công an. Lập tức công an có mặt. Giải thích, thuyết phục thế nào gã cũng không nghe, lại còn chửi vung xích chó. Một anh công an xông vào, gã múa tít con dao bầu, xuyết xảy ra án mạng. Một anh khác thấy thế chĩa súng lên trời bắn một phát chỉ thiên. Cả làng giật mình sợ chết khiếp. Rốp Đực cũng giật nảy mình, ngơ ngác. Nhân lúc đó, một anh công an vòng phía sau lao vào ôm chặt lấy gã. Rồi mấy anh kia xông tới cướp lấy con dao, đè nghiêng gã xuống, trói gô lại như một con chó, giải về trụ sở. Rốp Đực biến một lèo sáu tháng, lên huyện, rồi lên tỉnh... Dân làng đồn gã bị khép tội phản động. Bỗng một hôm người ta chở gã về, người như cái xác ve, rữ rượi. Từ đó gã càng điên loạn hơn trước, song những cơ bắp lực điền ngày xưa biến đâu hết cả, sức vóc hầu

như chẳng còn gì đáng kể. Cũng may, gã tuy điên nhưng lành như cục đất, chẳng dọa nạt con nít bao giờ.

Hôm ấy, Rốp Đực xúc đầy một rá gạo, đem ra nhúng cả vào vại nước, vừa vo vừa ngửa cổ lên trời ca một câu rất dở hơi: “Hơ hơ!, dĩ vợ ta ơi... về ăn cơm trắng rồi chơi... BỐ mày!... Hơ hơ!...” Hai tiếng “Bố mày” gã quát lên thành tiếng chửi, không biết chửi ai? Vo gạo xong, gã trút hết vào cái xoong nhôm nhẵn nhéo, đổ đầy nước rồi đem vào đặt lên bếp, nhóm lửa. Có tiếng gà lúc cúc đi ngang qua sân. Gã vọt ra. Không kịp rồi. Con gà mái đã lao thẳng vào vườn chuối, vừa chạy vừa quác lên mấy tiếng như muốn chửi vào mặt gã: “Mả cha mày, định giết bà hử...” Gã ngậy người tiếc rề, lững thững quay vào bếp. Gã nhìn ngọn lửa đang liếm láp cái đít xoong, thở dài. Cái đít xoong đen óng ả như mái đầu của dĩ Nhài dạo nào. Gã bỗng tưởng tượng vợ gã đang ngồi đấy như mọi lần, một tay cầm que cời, một tay đưa lên vắn lại mái tóc, da thịt Nhài tròn căng trong lớp vải pô-ly-ê mỏng tang, thơm lịm... Gã đưa hai bàn tay lên bưng lấy mặt, rồi lại mở ra, rồi lại bưng lấy như trẻ con chơi trò trốn tìm... mắt gã hau háu nhìn vào cái chỗ trống trơn ấy. Bỗng gã cúi xuống, luống cuống tụt quần ra, rồi hai tay ôm cứng lấy bộ hạ, gã bước lò dò tới đứng trước cái bếp lửa. Ngửa mặt lên nóc bếp, gã tru lên mấy tiếng như một con chó đực, bọt mép trào ra hai khoé môi. Cứ thế, những thớ thịt nhão nhoét hai bên đùi gã giật lên những cơn nhè nhẹ trước chậm sau nhanh dần, nhanh dần. Hai bàn tay gã cũng hồi hã giật ra giật vào dưới hạ bộ. Mồ hôi gã túa ra, chảy nhễ nhại trên khuôn mặt. Gã giật mình cảm giác như có mùi hương bồ kết, mùi da thịt ngày ngày quen thuộc của vợ gã lần quát đâu đây. Rồi theo một thứ phản xạ nào đó của giống đực, gã kiễng hai chân, rướn người lên... Vừa

lúc ấy, có tiếng “xèo!...” một cái, búng nước nhòn từ chỗ hạ bộ gã vừa vọt ra theo hình vòng cung, bắn thẳng vào giữa ngọn lửa. Xoong cơm trên bếp chọt bực lên một tiếng, phì hơi ra ngoài, cái nắp vung mấp máy. Cơm sôi. Bất giác, thân hình Rốp Đực cũng giật nhẹ một cái. Gã hơi cong người há hốc mồm nhìn cái vung xoong đang sùi bọt, hấp háy. Từ một lỗ châm kim đầu đó, một tia hơi nước mãnh như que tăm phun mạnh lên, phát ra tiếng kêu ri rỉ như tiếng khóc của một oan hồn. Gã lạnh toát người, mắt hoa lên, nẩy đom đóm, miệng thở phì phò như kéo bễ. Lùi lại một bước, gã nhắm mắt lại rồi thả phịch người xuống thùng trấu, nằm lăn ra thở dốc.

Gã thức dậy lúc trời đã xế chiều. Xung quanh vắng lặng. Tiếng khóc ri rỉ ban nãy đã nín bặt. Dường như oan hồn đã bỏ gã mà đi. Xoong cơm trở lại im lìm trên bếp, ngọn lửa đã tàn từ lúc nào. Bê xoong cơm ra giữa sân, gã kéo lê cả cái rổ bát lủng chông đặt bên cạnh. Rồi gã lấy bát, xới cơm ra. Xoong cơm trắng muốt bốc hơi thơm lừng, ngào ngạt điếc mũi. Mấy con chim sẻ đang bay trên trời bị cái mùi thơm ấy quyến rũ vội sà xuống, nhảy nhót loạn xạ xung quanh song không dám đến gần. Cái mùi ấy bay lên trời, toả đi khắp nơi, ra tới tận đầu làng. Bất giác dân làng ai cũng ứa nước miếng. Trẻ con ngơ ngác, tuôn dãi ra rề rề. Đám thanh niên hỏi nhau: “Mùi gì mà lạ thế, chưa được ngửi bao giờ?” Các cụ già lẩm bẩm: “Mùi cơm gạo mới ngày mùa đây mà. Đã hàng chục năm giờ nay mới lại ngửi thấy. Nhưng ở đâu ra thế nhỉ...”

Rốp Đực bưng bát cơm lên, lừa một miếng vào miệng. Bỗng gã trợn mắt dừng lại, cơn điên lại bùng phát. Gã phun miếng cơm trong miệng ra, rồi nâng bát cơm lên khỏi đầu, quật mạnh xuống nền gạch. Choác! Cái bát sứ vỡ tan, cơm trắng văng ra tứ phía. Lũ chim sẻ

đang nhảy nhót xung quanh hoảng sợ bay vọt lên. Lập tức, mấy con chó đốm đang nấp trong vườn chuối phía tây lao tới, thì ra chúng rình từ nãy. Những con chó vừa gầm gừ, vừa vung vẩy ăng ăng tranh nhau liếm vội những hạt cơm. Nhìn khung cảnh náo nhiệt của bầy chó, gã thấy mình dường như đỡ cô đơn. Gã lại xới một bát nữa, lại... choác! Bầy chó hơi giật mình, khựng lại một giây rồi chột hiểu. Nhờ có cái tiếng “choác” đó chúng mới có cơm mà liếm. Chúng chẳng sợ, chẳng cần để ý đến gã nữa.

Bà Gái nuốt vội miếng nước bọt. Cái gì mà bên nhà Rốp Đực cứ bóp bóp, chát chát như đập bát đập đĩa thế nhỉ? Lại còn tiếng chó ăng ăng, hình như chúng đang tranh ăn. Đích thị là tranh ăn. Người tranh ăn có khi còn kín tiếng chứ chó tranh ăn thì không giấu tiếng vào đâu được. Lại còn cái mùi thơm lừng giời? Ở đó chứ còn ở đâu ra nữa. Mấy hôm trước sang xin lửa, bà ngó cốt nhà nó để còn mấy yến thóc, mình nó ăn đâu đã hết. Chỉ có điền như nó mới dám thổi cơm trắng. Từ khi có hợp tác xã, cả làng trừ những nhà Bí thư, Chủ nhiệm... còn lại nhà nào khá lắm cũng chỉ dám thổi cơm khoai, cơm sắn, còn đâu toàn cháo loãng, kể cả trong những ngày mùa, lúa gặt về chất đầy sân kho mà đâu có được chia ngay. Còn phải đợi cán bộ “cân đối”, “lên phương án”.... Nước bọt lại ứa ra, bà Gái nhìn cái Thảm đen đúa như củ súng đang ngồi rũ một xó. Đôi mắt nó sáng quắc, cái cổ thụt vào giữa hai bờ vai gầy nom như một con cóc. Tội nghiệp nó, đang tuổi ăn tuổi lớn. Già ngót tám mươi tuổi, sắp xuống lỗ như bà còn đói không chịu nổi nữa là nó. Húp một bát cháo độn xu hào loãng từ trưa tới giờ, bụng cả hai bà cháu đã quắt lại như dán chặt quanh xương sống. Nó cũng đang thèm cái mùi thơm như bà. “Đi! đứng lên đi” bà ra lệnh rồi quả quyết đứng dậy, lôi đứa trẻ theo.

Hai bà cháu từ ngoài cổng nhà Rốp Đực ngó vào. Ôi giời ôi! Nó đang đập những bát cơm trắng xuống sân kia. Phí của thế hả giời? Lũ chó kia sẽ ăn hết mất thôi. Cơm trắng quá, trắng đến loá mắt. Lâu lắm rồi bà không còn được nhìn thấy những hạt cơm như thế nữa. Phải cứu lấy cơm trắng. Bà nghĩ bụng rồi dắt theo cái Thấm, xăm xăm đi vào. Tới sân, bà chợt sững người, xấu hổ đỏ bừng mặt. Cái thằng Rốp Đực nó cời truồng nòng nổng, ngồi trật ra cả một đồng hạ bộ đen sì. Cái Thấm nép sau lưng bà tỏ vẻ sợ hãi, vậy mà đôi mắt vẫn hau háu nhìn cái xoong cơm. Bà muốn quay ra. Nhưng còn cơm trắng? Nhìn vẻ man dại của Rốp Đực, nhất là cái đùm đen sì hôi hám của gã đang tô hô thế kia, bà bỏ ý định sấn tới cạnh gã, giằng lấy cái xoong cơm. Thôi thì vớt vát được chừng nào hay chừng nấy. Sự xấu hổ nhất thời đã không thắng được bản năng tiếc của. Hai bà cháu cố tránh nhìn gã, cứ thế len lén đi vào. Rồi bà ngồi thụp xuống, đưa cháu như con cóc cũng ngồi bệt xuống theo. Bà cháu bắt đầu hỏi hả đưa cả hai tay ra vớt lấy những hạt cơm trắng đang vãi tung toé. Phía đối diện, bày chó dường như cảm thấy có thêm đối thủ, chúng gừ lên mấy tiếng như để thị uy rồi sấn xổ lao vào giữa đồng cơm trắng vương vãi lẫn những mảnh bát vỡ.

Rốp Đực nhìn cái cảnh bên chó bên người ấy lại càng thấy ngồ ngộ. Đúng là cái thằng điên. Hai bàn tay gã vừa nâng một bát cơm lên qua đầu chợt ngừng lại. Gã nghĩ sao lại hạ bát cơm xuống, nhồi người đặt ra xa trước mặt, cố ý để nó lệch về phía hai bà cháu. Bà Gái chợt ngừng nhai miếng cơm lẫn cát đang lạo xạo trong miệng. Bà nhìn bát cơm trắng, rồi nhìn gã, nghi ngờ. Nó cho mình bát cơm? Không nhẽ nó từ té đến thế. Dễ đến chục năm nay, bà không hề được bưng trên tay một bát cơm trắng tinh như thế. Đưa cháu kia thì

phải nói là từ lúc đẻ ra đến giờ. Có thật nó cho mình không? Ôi bát cơm quý hoá, bụng bà réo sôi ùng ục, bà run bắn người lên, vừa nghi ngờ, vừa lo sợ mấy con chó sẽ nhanh hơn bà. Bà nhìn gã, nhìn lũ chó như canh chừng rồi nhích dần, nhích dần. Bà đã tới rất gần, rất gần cái bát cơm quý hiếm có một không hai ấy. Cái Thấm ngồi phía sau cũng đang nín thở mong bà. Đợi đấy! Rồi bà cháu ta chia nhau bát cơm này nhá. Lũ chó không hiểu sao cũng chợt yên lặng. Hình như chúng chưa kịp hiểu điều gì đang diễn ra. Chó mà, chúng đâu có thông minh được như người. Hay chúng muốn nhường nhịn? Bà đã tới gần lắm rồi, chỉ cần đưa tay ra chộp xuống là được, bà hồi hộp nghĩ, mắt vẫn không rời gương mặt man dại của gã. Bỗng bà cúi nhanh xuống, nhìn thẳng vào bát cơm, đoạ chộp cả hai tay ôm gọn lấy nó. Ngay lúc ấy, lũ chó dường như cũng chợt tỉnh. Chúng sủa rộ lên, rồi một con lao tới. Nó há cái mõm đầy răng nham nhở của nó đớp mạnh vào tay bà. Á! một tiếng thét đau đớn bật ra. Song bà quyết không rút tay lại, bà vẫn ôm chặt cái bát cơm, cố giằng nó vào lòng mình. Máu từ tay bà trào ra. Giây lát, màu trắng của cơm chuyển hẳn sang màu đỏ. Bát cơm vừa nãy giờ đã nhuộm đầy máu tươi...

Tết Đình Hợi (2007)

Phạm Lưu Vũ

Giá của một lời nguyên

Một nghìn đô la là cái giá để Lý chấp nhận lấy chồng ngoại quốc. Mụ còn mồi bảo đấy là giá cao bởi Lý đẹp, lại còn trinh. Chứ khối đứa con gái khác chỉ bốn năm trăm. Cá biệt có đứa chỉ vài chục đô tiền trà nước qua loa, một kiểu nôm na gọi là tổng khứ đi cho rảnh nợ. Vùng này đang có phong trào lấy chồng người nước ngoài. Âu cũng là một cách kiếm sống, sống bằng mọi giá giữa thời buổi khốn nạn. Đám còn mồi, dất mồi người bản xứ tha hồ có đất làm ăn. Các ông bố, bà mẹ và các cô gái chấp nhận tất cả. Thôi thì đủ các loại rẻ. Từ rẻ già, rẻ trẻ, đến rẻ đui què mẻ sứt... hạng nào tiền nấy, miễn sao thanh toán bằng đô la là được rồi. Giá cả tỉ lệ thuận với nhan sắc, trinh tiết của các cô gái và tỉ lệ nghịch với hình thức, tuổi tác của những giống đực ngoại quốc kia. Nhìn chung là rẻ bất ngờ, lại có cả những nạn đầu cơ, tranh giành, phá giá... Lý nằm trong số ít những cô hên nhất. Gã trai mua Lý vừa trẻ tuổi, trắng trẻo lại đẹp giai. Một nghìn đô là cái giá rất hời.

Lý dặn dò cái Lơ - đứa em gái song sinh với mình ở nhà chăm sóc ngoại và trông nom, nhang khói cho hài cốt của má chôn dưới gốc

dừa phía sau nhà. “Rồi thể nào chị cũng có đồ gửi về. Em và ngoại sẽ không phải khổ nữa.” - Lý bảo em như thế. Ba bà cháu ôm nhau, nước mắt tuôn như suối...

Từ ngày Lý ra đi, bà Năm cứ hay giật mình thồn thột. Đêm nào bà cũng gặp phải những cơn ác mộng. Bà mơ thấy vong hồn má nó, đưa con gái oan nghiệt của bà trở về gào thét trên ngọn dừa. Có lần bà còn nhìn thấy vong hồn ấy hiện hình, đầu tóc rũ rượi bước hẳn vào trong nhà. Nó kêu khóc chán rồi bỗng trợn mắt, nghiêng răng kèn kẹt. Từ miệng nó, thốt ra một lời nguyên ghê rợn. Kí ức dữ dội tưởng đã đào sâu chôn chặt, nay lại hiện lên rõ mồn một.

*

* *

Bốn mươi năm về trước. Cô Năm ngày ấy trẻ đẹp có tiếng trong vùng. Bảy giờ vùng này đang là vùng tranh chấp, ban ngày thuộc về phía bên này, ban đêm lại thuộc phía bên kia. Chỗ nào cũng đầy những bóng lính đánh thuê. Số kiếp của những bông hoa đẹp như cô Năm có ai ngờ lại mong manh như một làn khói mỏng. Một gã lính đánh thuê người ngoại quốc từ lúc nào đã phát hiện ra cô và rắp tâm ăn mảnh. Gã đã chán cái cảnh hàng chục thằng lính thay phiên quần thảo một con đàn bà bản xứ đến nhả nhượi. Gã muốn được hưởng một mình. Trong một lần đi lùng sục, gã cố tình chờ cho đồng bọn đi khuất rồi lẻn vào nhà cô Năm. Cô Năm sợ chết khiếp khi cái thân thể quần đầy súng đạn của tên lính đè nghiêng cô xuống bộ ván kê giữa nhà. Sau khi trói hai chân, hai tay cô vào bốn góc của bộ ván bằng dây dù một cách thành thạo, con thú đực ấy hau háu vật từng mảnh quần áo trên người cô như người ta vặt lông một con gà. Xong xuôi, nó đứng dậy, vừa ngắm nghía thân thể nõn nà của cô một cách man

dại, nó vừa cuống quýt cởi bỏ bộ quân phục. Thế rồi cái khối dâm dục đồ ầu, ngồn ngộn thịt của con thú ấy đổ ập xuống người cô... Lý chẳng biết nói chuyện gì với cái anh chồng ngoại quốc đẹp giai của mình. Mà có muốn, cô cũng chẳng nói được vì bất đồng ngôn ngữ. Từ ngày rời khỏi nhà cho đến lúc lên máy bay, thỉnh thoảng hai người chỉ ra hiệu với nhau bằng chân tay, còn mồm thì câm như thóc. Mỗi người rõ ràng đang theo đuổi những ý nghĩ rất riêng. Gã Cơm Thiu này (Lý gọi tên anh chồng như thế. Đúng ra thì gã tên là Kumthusine... gì đó) mặt lạnh như tiền, ánh mắt gã không hề có chút tình cảm yêu đương. Gọi là vợ chồng mà lạ sao suốt mấy hôm ở khách sạn, gã không hề chạm tới người cô. Điều đó làm cho cô cảm thấy áy náy không yên. Cô mơ hồ thấy một tương lai không mấy sáng sủa đang chờ mình phía trước. Lý non nớt, quê mùa và ngây thơ nào có biết, Cơm Thiu đâu thiết gì cô, Cơm Thiu đang nghĩ tới chuyện khác. Sinh ra trong một gia đình giàu có, ông nội gã là triệu phú. Bố gã chết trong một tai nạn máy bay. Cơm Thiu đang nghĩ tới khối tài sản kếch xù của ông nội mà gã hy vọng sẽ được thừa kế, với điều kiện gã phải làm vừa lòng lão ông triệu phú ấy. Ông nội gã không chỉ có mình gã là đứa cháu duy nhất. Lần này, Cơm Thiu mò sang tận Việt nam lấy vợ, chính là nằm trong kế hoạch của gã nhằm chinh phục cái quyền thừa kế ấy...

Nằm dưới một khối thịt tưởng chừng nặng đến ngàn cân đang rung lên hằm hập của tên lính, cô Năm oằn người, cảm thấy nhục nhã, đau rát và chấn động toàn thân. Cô nhắm nghiền mắt lại, cay đắng nghĩ tới người yêu. Hai Nhứt, người yêu của cô vốn là người thuộc “phía bên kia”. Hai người đang có một mối tình thật đẹp. Từ khi xuất hiện lũ lính đánh thuê trên đất này, anh và các đồng đội của anh luôn

được coi là thần tượng, là sự chở che, là anh hùng đối với cô, những người phụ nữ yếu đuối và cả dân chúng trong vùng. Anh xuất quỷ nhập thần, từng là nỗi kinh hoàng đối với lũ lính thú vật ấy. Nhưng giờ này anh ở đâu? Anh có biết rằng con thú này sắp cướp đi cái quý nhất cô chỉ dành riêng cho anh? Hai người đã thương nhau, cùng hẹn nhau chờ đợi, cố để dành cái thiêng liêng nhất của người con gái cho đến ngày làm đám cưới... Vậy mà bây giờ...

Đúng lúc đó, Hai Nhứt không ở đâu xa. Anh đang ngồi trên “chòi quan sát” của mình, tít trên một ngọn dừa cao ở đầu thôn. Anh phát hiện lũ lính ngoại quốc kia vào lòng sục trong làng. Cũng như mọi lần, trong làng lại rộ lên những tiếng chó sủa, tiếng gà kêu, cả tiếng súng kéo theo những bước chân của lũ cướp ngày man rợ ấy. Lúc chúng rút ra đến con lộ, Hai Nhứt đếm lại và rất phân vân khi thấy thiếu một tên. Còn một tên nữa ở đâu? Hai Nhứt biết bọn này vẫn thường hay tách ra để “ăn mảnh”. Nhưng hôm nay có điều gì đó khác thường. Tự nhiên, anh cảm thấy bồn chồn không yên, không còn bụng dạ nào để tiếp tục quan sát được nữa. Hai Nhứt quyết định tụt xuống khỏi ngọn dừa, rồi men theo những vườn cây, bờ lạch, anh thận trọng luồn vào trong xóm.

Linh tính dẫn đôi chân của Hai Nhứt tiến về phía nhà người yêu. Anh cảm thấy rõ ràng có chuyện chẳng lành đang diễn ra trong căn nhà ấy. Hai Nhứt vớ vội một cây móc dựng bên ngoài, đập cửa xông vào và bỗng choáng người khi chứng kiến người yêu đang bị làm nhục. Anh hét lên một tiếng, đồng thời vung cây móc lên. Tên lính đánh thuê kia đang mê mải bỗng giật nảy mình, gãi vội vã lẫn một vòng theo phản xạ xuống đất rồi đập mạnh chân, lao đầu phóng người qua vách sau. Hai Nhứt đã kịp lao theo. Lưỡi móc trong tay anh bổ

xuống, chém gần đứt lìa một cẳng chân của gã. Quá hốt hoảng, gã lôi tuột cả cái đoạn chân lắt lẻo ấy, dùng một chân còn lại và hai cánh tay hồi hải bơi xuống đất, Chuối người lọt ra sau nhà. Hai Nhứt chạy vòng ra phía sau đuổi theo. Anh điên cuồng bỏ túi bụi những nhát mác xuống cái khối thịt đỏ lôm đang lăn lông lốc dưới chân, bắt kẻ nó trúng vào chỗ nào. Hai Nhứt cứ chém, nó cứ lăn. Nó lăn đến bờ con lạch và rơi tòm xuống đó. Hai Nhứt nghiêng răng ném theo cây mác. Mặt nước đang yên lặng chợt sục lên đỏ ngầu, sủi tăm như đã ghim vĩnh viễn cái đồ ghê tởm ấy xuống đáy con lạch...

Không có hoa, không có tiệc tùng. Không có đám cưới nào diễn ra như Lý đã tưởng tượng trước khi tới cái xứ sở xa lạ kia. Gã Cơm Thiu mang Lý về như mang theo một món đồ. Lý bắt đầu cảm thấy thất vọng nhưng vẫn âm thầm chịu đựng. Cô chỉ còn biết bầu vùi niềm tin vào một phong tục quái gở nào đó nơi xứ người. Nhưng cô có biết đâu rằng những toan tính của gã Cơm Thiu còn quái gở hơn. Một tuần đầu làm những công việc của một đứa con ở trong nhà, một buổi chiều Lý gặp cái lão triệu phú ấy. Đó là một lão già góm ghiếc, tròn ửng như một con heo, một chân lão cụt đến đầu gối, mặt mũi đầy sẹo. Lão già - ông nội của gã Cơm Thiu nhìn Lý hau háu như quỷ đói và nhe răng cười khoái trá. Lý bỗng cảm thấy rùng mình. Bảy giờ, cô mới chợt hiểu tất cả. Thì ra gã Cơm Thiu giả bộ cưới cô về để cho chính lão già. Đến lúc ấy, những kẻ kia cũng chẳng cần úp mở nữa. Lý đã hoàn toàn nằm trong tay họ. Hai con đực xa lạ, một già, một trẻ đã hiểu rõ bụng dạ của nhau. Chúng nhìn nhau cười hô hố. Rồi chúng vừa chỉ trỏ vào Lý, vừa líu lo bàn tán, mặc cả với nhau bằng cái thứ ngôn ngữ mà cô hoàn toàn mù tịt...

Cô Năm lờ mờ nhận thấy sự xuất hiện của người anh hùng. Rốt cuộc

anh đã đến. Nhưng hình như vẫn muộn mắt rồi. Cái khối thịt nặng nề, tởm lợm kia đã được trút bỏ khỏi người cô. Cô nghe những tiếng thở hồng hộc, tiếng uỳnh ạch và phầm phập chém xuống của ngọn mác phía sau nhà. Không biết nên sung sướng hay tiếp tục đau khổ, đầu óc cô đã hoàn toàn mê muội. Rồi hình như người anh hùng ấy đã quay trở lại. Cô nghe thấy những tiếng rít ghê rợn giữa hai hàm răng của anh, cảm thấy rõ ràng sự lỏng lẻo, uất hận của người yêu khi chứng kiến cô bị trói dang chân dang tay, trần truồng nằm trên bộ ván. Tắm thân cô đã bị làm cho ô uế. Cô hiểu rõ điều đó. Nhưng cô chưa biết rằng sự tiếc nuối, ghen tức và căm hận đang làm cho Hai Nhứt nghẹn thở. Đầu óc anh mù đi. Anh căm hận cuộc chiến tranh này, căm hận kẻ khốn kiếp kia, căm hận cả cái thân thể thanh tân hùng hực của người yêu mà bấy lâu nay, anh đã cố để dành... Bỗng một cái gì đó lại đổ ập lên người cô. Một lần nữa, cô chết điếng người khi toàn thân lại dội lên một cơn đau rát. Trước mắt cô, màn đêm bỗng bất ngờ chụp xuống giữa ban ngày. Cô ngất đi...

Gã Cơm Thiu đã đạt được mục đích. Dùng Lý làm món quà cho lão ông nội triệu phú, bản di chúc rốt cuộc đã được kí, ghi rõ tên người thừa kế là gã. Lý bị tống vào buồng ngủ của lão già. Làm sao cô có thể chịu đựng nổi điều đó kia chứ. Cô gào thét, cào cấu và chửi rửa loạn xạ. Mặc! Lão già đâu có hiểu những câu chửi rửa của cô. Nhưng Lý còn có sức mạnh, sức mạnh của tuổi trẻ mà một lão già ngoài bảy mươi lại cụt chân như lão, không thể hễ cứ muốn là được. Loay hoay mãi không làm gì được cô, lão già tức tối rống lên như con heo bị chọc tiết, bọt mép lão sùi ra. Ngay lập tức, đứa cháu nội của lão ra tay. Bấy giờ, cái vỏ lịch sự, sang trọng của gã Cơm Thiu ấy đã hoàn toàn biến mất, gã hiện nguyên hình là một con thú cường bạo. Gã

trói Lý vào cột, dùng gậy vọt tới tấp lên người cô. Lý rũ rượi và nghiêng rãng chịu đau, cô vẫn một mực từ chối. Cô đòi về nhà. Nhưng liệu cô còn có thể làm gì được bây giờ?...

Bà con chòm xóm phát hiện cô Năm bị cưỡng hiếp, vẫn còn bị trói, nằm trần truồng trên bộ ván đã kịp thời cứu và dấu cô đi trước khi bọn lính đánh thuê kia quay lại tìm đồng đội. Hai Nhứt sau khi trút ra hết mọi uất hận, đã bỏ đi biệt tích từ đó. Không ai biết anh ta đi đâu. Có người nói anh chuyển sang hoạt động ở một vùng khác, cũng có người bảo rằng anh đã chết. Riêng cô Năm, chẳng hiểu vì sao từ đó ghê sợ tất cả các loại đàn ông, bất kể ta hay địch. Và một điều còn ghê rợn hơn, không ai lý giải nổi đã xảy ra. Cô có mang. Má cô sau sự việc đau buồn ấy chẳng bao lâu thì mất. Cô còn một người anh bị bắt đi lính quốc gia, song đã chết mất xác tận Tây nguyên. Được bà con trong ấp thông hiểu và đùm bọc, chín tháng sau, cô Năm sinh một bé gái. Chính là má ruột của Lý và Lơ sau này. Cô đặt tên cho nó là Hoa. Nhưng mọi người xung quanh vẫn thường gọi nó bằng một cái tên kèp là Hoa Đại...

Lão triệu phú già tức giận, điên cuồng khi chưa khuất phục được Lý. Lão muốn cô phải ngoan ngoãn phục tùng. Vậy thì lão sẽ thi gan với cô, sẽ bỏ đói, sẽ hành hạ xem cô chịu đựng được bao lâu. Có một điều mà gã Cơm Thiu rất hiểu, rằng lão rất sợ nếu phải ra tay cưỡng hiếp Lý. Lão thường kể cho gã cháu nội nghe câu chuyện rùng rợn ngày ấy. Ngày mà lão theo chân đội quân đánh thuê tới một xứ sở vùng nhiệt đới. Lão được tuyên truyền rằng đó chẳng qua chỉ là một cuộc đi săn dài ngày, rằng nơi đó như một chốn hoang vu, vô chủ, tha hồ mà cướp, hiếp... Thực tế, lão và đồng bọn suốt một thời gian dài quả thật đã hành sự y hệt những kẻ đi săn. Trong một lần đi ăn

mảnh, chưa kịp thực hiện cái công đoạn cuối cùng của một vụ cưỡng dâm, lão bị chém cụt một chân, lại còn mang theo bao vết chém trên người. May mà về sau, lũ đồng bọn đã tìm thấy và cứu sống lão. Suốt từ đó, lão khắc sâu sự rùng rợn ấy vào trong lòng. Lão căm tức và muốn trả thù. Lão nuôi ý định sẽ trả thù bằng cách bắt một người con gái còn trinh tiết ở chính cái nơi đó phải phục vụ lão, đền bù cho lão cái chân cụt và những vết chém thù hận kia... Lão chờ cơ hội và lạy giời, cơ hội đã đến. Xứ sở ấy không thể chinh phục được bằng sức mạnh thì sẽ chinh phục được bằng đồng đô la. Đồng đô la sẽ giúp lão có cơ hội thay cho súng đạn với cả những đội quân viễn chinh. Thằng cháu nội cháu của lão đã nhanh chóng hiểu ý và giúp lão làm được điều đó, Lý trẻ đẹp giờ đây đang nằm trong tay lão... Cô Năm cay đắng sống và nghiền răng nuôi đứa con gái oan nghiệt. Ngày lũ lính ngoại quốc kia bị quét sạch thì Hoa Đại được gần chục tuổi. Những người thuộc “phía bên kia” đã chiến thắng trở về. Cùng với mọi người xung quanh, cô Năm háo hức như một đứa trẻ, trong lòng tràn ngập nỗi vui sướng, hy vọng vào một cuộc đổi đời. Hai Nhứt vẫn biệt vô âm tín. Như một cái cây bị bầm dập đến hồi xanh tốt trở lại, cô Năm càng có tuổi, lại càng đẹp và hấp dẫn. Cô không ngờ lại lọt vào “tầm ngắm” của một người vốn là đồng đội của Hai Nhứt trước kia. Ông ta say mê cô, thềm cô đến mất ăn mất ngủ, ngày nào ông cũng tìm cách gạ gẫm. Nhưng lòng cô thì đã nguội lạnh với đàn ông từ lâu rồi. Thậm chí cô còn ghê sợ cả cái cơ thể hùng hực vốn làm cho đàn ông phải chết thềm chết nhạt của mình. Càng không được cô Năm đáp ứng, người đàn ông kia càng si mê điên cuồng. Ông ta tìm cách đưa cô vào làm thủ quỹ của cái cơ quan do ông phụ trách, hy vọng sẽ có cơ hội được thỏa mãn sự thềm khát của mình.

Có lẽ đây là quãng thời gian duy nhất trong đời cô Năm nhìn thấy vàng. Hàng đồng vàng tịch thu từ trong két sắt của những nhà tư bản, địa chủ trong vùng được khuân về cơ quan, giao cho cô cất giữ. Tất cả bây giờ là thuộc về nhân dân, của nhân dân, trong đó tất nhiên có cả cô. Cô nghe người đàn ông kia bảo thế. Nhưng cô cũng chỉ được nhìn thấy thôi. Cô vĩnh viễn không bao giờ được phép hiểu mấy cái tính từ sở hữu gọi là “thuộc về”, gọi là “của” kia, rốt cuộc sẽ có ý nghĩa như thế nào? Và không chỉ có thế, cô Năm còn được nghe rằng cuộc chiến tranh này đã mang lại cho cô và những người dân như cô nhiều thứ khác còn quý hơn cả vàng, ví dụ quyền tự do chẳng hạn... Thế thì còn gì bằng. Thế thì cô cần phải biết ơn chiến tranh, biết ơn những người đã làm nên cuộc chiến này.

Nhưng có một điều cô Năm hoàn toàn không thể ngờ rằng cô vẫn còn sở hữu một thứ vô cùng nguy hiểm cho chính mình. Đó là sắc đẹp và sự hấp dẫn trời cho. Những thứ chết tiệt ấy muôn đời vẫn làm điên đảo lòng người. Nó chưa bao giờ có ý buông tha cô. Nó vẫn rình rập và chờ cơ hội để trút tai họa xuống cuộc đời cô một lần nữa. Sau khi đã dùng đủ mọi cách mua chuộc, ve vãn mà chỉ nhận được sự thờ ơ, lãnh cảm tuyệt đối của cô, người đàn ông kia cảm thấy bị xúc phạm, bị vong ơn. Ông ta bắt đầu thay đổi thái độ và quyết bắt cô phải trả giá cho sự xúc phạm ấy. Một hôm người ta kiểm kê két vàng và bỗng phát hiện tất cả chỉ là vàng giả. Có kẻ đã đánh tráo và ăn cắp kho vàng thật kia của nhân dân. Tất nhiên cô Năm là nghi can số một. Nói phải tội, đối với cô thì ngay cả vàng giả, đời cô cũng chưa bao giờ được biết nó như thế nào, huống hồ là đánh tráo.

Nhưng trước những âm mưu và lòng thù hận của con người, cô còn biết giải thích sao đây? Ngay lập tức, cô bị kết tội ăn cắp tài sản của

nhân dân, là kẻ thù của nhân dân... Không cần xét xử vì bấy giờ đó là một cái tội tày đình. Cô Năm bị bắt đi cải tạo...

Lý bị trói, bị bỏ đói, chỉ cho uống nước đến ngày thứ ba thì cô rũ ra như một tàu lá héo. Gã Cơm Thiu không còn thấy lai vãng đến nữa. Lão già triệu phú thay đổi chiến thuật. Lão xoay ra săn sóc, mơn trớn cô bằng cái thứ ngôn ngữ thổ tả mà cô chẳng hiểu tý gì. Cô nhớ ngoại, nhớ đến nắm xương lạnh lẽo của má chôn dưới gốc dừa, nhớ đứa em song sinh, nhớ quê hương mà cay đắng và tuyệt vọng.

Trong bốn bức tường của tòa lâu đài, giữa một xứ sở giàu có, văn minh nhưng hoàn toàn xa lạ này, cô biết trốn đi đâu? Cô gần như đã bị khuất phục. Trước sự thật bỉ ổi và ghê tởm đang hiện hữu kia, sức lực của cô đã cạn kiệt, không còn khả năng chống lại nữa. Có vẻ như đã đến lúc lão già triệu phú kia sắp đạt được mục đích của mình. Nhưng Lý còn một khả năng kháng cự cuối cùng. Đó là ánh mắt khủng khiếp, rực lên một nỗi thù hận của cô chiếu thẳng vào lão mỗi khi lão định giở trò sàm sỡ. Đó không phải là ánh mắt của một cô gái sắp sửa bị làm nhục. Ánh mắt ấy là của ma quỷ, có một thứ ma quỷ nào đó đã theo cô đến tận nơi đây. Ánh mắt của nó làm cho lão triệu phú hoảng hồn. Lão có thể nhắm mắt lại, hoặc che mặt đi để trốn tránh. Nhưng những vết sẹo chẳng chịt trên người lão thì không trốn nổi, chúng đột nhiên lên cơn đau nhức dữ dội. Không những thế, những kí ức rùng rợn ngày trước lại bất chợt hiện về, rõ rệt trước mắt lão như thể tất cả được chiếu ra từ ánh mắt ấy...

Hoa Đại mười tuổi không ba, mất má, may mà có sự đùm bọc của bà con cùng ấp. Nó trong trắng và vô tội như chính sự vô tội của vùng đất này từ hàng nghìn năm nay. Nhưng đứa con gái hoang của một kẻ ăn cắp tài sản nhân dân thì làm gì có chuyện được học hành. Mặc

kệ, nó vẫn lớn lên và quả đúng là một bông hoa dại. Gió vẫn thổi, cây vẫn xanh và ngày ngày, mặt trời vẫn rực sáng trên đầu. Càng lớn, Hoa Dại càng phổng phao, dễ thương y hệt má Năm nó trước kia. Chốn hương đồng, gió nội này cứ thản nhiên hun đúc nên những cái đẹp, những cái hấp dẫn điên đảo như thế để rồi chẳng hứa hẹn trước một điều gì. Như một thứ sản phẩm do Trời sinh ra, Hoa Dại cứ thế vô tình lớn lên, vô tình xinh đẹp mà không cần biết những gì đang chờ đợi mình ở phía trước. Năm mười bảy tuổi, Hoa Dại được cậu con trai ông Ba trên thị trấn để mắt tới. Người viết lại câu chuyện này không biết ông Ba ấy cụ thể là ai. Mà điều đó thực ra cũng không quan trọng, những người như ông đời nào mà chẳng có. Chỉ biết rằng vàng bạc và quyền thế của ông Ba dành cho cậu con trai có thể làm nên mọi chuyện. Không cần phải công phu gì cho lắm, Hoa Dại đã dễ dàng sa vào vòng tay của cậu quý tử ấy. Một hôm, trong một ngôi nhà sang trọng ở ngoại ô thị trấn, lần đầu tiên Hoa Dại biết thế nào là sự lộng lẫy, choáng ngợp thì ra vẫn hiện hữu ở đâu đó trong đời. Nó khác biệt hẳn những tồi tàn, tăm tối của cái vùng quê nơi cô đã lớn lên. Cô bé quê mùa quay quắt trong tiếng nhạc, rượu bia và thuốc kích thích. Cùng với cậu con trai kia, cô cuống cuống vứt bỏ những mảnh quần áo trên cơ thể mình rồi lao vào gã như một con thiêu thân.

Cứ thế hàng tháng trời, Hoa Dại đã kịp quên hết thân phận, quên cả người má tội nghiệp đang nằm trong trại cải tạo để ngấp mình trong những cuộc truy hoan. Nhưng tất cả không chỉ dừng lại ở đó. Sau khi đã nhàm chán thân xác Hoa Dại, cậu quý tử kia bắt đầu rủ rê đám bạn bè cũng con nhà quyền thế như cậu chung nhau “làm thịt” con bé. Thị trấn bấy giờ nức tiếng đám công tử ăn chơi nhất hạng ấy gọi

là nhóm G7. Nhóm G7 gồm toàn những chàng trai thời thượng, con nhà danh giá. Họ không thiếu gì tiền, vàng và quyền lực của những ông bố, bà mẹ để thoả mãn cơn khát dục của mình. Có thể những người bình thường không tin hoặc không tưởng tượng nổi. Nhưng đừng có ai nghi ngờ về sự hiện hữu rành rành của họ trong cuộc đời này. Nhất là đừng có nghi ngờ về những sức mạnh ghê hồn của họ. Vàng và thuốc kích thích sẽ khuấy phục tất cả. Hoa Đại chỉ là một trong số rất nhiều cô bé khác trong vùng bị cuốn vào cái nhóm ấy. Nhưng rồi cũng chẳng được bao lâu. Những bông hoa dại mới được tuyển đến thì những bông hoa cũ bị bỏ đi. Hoa Đại rốt cuộc cũng đến lúc làm cho cả nhóm nhàm chán. Họ tống cô bé về quê cùng với một cái thai trong bụng, cái thai mà cô sẽ chẳng bao giờ biết là của ai trong cái nhóm G7 trứ danh ấy?

Bị đuổi ra khỏi chốn ăn chơi lộng lẫy, trả về đúng nơi tắm tối cũ, Hoa Đại rốt cuộc sẽ tiếp tục đẻ ra những bông hoa dại khác để kế thừa cái số kiếp của mình rồi tàn tạ...? Rất tiếc cuộc đời lại có vẻ không xuôi theo một chiều như thế, mà luôn có những diễn biến bất ngờ. Hơn một năm sau ngày Hoa Đại bị thải ra khỏi thiên đường của nhóm G7, lúc ấy cô đã sinh một lúc hai bé gái, đó chính là Lý và Lơ sau này. Ở một chốn cao cao nào đó, có vẻ như người ta đã tình cờ lần ra manh mối thân phận của cô. Ông Ba một hôm gọi cậu con trai lại. Ông hỏi thăm về cái con bé Hoa Đại của nó ngày trước. Rằng có một ông Hai nào đó từng yêu thương má ruột của Hoa Đại hồi chiến tranh không phải là đã chết. Chẳng ai hiểu vì lý do gì, ngày đó ông Hai đột ngột từ bỏ vùng này, chuyển sang hoạt động ở một vùng khác. Ông Hai ấy bây giờ có địa vị rất cao. Cao đến mức ông ta có thừa quyền lực để làm tiêu tan cả công danh, bổng lộc của ông Ba

cũng như của cả cậu quý tử sau này. Hoa Đại phải chăng là giọt máu ngày xưa của ông Hai? Biết đâu được, mọi điều đều có thể xảy ra. Nếu ông Hai ấy biết Hoa Đại hiện đang có ở trên đời, đã bị nhóm G7 của cậu quý tử làm cho tan nát, biết má nó đang bị oan ức trong trại cải tạo... thì sự nguy hiểm sẽ không thể nào lường được. Địa vị của ông Ba và những người như ông quan trọng gấp nghìn lần số kiếp của những bông hoa đại như nó. Vậy thì, ông Ba và cậu quý tử của ông cần phải nghĩ ra cách gì đó, cần phải làm điều gì đó, đừng giữ an toàn tuyệt đối cho cái danh giá ấy của mình. Thứ gì bèo bọt thì nên để cho nó kết thúc theo kiểu bèo bọt...

Một hôm, cậu quý tử ấy trở về tìm Hoa Đại. Có vẻ cậu ta đã ân hận, đã nghĩ lại và muốn bù đắp một cuộc sống tốt đẹp cho mấy mẹ con cô? Hoa Đại rất tin điều đó, ai cũng sẵn sàng tin điều đó. Gặp lại Hoa Đại sau một thời gian dài vứt bỏ, cậu quý tử không ngờ lại bị choáng ngợp trước sự mặn mà và hấp dẫn mới của cô. Cái đất này thì ra lại cứ hay đùa bỡn, trớ trêu như thế. Hoa Đại chưa đầy hai mươi tuổi, để một lần như người được thay máu, cô nhanh chóng khôi phục nguyên vẹn những nét hấp dẫn mê ly ngày trước. Ông trời đã cho cô cái này, song lại lấy đi của cô tất cả những cái khác. Hoa Đại gặp lại cậu quý tử ấy thì mừng lắm. Đất này không ai biết giận bao giờ, nhất là những bông hoa đại như cô. Lại vàng, tiền, uy quyền và những lời hứa hẹn. Hoa Đại đem hai bé Lý, Lơ gửi hàng xóm rồi ra đi. Cậu quý tử dẫn Hoa Đại đi tít mãi phía cánh đồng. Hai người đi dọc theo một con kinh thẳng tắp, hai bên bờ là những hàng dừa, những bụi cây lặng ngắt, thỉnh thoảng lại thấy buông những tiếng thỏ dài. Cả một bầu trời quê mênh mông. Đây đó có những ngôi chùa bề thế, toà ngang dãy dọc, mang một lối kiến trúc rất đặc trưng. Thật đúng là

những chốn an lành, vĩnh cửu của cõi tâm linh. Đây đó lại thấy những xóm ấp tồi tàn ẩn mình dưới những tán dừa. Ở đó rất hiếm tìm thấy một ngôi nhà xây kiên cố. Những con người từ đời này sang đời khác chỉ biết chui rúc trong những căn nhà lá, tường đắp bằng đất hoặc thưng bằng phen tre. Thật đúng là những nơi bất trắc, tạm bợ của cõi trần tục. Gió thổi từ dưới dòng kinh lên man mác hơi bùn. Mùi con gái mới sinh gây gây, ngào ngào toả ra từ mái tóc, từ thân thể của Hoa Đại làm cho gã con trai ngây ngất. Bây giờ cậu mới biết, thì ra ở giữa cái chốn đồng không mông quạnh, lấm lem bùn đất này, sự hấp dẫn của những bông hoa đại mới thực sự tuyệt vời. Nó còn kêu gọi gấp nghìn lần những nơi sang trọng loè loẹt, sặc sụa mùi rượu bia, khói thuốc lá mà cậu và lũ bạn trong nhóm G7 hằng trải qua. Hơn cả những khi phải uống rượu mạnh, rượu sừng tê hoặc thuốc kích thích. cơn thèm khát trong con người cậu quý tử đã dâng đến tột đỉnh. Không kịp suy nghĩ gì nữa, gã hấp tấp quàng tay qua eo lưng Hoa Đại, ôm cứng lấy cô rồi vật cô xuống một đám cỏ cạnh bờ kinh. Hoàng hôn bắt đầu buông xuống rất nhanh...

Lão triệu phú vẫn không có cách gì thoát khỏi sự trừng phạt của ánh mắt Lý mỗi khi lão muốn hành sự. Lão đã mấy phen kinh hồn khiếp đảm nhưng vẫn không từ bỏ cái ý định khốn kiếp của mình. Lão không thể giải thích nổi. Có gì liên quan giữa ánh mắt ấy của Lý với những vết sẹo lão đang mang trên người? Đó phải chăng chỉ là sự ám ảnh, cộng hưởng của ảo giác? Không bao giờ lão chịu tin rằng quá khứ sẽ có lúc trở lại để trừng phạt tội ác của lão. Chẳng lẽ phải khoét đôi mắt của nó đi? Lão cũng dám làm điều đó lắm, lão đang phát điên đây. Dù có phải chết, thì trước khi chết, lão sẽ khoét đôi mắt của Lý. Chính cô ban đầu cũng chưa nhận ra điều kì lạ ấy từ đôi

mắt của mình. Cô kinh ngạc thấy lão triệu phú đang sắp sửa giở trò bống rụt tay lại, ôm mặt rú lên những tiếng rú khủng khiếp, lại còn ngã vật ra lăn lộn, tỏ vẻ đau đớn lắm. Cô soi gương và bống giật mình nhận thấy những tia nhìn khác hẳn đang chiếu ra từ đôi mắt của chính mình. Ánh mắt ấy hình như không phải của cô, của một ai đó, lại như ở một cõi khác, không hề có giữa chốn trần gian khốn nạn này. Dù thế nào thì cô cũng không quan tâm. Vấn đề là cô tạm thời được yên ổn, chưa bị con quỷ già kia làm hại. Song cô biết sự yên thân này sẽ chẳng kéo dài. Lão triệu phú đã gọi gã Cơm Thiu đến. Phải tìm mọi cách đối phó với ánh mắt ấy trước khi buộc phải khoét nó đi. Hai ông cháu con đực ấy đang lăm lét bàn bạc, suy tính một điều gì...

Bà Năm (cô Năm ngày trước bây giờ đã trở thành bà Năm) được ra khỏi trại cải tạo, bà trở về thì chỉ còn được thấy hai đứa cháu gái song sinh. Hai đứa sinh ra trong thời gian bà còn nằm trong trại. Chúng được bà con trong ấp nuôi nấng, nay giao lại cho bà. Còn Hoa Dại, má của chúng đã bỏ đi biệt tích theo cậu công tử từ đúng cái ngày ấy, không ai biết cô đi đâu. Bà Năm lại lần hồi nuôi Lý và Lơ bằng cỏ rác, bằng nước mắt và những sinh lầy quanh năm nước đọng trong vườn nhà. Mặc kệ những gì đồn đãi, mặc kệ những gì đã và sẽ còn giáng xuống. Hai bé gái cứ lớn lên và chúng quả nhiên lại hứa hẹn sẽ trở thành những bông hoa dại. Gió vẫn thổi, cây vẫn xanh và ngày ngày, mặt trời vẫn rực sáng trên đầu. Một buổi chiều u ám, bà Năm bống như người mộng du dất theo Lý và Lơ, lúc này đã được hơn chục tuổi. Không ai biết ba bà cháu đi đâu. Chỉ biết rằng ba cái bóng ấy lúc khuất lúc hiện chập chờn, nghiêng ngả dọc theo bờ kinh. Ba bà cháu cứ đi, đi tít mãi về phía cuối con kinh. Những

bước chân như được dẫn đường bởi ma quỷ. Hai bên tai gió lạnh thổi hầm hào, tràn ngập một thứ mùi rờn rợn, lạnh toát đến gai người. Đâu đó giữa cánh đồng vọng về những tiếng chuông chùa buồn tẻ. Đang có giấc cầu nguyện buổi chiều.

Tới đúng chỗ có ngã ba, nơi con kinh đổi dòng để chảy ra với biển, bà Năm bỗng dừng lại. Đôi mắt đã mờ đục, man dại của bà nhìn trần trối vào một gốc mù u mọc ngay sát bờ kinh, trơ những đoạn rễ loằng ngoằng, khẳng khiu của nó cắm sâu xuống mặt nước. Bất chợt, hai tay Bà Năm chới với, bà khuỵu xuống, vừa nức nở vừa run rẩy thốt lên hai tiếng: “Con ơi!”. Ngay lúc đó, một làn gió thổi ào tới. Ngã ba dòng kinh đen ngòm như hoảng hốt vì bị đánh thức bất ngờ. Một con sóng trào lên đập mạnh vào gốc mù u. Bụi nước tung lên cao, trùm kín lấy ba bà cháu. Lẫn trong tiếng sóng và tiếng gió, nghe như có tiếng khóc nỉ non của một linh hồn oan khuất. Lý và Lơ bé bỏng không hiểu chuyện gì xảy ra. Hai đứa hoảng sợ ríu cả chân lại.

Chúng vừa ôm chặt lấy nhau, vừa khóc thét lên như bị ai đánh. Tiếng khóc của ba bà cháu làm lặng ngắt một khoảng trời chiều.

Một lát sau, bà Năm dần dần trấn tĩnh lại. Vẫn còn run rẩy nhưng đầy vẻ quả quyết, bà thả chiếc áo khoác ngoài xuống đất rồi bước tới gốc mù u, thận trọng bám vào những đoạn rễ của nó và từ từ lần xuống. Ngâm hẳn người xuống dưới dòng kinh lạnh lẽo, bà đưa hai tay mò sâu vào phía trong gốc mù u, bới trong bộ rễ dày đặc, rối tung của nó như muốn tìm kiếm một vật gì. Hình như bà đã ra khỏi cơn mộng du. Bàn tay của bà đã đụng vào cái vật cần tìm ấy. Bà vội vã nâng nó lên khỏi mặt nước, ôm nó vào lòng. Đó là một khối tròn to, đen sì và rờn rờn bùn nước. Bà Năm một tay giữ chặt nó trước ngực, một tay bấu những rễ cây, lập cập leo lên bờ. Bà lấy chiếc khăn rằn đang quấn

trên đầu xuống, trải nó trên mặt đất rồi cẩn thận đặt cái khối tròn tròn ấy lên. Đó là một cái sọ người. Lúc này hoàng hôn đã buông được một lúc, màn đêm sắp sửa bôi nhọ hết bầu trời. Dưới thứ ánh sáng nhờ nhờ ấy, cái sọ ướt đầm vẫn còn kịp hắt lên óng ánh, từ trong hai hốc mắt sâu hoắm, lấp loáng những ánh lân tinh, những giọt nước tròn to lăn xuống chiếc khăn rằn như những giọt nước mắt. Bà Năm lấy từ trong chiếc áo khoác ban nãy ra một bó nhang và một chiếc hộp quẹt. Hai bàn tay bà run rẩy che gió, loay hoay bật chiếc hộp quẹt. Bà thắp lên mấy nén nhang rồi quay ra bảo Lý và Lơ, lúc này đã thôi khóc, đang ôm nhau nhìn hút vào cái sọ:

- Hai đứa quỳ xuống! Lạy má đi các con...

Hoa Đại ngày trước đó ư? Vâng, chính là Hoa Đại đấy. Hoa Đại xinh đẹp và trẻ trung ngày nào, giờ chỉ còn lại có thể. Cô đã trôi đến đây, đã cố ý níu vào đám rễ cây mù u ấy để nằm lại, chờ đến ngày trở về với má, với hai đứa con gái bé bỏng của mình. Còn việc tại sao bà Năm lại tìm được đến đúng chỗ này thì sau đó không ai giải thích được. Chỉ biết rằng những việc tương tự như thế vẫn thường xảy ra, nhất là đối với trường hợp của những oan hồn...

Đã mấy tháng trời kể từ ngày Lý ra đi, hai bà cháu ở nhà vẫn bần bật tin tức. Những cơn ác mộng làm cho bà Năm lo nghĩ, đau yếu luôn luôn. Lại vào đúng cái thời buổi mà những người nghèo hình như không có quyền được có bệnh tật. Một nghìn đô la giả bán Lý chẳng mấy chốc đã tiêu hết vào tiền thuốc men, tiền bác sĩ đang ngày càng đắt đỏ. Hai bà cháu rơi vào một cơn túng quẫn. Có người đã môi giới, dắt Lơ lên thành phố làm người giúp việc cho một gia đình nọ. Bốn trăm ngàn tiền công một tháng cũng có thể gửi về giúp cho

ngoại cô sống được qua ngày. Chỉ cầu mong cho ngoại đừng có ốm đau. Lơ là một cô bé ngoan hiền và có chí. Song cô bé đâu có biết rằng mình vẫn gánh phải cái tội của vùng đất quê hương, của mấy đời bà cháu, má con cô. Đó là cái tội xinh đẹp như một bông hoa dại, để cho bất cứ kẻ nào trông thấy cũng phải thêm thương.

Lơ làm người giúp việc trong toà biệt thự lộng lẫy của một ông cán bộ đã về hưu ở ngoại ô thành phố. Cô được dạy rằng cứ gọi ông ấy là ông Hai. Lần đầu tiên Lơ biết trên đời còn có những người giàu, những người ăn không biết đến bao giờ cho hết của. Ông Hai trong nhà tuổi ngoài bảy mươi, con cháu đầy đàn, toàn những người vinh hiển, sang trọng. Những dịp cuối tuần, đủ các kiểu xe hơi của họ từ những chỗ đâu đâu trong thành phố kéo về đỗ đầy sân biệt thự.

Trước khi lên ở đây, ngoại đã nói trước cho Lơ biết, rằng giữa cô với họ luôn luôn phải giữ một khoảng cách, cái khoảng cách trời sinh ra phải thế. Lơ chỉ dám truyện trò với chị Sáu, một chị cũng phụ việc trong nhà ấy trước Lơ vài năm. Chị Sáu quê miền Trung, giọng nói của chị nghe hơi nặng. Chị tốt với Lơ lắm. Chị thường khen Lơ dễ thương. Nhưng lần nào khen xong, Lơ cũng thấy chị thở dài. Lơ có hỏi tại sao thì chị không trả lời, đôi mắt chị bỗng chốc chột xa xăm, u uẩn như nhớ về quê hương, nhớ cái thời còn con gái của chị. Lơ cũng nhớ đến người chị gái song sinh lấy chồng ngoại quốc của mình. Lơ đã từng đem ra khoe với chị Sáu. Không hiểu Lý có xe hơi không nhỉ? có được sung sướng như những cô chủ, cậu chủ trong nhà này không? Lơ mong tin của Lý nhưng càng mong thì lại càng bật vô âm tín. Nhiều lúc Lơ tự hỏi chị Lý đâu có phải mũi tên? hay chị là hòn đất? Điều đó thật khủng khiếp. Hòn đất ném xuống dòng sông, sẽ không bao giờ quay trở lại.

Những điều chị Sáu tránh không nói ra, dần dần với linh cảm của một cô gái đang tuổi dậy thì, Lơ cũng bắt đầu nhận thấy. Trong ngôi biệt thự này có một gã con trai lớn hơn Lơ vài tuổi, đó là cậu Pít - cháu nội của ông Hai. Cậu Pít một mình sở hữu mấy chiếc xe, cả xe hơi lẫn xe gắn máy. Chẳng biết từ lúc nào, cậu ta bắt đầu để ý đến Lơ, nhìn Lơ bằng cái nhìn rất lạ. Lơ xấu hổ và ngượng ngùng, cũng có đôi lúc cô cảm thấy hãnh diện. Nhưng cảm giác đó kéo dài không lâu, thay vào đó là một nỗi sợ hãi mơ hồ. Lơ không thích ánh mắt chòng chọc nhìn vào mình của cậu ta. Những lúc đó, Lơ muốn biến thành con kiến, chui vào một cái lỗ nào đó thật sâu để trốn tránh. Nhưng ông trời không cho Lơ biến thành con kiến, và cũng chẳng có cái lỗ nào để chui. Sự xấu hổ, ngượng ngùng của một cô gái mới lớn chẳng bao giờ làm cho ý nghĩ của bất kì gã đàn ông nào chùn lại. Điều đó chỉ tổ làm rục thêm vẻ hấp dẫn, hút hồn của các cô. Cậu Pít chắc đã từng trải qua không biết bao nhiêu đàn bà, con gái. Nhưng cậu dám đánh cược với đám chiến hữu rằng riêng cái khoản hấp dẫn ấy thì không có đứa nào có thể so sánh nổi với Lơ.

Ông Hai chắc là người rất rành về hạnh kiểm của thằng cháu nội. Ông đã nhận ra mối nguy hiểm của Lơ trong ngôi biệt thự này. Ông tỏ ra thương hại và có ý bảo vệ Lơ. Bằng những câu nói, cử chỉ vẫn còn đầy uy quyền của mình, ông cảnh cáo cậu Pít đừng bao giờ mơ tưởng đến Lơ, hãy để cho Lơ được yên ổn. Nhưng mợ Hai - má của cậu Pít thì lại không làm như thế. Mợ Hai sợ Lơ sẽ làm hư hỏng cậu quý tử của mợ. Con đường công danh của cậu Pít đang rộng mở, tương lai của cậu rực rỡ như trời sao lại có thể để cho một đứa ở gái quê mùa như Lơ làm ảnh hưởng. Và số phận của Lơ trong ngôi biệt thự thế là đã được định đoạt. Chị Sáu đã nói cho Lơ biết điều đó. Lơ

sẽ bị mợ Hai cho nghỉ việc. Lơ vô nghề nghiệp và ngây thơ, lần đầu tiên bước chân lên thành phố. Lơ sẽ đi đâu? Làm thế nào để sống và kiếm tiền nuôi ngoại giữa cái thành phố xa lạ và đầy cạm bẫy này? Lơ cảm thấy mù mịt và run sợ. Đừng lo em ạ. Thành phố bây giờ nhiều việc làm lắm. Vần minh mà. Chị Sáu sẽ giúp em. Chị sẽ nhờ người xin cho em vào làm ở một quán cà phê. Nhưng em phải cẩn thận, cố giữ mình được đến lúc nào hay lúc ấy. Trước sau gì thì tất cả những cô gái như chị em mình cũng chẳng thoát nổi đâu.

Lơ bị buộc phải rời khỏi tòa biệt thự. Cô được người quen của chị Sáu xin cho vào phục vụ ở một quán cà phê. Một thời gian ngắn sau Lơ bắt đầu dần dĩ hăng lên, cô không còn khép nép, sợ sệt như lúc còn ở trong ngôi biệt thự kia nữa. Cái vỏ quê mùa của cô đã dần dần biến mất, Lơ lột xác từ lúc nào không hay. Không cần trang điểm, không chú ý tới cả cách ăn mặc. Nhưng sự rực rỡ, lộng lẫy và những nét tuyệt trần của một cô gái dậy thì như Lơ thì không dấu đi đâu được. Cô có thêm nhiều chị em bạn mới, cũng là những gái quê như cô. Đã có khối chàng trai cưỡi trên những chiếc xe máy đắt tiền bắt đầu chú ý tới sự xuất hiện của một bông hoa dại rực rỡ ấy nơi đoạn phố này. Lơ vui vẻ và yêu đời. Cô cảm thấy thích thú với cái môi trường sôi động và cực kì phồn hoa đang ngày ngày diễn ra xung quanh. Nhưng một nỗi lo khác lại ập đến với cô bé. Bây giờ bà Năm ở dưới quê đã yếu lắm, không thể tự săn sóc cho mình được. Một lần nữa, có lẽ cô lại phải chia tay với chốn này thôi. Cô phải về quê chăm sóc ngoại. Nhưng bà cháu sẽ sống bằng gì? Lý vẫn không hề có tin tức. Trong lúc đang quẩn trí thì may quá, Lơ đã được mấy chị em bạn cùng làm giúp đỡ. Họ bày cách cho cô, rủ nhau hùn tiền cho cô vay để thuê một căn phòng trọ rồi đón bà ngoại lên ở cùng.

Số phận vốn không muốn báo trước cho ta biết điều gì, song tất cả những diễn biến sau đó thì cứ như đã sắp sẵn, con người sống chỉ biết chui dần vào. Thế là rốt cuộc, bà cháu Lơ cũng đến lúc phải rời bỏ cái vùng quê đầy nghiệt ngã của mình. Bà Năm mắt đã mờ đục, chân tay run lẩy bẩy. Bà có linh cảm rằng lần ra đi này không bao giờ quay trở lại. Bà không tiếc nuôi điều gì, chỉ không muốn phải xa phần hài cốt còn lại của Hoa Đại đang nằm dưới gốc dừa, không muốn nắm xương tàn ấy từ nay lạnh lẽo. Từ trong tâm thức sâu thẳm của một người má, có một giọng nói thê lương cất lên bảo với bà rằng Hoa Đại cũng không muốn xa má, Hoa Đại cũng muốn được đi theo. Và thế là trong tay nải của hai bà cháu, có một chiếc khăn bằng vải đen bọc một vật luôn luôn được ràng buộc cẩn thận. Đó chính là phần hài cốt ấy của Hoa Đại.

Cám ơn thành phố thời mở cửa, để một cô gái như Lơ cũng có thể làm được cái việc mang bà ngoại lên đó sinh sống. Cuộc đời bây giờ thiếu gì những người vừa có tiền, lại vừa có tư duy nhạy nạnh, nhạy của bất cứ ai, nhạy bất cứ cơ hội nào. Họ chia nhỏ những khu đất nằm sâu hút trong hẻm của mình ra, cất lên đó những cái gọi là những căn phòng trọ tạm bợ, sơ sài. Hai trăm ngàn đồng một tháng cho một chỗ chui rúc hai mét nhân bốn mét, vẫn có một vòi nước và chỗ đi tiêu, đi tiểu ngay trong phòng. Bà cháu Lơ thế là tạm có nơi, có chốn trong cái thành phố rộng lớn, đầy áp phồn hoa này. Như một con chim non đã biết ngày ngày bay đi kiếm mồi tha về tổ, Lơ cảm thấy sung sướng và hạnh phúc khi có ngoại, có hương hồn của má ở bên cạnh. Cô rất vui vì đã chăm sóc, nuôi nấng được ngoại... Lơ làm ở quán cà phê từ chín giờ sáng đến mười giờ đêm. Sáng sáng mua sẵn cho ngoại hai hộp cơm ăn cả ngày. Thế cũng tạm ổn rồi. Cô hy

vọng rằng cuộc đời sẽ có ngày khá lên, cầu mong đừng có xảy ra chuyện gì.

Vâng, cuộc đời chắc sẽ có ngày khá lên. Có điều hai bà cháu cứ như hai vận động viên thi nhau chạy ngược về hai thái cực. Lơ càng phồng phao và rục rờ ra bao nhiêu thì bà Năm càng lụm khụm và teo tóp đi bấy nhiêu. Cứ thế được khoảng vài tuần, vào một buổi sáng sớm, ông bà chủ có nhà cho thuê đột nhiên đến kiểm tra dây phòng trọ của mình xem cái đám nhếch nhác vong xứ, vong quê này ăn ở ra sao. Họ bắt gặp hai bà cháu đang ăn sáng.

- Ở đâu ra cái bà lão này?

- Dạ! đây là ngoại con ở dưới quê mới lên.

- Xi! bày đặt ở dưới quê lên. Sao lúc làm hợp đồng cô không nói trước. Già thế này biết chết lúc nào. Ngộ nhỡ chết ở đây có phải xui xẻo nhà người ta hay không?

- Con xin ông bà. Ngoại con không còn ai chăm sóc...

- Đấy không phải việc của chúng ta. Chúng ta không chấp nhận. Thế thôi. Ngay ngày mai, cô phải đưa ngoại cô về, nếu không chúng ta không cho thuê nữa.

Té ra bà Năm không có quyền được sống ở đây, đơn giản vì bà cũng không có quyền được chết ở đây. Họ đi đã lâu rồi mà hai bà cháu vẫn còn ngẩn ra hoảng sợ. Bà Năm đánh rơi cả miếng cơm đang trệu trạo trong mồm, khuôn mặt răn reo ngấn đầy nước mắt. Đi đâu bây giờ? Chỗ nào rồi người ta cũng sợ người già như thế. Bà Năm thương mình, thương cháu. Giá bà có thể đi đâu để chết, để khỏi trở thành gánh nặng cho Lơ... Chợt Lơ nghĩ ra một cách. Cô ghé tai ngoại nói nhỏ: "Từ mai, mỗi khi đi làm, con sẽ khoá cửa ngoài. Ngoại cứ nằm im trong phòng, đừng gây ra tiếng động nào nhé. Để họ

tưởng là con đã đưa ngoại về”...

Cuộc âm mưu vụng trộm của hai bà cháu cứ thế kéo dài được hàng tuần. Có vẻ như vợ chồng người chủ nhà kia không hề biết rằng bên trong cái cánh cửa ngày ngày vẫn khoá im ỉm của căn phòng ấy, có một nhân khẩu bất hợp pháp già nua đang sợ hãi nín cả thở...

Thằng Pít, cháu nội của ông Hai trong ngôi biệt thự ngày ấy bị tuột mất Lơ thì tiếc lắm. Nó cùng đám chiến hữu cũng con ông cháu cha như nó xưa nay chưa từng gặp thất bại bao giờ. Chúng lập ra một nhóm gọi là nhóm “S-T”. S-T có nghĩa là sướng tit (hoặc sướng tê). Nghĩa là không thiếu một cái sướng nào, cái nào cũng phải đạt tới tột đỉnh mê ly. Chúng đặt giải thưởng cho kẻ nào nghĩ ra những cách chơi mới lạ, miễn sao đưa được hồn vía lên tới chín tầng mây. Nhóm “S-T” có đủ tuyên ngôn, điều lệ, biểu trưng. Thậm chí có cả “S-T ca”. Bài “S-T ca” có tên: “thập sách” (mười kế) của chúng là: “Cứ tọng thuốc lắc / Cứ nắc gái tươi / Cứ đua xe hơi / Cứ chơi bạc bịp / Đuổi kịp ông Bô / Để vồ lấy chức / Thả sức lấy vàng / Mau quàng lấy đất / Có giạt lấy quyền / Rồi tuyên mình thành Bô”. Đó là “lời dạy”, là đường lối, định hướng tiến tới cái tương lai xán lạn của những kẻ như chúng mà chúng đã “sáng tác” từ hồi còn ngồi trên ghế nhà trường. Nhóm “S-T” đứa nào cũng sở hữu trong tay ít nhất một vài “bộ” gọi là “đi-em-xi” (D-M-C). Không phải kí hiệu xe hơi hay vũ khí quân dụng đâu nhé. Ba chữ cái ấy có nghĩa là Diễn viên, người Mẫu và Ca sĩ. Gọi là “bộ” vì mỗi “bộ” phải gồm đủ ba cô như thế có “chất lượng”, có “kiểm chứng” hẳn hoi. Thằng nào không đủ “bộ”, không thèm cho chơi. Thằng Pít đã chán cả mấy cái “bộ” “đi-em-xi” của mình rồi. Nó đang muốn “cải tiến”, mở rộng thành “bộ” “đi-em-xi-quì” (thêm gái Quê vào nữa thành chắn bốn cô). Nhóm S-T thuê “chết” cả

tầng thượng một tòa nhà cao nhất nhì thành phố làm chốn ăn chơi. Mỗi lần tụ họp, thằng nào cũng phải gọi “đi-em-xi” của mình tới rồi làm tình tập thể hay tay bo, tay ba gì tùy thích. Những cuộc vui giữa lưng chừng giờ như thế có khi kéo dài đến mấy ngày, thậm chí hàng tuần.

Một thằng trong nhóm S-T trong một lần đi kiếm “hàng dạt” (gái lang thang), đã tình cờ phát hiện ra Lơ đang bán ở quán cà phê ấy liền báo cho Pít. Thằng Pít mừng rỡ đến phát rồ. Ngay lập tức, nó lập kế hoạch chiếm đoạt Lơ cho bằng được. Bây giờ thì mọi việc đã trở nên quá thẳng thắn, dễ dàng. Thằng Pít không còn phải ngại ai nữa. Nó không cần phải lăm lét giữ ý hay giả vờ làm bộ như khi Lơ còn là đứa ở trong nhà nó. Cái mã bề ngoài, vài lời hứa hẹn và những khoản tiền “bo” của thằng Pít đã nhanh chóng làm Lơ xiêu lòng. Mà Lơ phỏng còn giữ mình được bao lâu nữa kia chứ? Không sa vào tay nó thì cũng sa vào tay người khác mất thôi. Những ngày làm ở quán cà phê này, Lơ cũng đã kịp dày dạn ra đôi chút. Rồi Lơ cũng phải nhắm mắt, phải “liều” thân với cuộc đời này thôi. Lơ vẫn còn nhớ câu nói của chị Sáu: “cố giữ mình được đến lúc nào hay lúc ấy. Trước sau gì thì tất cả những cô gái như chị em mình cũng chẳng thoát nổi đâu”. Lơ lẩm bẩm nhắc lại rồi chặc lưỡi. Cái gì phải đến rồi sẽ đến.

Lịch sử dù rộng hay hẹp, ngắn hay dài đều rất thích chơi trò xoáy tròn ốc. Hôm ấy là ngày thằng Pít giới thiệu “bộ” tứ “đi-em-xi-qui” của mình tại thiên đường “lưng chừng giờ” của nhóm S-T. Những gì xảy ra cách đó gần hai mươi năm với Hoa Đại cùng nhóm G7 ở cái thị trấn quê mùa kia, thì nay lại xảy ra với Lơ và nhóm S-T cùng những “bộ” “đi-em-xi” lộng lẫy và trần trụi của chúng. Có điều sự hoành tráng và cao cấp, sự hiện đại và ghê hồn thì dẫu đến ba đời ông nội

để ra chúng ngày trước, cũng không thể nào ngờ tới được. Quay cuồng trong tiếng nhạc, rượu mạnh và thuốc lắc, cả một đám con trai, các “đi-em-xi” và Lơ lệt bỏ hết quần áo, lao vào một cuộc truy hoan vô bờ bến. Những sản phẩm văn minh kia của nhóm ăn chơi đã làm cho Lơ hoàn toàn mất trí, hoàn toàn không điều khiển được mình. Cô không biết thời gian có còn trôi đi nữa không, trôi đến bao giờ? Người ta đã làm gì cô?... Cứ như thế hết ngày lại đêm, hết đêm lại ngày... Cái chồn lưng chừng giờ ấy đâu cần biết Trái đất vẫn đang quay. Lơ chưa kịp tỉnh thì đã lại tiếp tục say, tiếp tục bị tống rượu mạnh, thuốc kích thích vào miệng. Có phải nhóm S-T kia đã vô tình? Hay chính là số phận đã cố ý không cho cô một cơ hội nào để nhớ đến bà ngoại, nhớ đến nắm xương tàn của má cô đang trốn trong căn phòng trọ tồi tàn ấy mong cô trở về...

Từ ngày Lơ bị đuổi ra khỏi ngôi biệt thự, ông Hai cảm thấy có một điều gì cứ thỉnh thoảng lại làm ông hoảng hốt. Quả tim đang có vấn đề của ông cùng lúc lại dội lên gây tức ngực, khó thở. Có phải do ông mới sinh ra chứng đa cảm khi nghĩ đến hoàn cảnh của Lơ? Ông không giải thích được. Cả đời ông chẳng bao giờ đa cảm như thế. Chiều hôm ấy có một kẻ bí ẩn đến nhét vào thùng thư ngoài cổng biệt thự một cái bao thư. Đó là thư gửi cho chính ông Hai. Chị Sáu là người mang vào cho ông, song chị không hiểu trong đó viết gì. Ông Hai mở ra và chỉ thấy bức thư ghi vồn vện một dòng địa chỉ với những: “phố... hẻm... phòng...”. Bức thư kì lạ làm cho ông Hai cảm thấy bứt dứt hoảng hốt, đứng ngồi không yên. Như một cái máy, ông ra khỏi ngôi biệt thự, vẫy một chiếc tắc xi. Ngồi trong xe, cũng như một cái máy, thậm chí như một người mộng du, ông Hai đưa bức thư ấy cho người lái xe rồi ngồi im như một pho tượng, miệng không thốt

ra tiếng nào. Tới đúng số hẻm ấy, chiếc xe dừng lại. Ông Hai xuống xe, chậm rãi bước vào tít phía trong con hẻm. Ông nhìn thấy một dãy phòng trọ bản thổ, nhìn thấy cả cái số phòng đã ghi trong địa chỉ. Nhưng hình như căn phòng đang bị khóa ngoài. Ông từ từ bước lại gần. Còn cách độ ba bước chân thì cái ổ khoá đang móc trên cánh cửa bỗng nhiên rụng xuống. Ông Hai thoáng một chút rùng mình. Bây giờ thì đúng là ông Hai đang bị mộng du. Ông mở chiếc cánh cửa, bước hẳn vào trong phòng. Căn phòng tối tăm, ẩm mốc và lạnh toát một mùi tử khí. Trên manh chiếu trải dưới đất là một thi thể co quắp vẫn đang trừng mắt, ngửa mặt lên trần nhà, hai tay ôm cứng một bọc vải tròn tròn đen sì, được chằng buộc cẩn thận. Ông Hai quỳ xuống, nhìn vào gương mặt của thi thể và bỗng giật mình há hốc mồm, thốt lên mấy tiếng ào phào: “Bà... Cô Năm... Năm...”. Tiếng ông ngưng bật ngay lúc ấy, cơn đau tim bất ngờ dội lên. Trước khi đổ vật xuống, trong đầu ông Hai còn kịp thoáng hiện lên hình ảnh cái khối dâm dục đỏ au, ngồn ngộn thịt của tên lính đánh thuê người ngoại quốc đang giật lên, giật xuống trên tấm thân người con gái ngày nào, rồi thì những nhát chém, rồi máu, máu và chao ôi là máu... Cùng lúc ấy, ở cách đó bao nhiêu ngàn cây số, nơi cái xứ sở xa lạ kia, lão già triệu phú rốt cuộc cũng đã tìm ra cách khuất phục cái ánh mắt làm cho lão phải kinh hồn ấy của Lý. Té ra lão áp dụng cái phương pháp tân kì của thằng Cơm Thiu. Lão không ngờ lớp hậu sinh bây giờ lại hiện đại đến như thế. Chúng chẳng cần phải cưỡng bức như thế hệ của lão ngày trước mà vẫn chiếm đoạt được bất kì đứa đàn bà nào. Khoa học tiên tiến của con người, thì ra lại có khả năng đánh thức và khuyếch đại bất kì thứ bản năng nào của chính con người lên cao bao nhiêu tùy ý. Lão trộn thuốc kích thích vào thức

ăn, nước uống cho Lý và kiên nhẫn chờ đợi. Lão khoái trá chứng kiến cảnh Lý cầu xé, vật vã đòi hỏi khi bị ngấm thuốc. Nhưng ánh mắt của cô thì vẫn còn làm cho lão kinh. Lão tăng dần liều lượng và quả nhiên, những tia thù hận trong ánh mắt ấy cũng dần dần giảm theo. Đến khi lão đã tăng tới liều lượng cao nhất thì nó dường như đã hoàn toàn bị khuất phục.

Lý đã tự xé tan bộ quần áo đang mặc trên người. Cô nhắm nghiền mắt lại, hơi thở hỗn hển, thân thể không ngớt cuộn lên từng chập. Chỉ chờ có thế, lão già bật ra một tràng cười đắc thắng rồi đặt chiếc nạng xuống bên cạnh, yên tâm bò lên người Lý. Bỗng lão rú lên một tiếng khủng khiếp. Không phải trong ý nghĩ nữa, mà đúng là sự thật, những nhát chém ngày nào đang tiếp tục bổ xuống người lão. Lần này thì lão chẳng lặn đi đâu được nữa. Toàn bộ những vết sẹo trên người lão, cả ở cái mặt cắt chỗ chân cụt đồng loạt vỡ tung ra, toang máu. Máu của lão phun lên trần nhà, sang hai bên, ào xuống tấm đệm, nhuộm đỏ cả người Lý. Mùi máu hôi tanh sặc sụa của lão làm cho Lý chột bưng tỉnh. Cô vụt vùng dậy, ghê tởm gạt phăng cái xác đỏ lôm của lão xuống nền nhà...

Xin hãy quay trở lại căn phòng trọ. Ngay tối hôm ấy, người ta phát hiện trong đó có ba thi thể. Đúng ra là chỉ có hai và một bộ hài cốt không còn đầy đủ. Một thi thể chết tươi, bị vỡ tim chính là ông Hai. Thi thể kia là của một bà lão đã lạnh cứng từ trước đó mấy ngày. Tại sao ông Hai lại tìm đúng đến đây để vỡ tim mà chết? Câu hỏi ấy cho đến nay vẫn còn bỏ ngỏ. Người ta cũng tìm ra người lái tắc xi đã đưa ông đến đây. Anh ta cũng nhớ là ông Hai có đưa cho anh ta một bức thơ. Bức thơ vẫn còn nằm dưới sàn xe. Nhưng khi người cán bộ điều tra vừa nó cầm lên tay thì lập tức, bức thơ ấy mủn ra như cám, bay

tung vào trong gió, chẳng để lại tí dấu vết gì.

Cái chết bất đắc kì tử của lão triệu phú không hề làm cho gã Cơm Thiu đau buồn. Trái lại, gã vui mừng vì từ nay đã chính thức thừa kế toàn bộ cơ nghiệp của ông nội. Lý không còn thiết gì đến chốn này nữa, cô đã bị suy sụp hoàn toàn. Cô nhớ ngoại, nhớ Lơ, cô chỉ muốn được trở về. Từ cái hôm kinh khủng ấy, lúc nào Lý cũng ngửi thấy mùi máu tanh hôi của lão triệu phú phảng phất đâu đó trong căn nhà, trên chính thân thể cô. Gã Cơm Thiu thì chẳng ngửi thấy mùi gì. Gã chỉ thấy thân thể cô bây giờ mới thực sự thơm lừng mùi gái trinh. Ông nội gã không còn, giờ là lúc gã được toàn quyền sử dụng tấm thân vẫn còn trinh tiết ấy. Song lúc nào gã cũng chỉ coi Lý như một thứ gái mà thôi. Lại một điều là mặc dù lòng Lý vẫn còn nguyên sự thù hận đối với cái gã đốn mạt này. Nhưng ánh mắt của cô đối với gã thì không hề có tác dụng như đối với ông nội gã trước kia. Thực chất ánh mắt ấy bây giờ chỉ còn là ánh mắt của một con cừu non ngây thơ và sợ hãi. Sau khi đã dày vò chán chê, một hôm, gã Cơm Thiu chở Lý đến bán cho cái nơi ấy, lấy lại đúng số “vốn” một nghìn đô ngày trước. Nơi ấy có hai chữ treo lơ lửng trên cao mà cô không đọc được. Cô giật mình nghe thấp thoáng giọng nói và những gương mặt đờ đẫn của mấy người đàn bà cùng xứ sở. Bao nhiêu người như cô đã bị bán nơi đây? Gã đểu giả ấy bảo cô rằng hãy cố mà học cái thứ tiếng thổ tả ở xứ sở của gã. Bởi cô không còn đường nào quay trở về nữa. Bởi chữ đầu tiên cô cần phải học, chính là hai cái chữ treo trên cao đó. Hai chữ ấy có nghĩa là “Nhà Chứa”. Và thân phận của cô, của những người đàn bà cùng xứ sở kia, có ai ngờ từ nay sẽ gắn liền với hai cái từ kinh điển ấy của kiếp mình...

Lơ chấp chờn tỉnh dậy và cảm thấy toàn thân mỗi nhừ, đầu nhức

như búa bổ. Xung quanh cô ngổn ngang những vỏ thuốc, chai lọ, đồ lót và những thân thể trai, gái lả lơi đang nằm vắt chồng lên nhau. Chốn “lưng chừng giờ” này của nhóm S-T biệt lập hẳn với thế giới của con người. Không biết đây là đâu? bây giờ là lúc nào, bao nhiêu ngày đã trôi qua... Lơ dần dần nhớ lại điều gì và bỗng giật mình, hoảng hốt rú lên một tiếng. Cô cuống cuống vùng dậy, vơ đại một bộ quần áo vứt cạnh đó rồi hối hả mặc vào người. Tiếng rú của Lơ làm cho cả bọn đang mê mết cũng bừng tỉnh. Giọng chúng nhao nhao, đưa lè nhè, đưa cười ô ồ hết một lũ quỷ Sa Tăng. Có đứa quờ tay túm lấy Lơ. “Không được! Thả tôi ra. Ngoại tôi đang chết đói trong phòng trọ...” - Lơ hét lên. Cô vừa vùng vẫy vừa oà khóc nức nở. Mặc kệ! Nhóm S-T chưa chứng kiến đứa con gái nào từ chối, chống cự lại chúng bao giờ. Chính sự vùng vẫy, nức nở ấy của cô càng làm cho lũ kia bất ngờ lên cơn khát dục. Thế là thằng Pít và tất cả bọn chúng ào dậy, bu đến giữ chặt lấy Lơ, rồi thì đưa xé áo, đưa kéo quần, đưa vơ mấy viên thuốc lắc nhét vào mồm cô... Rồi tiếng nhạc từ mấy chiếc loa vĩ đại gắn trên nóc nhà sầm sập đổ xuống, át đi tất cả. Lơ nhũn người ra, ý chí của cô lại bắt đầu bị tê liệt. Chốn “lưng chừng giờ” của nhóm S-T tiếp tục bước vào một cuộc quay cuồng mới...

Sài gòn, mùa đông - 2005

Phạm Lưu Vũ

Hoàn Kiếm cần khôn thế sự

Hồ Hoàn Kiếm như một chiếc gương soi giữa lòng Hà nội. Đã là người Việt Nam thì ai chẳng muốn tới đó để soi mình. Cái hồ trứ danh ấy là kết quả của sự giao nhau giữa Đất và Trời. Một nét của quẻ Khôn (Đất) lần lượt chu du vào quẻ Càn (Trời). Đầu tiên còn nằm dưới tận cùng làm thành quẻ Tốn (Gió), tiếp theo, chui vào đến ruột Càn mà làm ra quẻ Ly (Lửa). Cuối cùng, leo lên tới đỉnh biến ra Đoài (Đầm). Hồ Hoàn Kiếm ứng vào quẻ Đoài theo cái qui trình biến hóa Càn Khôn như thế. Vậy là hoàn tất một công đoạn mà Càn (Trời), dầu mạnh cũng xin mời nằm hết xuống dưới, Khôn (Đất), dầu yếu cũng nổi hẳn lên trên.

Đó là bàn theo “tượng” quẻ. Còn nói theo “khí” thì có khí Dương (tượng trưng cho quân tử), khí Âm (tượng trưng cho tiểu nhân). Khí Âm giao với khí Dương, mới đầu bị Dương đè nén thành ra quẻ Tốn. Tiếp theo, bị Dương kẹp vào giữa mà sinh ra quẻ Ly. Cuối cùng, Âm thoát lên trên biến thành quẻ Đoài. Đoài là chốn tiểu nhân đắc thế

(nổi lên bề mặt), quân tử hãm thân (nằm dưới đáy sâu). Hồ Hoàn Kiếm ứng vào quẻ Đoài, chính là một nơi như thế. Liệu đó có phải là nguyên nhân mà các cung điện, lăng tẩm... của vua chúa ngày xưa không bao giờ xây sát bờ hồ?

Dùng “khí” để bàn hình như quá trừu tượng. Hãy xem cái trực quan sinh động là các Cự Rùa ở dưới đáy hồ kia. Các Cự chịu phép Càn Khôn, đã bao đời hãm thân dưới đó mà suy tư với cái triết lý đáy bùn của mình, mặc kệ những chỉ trở, bàn tán của đám hậu sinh. Phải chăng các Cự chính là hiện thân của cái khí quân tử vừa nói ở trên? So với các Cự, thì những con người mồm ngang mũi dọc đang ngoi ngóp, tranh cạnh nhau trên bờ kia, chẳng qua chỉ là những kẻ tiểu nhân nhỏ bé, sống cái kiếp phù hoa ngắn ngủi mà thôi. Lại còn bảo chậm như Rùa ư? Biết đâu đấy. Ở cái cõi mà mỗi hơi thở dài bằng mấy tuần trăng, mỗi ý nghĩ vượt qua cả mấy trăm năm, thậm chí ngàn năm... thì việc gì phải vội! Còn con người thì nhanh nhẹn, hoạt bát ư? Biết đâu đấy. Ở cái giống mà hơi thở chỉ dài ngang với tiếng tích tắc đồng hồ, ý nghĩ lại không vượt quá nổi một đời... thì lúc nào mà chẳng phải hối hả, ngược xuôi...

Lại dùng “Nhân” để bàn thì Đoài là thuộc về thiếu nữ. Chẳng trách mà hồ Hoàn Kiếm vừa đẹp, vừa cảm dỗ không cãi vào đâu được, nghìn năm nay vẫn mãi thanh tân. Không biết bao nhiêu tao nhân, mặc khách đã nổi đời ca ngợi vẻ đẹp của hồ bằng đủ các thứ ngôn từ. Thiếu nữ thì ai mà chẳng muốn ngắm vuốt, nâng niu. Kẻ dữ tợn đến mấy nom thấy cũng phải mềm lòng. Hồ nằm giữa cái nơi đã từng trải qua bao cuộc chiến tranh. Vậy mà ác như chiến tranh cũng không nở đặng đến dung nhan “nàng” thiếu nữ ấy. Cái câu “Thăng Long phi chiến địa” vẫn đúng cho đến tận bây giờ, chính là chỉ duy

nhất chỗ hồ Hoàn Kiếm đó mà thôi. Rộng ra nữa chắc sẽ không đúng đâu.

Hà nội có nhiều hồ. Đó là một trong những nét đẹp của Thủ đô ngàn năm văn vật. Còn gì thú vị hơn khi đang giữa phố xá đông đúc, chật chội, đột ngột hiện ra một không gian mênh mông, lộng ngất, với những hàng cây soi bóng, sóng nước lăn tăn... Những cái hồ được sinh ra giữa lòng thành phố như để trả nợ tầm nhìn, trả nợ nỗi khát khao của ánh mắt. Nhưng không phải hồ nào cũng ứng với Đoài như hồ Hoàn Kiếm. Ấy là khi “tượng” và “lý” có lúc đã hợp lại làm một, để cứ việc nhìn vào “tượng”, là có thể diễn thành “lý” và ngược lại. Trên đời, bất cứ vật gì, ngoài cái định nghĩa bề ngoài (tượng), đều có sẵn cái nội dung bên trong (lý) của nó. Tượng có thể bất biến. Nhưng lý bao giờ cũng biến hóa tùy theo thời. Ngày lại ngày, có bao nhiêu người hoặc thả bước, thư giãn xung quanh hồ, hoặc ngồi yên tận hưởng... Song tất cả chỉ là ngắm nghĩa cái phần “tượng” của hồ đấy mà thôi. Mấy ai nhìn thấy cái “lý” bên trong của nó. Cái “lý” ấy, thì ra cũng sống động như có một số kiếp riêng, cũng dung nạp như thể mặt hồ kia chính là một bộ nhớ vĩ đại, luôn ghi chép vào trong lòng mọi việc trên đời. Đồng thời, cái “lý” ấy (của mặt hồ) đương nhiên cũng biến hóa theo quy luật muôn thuở của những thế sự Càn Khôn, không thể nào khác được.

Kể viết những dòng này một buổi tối dạo trên Bờ Hồ. Dưới gốc cây thấp thoáng bóng một cụ già đang ngồi đắm chiêu. Chợt nhìn thấy có dòng liễu rủ, lại cứ tưởng cụ già kia vừa mới thở dài. Bèn tiến tới hỏi han. Cụ già bảo: “Lão đã nửa thế kỉ ngắm hồ rồi, mà lần nào cũng cảm thấy như người vừa mới đến”. Hỏi: “Thế nghĩa là sao? Thưa cụ!” Trả lời: “Nghĩa là người dẫu đã quen, mà hồ vẫn cứ lạ”. Lại hỏi:

“Xin cụ cho biết lạ như thế nào?” Cụ bảo: “Mỗi lần ngấm lại một lần thấy mới. Thế là lạ”. Lại hỏi tiếp: “Cái hồ này ngày nào mà chẳng thế. Có thấy gì mới mẻ đâu?” Cụ giải thích: “Cái mới do Trời Đất tạo ra chỉ một phần. Phần chính là từ lòng người chứng được, ngộ được mà sinh ra vậy. Cũng như bạn bè, chơi với nhau mà không tìm thấy cái mới ở nhau, thì dẫu gần nhau cả đời cũng không bao giờ gọi là tri kỉ...”

Cụ già bảy giờ ngót tám mươi tuổi. Cụ bảo nhà cụ ở trong một cái ngõ nhỏ phía đông, thông ra bờ hồ. Phía đông thuộc về cung Cấn. Cho nên mắc duyên nợ với Đoài, khốn khổ vì Đoài là phải rồi. Thiếu nữ lúc nào mà chẳng muốn đứng ở thế thượng phong (quẻ Hàm). Đảo ngược lại có khi tán gia bại sản chưa biết chừng (quẻ Tốn). Cụ còn bảo cả đời cụ đọc nhiều sách, nhưng chỉ có trang sách này là hay nhất mà thôi. Trang sách ấy chính là mặt hồ. Một cuốn sách chỉ có một trang, lại lúc nào cũng mở. Thế mà người biết đọc không bao giờ đọc hết, kẻ không biết đọc suốt đời chẳng nhìn thấy chữ gì. Thảo nào cụ có cái kiểu ngấm hồ chẳng giống một ai. Lại nghe nói người cả nghĩ thì trước mặt lúc nào cũng như có một trang sách đang mở. Cụ có phải thuộc loại người cả nghĩ đó chẳng? Lắm lúc còn ngờ rằng hay đó là một cụ Rùa vừa mới đội bùn lên?

Những tối sau, quả nhiên vẫn thấy cụ già ra ngồi đúng chỗ đó. Vẫn cái dáng dăm dăm như thể mọi chuyển động, lập loè phồn hoa quanh bờ hồ đối với cụ chỉ là ảo ảnh. Cụ bảo cụ đã nhìn thấy những ông vua cưỡi thuyền rồng rong chơi trên mặt hồ. Lại thấy có ông vua chết đuối dưới cái cống dân gian thường đơm cá. Thấy cả đầu lâu kẻ sĩ chôn dưới chân tháp đang ra rả đọc thơ... Thế còn quẻ Đoài kia? Cụ bảo thiếu nữ nay hình như đã đi tu, chẳng bao lâu nữa sẽ hóa

thành kiếp khác. Nghe cụ nói, giật mình trông lại mặt hồ bỗng thấy lạ hẳn đi. Rõ ràng mình đã tới đây nhiều lần mà chợt cảm thấy như lần đầu tiên mới đến. Thì ra, cái mới từ lòng người sinh ra là như thế đây chăng?

Cụ già ấy về sau không ra ngắm hồ nữa. Tưởng cụ tuổi hạc đã về trời. Có người bảo cụ ở nhà viết sách để lại cho con cháu. Hỏi tại sao mãi đến tận bây giờ cụ mới viết? Cụ bảo: “Ở cái chốn tiểu nhân đắc thế như thế này, thì bây giờ mới viết là may mắn lắm, còn hỏi làm gì.” Nghe cụ nói càng thấy thắc mắc, chẳng hiểu may mắn nghĩa là sao. Cụ giải thích: “Con người ta khi nào chứng được sự thật, thông suốt được lẽ đời, phân biệt rõ đúng sai rồi, thì dẫu viết một chữ cũng thành văn. Văn ấy mới tạm ra văn của cái giống người.” Lại hỏi nếu phát tiết sớm thì sao? Cụ bảo: “Nếu phát tiết sớm, biết đâu lại chẳng sinh ra cái thứ văn hoặc chỉ biết rên rỉ vô tích sự, hoặc chỉ biết mờ mịt ngợi ca, hoặc lấy đen làm trắng, lấy họa làm phúc, theo đuôi cái ác, đều giả không biết đâu mà lường được. Văn như thế thì không chỉ lừa mình, lừa người, mà còn lừa cả tổ tông, quỷ thần... Đến khi sa vào nghiệp rồi thì thậm chí còn phải rúc ráy dưới đất, dưới trôn người ta mới mong cầu được tước lộc, kiếm được miếng ăn... Như thế chẳng phải sẽ xấu hổ, nhục nhã đến muôn đời con cháu sau này hay sao?”

10 / 2005

Nguồn : Bài đăng trên báo Người Hà Nội số 42 ra thứ 6 -

21/10/2005, song bị cắt toàn bộ đoạn cuối (từ câu: “Cụ già ấy về sau

không ra ngắm hồ nữa...” trở đi. Đầu đề do tác giả đặt (vì bài đăng trên báo không có đầu đề riêng)

Phạm Lưu Vũ

Học làm quan

(Trích Luận ngữ tân thư)

Chuyện cũ đọc xong rồi... tỉnh bơ thì: hoặc là chuyện sắp vút vào sọt rác, hoặc là người sắp quy tiên (sắp toi). Cũ/mới xin không bàn đến; “người”/“ngợm” xin cũng miễn bàn. Song, chuyện cũ đọc xong mà... giật mình thì chắc chắn là chuyện chưa thể vút vào sọt rác, và người... cũng chưa đến nỗi liệt vào hạng bỏ đi.

Kẻ khoác lác há to mồm mà tắc tị. Bậc Thiên sư ngậm miệng mà thông suốt mọi điều. Kẻ dối trá suốt đời lo gào thét để nhồi sọ thiên hạ. Bậc Vạn thế Sư chỉ cần im lặng mà vẫn truyền được đạo lý cho đời...

Trên đây vẫn “Lời tựa” trong Luận ngữ tân thư. Sau đây lại xin trích một phần của bộ sách đó:

Khổng Tử rời nước Lỗ đến nước Vệ. Ngài cùng các học trò ở nhờ trong phủ quan đại phu nước Vệ là Cừ Viên. Người nước Vệ nghe tin, nhiều kẻ tìm đến khấn lễ với Cừ Viên, xin được làm học trò Khổng Tử. Cừ Viên hỏi:

“Chẳng hay các người muốn học Phu Tử để làm gì?”

Đám kia trả lời:

“Chúng tôi học để làm quan.”

Cừ Viên bảo:

“Bình sinh ta nghe nói Phu Tử chỉ dạy làm người, chưa hề nghe nói Ngài dạy làm quan bao giờ. Phu Tử từng bốn ba khắp thiên hạ, cũng chưa gặp một người nào muốn học làm quan. Nay các người đòi hỏi một việc chưa hề có tiền lệ như thế, dẫu ta thân đứng ra nói, chắc gì Phu Tử đã nhận lời.”

Đám kia liền năn nỉ:

“Ấy, chính vì thế mà nước Vệ ta xưa nay luôn tự hào là một dân tộc độc nhất vô nhị. Ai ai cũng không thèm làm người, chỉ nhằm nhằm muốn làm quan. Chúng tôi vẫn biết Khổng Phu Tử khi làm quan cũng không được bề trên tín nhiệm cho lắm. Chẳng qua là dao sắc không gọt được chuôi đáy thôi. Song làm thầy thì lưng lầy thiên hạ. Phu Tử dạy vua còn được, hướng hồ chỉ dạy làm quan. Ngài cứ đứng ra nói hộ chúng tôi. Biết đâu Phu Tử sẽ chẳng vì nể ngài mà nhận lời. Sau này chúng tôi học xong sẽ ra làm quan, kiếm được bổng lộc, phú quý, nhất định không quên ơn ngài.”

Cừ Viên bắt đắc dĩ phải vào gặp Khổng Tử, nói lại yêu cầu của bọn người nước Vệ kia, đề nghị Khổng Tử hãy vì họ mà mở lớp dạy làm quan. Quả nhiên Khổng Tử vừa nghe nói đã vội đưa hai tay lên bịt chặt tai lại, lắc đầu ra hiệu từ chối. Đến lượt Cừ Viên phải năn nỉ:

“Làm người với làm quan thì có gì phân biệt? Vậy thì dạy làm người với dạy làm quan chắc cũng không khác nhau là mấy. Thiết tưởng với kiến thức của Phu Tử, việc đó cũng chẳng khó khăn gì. Hay là Phu Tử cứ thử dạy họ một phen xem sao.”

Khổng Tử nhã nhận bảo:

“Khâu này xưa nay chỉ dạy làm người. Tuy chẳng lạ gì việc làm quan. Song làm người với làm quan là hai việc khác nhau xa lắm, không thể ví với nhau được. Vì thế, dạy làm người tất có chỗ khác với dạy làm quan. Đó là điều mà một kẻ làm thầy như Khâu này không thể tùy tiện bịa đặt hay đẩy được.”

Cừ Viên hỏi:

“Khác ở chỗ nào?”

Khổng Tử bảo:

“Dạy làm người mà không đến nơi đến chốn thì học trò khó có thể thành người. Song dạy làm quan thì chẳng cần đến nơi đến chốn mà học trò vẫn có thể thành quan. Đó là chỗ khác nhau căn bản. Từ xưa tới nay vẫn vậy.”

Cừ Viên lại hỏi:

“Thế từ nay về sau thì thế nào?”

Khổng Tử bảo:

“Càng những đời sau càng như vậy. Thiên hạ rồi sẽ đến lúc, khỏi kẻ chẳng cần học hành gì, hoặc học giả vờ, mà vẫn có thể làm quan, thậm chí làm quan to, rất to...”

Cừ Viên nghe nói thì trợn mắt tỏ vẻ không tin. Thế rồi chợt nghĩ ra điều gì, bèn nhân đó mà năn nỉ:

“Đã vậy Phu Tử cứ nhận lời dạy họ đi. Đằng nào cũng thế rồi. Họ có học đến nơi đến chốn hay không thì cũng thế thôi, Phu Tử xem ra chẳng mất gì...”

Lúc bấy giờ đang có Tử Lộ đứng bên cạnh. Tử Lộ thấy thế cũng lên tiếng:

“Nước Vệ vô đạo đã bảy tám chục năm nay. Kẻ sĩ rất một lũ hèn

hạ, đội đít đội tròn chính trị, đã tham lam như chó, lại kiêu ngạo, càn rỡ. Kẻ làm dân vì bị tuyên truyền, nhồi sọ từ tấm bé thành ra mê muội, suốt đời chỉ biết tin theo những sự dối trá. Nay quan đại phu đã có ý như vậy, âu cũng là một cơ hội để Phu Tử chứng tỏ cái đạo lý của mình. Nếu không thế, chẳng lẽ người quân tử lại có thể khoanh tay ngồi nhìn lũ vô đạo hoành hành hay sao?”

Khổng Tử bảo:

“Ta không phải không biết đến điều đó. Song chính trị nước Vệ bây giờ sở dĩ tồn tại là nhờ bám vào một thứ học thuyết lưu manh. Vua quan nước Vệ vì thế sợ đạo lý như kẻ cướp sợ người ngay. Ta nương thân ở đây cũng đã là một cái gai trong mắt họ rồi. Nay lại còn đem đạo lý ra dạy nữa, thì có khác gì máng vào mặt họ. Họ ngán gì mà không sai quân đến bắt ta, khoá miệng ta lại... Nếu không thì cũng vu vạ cho ta, đặt điều bôi xấu ta, hoặc thuê du côn ném đất ném đá vào nhà ta... Không khéo vạ lây cả đến quan đại phu đây thì làm thế nào?”

Tử Lộ vẫn cố thuyết phục:

“Không đi đường thẳng thì đi đường vòng, không giảng trực tiếp thì giảng xa xôi. Phu Tử cứ nhận lời đi, rồi tìm cách nào đó mà dạy cho họ. Miễn sao những kẻ cầm quyền không có cớ gì để bắt lỗi Phu Tử là được rồi.”

Khổng Tử phân vì nghe Tử Lộ thuyết đến thế thì cũng động lòng quân tử, phân vì nể Cừ Viên quá, bèn nhận lời. Cừ Viên cả mừng, liền ra tuyển được ngay một trăm kẻ hăng hái. Lập tức sai chuẩn bị một phòng thật lớn, kê đủ trăm chiếc ghế rồi định ngày khai giảng.

Trước hôm khai giảng, Khổng Tử thân đến xem xét. Ngài chê phòng lớn quá, lãng phí. Chỉ yêu cầu dọn cho một phòng bé bằng

nửa, kê vừa đúng 50 chiếc ghế thôi. Cừ Viên cứ phải nhất nhất làm theo mà không hiểu ý Khổng Tử định dạy bằng cách nào.

Đúng ngày khai giảng, 100 kẻ xin học tề tựu đông đủ. Khổng Tử thông thả đi đến, dẫn theo cả Tử Lộ. Ngài ghé tai Tử Lộ bảo cứ như thế, như thế... Tử Lộ bèn cầm danh sách, đọc từ trên xuống dưới, lần lượt 50 người vào ngồi kín các ghế. Tử Lộ tiếp tục gọi kẻ tiếp theo. Thấy thế, 50 kẻ còn lại thắc mắc:

“Ghế đã hết rồi. Vậy mà thầy cứ gọi tiếp thì chúng tôi ngồi vào chỗ nào?”

Tử Lộ bèn trở vào 50 kẻ đang yên vị trong phòng bảo:

“Chẳng phải vai họ vẫn còn trống đấy là gì?”

Năm mươi kẻ còn lại hiểu ngay ra thấy khoái quá, lập tức nói nhau chen vào, cứ thế lần lượt trèo lên vai những kẻ vào trước. Rốt cuộc, cả trăm người đều có chỗ ngồi.

Yên vị xong đâu đấy, Khổng Tử khoan thai bước lên bục, ngồi xếp bằng tròn, nhắm mắt lại rồi ung dung... đánh một giấc. Phía dưới, những học trò phải cõng trên vai kẻ khác lúc đầu vì hăng hái nên chưa cảm thấy gì. Song càng về sau càng thấy nặng, như phải đeo trên cổ một khối đá ngàn cân. Dần dần không thể chịu nổi, người nào người nấy mặt mũi đỏ gay, sùi cả bọt mép, xương sống như muốn rời ra, hai vai tê dại. Những kẻ ấy muốn gào lên mà không dám, sợ thầy quở, đành cứ phải ề cổ chịu đựng. Thế rồi cũng đến lúc sức lực có hạn, không giữ lễ nổi nữa, lần lượt từng người, từng người một gục xuống, làm cho những kẻ ngồi trên cũng ngã giúi ngã giúi, va vào nhau brou đầu mẻ trán. Cả năm chục chiếc ghế gãy đổ liểng xiểng. Lớp học biến thành một đồng người, ghé ngổn ngang.

Bây giờ Tử Lộ mới vào. Thầy ra lệnh cho những kẻ ngồi trên đổi

chỗ cho kẻ ngồi dưới, kẻ ngồi dưới lại trèo lên trên, rồi sắp xếp lại trật tự, tiếp tục chờ nghe giảng. Phía trên bục, Khổng Tử vẫn ngưng thần nhập định, dường như còn lâu Ngài mới ra khỏi giấc nồng.

Chẳng mấy chốc thì tình trạng lại diễn ra y như trước, lại ngã giúi ngã giúi, ghé ghiếc lại đổ liểng xiểng. Lớp học một lần nữa biến thành đồng người ghé lộn xộn. Bấy giờ Khổng Tử mới từ từ mở mắt ra. Ngài đứng dậy, rũ mạnh tay áo một cái, đoạn quay người bước ra cửa đi thẳng một mạch. Kết quả suốt cả buổi, Ngài im thin thít, không hề hé răng lấy nửa tiếng.

Cử Viên thấy Khổng Tử đã trở về phòng, liền chạy đến hỏi:

“Bài giảng hôm nay thế nào?”

Khổng Tử bảo:

“Xong rồi.”

Cử Viên tròn mắt kinh ngạc:

“Chẳng lẽ học làm quan... nhanh đến thế hay sao?”

Khổng Tử bảo:

“Làm quan cốt ở chỗ phải biết thế nào là kẻ làm dân. Nay chỉ trong vòng một buổi, họ đã tự cho nhau nếm mùi của kẻ làm làm dân rồi. Khâu này cần gì phải giảng thêm câu nào nữa.”

Tháng giêng năm Đinh Hợi (2007)

Phạm Lưu Vũ

Phạm Lưu Vũ

Kền kền và quạ đen

(Trích *Luận ngữ Tân thư*)

Từng nghe lý dùng cho một đời thì dài hơn lý dùng cho ba đời. Lý dùng cho ba đời thì dài hơn lý dùng cho mười đời. Lý dùng cho mười đời thì dài hơn lý dùng cho trăm đời... Lý của người quân tử đi từ ngoài vào, lý của kẻ tiểu nhân đi từ trong ra. Bậc Thánh nhân xét việc ngoài đời mà san định kinh sách, phép tắc... Hạng lưu manh xem bụng dạ của mình để để ra (cái gọi là) tư tưởng, pháp luật... Người bị ăn cướp không có quyền chọn kẻ cướp. Xác chết không có quyền chọn loài ăn xác chết. Mấy nghìn năm, vẫn cái “lý” đó chẳng? Một câu nói của Thánh nhân có khi làm cho khoảng trời đất tối sầm. Chính là lúc kẻ u mê chợt ngộ ra thế nào là ánh sáng, cũng là lúc ngộ ra sự thật. Đến bao giờ thì lời nói hết linh?... Vẫn “Lời tựa” trong *Luận ngữ Tân thư*. Sau đây lại xin trích tiếp một phần của bộ sách đó:

Chuyện xảy ra trên đường Khổng Tử cùng các học trò trở về nước Lỗ. Giữa đường gặp bầy kền kền đang rửa thịt một xác chết. Xung quanh có một lũ quạ đen chạy lăng xăng, vừa kêu, vừa hát nhặng xị.

Chúng chỉ đợi bày kèn kèn làm vắng ra mẩu thịt nào là lập tức đổ xô lại tranh nhau. Khổng Tử thấy vậy than: “Cư xử với xác chết như thế kia là không đúng lễ. Hò hát để tranh nhau những mẩu thịt thừa như thế kia là không có văn chương”. Than xong, Ngài bèn sai Tử Lộ tới đuổi bày kèn kèn đi. Tử Lộ hăng hái chạy tới, vừa chạy vừa vung chân múa tay. Song chưa kịp đến gần thì đã bị lũ quạ đen vây kín, chúng thi nhau kêu ồm ộp làm Tử Lộ tối tăm mặt mũi, không còn biết xoay trở thế nào, đành thất thểu quay lại. Khổng Tử hỏi:

“Lũ quạ đen ấy nói với người cái gì thế?”

Tử Lộ tím mặt trả lời:

“Lũ ấy chẳng qua chỉ uốn mỗ nhại lại cái ý của đám kèn kèn mà thôi. Đại khái chúng bảo trước đó đã có một đàn sói cũng xâu xé đúng cái xác ấy. Bày kèn kèn kia đã có công đuổi lũ sói đi. Vì thế chúng tự cho mình cái quyền được tha hồ rửa thịt mà không ai có thể tranh giành hay phản đối được.”

Khổng Tử nghe nói thì giật mình, bèn hướng về phía lũ quạ và kèn kèn mà than thở:

“Ôi! Thế thì ta phải bỏ đi bài thơ này trong *Kinh Thi*^[1] thôi:

Kèn kèn vui ngày đại táng

Quạ đen tụng câu huy hoàng

Thịt xương chưa kịp về đất

Lại bắt đầu cuộc tan hoang”

Rồi Ngài bảo với Tử Lộ:

“Đó chẳng qua là cái lý của bọn lưu manh trong thiên hạ. Dù sao ta cũng không thể tin lời lũ quạ thối tha chuyên dối trá, nịnh bợ ấy được. Đành phải dùng tới phép quỷ nhập tràng, dựng xác chết kia dậy để làm chứng một phen xem sao.”

Nói rồi Ngài thò tay vào trong bọc, lôi ra một con mèo đen nhánh, có cặp mắt long lanh như hai viên ngọc bích. Con mèo kêu “meo!” một tiếng, đoạn phóng vút xuống. Nó lao như một mũi tên, xẹt qua đúng vị trí mỏ ác của cái xác. Quả nhiên, xác chết đang nằm ngửa bỗng ngò nhồm dậy, đưa cặp mắt trắng dã, vô hồn nhìn xung quanh. Điều kì lạ là khi cặp mắt ấy vừa hướng về phía thầy trò Khổng Tử, xác chết bỗng rùng mình một cái rồi lại đổ vật xuống. Lập tức, lũ kèn kèn và quạ đen lại bu kín như cũ. Khổng Tử thấy thế cũng phát kinh, bèn túm tay Tử Lộ rồi quay lại bảo với các học trò:

“Đi thôi! Đi thôi. Các người tuy hăng hái, song vẫn còn quá nông nổi. Ta vừa sực nhớ lần trước, Lão Lai Tử đã từng nói với ta, trong đó có một câu như sau: *Chính trị thời nay ư? Chẳng qua hết chó sói, lại đến lượt kèn kèn thay thế, giành qua giành lại lẫn nhau mà thôi. Còn đám kẻ sĩ vô liêm sỉ thì lúc nào cũng nhúc nhúc như bầy quạ đen.* Bây giờ ta mới hiểu hết ý nghĩa của câu nói đó. Phép của ta không ngờ lại làm cho kẻ kia phải chết thêm lần nữa. Thật là đắc tội, đắc tội. Thôi đành tìm đường khác mà đi còn hơn.”

Bèn vội vàng dẫn các học trò rẽ sang hướng khác. Đi được một đoạn, bỗng có một đứa trẻ ở đâu chạy đến. Nó níu lấy áo Khổng Tử mà bảo:

“Người đang bị rửa thịt kia chính là cha tôi. Ông nội tôi ngày trước đúng là cũng bị một lũ chó sói xâu xé như thế. Nay Ngài đã không đủ lý để đuổi được lũ kèn kèn đi, Ngài muốn rẽ hướng nào thì tùy. Nhưng chẳng hay Ngài có thể để lại câu nói ấy của Lão Lai Tử ở lại đây được chăng?”

Khổng Tử nghe đứa trẻ nói thì ngẩn ra hồi lâu. Đến lúc định thần nhìn xuống thì đứa trẻ đã bỏ đi mất làm Ngài sửng sờ cả người.

Ngẫm nghĩ một lát, Ngài nói:

“Ta tiếc là lại phải bỏ thêm bài này nữa trong Kinh Thi:

“Lời giả từ một miệng

Để lọt vào trăm tai

Lời thật từ nghìn mắt

Khó thấu chăng? lòng ai!”

Vừa lúc ấy, từ đằng xa bỗng có một đàn sói đang rầm rập phóng lại chỗ Khổng Tử và các học trò vừa đi khỏi. Bám theo chúng cũng là một bầy quạ đen bay rợp trời. Ngài ngậy người ra rồi thở dài, trở tay bảo các học trò:

“Các người có nhìn thấy cái gì kia không? Đạo phải chăng đã đến lúc khốn cùng? Chao ôi! Đứa trẻ đã không còn nín áo ta nữa thì câu nói của Lão Lai Tử hiển nhiên đã ở lại rồi. Có lẽ hàng trăm đời sau, câu nói ấy vẫn còn vang lên tại nơi đây. Không biết đến bao giờ thì những xác chết mới có quyền được chọn kẻ tử tế để khâm liệm cho mình?”

Tử Lộ nghe vậy bèn hỏi:

“Lời của Thầy có chỗ con vẫn chưa hiểu. Đến lúc những người chết có quyền được chọn kẻ tử tế để khâm liệm cho mình thì sẽ như thế nào?”

Khổng Tử chưa kịp trả lời thì Nhan Hồi đi bên cạnh đã trả lời thay:

“Đến lúc ấy thì câu nói đó của bậc Thánh nhân mới không đúng nữa chứ sao!”

1. Kinh Thi là những câu ca dao tối cổ gồm hơn ba nghìn bài. Khổng Tử san định lại chỉ còn hơn ba trăm bài truyền đến ngày nay.

6/2006

PLV

Phạm Lưu Vũ

Lại viết chuyện làng Kinh

Ông giáo Lư người làng Kinh ngót bốn mươi năm dạy học xa quê, chỉ thỉnh thoảng lắm, lễ tết mới đảo về thăm làng một lần. Đùng một cái, đúng ngày về hưu, ông quyết định về làng ở hẳn. Tin ấy đối với dân làng cũng chẳng có ý nghĩa gì lắm. Bà con, hàng xóm láng giềng nghe tin ông về cũng lác đác vài chục người đến, thăm hỏi mấy câu lấy lệ, uống bát nước chè tươi rồi về. Nhưng hôm sau, khi ông giáo mang mấy tờ giấy bọc ni lông có đóng dấu đỏ chót đến trình trọng báo cáo với chính quyền thì cả ông bí thư lẫn ông chủ tịch đều giật nảy người. Té ra trước khi về hưu, ông Lư được phong danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, rồi huy chương “Vì Sự nghiệp Giáo dục”... Thế này thì vinh dự cho làng nhất rồi còn gì. Hỏi đã có mấy làng được như thế ở cái vùng đồng chiêm trũng đời đời nghèo rớt mồng tơi này? Làng Kinh xưa nay bói không ra tay nào học hành đến nơi đến chốn, vẫn tự ti mình là cái chốn tối tăm, chỉ giỏi thói a dua, bắt chước, trẻ con thì ngỗ ngược, người lớn thì du côn, người già thì bảo thủ... Ngay cả mấy đời bí thư, chủ tịch, có ông nào đã học hết lớp 7. Thế mà nay lại có người đã góp phần mang ánh sáng văn hoá truyền

dạy cho bao nhiêu thế hệ khắp cả nước... đến nỗi được phong những danh hiệu quý giá thế này...

Ông bí thư triệu tập cuộc họp chi bộ bất thường, quyết định phổ biến những danh hiệu cao quý của ông giáo Lư ra khắp làng, tuyên truyền cho dân làng hiểu rõ ý nghĩa của chúng để mà hãnh diện, tự hào. Chi bộ còn quyết định tổ chức lễ đón rước, dâng hương trước Thành hoàng ở đình làng thật rầm rộ, mời cả lãnh đạo tỉnh, huyện, uỷ ban xã cùng đại diện các làng khác đến dự. Việc đón rước này vài chục năm trước kia thì đừng bao giờ nghĩ tới, bởi nó là tàn tích của phong kiến thối nát. Nhưng bây giờ thì Đổi mới rồi. Những phong tục xưa đang dần dần được khôi phục lại. Ngay cả ngôi đình có thời bị Hợp tác xã trưng dụng làm trại chăn nuôi, bị phá gần hết, giờ cũng mới được tu sửa khang trang để dành cho những dịp trọng đại như thế này. May mà những ngày ấy, ông Cả Lễ người xóm trong đã kịp giấu bài vị Thành hoàng cùng với tờ sắc phong vào chiếc độc bình dựng bên cạnh tủ thờ của nhà ông, nên ngự ở đình làng giờ vẫn đương nhiên là vị Thành hoàng ngày trước. Chuyện về ông giáo Lư không ngờ lại có liên quan đến vị Thành hoàng này nên cũng cần phải kể lại đôi chút về lai lịch của Ngài.

Căn cứ vào tờ sắc phong từ thời vua Gia Long, Thành hoàng làng Kinh là một vị quận công đời nhà Lê có công phò vua Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành. Nghe các cụ truyền lại, thì khi quận công trở về ngang qua vùng này, làng Kinh được vinh dự đón ngài ghé ngủ qua đêm. Bấy giờ, dân làng thấy quận công tiền hô hậu ủng thì hãi lắm, chỉ dám đứng từ xa lăm lét xem trộm. Duy có các vị chức sắc trong làng là phải túc trực để dâng cơm rượu và phục dịch điều đón. Mặc dù trong số chiến lợi phẩm của đức ngài có vô số gái đẹp bắt từ

Chiêm Thành về, song đó là những mỹ nữ ngài định đem dâng lên Đức vua. Vì vậy ngài vẫn ra lệnh cho các vị chức dịch phải tuyển trong làng mấy cô đẹp nhất đến múa hát và hầu đức ngài ngủ. Đêm khuya, đức ngài ngà ngà say, cảm thấy sóng tình dào dạt, bèn lôi phất một trong số các cô đó vào trong màn. Bên ngoài, người ta vội vàng thổi tắt hết đèn nến, rồi mấy hàng lính chống gươm giáo đứng im tăm tắp, vòng nọ vòng kia tầng tầng lớp lớp canh cho “cuộc chiến” thiên thai của đức ngài. Quá nửa đêm, bỗng nghe một tiếng thét hãi hùng của cô gái. Rồi người ta thấy cô nàng đầu tóc rũ rượi, áo quần xốc xếch lao vọt từ trong màn ra. Mọi người vội vã thấp nến, mấy viên cận vệ lao tới vén màn... Một cảnh hãi hùng bày ra trước mắt. Trong màn, đức quận công vẫn còn trần truồng đang nằm ngửa lơ lơ, hai mắt trợn ngược, cái “cửa quí” của đức ngài vẫn cứng ngắc, trở thẳng lên trời như cột buồm. Đức ngài đã thọ nạn bất đắc kì tử, toàn thân lạnh ngắt như đồng từ lúc nào.

Tất nhiên là đức ngài chẳng qua bị “thượng mã phong” do tửu sắc quá độ mà thôi. Song đó vẫn là một tai họa khủng khiếp giáng xuống làng Kinh. Cả nhà cô gái xấu số kia lập tức bị tội chém ngang lưng. Làng Kinh bị phạt vạ mười vạn quan tiền, con gái bị sung vào các nhà quan liêu làm tì thiếp, con trai bị bắt đi lính thú ngoài biên ải. Cả làng xơ xác, tiêu điều như bị một cơn đại hồng thủy quét qua. Bao nhiêu nhà tán gia bại sản, bao nhiêu kẻ phải trốn khỏi làng... Món tiền mười vạn quan ấy, có lẽ làng phải nai lưng làm mấy đời may ra mới trả hết nếu đúng năm năm sau đó không có lệnh ân xá từ triều đình ban xuống. Số là vua Lê Thánh Tông một hôm cảm thấy tâm thần hoảng hốt không coi chầu được, phải lui vào nghỉ trong hậu cung. Bất ngờ, trong số cung nhân người Chiêm Thành vẫn hầu hạ

Ngài có một ả xoã tóc chạy đến quỳ trước mặt Đức vua, ngang lưng người ấy hằn rõ một vết chém đỏ như máu. Người cung nữ ấy nói tiếng Việt như hết một người sinh ra ở vùng Sơn Nam Hạ. Vừa khóc lóc kêu oan, ả vừa nhắc lại từng chi tiết cái đêm oan nghiệt ở làng Kinh ngày ấy. Kêu khóc xong, ả ngã vật ra, ngất lịm đến mấy khắc, toàn thân vã mồ hôi, cái vết chém ngang lưng bỗng không thấy đâu nữa. Mọi người đều cho là chuyện lạ. Vốn là một ông vua anh minh, Lê Thánh Tông hiểu ngay ra mọi chuyện. Ngài lập tức sai tra xét lại cái chết ám muội của vị quận công ngày trước. Sau khi mọi việc đã rõ ràng, nhà vua xuống chiếu ân xá xoá hết nợ cho làng Kinh, lại cho những cô gái đang làm tì thiếp được tự do, con trai đang làm lính thú được trở về làng... Tiếp được chiếu chỉ của nhà vua, làng Kinh như kẻ sắp chết lại được hồi sinh. Dân làng cho rằng nhờ có anh linh của vị cố quận công ngày trước kêu thấu tới Đức vua nên làng mới được giải oan nhanh chóng như thế. Bèn bàn nhau dâng sớ tâu lên triều đình, xin được lập ngài làm Thành hoàng. Vua Lê Thánh Tông xét công lao của vị quận công ấy, lập tức hạ chiếu ưng thuận.

Làng Kinh có Thành hoàng kể từ hồi đó. Song vì ở vào cái thế đất trần xi chẳng hề được long mạch nào chiếu cố, đã không có phúc trạch dồi dào, lại trải qua bao nhiêu cuộc loạn lạc, binh hoả liên miên nên suốt mấy trăm năm, làng Kinh vẫn là một làng nghèo nhất vùng. Nơi thờ phụng đức Thành hoàng ấy chỉ là một ngôi miếu nhỏ tàn tạ nằm chơ vơ giữa ruộng. Mãi đến đời vua Gia Long, vừa tích cóp mãi, vừa nhờ vào những người làng đi làm ăn xa quyên góp, làng mới nghĩ đến việc dựng một ngôi đình khang trang tử tế. Thầy địa lý được mời về để chọn đất, chọn hướng, tốp thợ khéo phương xa được vời đến... Làng lại thuê một ông đồ văn hay chữ tốt tán hành trạng của vị

Thành hoàng thành một bài biểu dài bẩm lên quan trên, để quan trên dâng sớ về triều đình xin sắc phong cho ngài được danh chính ngôn thuận. Mọi việc thuận buồm xuôi gió. Vua Gia Long vốn cùng gốc Thanh Hoá nên rất sùng bái nhà Lê, xem bài sớ thấy nhắc đến chiếu chỉ của vua Lê Thánh Tông ngày trước thì rất lấy làm hài lòng. Bèn hạ chiếu sắc phong ngài cố quận công là “Dương Kiệt Đại Vương Phúc Thượng Đẳng Linh Thần”. Lại ban cho làng một cái sập đá vuông vức mỗi chiều hai mét có trạm trổ công phu, làng Kinh phải huy động tất cả trai tráng cùng với bao nhiêu dây nhợ, con lăn... mới chuyển được chiếc sập đó từ bến sông Đáy về kê ở ngay trước bệ thờ. Từ đó, đình làng Kinh trở thành một trong những ngôi đình nổi tiếng nhất vùng...

Trở lại câu chuyện về vị “Nhà giáo Nhân dân”. Ngày làm lễ rước danh hiệu, dâng hương trước Thành hoàng được tổ chức rất trọng thể. Đích thân ông chủ tịch đứng ra làm trưởng ban tổ chức. Đình làng được quét dọn sạch sẽ, cờ phướn cắm pháp phới xung quanh, kéo về đến giữa làng. Đại khái ông chủ tịch muốn bắt chước kiểu vinh quy bái tổ của các cụ đồ đại khoa ngày trước. Thời này không gọi là đại khoa. Song ông Lư là giáo sư, lại được phong đến “Nhà giáo Nhân dân” thì có kém gì đại khoa. Đó là danh hiệu tuyệt đỉnh cao quý của nền giáo dục đương thời. Dẫu ông giáo Lư nay đã về hưu, nhưng vinh dự mà ông mang về cho làng từ những danh hiệu ấy thì không vì thế mà suy giảm tí nào. Làng xưa nay mang tiếng thất học, biết đâu sự kiện này lại là một cái điềm báo trước cho sự mở mang việc học hành của làng thì sao? Ông giáo Lư tắm gội sạch sẽ, mặc com lê cara vát chỉnh tề, đi đôi giày đen bóng lộn chuẩn bị xuống đình làm lễ. Nom ông trẻ hẳn ra so với cái tuổi ngoài 60. Ông

chuẩn bị một bài kính thưa rất công phu để đọc trước dân làng, sau đó sẽ đem đốt để dâng lên Thành hoàng. Trước tiên ông ca ngợi cái nền giáo dục hết sức ưu việt, hết sức tân tiến mà ông đã phục vụ cả đời. Một nền giáo dục đã biến muôn người thành như một, chung một ý nghĩ, chung một tình cảm, chung yêu ghét, chung cả lối đi... Sau đó ông tóm tắt quá trình phục vụ sự nghiệp giáo dục cao cả của ông. Những thế hệ học trò vừa “hồng”, vừa “chuyên” của ông đang sống và làm việc khắp các miền đất nước. Có người đang nắm giữ những trọng trách, có người là kĩ sư, tiến sĩ... Tuy mỗi người một số kiếp, vinh nhục khác nhau. Song tất cả đều trung thành tuyệt đối, tất cả đều say sưa làm giàu cho mình, làm giàu cho đất nước mà quên đi tất cả... Ai ai cũng thấm nhuần một thứ trí tuệ tuyệt đỉnh nhất trên thế gian này...

Từ sáng sớm đã có tiếng lợn kêu eng éc, tiếng chân người đi lại rầm rập khắp các nẻo đường thôn, ngõ xóm. Tới khoảng chín giờ thì khách mời tề tựu đông đủ. Bà con xếp hàng chặt kín sân đình. Trẻ con được huy động đánh trống éch thùng thùng. Một số học trò của ông giáo Lư đang làm bí thư, chủ tịch huyện, chủ tịch tỉnh ở đâu đó cũng gửi lẵng hoa về mừng. Ông bí thư đặc biệt trân trọng những lẵng hoa này. Ông cho đặt vào vị trí trang trọng nhất để mọi người cùng nhìn thấy. Trên chiếc sập đá thời Gia Long đã sứt mẻ kê trước bệ thờ Thành hoàng, một con lợn tạ quay bơi phẩm đồ chót nằm ngay ngắn trên chiếc mâm đồng, mồm ngậm tượng trưng một cuốn vở học trò, xung quanh bày la liệt trái cây, hoa, giấy tiền âm phủ... Khói nến, khói hương cuộn lên ngào ngạt. Sau bài diễn văn khai mạc của ông chủ tịch, tiếp đến lễ rước các quyết định phong danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, quyết định trao huy chương “Vì Sự nghiệp

Giáo dục”. Ông giáo Lư trình trọng bụng chiếc khay gỗ bọc vải lụa đỏ đựng các quyết định ấy từ từ tiến vào từ phía cổng đình, hai bên có 24 thanh niên nam nữ ăn mặc sạch sẽ, từng đôi một xếp thành hai hàng song song đi theo hộ tống, rỗng rảnh phía sau là dàn trống ếch vang lừng của các cháu thiếu nhi cổ quàng khăn đỏ. Các văn bản này cùng với bài kính thưa của ông giáo Lư sau khi đọc xong, cũng sẽ được đốt đi để cho Thành hoàng tận mắt nhìn thấy. Tất nhiên đó là những bản photocopy mà mấy hôm trước, ông phải sai thằng con cả đem lên tận phố Hai Hòn Cà mới photo được.

Mọi việc diễn ra theo đúng chương trình. Dân làng hãnh diện quá vỗ tay không biết rút. Hết bài kính thưa của ông giáo Lư, đến lượt ông bí thư đích thân đọc các quyết định. Rồi ông phát biểu vắn tắt trong khoảng một tiếng rưỡi đồng hồ. Ông hết sức ca ngợi đường lối giáo dục vì nhân dân, vì mọi người. Ông nêu bật ý nghĩa của các danh hiệu cao quý mà Nhà nước đã trao tặng cho ông giáo Lư. Ông coi ông giáo Lư như là sự kết tinh cao độ của giai cấp, là đại diện trí tuệ ưu tú nhất của làng. Ông kêu gọi mọi người phải biết tự hào, bởi vì chế độ ta rất quan tâm đến việc giáo dục con người, nên làm người phải biết yêu chế độ, mà yêu chế độ tức là yêu nước, v.v... Tiếp đến một cụ già nhất làng chống gậy lên phát biểu. Cụ già quá, lại hơi nghễng ngãng nên giọng nói rất nhỏ, vừa nhỏ vừa run. Dân làng phải im phăng phắc mới nghe được những gì cụ nói. Cụ bảo từ thời thượng cổ đến nay, làng chưa bao giờ được chứng kiến việc này. Không ngờ đến lúc sắp xuống lỗ, cụ mới được trông thấy cảnh rước đại khoa về đình. Cụ nhắc lại cái thời còn phong kiến, người được đi học ít lắm, cả tổng may ra có vài anh học trò. Làng nào có 3 người đỗ cử nhân trở lên mới được lập ra Văn Chỉ. Còn nếu có người đỗ

tiến sĩ thì không những làng được lập ngay Văn Chỉ, mà cả vùng còn được phép lập ra Văn Thánh, thậm chí hàng năm vào đúng lễ Nguyên Tiêu, quan sở tại phải thân hành về tận làng có tiến sĩ để tế trước Thành hoàng. Đủ thấy thời phong kiến người ta trọng cái sự học như thế nào. Thế mà làng Kinh đến cả ngàn năm nay còn chưa được phép lập nổi một phần ba cái Văn Chỉ, nói chi đến có người đỗ tiến sĩ... Lời phát biểu của cụ càng làm cho ông giáo Lư và mấy ông bí thư, chủ tịch nở mày nở mặt trước các vị quan khách. Dân làng nghe cụ nói thì xì xào bàn tán. “Nhà giáo Nhân dân” là cái gì nhỉ? Là “giáo hoá” Nhân dân, là thầy của Nhân dân chứ còn gì nữa. Lại có kẻ hỏi Nhân dân nghĩa là gì? Lập tức được trả lời Nhân dân nghĩa là tất cả, là cả nước, không chừa một ai. Không thấy bây giờ cái gì cũng “Nhân dân” đấy à? Ngay cả cái hồ xí hai ngăn mà cán bộ ở trên đem về phổ biến cho dân làng làm ấy, nghe nói lúc mới phát minh ra nó, người ta còn định đặt tên là “Hố xí Nhân dân” nữa cơ đấy. Thế thì thầy của Nhân dân tức là thầy của cả nước. Ông này là giáo sư dạy cả tiến sĩ, nghĩa là trên tài tiến sĩ đến mấy bậc. Ôi! Nếu vậy thì ghê quá, vinh dự quá. Làng ta lại có người đỗ trên cả tiến sĩ nữa hay sao?

Sau nghi lễ bái tạ trước Thành hoàng của các vị lãnh đạo và ông giáo Lư, đến lượt ông bí thư nhận lấy phần đốt các thứ văn bản để dâng lên Thành hoàng, nhân tiện đốt cả mớ giấy tiền vàng mã luôn thể. Một làn khói xanh nhẹ bốc thẳng lên, ngọn lửa bập bùng, tí tách liếm vào đồng giấy má. Ông giáo Lư chấp tay kính cẩn quỳ trước ngọn lửa. Ông lim dim mắt, tưởng tượng ở cái cõi cao siêu nào đó, vị Thành hoàng đang giơ tay đón lấy các quyết định rồi đọc đến tên ông... Bỗng đúng lúc ấy, một cơn xoáy lốc nhỏ vô tình xuất hiện phía

cổng đình. Cơn lốc vừa chạy vừa xoáy tròn như một cái loa bụi nhon hoắt, cuốn tung bụi bặm cùng mấy chiếc lá khô, mấy cọng rơm rác lên cao. Mọi người còn đang mãi nhìn vào nghi lễ dâng Thành hoàng nên không ai để ý. Bất ngờ hơi nóng bốc lên từ chỗ vừa đốt văn bản, giấy tiền làm áp suất không khí nơi đó bị giảm đột ngột, cơn lốc nhỏ kia vừa chạy đến gần thì lập tức bị hút vào chính chỗ ấy. Nó dường như được tiếp thêm sức mạnh, lập tức cuốn lấy cả đồng tro, xoáy tít một chập rồi tung lên cao, rơi xuống tung toé. Mọi người giật mình kinh sợ, cho là Thành hoàng đang hiển linh, nhiều người vội vã lạy như tế sao. Ông giáo Lư đang quỳ sát ngay tại đó bất ngờ bị gài như cả đồng tro hất thẳng vào mặt. Đồng tro vẫn còn nóng hổi làm mặt ông bỏng rát, chui cả vào mắt làm nước mắt nước mũi ông trào ra, cay xè. Theo phản xạ, ông vội vàng đưa cả hai tay lên dụi lấy dụi để. Khi cơn lốc qua đi, mọi người định thần nhìn lại thì thấy đầu tóc ai cũng cũng dính lả tả những mảnh bụi tro. Riêng vị “Nhà giáo Nhân dân” thì mặt mày lem luốc, hai hốc mắt ngoe ngoét vệt than đen xì, loang đến tận mang tai, những chỗ mặt không bị đen thì đỏ ửng lên nom đến phát khiếp. Không ai dám cười vì không khí trang nghiêm của buổi lễ vẫn chưa tan hết. Vả lại giờ bắt đầu đến tiết mục đánh chén, những mâm cỗ ngồn ngộn thịt thơm lừng giời đất đang bày la liệt dưới giải vũ. Ông bí thư bèn cho người dắt vị “Nhà giáo Nhân dân” ra cái ao trước cửa đình rửa mặt rồi lên dự tiệc với các quan khách.

Cái ao ấy làng vẫn gọi là ao đình. Đó là một ao tù rộng chừng vài sào Bắc bộ bị bèo che kín quá nửa. Các cụ trong làng bảo đây là chiếc gương soi của đình nên không được để bèo che kín hết. Phần nước còn lại trong veo, lạng ngắt nom mát mắt, nhất là vào mùa hè. Từ

sân đình bước xuống năm bậc đá tảng gọi là cầu ao thì tới mặt nước. Phía dưới còn bốn bậc đá nữa chìm sâu trong làn nước, mấy bậc dưới cùng bọc rêu trơn tuột. Hai bên thành dựng hai bức tường cũng bằng đá tảng giạt tam cấp tạo cảm giác hun hút, mát lạnh cho chiếc cầu ao. Gần đó còn có hai cây vải cổ thụ lá cành ra tới gần giữa ao, làm cho khu vực cầu ao hầu như râm mát suốt ngày. Quanh năm, chẳng ngày nào mà lũ trẻ trong làng không tới đây câu cá rồi tắm tấp, chơi đùa thoải thích. Ông giáo Lư mắt nhắm mắt mở run run bước xuống từng bậc, từng bậc một. Mặt ông vẫn đang bỏng rát, ngứa ngáy vô cùng. Tới bậc đá thứ sáu thì hai bàn chân ông ngập dưới làn nước mát rượi của cái ao. Cảm giác đó làm ông bỗng thèm được vốc ngay một vốc nước mà vãi lên khuôn mặt đang bừng bừng của mình.

Vị “Nhà giáo Nhân dân” cúi xuống... Bỗng, cái bậc đá dưới chân ông rung rinh. Nó đột ngột chuyển động, như có một cái gì kê rất lệch hoặc có một lỗ hổng lớn phía dưới. Cái bậc đá dập dềnh, chao đảo liên tục như muốn rời khỏi vị trí làm ông giáo mất thăng bằng vội vàng giơ hai tay lên chơi vơi. Kì lạ thật, cái bậc đá thứ sáu ấy xưa nay vốn rất chắc chắn. Hết người lớn đến trẻ con giẫm đạp suốt hàng trăm năm nay mà có thấy nó cập kênh hay suy suyền tí nào đâu. Tự dưng sao hôm nay, đúng đến lượt ông giáo Lư giẫm lên thì nó lại dở chừng. Ông giáo Lư càng luống cuống như làm xiếc bao nhiêu thì cái bậc đá càng chuyển động mạnh bấy nhiêu. Cuối cùng do mất thăng bằng, nó lật ào một cái xuống phía dưới làm cho vị đại diện trí tuệ ưu tú của làng Kinh không kịp bước tránh sang một bên, đành phải nhân cái đà lật của nó mà lao ùm ra phía giữa ao, chìm ngấm. Mọi người trên bờ nhón nháo la hét. Mấy gã ngu bật cười

khanh khách. Từ chỗ cái bậc đá vừa lật đi khỏi ấy, một khối nước trộn bùn đen nhánh sùi mạnh lên, sủi tăm rào rào. Về sau có người khẳng định rằng nhìn thấy rõ ràng có một làn khói đen bốc lên, cuộn thẳng đến giới... Bấy giờ, mọi người cứ trơ mắt ếch đứng nhìn ông giáo loay hoay dưới ao vì vướng bộ com lê với đôi giày nặng chịch, nhất thời chưa ai kịp nghĩ ra cách gì. May có người nhanh trí vớ lấy cây sào gầy rơm có một đầu chẽ ra làm hai, cong cong nhọn nhọn, đem thò xuống cho ông giáo túm lấy rồi kéo lên. Đầu tóc, người ngọm ông ướt như chuột. Thằng con cả của ông giáo lập tức lấy xe máy chở bố chạy ù về nhà thay quần áo rồi ra đình dự tiệc. Ngồi trước các vị quan khách, mặt mũi ông tuy đã sạch những vệt than song vẫn còn đỏ ửng, một số chỗ hình như bị bỏng bắt đầu phồng lên, lấm chấm như người bị phỏng dạ.

Sau buổi lễ trọng đại ấy, ông giáo Lư bị cảm lạnh phải nằm bẹp ở nhà. Cổ ông sưng tấy lên, ho sù sụ, rát như phải bỏng. Ông bí thư, chủ tịch đích thân đến thăm nom, tặng quà. Ông bí thư còn huy động các đoàn thể từ mặt trận đến thanh niên, phụ nữ, cả các cháu thiếu nhi đến động viên, thăm hỏi thật là cảm động, chí tình. Song cũng chỉ được mấy ngày đầu bởi vì căn bệnh của vị “Nhà giáo Nhân dân” xem chừng hơi lạ, nó cứ lay lắt, không nặng cũng không nhẹ, không tăng lên cũng không khỏi hẳn. Nó báo hiệu một trận ốm rất dai. Nghĩ cũng tội, nhân vật trung tâm của buổi hội làng linh đình, trọng đại ấy không ngờ lại có sự cố, mà sao nó lại nhằm đúng vào ông. Tệ thật. Con cháu đi làm đồng hết để mình ông nằm trong buồng. Có lúc ông phải nhảy như con cóc, có lúc phải bò bằng bốn chân để đi lấy thứ này, thứ nọ. Đầu óc ông cứ váng vất không yên, hai mắt không ngớt nẩy đom đóm như vừa bị ai đó giáng một chùy vào gáy. Chiều vẫn chưa

buồng. Mấy vệt nắng cứ thi nhau nhảy nhót trên tường. Ông chớp mắt. Một bóng người lù lù hiện ra nơi cửa buồng. Ai như thằng cả? Không phải thằng cả. Hình như một học trò cũ. Đúng gã học trò cũ. Ông không nhớ đó là gã học trò cụ thể nào. Đã có bao nhiêu thế hệ học trò được “đào tạo” trong cuộc đời một “Nhà giáo Nhân dân” như ông. Ồ! Lại còn cái gì nữa thế kia? Đằng sau gã học trò hiện ra lớp lớp bao nhiêu gương mặt. Gương mặt nào cũng ngô nghê như những con cừu. Chúng đến thăm ông ư? Hình như không phải. Từ trong những kí ức nào đó sâu thẳm của ông, một ý nghĩ loé lên làm ông giật mình. Hình như ông đang mắc nợ chúng một cái gì? Và bây giờ, lũ cừu ngô nghê kia tìm đến đây, chính là chúng đòi ông phải trả món nợ ấy. Bỗng ông chợt hiểu ra cái nguyên nhân đang làm ông hoảng hốt. Nó nằm trên những gương mặt cừu của lũ học trò kia. Xưa nay, trước mặt một đám học trò như thế này, bao giờ ông cũng ngôn như một cái máy hát kia mà? Sao bỗng hôm nay ông cứng họng, lại còn hoảng hốt thế này? Ông mắc nợ chúng cái gì nhỉ? Ông đã lừa chúng ư? Ông đã biến chúng thành những con cừu ư? Không! Không thể như thế được. Cuộc đời làm thầy vinh quang của ông không thể bỗng chốc lại hoá ra một kẻ chuyên lừa bịp học trò. Vị “Nhà giáo Nhân dân” cố gắng hét to một tiếng, đồng thời chống tay ngồi nhồm dậy. Giấc mơ quái dị, sao nó cứ bám riết lấy ông, một “đại diện trí tuệ ưu tú” của làng Kinh. Phải nhanh chóng thoát ra khỏi nó cái đã. Bỗng hai mắt ông tối sầm. Thế càng tốt. Ông đã thoát khỏi những ánh mắt đòi nợ của lũ học trò kia. Chúng đã biến sạch rồi. Ánh sáng lại từ từ hiện ra. Ôi! Vẫn còn một gã. Ông lại giật thót người, vội đưa tay lên dụi mắt. Hình như không phải gã học trò ban nãy. Bây giờ là một người khác. Một người to lớn, ăn mặc lạ lẫm

theo một kiểu rất cổ đang cúi đầu chui qua cửa buồng, bước thẳng tới chỗ ông nằm. Bây giờ thì không biết mơ hay tỉnh đây? Trong ánh sáng nhờ nhờ của căn buồng, ông nom thấy người ấy mặt đen đúa, dữ tợn, trước ngực đeo tấm bài vị ghi rõ ràng chín chữ: “Dương Kiệt Đại Vương Phúc Thượng Đẳng Linh Thần”. Rùng mình nghĩ tới đích danh vị Thành hoàng của làng, ông giáo hoảng hốt vội vàng cúi rạp người xuống.

“Thưa!... Bẩm... Ngài là...” – ông giáo lắp bắp.

“Đúng! Thượng Đẳng Linh Thần chính là ta đây. Hôm nay ta đến thăm ngươi...” – người kia lên tiếng, xua tay ra hiệu cho ông giáo cứ việc nằm, không cần phải đa lễ.

Ông giáo Lư nghe nói thế thì tạm thời trấn tĩnh. Ông nghĩ đến buổi dâng hương cách đây mấy hôm. Việc ấy chắc đã được Thành hoàng quan tâm. Ý nghĩ vừa nảy ra ban nãy vẫn còn trong đầu. Ông thấy mình cần phải chứng tỏ bản lĩnh, vai vế trước vị Thành hoàng này. Chả gì ông cũng là một trí thức ưu tú, một con người triệt để duy vật. Vậy thì ông phải tỏ ra có tư thế trước cái tàn tích phong kiến hủ lậu này mới được. Song ông vừa định nhồm lên thì vị Thượng Đẳng Linh Thần kia lại lên tiếng:

“Nhưng ta không phải Thành hoàng của làng này. Thành hoàng của làng chính là gã ăn mày mù ngày trước. Gã không biết chữ. Vì thế hôm nọ gã đã hất trả những thứ văn bản ấy vào mặt ngươi đấy. Hiểu chưa?”

Câu nói của vị Thượng Đẳng Linh Thần làm ông giáo Lư ngớ người, hết sức kinh ngạc. Ông vội vàng lắp bắp hỏi lại:

“Rõ ràng ngài là cố quận công Thượng Đẳng Linh Thần... Bài vị ghi rõ ràng như thế. Xưa nay cả làng vẫn phụng thờ ngài. Tại sao ngài

lại bảo không phải...”

Vị kia ngửa mặt lên trần nhà cười khơ khớ một hồi, đoạn ghé xuống sát mặt ông giáo mà bảo:

“Thế mới nói cả cái làng Kinh này xưa nay thờ một gã mù làm Thành hoàng mà không hề hay biết nghe chưa! Thật là một lũ ăn phải bả mê muội! Đúng! Ta chính là vị quận công đã được Đức Gia Long sắc phong là “Dương Kiệt Đại Vương Phúc Thượng Đẳng Linh Thần” của làng Kinh đây. Ta vẫn là Thượng Đẳng Linh Thần vì sắc phong ghi rõ tên ta. Có điều đó chỉ là hư vị, vì từ khi làng này có ngôi đình đến nay, ta không còn được ngự ở đó nữa. Đã mấy trăm năm rồi. Hôm nay ta đến đây cũng chính vì muốn tỏ cho người biết rõ nguồn cơn việc ấy, cũng bởi người với ta vốn có chút duyên nợ...”

Điều bất ngờ vừa thoát ra khỏi cửa miệng của vị Thượng Đẳng Linh Thần làm ông giáo Lư chỉ còn biết há hốc mồm nằm nghe. Sau đây là câu chuyện của vị Thượng Đẳng Linh Thần ấy:

“Từ khi ta được Đức Thánh Tông (vua Lê Thánh Tông) hạ chiếu cho làm Thành hoàng của làng, cứ tưởng sẽ được hương khói lễ lạt đầy đủ lắm. Ai dè cái làng Kinh này nghèo quá, suốt hơn ba trăm năm, ta chỉ được trú tạm ở một ngôi miếu rách nát, tồi tàn, hương khói thì gặp chẳng hay chớ, lại gặp bao phen binh lửa, giặc giã. Dân làng còn không có cả cái mà ăn, lấy gì cúng cấp cho ta. Mãi đến khi Đức Gia Long lên ngôi, làng tích cóp được một số của, cộng với số tiền cúng dường của thập phương tam đạo, mới bàn nhau xây một ngôi đình khang trang làm nơi ngự của ta. Bao nhiêu năm ăn ở kham khổ, hèn hạ, việc ấy làm cho ta khắp khởi mừng thầm. Bất ngờ khi đình chuẩn bị xây thì có một gã ăn mày mù ở đâu khua gậy dò tới. Chẳng hiểu có phải do Trời xui Đất khiến hay không, mà sau đó, đình làng lại

được xây theo hướng trở của chính cái gậy của gã mù ấy (chi tiết này người viết đã mô tả trong “Chuyện làng Kinh”). Ta vốn chẳng thèm quan tâm đến điều đó làm gì, hướng nào cũng được, miễn ta được ngự trên chỗ khang trang, được cúng dường đầy đủ thì thôi. Hôm khánh thành làm phép rước Thành hoàng, ngay từ đầu, ta đã nhảy tót lên ngựa sẵn trên ngai rồi, song ta chưa thèm hiển linh để nhập đồng vội. Ta muốn bắt dân làng phải té lể rạc cả cái đã, cho bỏ mấy trăm năm chúng bỏ bê bỏ trễ ta. Không ngờ đến đêm ngày thứ bảy của lễ rước thánh, gã ăn mày mù kia lại lù lù xuất hiện. Nhân lúc dân làng ngủ say, gã cả gan mò vào tận bệ thờ, bê cả cái thủ lợn làng đang bày cúng ta mà ăn vụng. Thế thì bằng gã tranh cái địa vị Thành hoàng của ta rồi còn gì. Ta bấy giờ giận quá mất khôn, bèn co cẳng đạp mạnh một cái. Gã ăn mày bị bắt ngờ ngã ngửa ra phía sau, mồm vẫn ngoạm chặt cái thủ lợn. Gáy của gã tuy bị đạp mạnh xuống nền đình song đáng lẽ cũng chỉ làm gã ngất đi một vài khắc là cùng. Nhưng ta có biết đâu rằng đó cũng chính là giờ tận số của gã. Cái thủ lợn to tướng đè giữa mặt đã bít kín hết cả mồm mũi. Rốt cuộc gã bị chết ngạt đấy. Chứ có phải chết do bị va đập mạnh đâu (chi tiết này cũng đã được mô tả trong: “Chuyện làng Kinh” vừa dẫn ở trên). Mà cứ cho là ta đã đạp chết gã đi - vẫn lời vị Thượng Đẳng Linh Thần - thì giết một gã ăn mày mù tầm thường có đáng gì so với cái địa vị quận công như ta. Trong đời ta bao lần theo Đức vua đi chinh chiến, từng giết bao nhiêu người rồi. Nhưng ta đâu biết mà nhà gã ăn mày mù này lại táng đúng ở chỗ có Địa Long bao bọc, số kiếp hèn hạ của gã không ngờ lại có sao Thiên Lang chiếu mệnh. Linh hồn của gã lập tức được sao Thiên Lang dẫn lên Thiên đình dâng sớ kiện ta. Ngọc Hoàng Thượng Đế giao vụ kiện này cho Thái Thượng Lão

Quân xét án. Thái Thượng Lão Quân Ngài tra lai lịch của ta, thấy ta phạm tội sát nhân, lại tửu sắc quá độ, khi chết gây vạ cho nhiều người khác, bèn cách tuột chức Thành hoàng của ta, lấy ngay gã ăn mày mù kia thay vào. Từ đó cho đến tận bây giờ, gã mù ấy nghiễm nhiên trở thành Thành hoàng mà cả làng Kinh không hề hay biết, cứ bốn mùa cúng tế hết sức thành kính. Cũng bởi tại âm dương cách trở mà...”

Vị “Nhà giáo Nhân dân” nghe đến đây thì mười phần đã vỡ ra được đến bảy, tám. Tuy nhiên vẫn còn một điểm thắc mắc. Bèn ngập ngừng hỏi:

“Còn ngài thì sao? Tại sao... ngài bảo rằng ngài với tôi có chút duyên nợ?”

Thượng Đẳng Linh Thần nhìn kĩ vào mặt ông giáo một lát rồi ra vẻ gật gù, thông thả kể tiếp:

“Còn ta, lúc bấy giờ Thái Thượng Lão Quân tỏ ra hàm hàm tức giận. Ngài sai đem nhốt ta dưới bậc đá thứ sáu của cái ao đình vừa mới khánh thành, chính là cái bậc mà hôm nọ người đã đạp lên ấy, lại dán vào bên hông một đạo bùa đề mười chữ: “Thái Thượng Lão Quân cấp cấp như luật lệnh sắc”. Hẹn đến khi nào có một con lừa giẫm lên tảng đá ấy thì ta mới được thoát ra khỏi chỗ đó. Thế là lại mấy trăm năm ta bị giam hãm, nhục nhã ở dưới cái tảng đá chết tiệt ấy. Không những thế, quanh năm bốn mùa ta phải chứng kiến đám đàn bà, con trẻ trong làng thay nhau giày xéo, trịn dít trịn tròn ngay phía trên vong linh của ta. Âu cũng là cách mà Thái Thượng Lão Quân, Ngài bắt ta phải đền món nợ đối với dân làng ngày trước. Nếu vậy thì dưới gầm trời này, quả thật khó mà chạy trốn được điều gì. Ta đã tuyệt vọng, tưởng vĩnh viễn không bao giờ ra khỏi cái tảng đá

đó, bởi vùng này cả nghìn năm nay không bói đâu ra một con lừa. Đây là vùng đồng chiêm trũng, người ta chỉ nuôi trâu nuôi bò để kéo cày. Chứ có phải rùng rú đâu mà nuôi lừa để cho nó ăn hại à? Mà không có lừa thì cái lời nguyên kia của Thái Thượng Lão Quân, đến đời kiếp nào mới hoá giải nổi? Chẳng lẽ phải đợi cho đến lúc vật đổi sao dời chẳng? Không ngờ...”

Vị “Nhà giáo Nhân dân” dường như đã hiểu trước cái điều mà ngài Thượng Đẳng Linh Thần kia định nói. Nhớ lại lúc giẫm lên cái bậc đá thứ sáu ở ao đình hôm trước, trong lòng ông bỗng trào dâng một cảm giác kiêu hãnh, tự hào. Rằng ông, một “Nhà giáo Nhân dân”, một “kết tinh cao độ của giai cấp”, một “đại diện trí tuệ ưu tú” của làng Kinh thời Đổi mới, chính là người đã đạp đổ tất cả những gì cũ kĩ, đạp đổ cái lời nguyên mê tín dị đoan tồn tại suốt mấy trăm năm kia. Ông đúng là một “tám gương” duy vật tốt vời. Và, để chứng tỏ mình là một trí thức duy vật chủ nghĩa đỉnh cao nhân loại, sẵn sàng coi thường cả thần thánh, coi thường những chuyện nhảm nhí... ông bèn cười khẩy một tiếng rồi nhồm dậy, dong dạc nói:

“Ngài không ngờ rằng chính tôi đã giải thoát cho ngài chứ gì? Chính tôi đã giẫm lên tảng đá đó, làm cho nó phải lật ngửa lên. Chẳng có con lừa nào xuất hiện lúc đó cả. Thế thì cái gọi là đạo bùa đạo biếc gì đó cùng với lời nguyên của Thái Thượng Lão Quân, xem ra ở thời đại này đã không còn thiêng nữa rồi...”

Vị Thượng Đẳng Linh Thần nghe ông giáo nói đến đó thì hết sức giận dữ. Bèn quát tướng lên:

“Người nói bậy nói bạ cái gì thế! Sao lại không còn thiêng nữa? Người chẳng phải là... một con lừa đó sao?”

Vĩ thanh

Câu chuyện kết thúc ở đúng câu nói ấy. Bởi vì ngay sau đó, vị Thượng Đẳng Linh Thần kia lập tức biến mất. Người chép lại chuyện này sau đó trong một lần về thăm làng Kinh, có đem ra đọc cho mấy cụ bô lão trong làng nghe. Các cụ bảo chép đúng đấy, song còn thiếu câu chuyện kể của cụ cả Lễ, chính là người đã cất giấu bài vị Thành hoàng từ cái hời người ta phá đình. Đầu đuôi câu chuyện của cụ Cả Lễ như sau:

Ông giáo Lư sau khi nghe vị Thượng Đẳng Linh Thần nói câu ấy thì trong lòng lập tức như có gì ghê gớm lắm vừa bị sụp đổ. Đầu óc ông quay cuồng bao nhiêu câu hỏi làm ông chết lặng người. Đến mãi hôm sau ông mới hơi tỉnh lại. Từ đó ông cẩn rằng không hé một lời nào với người khác về câu chuyện ấy, kể cả đối với con cháu. Thậm chí ông còn cấm ngặt con cháu không bao giờ được nhắc đến tên ông. Và cũng từ đó, ông đóng cửa nằm nhà, tuyệt không bước chân đi đâu nữa. Được một thời gian, vị đại diện trí tuệ ưu tú của làng Kinh chết vì suy nghĩ nhiều quá làm cho thân thể héo mòn, mặt mũi teo tóp. Trước khi chết, ông sai con cháu đem tất cả những danh hiệu được phong đốt trước mặt ông, sau đó tưới nước vào, xúc tro đổ hết xuống ao. Bây giờ ông mới yên tâm nhắm mắt.

Vị “Nhà giáo Nhân dân” tưởng đã mang hết những bí ẩn của mình xuống mồ. Có điều ông không ngờ rằng sau khi biến khỏi nhà ông, ngài cố quận công Thượng Đẳng Linh Thần kia còn ghé nhà cụ Cả Lễ để mượn tờ sắc phong của vua Gia Long ngày trước (tất nhiên cũng là bản photocopy), nói là để lên Thiên đình kiện đòi lại cái địa vị Thành hoàng đã bị gãi mù cướp không mấy trăm năm nay. “Thì người ta cứ tranh qua tranh lại cái địa vị để mong được hưởng mãi sự cúng tế như thế - cụ Cả Lễ chưa một câu nào nuốt - chỉ thương

cho ông giáo Lư, đến lúc chết vẫn không phân biệt mình thực chất là một con người hay chẳng qua chỉ là một con lừa...” Sau đấy, cụ bổ sung thêm một số chi tiết rất có giá trị tham khảo. Tiện thể xin chép nốt ra đây:

Số là ngày trước, bố mẹ ông giáo Lư lấy nhau mãi không có con. Nhà nghèo thành ra cũng chẳng có tiền mà sắm lễ vật để cầu tự. Một hôm vợ chồng đi tát nước mạ mãi trên cánh đồng Thành. Buổi trưa nằm ở bờ mương thiu thiu ngủ, bỗng thấy một ông già râu tóc trắng như cước, mặt đỏ tía như tôm luộc cưỡi một con vật bốn chân rất lạ, nom giống bò mà không phải bò, giống dê mà không phải dê, giống ngựa mà không phải ngựa. Trong tay ông lão dắt một đàn những con vật cũng lạ như thế đi ngang qua, con nào con nấy đều được xỏ mũi bằng một sợi dây nhỏ trắng muốt, nhìn tinh mới thấy. Vợ chồng nhà ấy chưa hề nom thấy những con vật như thế bao giờ. Lạ quá bèn hỏi:

“Thưa cụ! Những con vật này gọi là con gì thế ạ?”

“Con lừa” - cụ già trả lời.

“Vậy cụ dắt chúng đi đâu thế?” - vợ chồng nhà ấy hỏi tiếp.

“Ta dắt chúng đi rải khắp thiên hạ. - Cụ già trả lời – Thiên hạ sắp sửa đến cái thời đắc chí của những con lừa. Vậy nên ta dắt chúng đi đầu thai. Vợ chồng người có thích thì ta cho một con”.

Vợ chồng nhà kia thấy những con vật rất ngộ nghĩnh dễ thương thì thích lắm, bèn xin cụ cho một con. Cụ già vui vẻ dắt ngay một con lại, trao vào tay người vợ rồi tiếp tục cùng đàn lừa phơi phơi ra đi. Vợ chồng nhà ấy tỉnh dậy, té ra một giấc mơ. Kì lạ là cả hai cùng mơ thấy y như nhau. Bấy giờ, trên tay người vợ vẫn còn nắm chặt một sợi cước nhỏ xíu, trong suốt, một lúc thì biến mất.

Ngày hôm sau, người vợ thụ thai chín tháng mười ngày rồi đẻ được thằng con trai. Nhớ tới giấc mơ ngày trước, ông bố bèn đặt tên đứa con là Lư. Lớn lên, thằng bé học hành sáng dạ, lại bảo sao nghe vậy. Sau đi làm nghề thầy giáo. Chính là vị “Nhà giáo Nhân dân” của làng Kinh sau này.

Chuyện về vị “Nhà giáo Nhân dân” ấy dần dần rồi cũng chìm vào quên lãng. Được cái dân làng ai cũng e ngại điều gì đó nên cũng chẳng dám bàn tán hay đem đặt điều gì. Không biết vụ kiện đòi lại chức Thành hoàng của vị cố quận công Thượng Đẳng Linh Thần kia đã ngã ngũ chưa hay vẫn còn tranh chấp? Dù thế nào thì làng Kinh cũng vẫn bốn mùa cúng tế vị Thành hoàng của mình một cách thành kính, nghiêm cẩn để mong Ngài phù hộ cho con cháu học hành sáng dạ, đỗ đạt cao, làm ăn tấn tới... Mà không hề biết rằng Thành hoàng của mình, nếu không phải là một vị quận công sát gái mắc chứng thượng mã phong từng gây vạ cho cả làng, thì cũng là một gã mù không biết chữ.

Mùa Hạ năm Đinh Hợi.

© 2007 talawas

Phạm Lưu Vũ

Liệt nữ

Vĩ đại thay người đàn bà giỏi.

Chí khí mạnh ngang vạn hùng binh...

(Lê Thánh Tông).

Quán rượu tọa lạc dưới gốc hai cây gạo to cao vật vã, xù sì da cóc, nom rất kiên cố, lì lợm, cành lá rậm rì. Nghe nói trước đây chúng vốn là hai cây si nhẵn thín, có mùi thơm rất lạ. Đàn ông con trai tối tối đi ngang qua ngửi thấy mùi ấy thường lên cơn ngứa ngáy như điên nơi hạ bộ, bèn cứ ôm lấy thân cây mà cọ lấy cọ để, vừa cọ vừa... gặm đến nổi trầy da, tróc vỏ. Hai cây si vì thế không lớn được. Ngày này qua ngày khác, “trải qua nhiều cuộc... bể rêu”, chúng có nguy cơ bị chết đứng. Từ ngày xuất hiện ngôi quán rượu, hai cây si bỗng mọc gai xù sì từ gốc tới ngọn rồi biến thành cây gạo. Không kẻ nào còn dám cọ nữa. Tự bấy giờ chúng lớn lên vùn vụt. Chuyện vật đổi sao dời biết đâu mà tin với chẳng tin. Đến biển cả còn biến thành nương dâu nữa là... Chủ quán rượu là một người đàn bà đẹp song hành tung cực kì bí ẩn, ít ai được nom mặt, tiếng nói cũng ít khi nghe thấy.

Mấy cụ già ở làng Hạ ở gần đấy bảo đó là một vị tiên cô giáng trần. Nhân đấy gọi là Linh Cô mà không cần biết đến tên thật. Các tiếp viên trong quán cũng toàn thị là gái, cô nào cô nấy nõn nà như bánh cuốn mới tráng, mắt sắc như dao cau, sớm chiều dập dìu như đàn bướm, rộn rã như bầy chim sơn ca...

Có một câu chuyện lưu truyền để chứng tỏ rằng Linh Cô nếu không phải người giỏi thì cũng là một bậc nữ nhân phi phàm. Số là một hôm có hai bố con ông lão ăn mày đi ngang qua, ghé vào quán xin ăn. Thằng bé độ mười ba, mười bốn tuổi, mặt mũi lem luốc, xấu xí. Nhìn thấy Linh Cô, hai mắt nó bỗng sáng rực lên. Linh Cô bèn trở thằng bé bảo: “Thằng cu này có chân mạng đế vương, sau này tất làm vua”. Lão ăn mày bảo: “Xin cô nương đừng giấu cợt kẻ nghèo hèn như thế. Nhà tôi ba đời ăn xin. Có đâu lại đẻ ra vua chúa...” Linh Cô bảo: “Để rồi xem. Thời buổi loạn lạc này không biết đâu mà lường được”...

Từ cách xa mấy dặm đã nhìn thấy hai cây gạo. Họ Đỗ chợt thấy lông lá dựng hết cả lên, bèn trở tay bảo: “Này, chỗ kia âm khí ngùn ngụt, chắc là nơi tụ tập của những bậc xử nữ...” câu nói của Đỗ lọt vào tai họ Ngu. Họ Ngu e ngại bảo: “Xử nữ hay là ồ nhện?... Biết đâu chẳng ẩn chứa tai họa. Ấu là ta tránh đi lối khác?” Nói xong liếm mép, nước dãi chảy ra rề rề. Họ Đỗ chửi thề trong bụng: “Thằng Tàu đểu lai mấy đời này vừa giả dối, vừa ngu đến thế là cùng”. Chửi xong chép miệng bảo: “Mặc kệ. Ồ nhện thì đã làm sao? Tiếng tăm của họ truyền hàng mấy trăm năm nay. Giờ tới đây mà không chứng kiến cũng uổng...”

Họ Ngu là một trang công tử tai vênh mặt trắng, nom đẹp như lười cày ruộng chiêm. Tổ tiên vốn người đất Ngu bên Tàu, nhân lấy tên

đất làm họ. Vẫn tự hào về cái dòng dõi lập lòe mờ mịt ấy của mình lắm, có biết đâu rằng bị đồng hoá đã mấy đời. Thường hay vỗ đùi bảo: “Ở đời, sống mà không biết tự hào về một cái gì đó thì sống làm đêch gì, chết quách đi cho rồi...” Té ra y sống vì cái tên họ. Họ Đỗ sở dĩ cặp kè với họ Ngu vì cả hai cùng ham mê thơ phú lãng nhãng, thường vẫn tự cho mình là kẻ sĩ, thỉnh thoảng rủ nhau đi đây đi đó bán chữ, bán văn. Gặp lúc thiên hạ loạn lạc, chữ nghĩa ế ẩm, cả hai không khỏi lâm vào cảnh khi đói, khi no. Họ Đỗ có cái đầu to như củ chuối, lúc cạo trọc lúc để lờm chờm. Khi đó có cảm giác mỗi sợi tóc to bằng đầu đũa. Hai tai gã cũng vênh ngược lên, gương mặt phèn phẹt, nom như tranh đã kích. Đã thế, chân tay gã lại lều nguều như còng tôm, cặp mắt híp cực kì gian xảo, nhìn chỗ nào cũng thấy ngả ba, du côn phát tiết ra đằng mồm, thường hay chửi vụng từ trong ý nghĩ.

Từ quán rượu nhìn chéo qua bên kia đường là cửa Càn (cửa Nam) thành Cổ Lộng. Đó là một tòa thành lớn đắp bằng đất cao 7 thước 3 tấc, có 8 cửa đặt tên theo bát quái, chu vi 200 trượng 8 thước 8 tấc. Xung quanh đào hào rộng 4 trượng, sâu hơn 6 thước. Thành nằm giữa một vùng đất đai bằng phẳng, vuông vức như manh chiếu khổng lồ trải từ tây sang đông, đầu gối về phía dãy núi Đuôi Cáo, chân đạp ra hướng biển Đông. Kiềm Quốc công Mộc Thạnh thua trận ở Bô Cô chạy bán sống bán chết về đây. Nhẽ ra nhân đà ấy, quân của Giản Định Đế Trần Ngỗi thừa thắng đánh dần đi thì thành đã bị san phẳng rồi. Song Quốc công Đặng Tất từ phía nam nhìn lên thấy âm khí trùm cả một vùng, trong bụng vô cùng e ngại, bèn bảo: “Quân ta từ vua tới lính toàn trai tráng khỏe mạnh, lại bị giam hãm, nín nhịn lâu ngày. Tiến vào chốn ấy dầu có thắng chắc

cũng bị rút hết dương khí, biến thành một lũ thái giám hết, còn đâu nhuệ khí để kháng chiến lâu dài...” Giản Định Đế nghe bàn cũng lấy làm phải bảo: “Xưa nay chỉ nghe nói thái giám làm loạn thiên hạ. Chưa nghe nói thái giám tranh được thiên hạ bao giờ.” Bèn dừng quân lại không tiến nữa.

Mộc Thạnh thoát chết về binh đao song không thoát nỗi yêu khí. Mấy hôm sau mò ra quán rượu trước cổng thành giải sầu. Giải một lần rồi giải mãi, giải không sao dứt ra được. Quả nhiên chưa đầy nửa tháng thì dương khí bị rút mất quá nửa. Từ ngày nọ sang ngày kia già đi đúng một tuổi, quả như mấy câu thơ của Hoàng Trần Cương: “Mỗi ngày anh bên em / là già thêm một tuổi...” Yêu đương mà như thế thì chẳng mấy chốc tuyệt tự đến cả Hán tộc chứ chả phải chuyện chơi. Mộc Thạnh từ một viên tướng trẻ mới ngoài 30, thoát cái trở thành ông lão ngót 5 chục, tóc tai rụng gần hết, thân thể yếu như con sên đất, chân tay run lẩy bẩy, thở không ra hơi... bèn dâng sớ xin chuồn về Bắc dưỡng bệnh.

Chuyện lạ bay về Đông Quan. Thượng thư Hoàng Phúc nghe tin báo bỗng giật nảy mình bảo: “Đất ấy tất có yêu nữ, yêu nữ trú ở đâu thì nơi ấy sinh ra cái vạ đàn bà, không khéo mất toi thành như chơi. Vả lại còn kế hoạch đồng hóa của triều đình. Muốn đồng hoá thì phải biết tiết chế tinh khí. Nay nếu ai cũng như tên Mộc Thạnh kia, trong một ngày mà tiêu phí tinh khí của cả một năm thì mạng còn chẳng giữ được, nói chi đến chuyện đồng hóa...” Bèn cho Mộc Thạnh về nước, cử Thái giám Sơn Thọ thay, đồng thời đích thân tới tận nơi trấn yểm. Ưc Trai tiên sinh (tức Nguyễn Trãi) nằm trong ngục biết chuyện, liền giở tay bấm độn rồi cười khẩy, bụng bảo dạ: “Thằng chó này tuy nham hiểm, song Ưc Trai ta chính là khắc tinh ba đời nhà nó.

Phải ra tay phá phép của nó mới được...” Lập tức xé vạt áo, cắn máu viết lên đó một đạo bùa rồi giấu sẵn trong bụng. Nhân lúc người em con cô con cậu là Trần Nguyên Hãn vào thăm nuôi liền giúi vào tay Nguyên Hãn, đoạn ghé tai bảo: “Muốn phá phép của thằng chó thì phải làm như thế... như thế...”

Sở dĩ Ưc Trai khi nói đến Hoàng Phúc cứ một điều “thằng chó”, hai điều “thằng chó” không phải vì căm thù hay muốn hạ thấp y. Người như Ưc Trai đâu thêm có ý đó. Chính vì Hoàng Phúc tuổi Tuất, tướng ngũ đoản, nom tũn hoắt như con chó nhãi, làm việc gì cũng liên quan đến chó. Từ chỉ đạo chiến tranh đến đối nội, đối ngoại... dùng toàn mẹo của chó, ví dụ cắn càn hoặc to mồm gây thanh thế. Gặp kẻ mạnh hơn thì cúp đuôi ỉn nhẩn, cam chịu thân nô bộc, gặp kẻ yếu hơn thì lập tức lên giọng cha người ta mà ngôn bậy ngôn bạ, kiểu như “dạy cho một bài học”, v.v... Nhất là trong cái việc bùa ngải, thần chú mà y được truyền lại từ sách của Cao vương (Cao Biền).

Nguyên Hoàng Phúc là truyền nhân đời thứ 18 của Tiết độ sứ Cao Biền thời nhà Đường (vì tiếm hiệu xưng vương nên về sau mới gọi là Cao vương). Chuyển Nam chinh lần này, Phúc nhận mật lệnh của Minh Thành Tổ là phải làm sao đồng hóa xứ Nam di này để nó mãi mãi phụ thuộc là một trấn của Trung Nguyên. Đồng hóa về dòng giống thì phải trồng cấy vào đội quân viễn chinh hùng hậu toàn những thanh niên trai tráng chưa vợ con hoặc xa vợ lâu ngày. Đàn bà con gái xứ này tuy ngoa ngoắt song mỏng mày hay hạt, mắt lá dăm hai mí lúng liếng, da dẻ nõn nà xem ra còn đẹp hơn gái Trung Nguyên toàn thị một mí him híp như mắt lươn. Hoàng Phúc cứ việc thả cho quan lính của mình tha hồ cưỡng hiếp. Song nếu trong số bọn gái ấy có lẫn yêu nữ thì phải coi chừng. Không khéo mấy chục

vạn con đực giống thiên triều ưu tú thượng đẳng kia biến thành vô dụng hết. Riêng đồng hóa về mặt văn hóa và tâm linh thì Hoàng Phúc đã có chủ trương. Đó là bộ thần chú (cũng gọi là kinh Cao vương) bất hủ mà một khi đã truyền ra, thì toàn thị xứ Nam di này sẽ chỉ còn biết xưng tụng thiên triều hết đời này sang đời khác, mãi mãi không cùng. Vì vậy việc trấn yểm lần này chính là một công đôi việc, vừa trấn áp nạn yêu nữ, vừa truyền bá kinh Cao vương vào tận cõi tâm linh sâu thẳm của mọi người dân xứ này. Thế là những gì mà vị tổ sư Cao Biền ngày trước thất bại hoặc làm còn dang dở, thì nay Hoàng Phúc sẽ thực hiện cho kì được.

Hoàng Phúc về tới thành Cổ Lộng liền sai tìm thợ tạc một con chó bằng đá lớn gấp rưỡi chó thật. Tất nhiên là chó đực, bìu dái to bằng vốc tay. Mười ngày làm xong. Việc tiếp theo là lập đàn thất tinh, đặt con chó lên chính giữa đàn rồi đốt trầm hun vào, vừa hun vừa lầm nhảm đọc thần chú. Hun bảy ngày bảy đêm, đọc bảy bảy bốn mươi chín lần, lần lượt ba vạn chín nghìn chữ của kinh Cao vương thì con chó đá nom đã có thần khí, mình mẩy đen bóng như chó mực, mùi tanh toả nồng nặc, để khí toát ra lạnh người. Riêng cái bìu dái vẫn trắng ửng, đàn ông trông thấy bỗng cảm thấy tủi thân, đàn bà trông thấy ai cũng đỏ mặt e thẹn. Nghệ thuật tạo hình mà có hồn vía như thế kể cũng vào loại cao tay. Phép này vốn là một bí truyền lâu đời ở phương Bắc. Người phương Bắc gọi là “Linh Cầu tác” (chế tạo chó thiêng). Xong xuôi, Phúc sai để con chó lên tháp canh, cho nó quay mặt về hướng nam, ngày ngày sửa vào trong gió không sót một chữ nào trong số ba vạn chín nghìn chữ của kinh Cao vương. Gió sẽ mang những chữ thiêng ấy đi bốn phương tám hướng, nhập vào tận hồn vía vong linh của hết thầy bọn man di mọi rợ ở xứ này. Tuy

nhiên phải chờ đến khi hạ thổ trúng long mạch nữa thì nó mới phát huy tác dụng mãi mãi, đời nọ truyền đời kia. Dân Giao Chỉ rồi sẽ chỉ còn biết nhất nhất suy nghĩ, hát ca theo ý muốn của thiên triều. Công việc hạ thổ cũng hơi rắc rối, khó hiểu. Song đại thể như sau:

Trước khi trở lại Đông Quan, Hoàng Phúc gieo quẻ rồi trao cho Thái giám Sơn Thọ 5 đạo bùa có đánh số thứ tự nhất, nhị, tam, tứ, ngũ. Dặn tới ngày tuất, tháng tuất, đúng giờ Dậu ra cổng thành sẽ gặp hai con lừa đi bằng hai chân, lom khom từ hướng cung Mão (phía đông) đi lại. Đó chính là tả hữu hộ vệ của đế cẩu (chó vua) sau này. Đem hai con lừa ấy vào trong thành, quàng dây vào cổ rồi lấy roi quất vào mông chúng, bắt chúng kéo con chó đá về hướng cung Mùi (phía tây nam). Quất thật lực cho chúng lòng lên. Tới khi nào hai con lừa ấy vấp ngã, chiếc xe chở con chó đá dừng lại chỗ nào thì chỗ đó chính là long mạch. Bấy giờ hãy sai người đào cho tới khi gặp nước đỏ phun lên như máu thì mới đúng tâm mạch. Việc tiếp theo là ếm bùa rồi chôn con chó đá xuống, sao cho đầu nó hướng về phía cung Sửu (phía đông bắc, nhìn về đúng quán rượu). Lại trói chân trói tay hai con lừa lại, nhét vào mồm mỗi con một miếng sấm, gấn xi lại rồi chôn sống chúng ở hai bên hông con chó đá. Năm đạo bùa thì cái có chữ “nhất” dán trên lưng con chó, 4 đạo còn lại dán dưới 4 gan bàn chân theo thứ tự từ phải qua trái, từ chân trước đến chân sau... nhất nhất không được sai lệch.

Trần Nguyên Hãn theo lời dặn của Nguyễn Trãi, ăn mặc giả đạo sĩ, dắt theo một tiểu đạo đồng từ Đông Quan hướng về thành Cổ Lộng. Đi từ sáng sớm đến tối mịt thì tới nơi. Dọc đường, chàng chứng kiến bao cảnh cướp, hiếp tàn bạo của quân Minh. Xứ sở này từng bao phen giặc giã, loạn lạc. Song có lẽ không đạo quân nào đều căng và

thú vật như lũ quan quân mệnh danh là thiên triều tràn xuống từ phương Bắc này. Con cháu của những vị thánh nhân là Khổng Tử, Lão Tử... không ngờ lại tham tàn và hiểm độc đến thế. Nếu đúng là “nhân tri sơ, tính bản thiện”, thì cái bản chất lang sói truyền hết từ đời nọ tới đời kia của lũ người phương Bắc này chúng học ở đâu ra? Chẳng nhẽ lại học từ trong sách của chính các vị thánh nhân ấy? Với chiêu bài diệt họ Hồ, trả lại nước cho họ Trần, thật chẳng hơn gì mấy câu khẩu hiệu vẫn truyền miệng trong dân gian: “Việt Nam Trung Nguyên / núi liền núi sông liền sông / chung một biển Đông / mối tình hữu nghị / có còn hơn không...”, v.v... Song thực chất chúng thêm muốn cưỡng chiếm và đồng hóa đất này từ bao đời trước đó. Việc ấy thì ngay cả một gã thất phu mù chữ cũng nhận ra, huống hồ những kẻ vẫn tự coi mình là lương đồng của đất nước. Nguyên Hãn biết Minh Thành Tổ chỉ với một lời hẹn cho phép tha hồ cướp bóc của cải, cưỡng hiếp đàn bà con gái càng nhiều càng được trọng thưởng, mà trong vòng một thời gian ngắn đã tuyển được mấy chục vạn quân. Cái xứ sở vẫn tự vỗ ngực xưng là Trung Nguyên văn hiến nhất thiên hạ ấy té ra lại khát máu khát dục đến thế kia ư? Và chúng đã tới đây như những kẻ săn người. Khắp nơi, đường làng ngõ xóm bị giày xéo, nhà cửa bị đốt, trâu bò bị xả thịt. Những tiếng kêu thét tuyệt vọng của các thiếu nữ, của các cụ già không át nổi những tiếng cười hô hố của lũ sát nhân. Xác người trôi trên sông, nằm rải rác dọc đường, những bãi đất thấm máu đen thẫm, từng đàn quạ bay rợp trời... Đúng như lời kẻ tội của Ưc Trai tiên sinh: “Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn / Vùi con đỏ xuống hầm tai vạ / Dối trời lừa người, kể gian đủ muôn nghìn khoé / Gây binh kết oán, tội chồng chất ngót hai mươi năm...”

Ngày tháng thoi đưa. Thấm thoát đã đến mùa đông, tháng tuất. Đợi đúng giờ Dậu, ngày tuất, Sơn Thọ sai hạ con chó đá từ trên tháp canh xuống, đặt sẵn lên một cỗ xe rồi mở cổng, hạ cầu treo, cùng tùy tùng phóng ngựa ra khỏi thành. Chờ mãi vẫn không thấy có hai con lừa từ phía đông đi lại như lời dặn của quan thượng thư. Buổi chiều mùa đông trời tối sớm, lạnh buốt, con đường vắng ngắt không một bóng người, nói chi đến có con lừa nào. Sơn Thọ đang tỏ vẻ sốt ruột thì mãi cuối giờ Dậu, bỗng có hai gã dị hợm đang lom khom đúng là từ phía đông đi lại. Nom thấy cái dáng đi lạ, Sơn Thọ chăm chú quan sát. Cả hai gã đều có cặp tai vênh như tai lừa, lại đi bằng hai chân... Nhớ lại lời dặn của quan thượng thư, Sơn Thọ chợt tỉnh ngộ. Đích thị chúng là hai con lừa mà quan thượng thư đã ám chỉ, bèn quát lính đồ xô ra tóm lấy, giải vào trong thành. Nguyên hai tên đó chẳng phải ai xa lạ, chính là họ Đỗ và họ Ngu vừa tả ở trên. Lúc đi gần tới chỗ hai cây gạo, bỗng ngửi thấy một mùi hương ngào ngạt, quyến rũ. Cả hai chợt cảm thấy toàn thân bừng bừng như lên cơn sốt, phía bụng dưới bật ra một cục gân cứng ngắc, tức anh ách, đến nỗi không sao đứng thẳng được. Thế là không ai bảo ai, cả hai cùng cúi gập người xuống, hai tay ôm cứng lấy hạ bộ, vừa bước lom khom vừa thở ra những hơi thở gấp gáp...

Họ Đỗ và họ Ngu bị bọn lính đẩy đến trước cái xe chở con chó đá. Hai người mặt xám như chàm đỏ, cục cứng biến đâu mất tiêu. Chưa kịp hoàn hồn thì đã thấy ách tròng vào cổ. Quả là: “Một dây vô lại buộc hai... con lừa”. Rồi thì hai chiếc roi quật xuống hai cặp mông đánh “đét” cùng một lúc. Hai con “lừa” giật nảy mình, vội vàng gò lưng kéo chiếc xe tiến về phía làng Hạ. Đó là một làng lớn, nằm chếch góc Tây Nam, cách thành già nửa dặm. Một đoàn quan lính

trong thành cầm đuốc rừng rừng hộ tổng phía sau và hai bên tả hữu như một lũ ma chơi. Roi quạt xuống càng lúc càng gấp, họ Đổ và họ Ngu lồng lên, kéo chiếc xe chạy như ma đuổi. Đang chạy, bỗng “Úi chao!” một tiếng, cả hai cùng vấp phải cái gì đó dưới chân làm người ngã sấp xuống đất. Rất may là chiếc xe cùng con chó đá lập tức đứng tấp ngay lại, nếu không thì hai gã đã bị nó đè nghiền lên người. Vị trí đó ngay sát đầu làng Hạ. Lập tức, Sơn Thọ ra lệnh cho lũ lính quay vòng trong vòng ngoài rồi bắt đầu đào. Cái huyết hun hút dần dần lộ ra, đất quạt lên đỏ quạch. Họ Đổ linh cảm thấy sắp đến giờ tận số, sợ quá vãi đái cả ra quần. Riêng họ Ngu chưa kịp nghĩ đến điều đó nên cứ trố mắt, thản nhiên xem bọn lính đào bới. Đào sâu xuống chừng 6 thước, quả có một ngọn nước đỏ như máu phun lên từ giữa đáy huyết. Bọn lính nhất tề reo “ồ” lên một tiếng. Sơn Thọ mừng rỡ, lập tức ra lệnh hạ con chó đá xuống khỏi xe để làm phép ếm bùa trước khi đưa xuống huyết. Đám cầm đuốc rừng rừng tiến từ ngoài vào, đám đứng trong chuyển động dẫn ra, lại có sáu mươi tư tên vẽ mặt loang lổ, chia làm hai toán chạy ngược chiều nhau vòng quanh huyết, vừa chạy vừa hò hét những âm thanh nghe rất lạ tai. Một số tên khác theo lệnh Sơn Thọ trối nghiền họ Đổ và họ Ngu lại, nhét vào mồm mỗi tên một miếng sâm rồi dùng xi gấn chặt mồm lại. Bấy giờ hai người hồn vía đã lên mây, ỉa đái đầy cả ra quần, chân tay bủn rủn gần như không biết gì nữa. Độ một giờ sau thì mọi việc xong xuôi, con chó đá và hai kẻ tuần táng làm tả hữu hộ vệ của đế cẩu đã nằm sâu dưới lòng đất. Cuộc trấn yểm của Hoàng Phúc đến đây kể như thành công mỹ mãn.

Bài chú gồm ba vạn chín nghìn chữ của kinh Cao vương nhập vào con chó đá cùng với mấy đạo bùa quả nhiên linh nghiệm ghê gớm.

Con chó đá vừa được chôn xong xuôi thì ở quán rượu, cô chủ Linh Cô liền cảm thấy váng vất nhưc đầu, hai mắt hoa lên, chân tay rã rời, tai nghe lũng bùng toàn tiếng chó sủa, mà lại sủa ra toàn chữ thánh hiền mới lạ. Các tiếp viên cũng bị tình trạng y như vậy, cô nào cô nấy run lả người như liễu ra trước gió, co rúm hết vào một xó. Quán rượu sắp xảy ra tai vạ đến nơi. Thế còn Trần Nguyên Hãn? Chàng ở đâu trong lúc nguy cấp thế này?

Xin thưa chàng ở ngay trong quán rượu. Vậy chàng đã quên nhiệm vụ của Ưc Trai tiên sinh giao phó rồi chăng? Kể từ hôm về tới Cổ Lộng, thầy trò Nguyên Hãn tìm vào làng Hạ, thuê một căn nhà ở trọ, hàng ngày chăm chỉ đọc chú, luyện bùa chờ đợi. Nghe những tiếng đục đá chan chát từ phía thành vọng lại, Nguyên Hãn biết quân Minh đang tạc tượng chó đá. Kể đến mùi hương trầm thoang thoảng... Mọi diễn biến “Linh cầu tác” của quân Minh đều không qua khỏi sáu giác quan của chàng, đúng như những gì Nguyễn Trãi đã tiên liệu. Nhiệm vụ của chàng là chờ đến khi chúng hạ huyết xong xuôi, để cầu nhập địa hãn hoi rồi sẽ lập tức ra tay, miễn sao không quá giữa giờ tí (đúng nửa đêm) là được. Đáng nhẽ thì như vậy đấy. Song việc đời mấy ai lường trước chữ ngờ. Bẵng đi mấy hôm không ngủ thấy mùi trầm, Nguyên Hãn sợ lỡ mất việc, bèn ra khỏi nhà đi về phía thành thăm dò xem quân Minh đang làm trò gì. Trong vai một đạo sĩ quê mùa, đang lượn đi lượn lại trước cổng thành, bỗng mũi chàng ngửi thấy một mùi hương rất lạ. Mùi hương làm chàng cảm thấy ngây ngất...

Kết quả là Nguyên Hãn bị cái mùi hương ấy nó quyến rũ, hai chân cứ tự động bước đi như kẻ mộng du. Tới đúng quán rượu, chàng bỗng ngẩn người trước những bóng hồng thướt tha của mấy cô gái. Nghĩ

kể cũng lạ. Nguyên Hãn dường như không có được cái xuất xứ nói như thơ của Inrasara: “Con rất muốn chọn làm đứa con tổng thống Pháp hay cháu đích tôn quốc vương Brunây / con còn muốn chọn ra đời ở Thái Lan hay Mỹ quốc...” thì chàng cũng là một trang công tử được sinh ra trong chốn quý tộc đài các một thời. Vậy mà chàng chưa từng trông thấy những cô gái quyến rũ mê hồn như thế này bao giờ. So với các nàng đây thì phải nói là: “Tây Thi mất vía Hằng Nga giật mình...” Hai mắt Nguyên Hãn bỗng hoa lên, tâm trạng chàng bỗng trở nên bấn loạn, thật khó có nam tử hán đại trượng phu nào thoát nổi chốn này, đúng như mấy câu thơ của Trần Ninh Hồ: “Bao người xinh đẹp ta chưa biết / xinh đẹp bao người chưa biết ta / ta đang trong cõi thiên tình ấy / trời chẳng mù sao mắt bỗng nhòa”.

Đứng trước những tiên nữ thướt tha, thoát cái máu phong tình trong người chàng công tử Nguyên Hãn bốc lên ngùn ngụt. Chàng lập tức thả những lời ong bướm mây mưa, tuy không đại ngôn như thơ Trần Mạnh Hảo, kiểu: “Xin cho một chấm trong gò đất / để vịn qua người tiên nữ em”, song cũng không đến nỗi giả như thơ tình Xuân Diệu: “Anh xin làm sóng biếc / Hôn mãi cát vàng em / Hôn thật khẽ, thật êm / Hôn điên cuồng mãi mãi...” Có phải Nguyên Hãn đã “hy sinh” vì sắc? Chỉ biết rằng đúng như Nguyễn Du tả: “Một nhòai trong cuộc truy hoan / Càng quen thuộc nét càng dan díu tình...” Chàng say sưa đến nỗi quên bém lỏi về, quên bém cả nhiệm vụ Nguyễn Trãi giao. Tóm lại là kết cục sẽ vô cùng bi đát cho chàng, cho cả xứ Giao Chỉ này nếu chàng không kịp thời tỉnh trí lại. Một tối kia nằm trong quán, chàng bỗng thấy mấy ngọn nến đang cháy bình yên, chợt dạt hết về cùng một phía. Gió lạnh gai người thổi tới ào ào. Linh Cô đang mơn mớn như một bông hoa bỗng dưng héo rũ, miệng ú ớ nói không ra

tiếng, tay chỉ ra cổng như muốn chàng phải ra đi. Các tiếp viên khác, cô nào cô nấy cũng đều dúm dỏ vào nhau như đàn gà con gặp quạ. Giây lát, cả hai cây gạo cổ thụ lẫn ngôi quán nom xác xơ như vừa trải qua một trận cuồng phong. Quả đúng là: “Phong trần đến cả sơn khê / tang thương đến cả hoa kia cỏ này...” Nguyên Hãn thấy thế thì kinh ngạc quá, vội vàng gặng hỏi cuống quýt mãi, nhưng Linh Cô chỉ một mực lắc đầu. Ánh mắt của nàng, cánh tay chỉ ra cổng của nàng càng khẩn thiết muốn chàng phải ra đi ngay lập tức...

Nguyên Hãn không biết làm thế nào, đành nhẫn tâm rời khỏi quán rượu. Cả một thiên đường tình ái như thế mà bỗng chốc phải ra đi thì lòng dạ nào không rầu rĩ, nát tan. Chẳng có cuộc chia ly màu đỏ hay màu đen gì ở đây hết. Cũng chẳng có sông ngòi gì để mà: “Em đưa anh sang sông, chiều nay mưa rơi êm đêm...” cả. Tất nhiên cũng chẳng có ngựa nghèo gì để: “Người lên ngựa kẻ chia bào...” Tóm lại lúc đến háo hức, lãng mạn bao nhiêu thì lúc đi buồn bã, trần trụi bấy nhiêu. Chỉ một mình chàng thất thủ trên con đường đất vắng teo, lạnh ngắt. Hệt như Nguyễn Bính miêu tả trong bài thơ: “Những bóng người trên sân ga”: “Một mình làm cả cuộc chia ly...”

May mắn thay, càng đi xa khỏi quán rượu thì Trần Nguyên Hãn càng tỉnh táo trở lại. Chàng lơ mờ nhớ ra nhiệm vụ trọng đại của mình. Liếc mắt về phía làng Hạ, Nguyên Hãn phát hiện thấy đoàn người ngựa quan lính nhà Minh đang cầm đuốc rồng rần trở về thành. Lập tức nhớ ra toàn bộ nhiệm vụ. Chàng cuống cuống tìm đường tắt vòng qua phía sau lưng quân Minh rồi chạy ngược lại, tìm tới đúng cái chỗ chúng vừa đi khỏi. Đám đất nơi cái huyết vừa được lấp còn dấu mới tinh. Nguyên Hãn chạy về nhà trọ mượn cuộc xẽng rồi kéo cả tiểu đạo đồng ra chỗ cái huyết. Hai thầy trò hồi hải đào bới. Đào

gần tới giữa giờ tý thì con chó đá lộ ra, hai bên có hai kẻ bị trói ngồi thu lu, thân thể vẫn còn ấm. Nguyên Hãn cùng chú đạo đồng vực hai người lên bờ, cởi trói cho họ rồi cạy miệng xi gấn ở miệng ra. Họ Đỗ và họ Ngu thở hắt mấy cái rồi mở choàng mắt. Thế là được cứu sống. Thật may mắn cho Nguyên Hãn, bởi nếu để chậm, hai gã này mà tắt thở thì linh hồn sẽ lập tức biến thành tả hữu hộ vệ. Khi đó Nguyên Hãn có đào cả đời cũng không thể tìm thấy con chó đá. Cứu xong hai người, Nguyên Hãn lại nhảy xuống huyết, gỡ đạo bùa trên lưng con chó đá ra, đốt diêm lên soi, thấy trên đó viết mấy chữ:

“Thiên tử Vĩnh Lạc cấp cấp như luật lệnh sắc” (Vĩnh Lạc là niên hiệu của Minh Thành Tổ). Theo lời dặn của Nguyễn Trãi, Nguyên Hãn đem đạo bùa đó dán xuống bùi dái con chó, đoạn lấy đạo bùa của Nguyễn Trãi ra dán thay vào chỗ cũ. Người viết không rõ đạo bùa của Ưc Trai tiên sinh viết gì, chắc không thêm dùng chữ thánh hiền, mà dùng chữ Nôm. Đoán đại hình như là: “Mả cha chúng bay chôn ở đây...” Chẳng biết có đúng không? Thiên hạ có ai biết làm ơn chỉ giùm...

Thực hiện xong công việc kinh thần động quỷ ấy rồi, Nguyên Hãn gọi chú đạo đồng xuống huyết. Tưởng để làm gì, té ra chàng sai chú ta vạch chim đá xèo xèo vào giữa mõm con chó. Phép ấy gọi là: “Tiểu khẩu đế cầu” (đái vào mõm vua chó). Phải là nước đái của chú đạo đồng mới được, bởi chú ta còn nguyên dương, chưa hề xuất tinh lần nào. Nước đái của những chú nhóc như thế sách cổ gọi là “nguyên thủy”. Đó là một chất nước có hoạt tính cao, dùng chữa được rất nhiều bệnh. Giây lát, con chó đá bỗng rùng mình một cái (ghê thật), mình mẩy đang bóng loáng bỗng xám ngoét ngay lại. Thế là vua chó hết thiêng.

Phép của Ước Trai tiên sinh quả nhiên cũng ghê gớm không kém. Chú đạo đồng vừa đái xong thì ở trong quán rượu, Linh Cô cùng các nàng tiếp viên lập tức cảm thấy tinh thần thư thái, tiếng chó sủa trong tai bỗng ngưng cầm bặt, bao nhiêu vầng vất tiêu tan đâu hết. Chỉ còn thấy hơi ngứa ngứa ở giữa háng. Bèn ngồi bệt xuống đất, dặng ra gãi vài nhát là êm. Vốn là người nắm được tiên cơ, Linh Cô chẳng khó khăn gì mà không hiểu ra toàn bộ sự việc, bèn hướng về phương Bắc mà rửa một cách rất ngoa ngoắt song vô cùng hả hê:

“Bùa ngải với cả ba vạn chín nghìn thần chú kinh kệ cái mả cha chúng bay. Không bằng ba vạn chín chu cái mu l(...) b...à... à...” Câu rửa ấy về sau lưu hành trong dân gian. Con số ba vạn chín nghìn biến thành một câu thành ngữ cửa miệng, chỉ hằng hà sa số cái chỗ tục tĩu ấy của đàn bà. Người ta thường đem nó ra để dè bủ hay rửa nhau, song ít ai biết đó chính là số chữ của kinh Cao vương bất hủ từng linh ứng khắp thiên hạ ngót năm trăm năm. Công phu đồng hoá văn hiến của Hoàng Phúc rốt cuộc chỉ còn lại mỗi câu thành ngữ ấy. Không biết Trung Nguyên của thiên triều thế nào chứ ở xứ này thì từ đó kinh Cao vương cũng hết thiêng.

Cũng cần phải kể qua loa một chút về họ Đỗ và họ Ngu trước khi để họ tạm biệt câu chuyện này. Số là hai người tuy được cứu sống, song hồn vía tiêu tán tận đâu đâu, mấy đời cứ tưởng mình là con lừa thật. Mãi đến khi Lê Thánh Tông lên ngôi mới được hoàn hồn. Lại quay về nghề làm thơ, viết phú... như trước. Thỉnh thoảng sợ hãi điều gì cứ lấy xi gấn vào miệng là yên tâm. Con cháu họ Ngu về sau kị chữ “ngu”, bèn thi nhau đổi họ. Đại khái kể đổi sang họ Ngô, kể đổi sang họ Nguyễn, v.v... Duy cái truyền thống tự hào thì không những vẫn di truyền, mà còn lây lan sang các họ khác. Họ Đỗ vẫn giữ cái tật

chửi thề, chửi vụng như trước, lại cũng di truyền cho những đời sau, thành ra một môn phái chửi thề có tiếng trong thiên hạ. Điều đó tưởng cũng không có gì lạ, chỉ vì chửi thề, chửi vụng nên ít ai nghe thấy đó thôi. Nghe đâu hai người còn có chân trong hội Tao Đàn của Lê Thánh Tông, chuyên làm thơ ca ngợi vua. Xứ Giao Chỉ bắt đầu có hội nhà văn từ đấy.

Trần Nguyên Hãn quả không hổ là một đáng trọng phu. Hoàn thành nhiệm vụ rồi, trong lòng chàng bỗng cảm thấy thanh thản, không hề lưu luyến cái chốn đào hoa tuyệt đỉnh kia một chút nào nữa. Thế mới gọi là: “Bể tình duyên lấp bừa rồi... thì thôi.” Nguyên Hãn lập tức tìm đường trở về Đông Quan báo tin cho Nguyễn Trãi. Lúc này Ưc Trai tiên sinh đã được Trương Phụ thả ra khỏi ngục, đang tìm cách chiêu dụ về hợp tác. Nguyễn Trãi tương kế tựu kế, dùng kế hoãn binh để chờ cơ hội trốn khỏi Đông Quan. Trần Nguyên Hãn gặp được ông trong một ngôi nhà tranh phía nam thành. Nghe Nguyên Hãn kể lại mọi việc, Ưc Trai tiên sinh mừng thì có mừng, nhưng không hiểu sao vẫn than: “Mưu ta dẫu thành, song khí huyết của ta suốt đời phải cưỡi trên lưng chó, làm việc gì rồi cũng vấp phải nạn chó, thậm chí sau này gặp đại hạn cũng rơi vào năm chó... cho mà xem. Vả lại bộ kinh của kẻ kia linh ứng đã năm trăm năm, nay bỗng chốc bị vô dụng như thế, biết đâu nó lại chẳng tìm cách báo thù. E rằng sau này chính ta cũng chuốc phải cái nạn đào hoa, kết cục khó mà được vẹn toàn.” Quả đúng như thơ Nguyễn Du: “Cõi đời chó má ngút trời / dẫu phồn hoa cũng là đời bỏ đi...” Nguyên Hãn nghe nói thì kinh ngạc, gắng hỏi mãi. Song Ưc Trai tiên sinh lắc đầu nhất định không nói. Việc ấy đến bây giờ vẫn còn là một bí ẩn. Tuy nhiên, nếu ai không tin cứ việc nghiệm lại cuộc đời Nguyễn Trãi thì biết.

Lại quay về ngôi quán rượu trước cổng thành Cổ Lộng. Hôm ấy Linh Cô bồng bảo: “Các em quét tước sạch sẽ, ngày mai không tiếp khách. Có Nguyệt Cô từ phía đông sẽ tới quán ta.” Các tiếp viên không ai dám hỏi gì, chỉ nhất nhất nghe lời. Hôm sau, từ sáng tới chiều chẳng thấy có ai là Nguyệt Cô ghé quán cả. Mãi đến gần tối, bỗng thấy một bà lão từ phía đông đi lại, trên lưng cõng một bé gái ước chừng bốn năm tuổi. Thấy bà lão bước vào quán, Linh Cô mừng rỡ đích thân ra đón. Bà lão bảo: “Con bé này người làng Duối cách đây năm sáu dặm. Nó họ Lương, tên cúng cơm là Minh Nguyệt, cháu nội của già này. Đêm qua già nằm mơ thấy thần nhân bảo gửi nó ở đây thì sau này sẽ lập nên công trạng. Vậy xin giao nó cho cô nương.” Thì ra Nguyệt Cô chính là cô bé con đó. Linh Cô vui vẻ nhận lời. Từ đó Minh Nguyệt sống trong quán cùng các cô tiếp viên, được đích thân Linh Cô dạy dỗ, rèn luyện. Minh Nguyệt càng lớn càng tỏ ra giỏi giang, nhan sắc mười phần rực rỡ mà bản lĩnh cũng có chỗ hơn người...

Thành Cổ Lộng là doanh sở của Giao Châu hộ vệ, thủ phủ phủ Kiến Bình. Oai trấn thì như thế, song ngôi quán của Linh Cô hầu như đã hút hết hồn vía của bọn quan lính người Minh đóng trong thành. Những cuộc hành binh tới các vùng lân cận để ăn cướp và gieo rắc dòng giống bằng cách cưỡng hiếp đàn bà con gái của chúng cứ thu hẹp dần. Từng toán, từng toán lính thay phiên nhau kéo ra khỏi thành thế nào cũng phải rẽ vào ngôi quán. Mà khi đã ghé vào đó thì chúng khó có thể đi đâu được nữa. Linh Cô sai các nàng tiếp viên chiều chuộng, lả lơi hết mực, chuốc rượu cho chúng say khướt từ sáng đến tối. Trước khi quay trở vào thành, mỗi tên được phát một cái bao làm bằng điều gà đen gọi là “vị ô kê”. Thứ này vừa mỏng vừa

dai, vừa có khả năng co giãn rất tốt, lại được ướp một thứ hương rất đặc biệt gây kích thích mạnh khả năng động dục. Nghe nói dụng cụ này do chính Linh Cô chế ra. Những con giống thiên triều kia vớ được thứ đó thì lập tức lên cơn động dục, đưa lên mũi hít lấy hít để rồi lũ lượt dắt nhau vào một cái tàu ngựa bỏ hoang ở gần đó, lồng “vì ô kê” vào cục cứng của mình rồi tên nào tên nấy thi nhau sục thật lực. Tinh khí tiết ra được trút chung trong một chiếc thùng gỗ, đem đổ xuống khúc sông Hằng, đoạn chảy qua phía tây, cách thành già nửa dặm.

Cứ thế hàng chục năm trời. Đàn bà con gái quanh vùng nhờ đó cũng hơi được yên ổn. Có điều khúc sông Hằng ấy bốc mùi tanh hôi nồng nặc, ô nhiễm đến nỗi cua cá cũng không sống được. Thế mới gọi là “Cổ Lộng khí chảy thành sông, tanh hôi vạn dặm...” Đủ thấy quân Minh không những đông như thế nào, mà cái khoản dương khí của chúng mới mạnh làm sao. Song mạnh mấy mà hoang phí thì rồi cũng đến lúc phải bạc nhược. Lữ Lính Minh vì bị mất quá nhiều tinh khí đâm ra rất sợ muối. Chỉ cần nghe tiếng vo ve là người chúng nổi hết gai lên rồi. Bèn sắm mỗi tên một cái túi ngủ. Đêm đêm, trừ những tên đến phiên gác, còn thì chui hết vào trong túi, nhờ người bên ngoài thắt nút lại cho kín. Bấy giờ Trần thủ Trần Hiệp đã thay Thái Giám Sơn Thọ chỉ huy quân Minh ở thành Cổ Lộng. Vốn là kẻ dâm ô thượng hạng, Trần Hiệp đòi các tiếp viên trong quán đêm nào cũng phải vào thắt nút túi để gã được ngửi mùi hương đặc biệt toát ra từ thân thể các nàng thì mới ngủ được.

Thế rồi cũng đến lúc “Càn khôn bĩ rồi lại thái, thái rồi lại bĩ... Nhật nguyệt tối rồi lại sáng, sáng rồi lại tối...” Xứ Giao Chỉ sắp đến hồi thoát khỏi sự giày xéo của người Minh. Bình Định vương Lê Lợi dấy

binh ở Lam Sơn. Lũ người Minh kia lúc mới sang, dương khí còn dư thừa nên tỏ ra hung hăng, lấy thịt đè người. Nay bị đàn bà con gái xứ này dùng phép của Linh Cô rút hết tinh lực rồi thì nhuệ khí chỉ còn là con số không. Chỉ dựa vào sự tàn bạo, dâm ô thì có ích gì. Lại vẫn kiêu ngạo ta đây có binh pháp của tổ sư Tôn Tử trứ danh. Thế mà đánh trận thì dở ẹc. Binh pháp gì mà số người cầm cờ chiếm đến một phần ba. Mỗi khi bày trận thì phiền hà thủ tục, rườm rà lớp lang, quan tướng thì lằng xằng chỗ nọ chỗ kia, chỉ thấy đỏ mặt lên gân hò hét như phường tuồng. Binh pháp ấy chỉ dùng để diễn trên sân khấu, hoặc cùng lắm là đánh trận giả quân xanh quân đỏ mà thôi. Chứ địch thế nào được với sự khôn ngoan lanh lợi, thoát ần thoát hiện, bất chấp bài bản, cờ quạt của nghĩa binh Lê Lợi.

Bình Định vương Lê Lợi thắng như chẻ tre, làm chủ một vùng rộng lớn từ Thanh Hoá trở vào. Trên đường tiến ra Đông Quan, nghĩa binh Lê Lợi dựng phải thành Cổ Lộng. Lúc này cả Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn đều đang ở trong quân Lê Lợi, một người là Nhập Nội hành khiển, một người là quan Tư Đồ cầm đầu một cánh quân. Gặp lại cảnh xưa người cũ, kí ức trong lòng Nguyên Hãn bùng bùng trỗi dậy. Chàng bèn cải trang lẻn ra khỏi trại, tìm đến quán rượu ngày trước, nhân thể xem xét tình hình quân Minh đóng trong thành.

Bấy giờ Linh Cô đã rời khỏi quán từ lâu. Người thay thế Linh Cô làm chủ quán giờ là Nguyệt Cô, chính là cô bé Minh Nguyệt họ Lương ngày trước. Linh Cô đã đi đâu? Đó mãi mãi là một điều bí ẩn. Có người bảo nàng đi tới những nơi khác, trên khắp xứ Giao Chỉ này để tiếp tục phá âm mưu đồng hoá dòng giống của quân Minh. Nguyệt Cô bấy giờ ngoài hai mươi tuổi, nhan sắc đẹp tuyệt trần. Hàng ngày nàng chỉ huy các tiếp viên của mình ra sức thù tiếp và làm mọi cách

tiêu hao tinh khí của bọn lính Minh. Tối tối, nàng lại dẫn các cô vào thành thắt nút túi cho Trần Hiệp và bọn quan tướng. Gặp Nguyễn Hãn như thể đã quen biết từ trước, Nguyệt Cô vanh vách kể hết nội tình bọn giặc trong thành rồi bày kế cho nghĩa quân lấy thành. Thật dễ như trở bàn tay. Quả là một người con gái có chí khí khác thường.

Trần Nguyễn Hãn vớ được mưu kế của Nguyệt Cô thì mừng rỡ, vội vàng trở về tâu trình cho Bình Định Vương biết. Thế rồi như đã hẹn trước, nửa đêm hôm đó, nghĩa quân Lê Lợi bí mật áp sát thành Cổ Lộng. Phía trong thành, Nguyệt Cô và một số nàng tiếp viên chờ sẵn làm nội ứng, chuốc rượu cho tên quan giữ cổng say mềm rồi mở cổng thành, hạ cầu treo xuống. Quân sĩ của Lê Lợi ào ạt tràn vào. Nghe động, Trần Hiệp và bọn chỉ huy vội vàng đập túi ngủ để chui ra. Nhưng hôm đó, Nguyệt Cô và các nàng tiếp viên đã cố ý thắt mấy nút làm chúng không sao đập ra được. Nguyệt Cô lại dẫn đường cho quân khởi nghĩa đột nhập đến tận nơi, dùng búa đập lên những túi vải như đập chuột. Lũ lính trong thành không người chỉ huy nhanh chóng tan vỡ, bị nghĩa quân giết sạch không còn một mống.

Bình Định vương Lê Lợi hạ được thành Cổ Lộng mà không tốn một mũi tên, một người lính nào. Con đường tiến ra Đông Quan đã được khai thông, số phận của thành Đông Quan cũng chẳng còn được mấy nổi. Quân Minh bị giết ở thành Cổ Lộng nhiều quá, xác chất ngồn ngang như những đồng rơm. Bình Định vương ra lệnh cho các làng xung quanh kéo xác chúng quẳng xuống sông Hằng. Cả một khúc sông Hằng từ đó tới sông Đáy dài năm sáu dặm trôi dầy đặc xác người, làm nghẽn cả cửa cống thông ra sông Đáy. Đến nỗi dân ở đó về sau phải đặt tên là cống Kinh Ma. Sông Hằng lại một lần nữa

tanh hôi, ô nhiễm khủng khiếp. Bình Định vương lại sai phá hủy thành, đem đất trong thành chia cho các làng xung quanh, làng nhiều làng ít căn cứ vào số xác quân Minh mà mỗi làng kéo được.

Lại nói quân Minh bị chết dữ dội quá, hồn vía không tan được, từ đó cứ hiện làm ma quỷ quấy nhiễu làng Hạ. Sử cũ gọi là ma Tàu ô.

Trước tình cảnh ấy, Ưc Trai tiên sinh lại sai Nguyên Hãn về làng Hạ đào con chó đá lên, xoay đầu cho nó nhìn thẳng về phía cổng thành. Từ đó ma Tàu ô giảm dần rồi hết hẳn.

Nghĩa quân của Bình Định vương Lê Lợi tiến thẳng ra vây thành Đông Quan. Nguyệt Cô lập công lớn, được Bình Định vương phong làm “Kiến quốc Phu nhân”. Lại ban ân rằng muốn thưởng nghìn vàng hay đất đai, cho phép bà được tùy nghi lựa chọn. Nguyệt Cô chỉ xin vương ban một con ngựa, sau lưng cột một giỏ trầu. Bà sẽ vừa phi ngựa vừa rắc trầu xuống đường. Trầu rắc đến địa phận làng nào thì làng đó sẽ là đất phong của bà. Bình Định vương vui vẻ đồng ý.

Nguyệt Cô phóng ngựa từ làng Duối, vòng qua làng Nhuộng, làng Bàn, làng Mai... ước chừng vài chục dặm, xuống đến tận làng Bo thuộc địa phận Phong Doanh. Thành hoàng làng Bo nghe tiếng chân ngựa chột hỏi tả hữu: “Ngựa nào thế?” Tả hữu bẩm: “Ngựa của Kiến Quốc Phu nhân đi đánh dấu đất phong”. Thành hoàng bảo: “Nếu thế thì bà ta lấy hết đất của dân mất. Ta phải bắt chước phép của cha nàng Tổ Cơ ngày trước để ngăn lại mới được.” Lúc ấy Nguyệt Cô vừa phi ngựa đến giữa cánh đồng. Sau lưng bà, túi trầu mới rắc hết non nửa. Bỗng trước mặt xuất hiện một ông lão đang lúi húi kết những sợi cỏ trên mặt ruộng lại. Con ngựa của Nguyệt Cô phóng tới, không hiểu sao bị những dây cỏ ấy quấn vào chân, bốn vó loạn xạ một lát rồi ngã kênh ra, què mất hai vó trước, túi trầu đổ vung vãi hết

xuống mặt ruộng. Đất phong của bà dừng lại ở đấy. Cánh đồng đó về sau có tên là cánh “Ngựa què”. Tên ấy nay vẫn còn.

Vào đúng thời điểm lũ bại binh người Minh do Tổng binh Vương Thông dẫn đầu được Bình Định vương Lê Lợi tha cho về nước, có một đoàn người ngựa trở lại thành Cổ Lộng, tìm đến quán rượu của Nguyệt Cô. Đó chính là vua Trần Cảo và những người theo hầu.

Trần Cảo hỏi thăm Linh Cô, nghe nói bà đã bỏ đi từ lâu thì hết sức ngậm ngùi. Bèn sai sửa chữa một ngôi lầu còn sót lại trong thành rồi ở luôn tại đó, có ý muốn tìm đường đi tu. Trần Cảo chẳng phải ai xa lạ. Chính là cậu bé con ông lão ăn mày ngày trước, lớn lên vốn chỉ làm nghề đánh dậm, cua cá qua ngày. Một hôm nhậu say, bổng buột miệng nói giữa đám bạn bè: “Tao là con cháu vua Trần ngày trước đấy. Lũ người Minh kia có mắt cũng như mù. Nếu không thì chúng đã lập tao làm vua lâu rồi”. Đám bạn bè truyền câu nói ấy đi chỉ cốt làm trò cười vui với nhau mà thôi. Ai dè một hôm bỗng có sứ giả của Bình Định Vương tìm đến rước về lập làm vua thật, đặt niên hiệu là “Thiên Khánh” hửn hoi. Thật chẳng khác nào thơ của Lê Anh Hoài: “Lãi to hơn cả đánh đề / đang thẳng đánh dậm đề huề... ngôi vua”. Lời của Linh Cô ngày trước quả không sai chút nào. Sở dĩ có việc ấy là bởi mưu của Nguyễn Chích. Lập Trần Cảo chỉ là việc quyền nghi nhất thời, cốt yên lòng những kẻ còn hướng về nhà Trần và đối phó với chiêu bài của nhà Minh mà thôi. Chứ nếu thực bụng, thì dòng dõi đích thực của vua Trần sờ sờ là Nguyên Hãn đấy, sao Bình Định vương không lập?

Bình Định vương Lê Lợi lên ngôi. Ban đầu vì nhân từ, Lê Lợi không nỡ giết Trần Cảo. Bèn hạ chiếu giáng xuống tước vương, phong luôn cho ở Cổ Lộng. Về sau, bọn tướng sĩ của Lê Lợi nhiều kẻ thấy Trần

Cảo xuất thân chỉ là con nhà ăn mày, lại không có công trạng gì đáng kể nên ghanh ghét, ngày đêm gièm pha để Lê Lợi giết đi. Trần Cảo sợ ở lại Cổ Lộng sẽ không toàn được tính mệnh, bèn bí mật trốn ra biển, lên thuyền định chạy vào Nghệ An. Kết quả vẫn không thoát. Nguyệt Cô khi chết được dân lập đền thờ ở ngay làng Duối, đền đến nay vẫn còn. Dân làng Duối suốt mấy trăm năm vẫn có vô số ruộng ở các làng khác, lại vẫn xuống cày cấy ở tận cánh đồng Ngựa què thuộc địa phận làng Bo. Khu đất có ngôi quán trước cổng thành ấy, từ đó tới nay, thời nào cũng có hai cây cổ thụ. Không biết có phải do hai cây gạo ngày trước biến hoá ra hay không? Đội trưởng Cải cách Huỳnh Cự một buổi tối lôi “rẽ” ra “vật nhau” dưới hai gốc cây. Đúng lúc khoái cảm đạt tới cao trào, bỗng có một bóng áo trắng ở đâu bay xẹt tới, đậu vắt vẻo trên ngọn cây. Thế rồi tinh khí trong người Huỳnh Cự tuôn ra ào ào, không sao hãm lại được, Cự cảm thấy buốt lạnh dọc sống lưng, đỡ người ra như chết rồi. Cũng may “rẽ” là một người đàn bà có kinh nghiệm. Thị bình tĩnh giữ cho Huỳnh Cự nằm nguyên trên bụng mình, đoạn rút chiếc kim băng vẫn gài trên mái tóc ra, đâm một nhát vào xương cổng đít Huỳnh Cự. Phép ấy gọi là “cứu dương” (cứu dê), có tác dụng làm tinh khí ngừng lại, không tuôn ra nữa. Huỳnh Cự nảy cong người lên rồi tỉnh. Thật hú vía. Suýt nữa mất toi một ông Đội. Tai nạn ấy ở đất này vốn là chuyện thường tình, không tha người nào từ cho vua chúa cho đến thứ dân, gọi là “thượng mã phong”.

Huỳnh Cự thoát chết song hai đầu gối như muốn long ra, run rẩy bước thấp bước cao lần về làng Hạ. Vừa tới đầu làng, Cự bỗng vấp phải một vật cứng như đá làm y ngã úp mặt xuống đất, hộc cả máu mồm máu mũi, lại gãy mấy cái răng cửa. Cự nổi giận gọi mấy tay bần

nông đốt đuốc moi đất lên, thì ra là hai cái tai chó bằng đá. Lại đào mãi, đào mãi. Cả con chó đá lộ hẳn ra, mấy đao bùa vẫn còn y nguyên, trên đó viết chữ loằng ngoằng không biết là chữ gì. Huỳnh Cự nghi có phản động yểm bùa hại chính quyền cách mạng. Bèn sai đốt bỏ bùa, đập tan con chó đá, đồng thời báo cáo lên Đoàn uỷ để xin chỉ thị. Đoàn uỷ cũng nhận thấy sự việc nghiêm trọng, lập tức ra lệnh điều tra. Huỳnh Cự cùng Bối và Đình, hai thành viên trong Đội hăng hái truy tìm tông tích, lập hồ sơ... Thế là “lòi” ra vua Trần Cảo và Nguyệt Cô, một “đầu sỏ phong kiến”, một “đầu sỏ địa chủ” có đất đai hàng nghìn mẫu. Huỳnh Cự mừng lắm. Phen này Đội của Cự lập thành tích to. Cự một mặt báo cáo xin chỉ đạo của Đoàn uỷ, một mặt vận động các “rể”, “chuối” chuẩn bị đấu tố, lại lập sẵn pháp trường để xử bắn Trần Cảo và Nguyệt Cô ngay tại chỗ. Đoàn uỷ nhanh chóng chuẩn y cùng lúc hai án tử hình, các “rể”, “chuối” đã sẵn sàng đầu đầy. Hôm mít tinh đấu tố, tổ tự vệ của Duyên theo lệnh Cự lùng sục mãi vẫn không tìm thấy Trần Cảo và Nguyệt Cô đâu. Mãi sau mới biết cả hai đều đã chết. Thật may cho hai vị. Riêng ông Đội Huỳnh Cự thì cứ tiếc rỏ mãi...

Thế mới gọi là:

“Trăm năm trong cõi người ngô.

Việc đời sáng, tôi có ngờ được chẳng?

Trải qua một cuộc về vang...”

Viết tại di tích Cổ Lộng tháng 3 năm Đinh Hợi (2007)

© 2007 talawas

Phạm Lưu Vũ

Luận ngữ Tân thư

Chuyện đời cong, thẳng và trong, đục...

Trong kiệt tác kiếm hiệp kiêm chính trị cổ điển *Tam quốc diễn nghĩa*, La Quán Trung tiên sinh từng ca ngợi cây dâu cổ thụ mọc trong sân nhà anh thợ đóng dép Lưu Bị là linh mộc, là hiện thân của phong thủy, đến nỗi bịa ra một ông thầy, đi qua nhìn thấy cái cây ấy bèn phán: "Cây dâu này mọc thẳng tắp, tán xoè như cái ô. Nhà ở dưới gốc cây này ắt sinh quý nhân." Quý nhân ấy chẳng phải Lưu Huyền Đức thì còn ai vào đây nữa. Cây dâu đó là cái ô Trời, là bản mệnh sự nghiệp của Lưu Bị sau này. Quả là về sau, Lưu Bị nhờ có cái bản mệnh ấy mà gặp được khối người ngay thẳng. Trong số đó, người quan trọng số 1 phải kể đến là vị quân sư Gia Cát Lượng (Khổng Minh). Thế nhưng La Quán Trung tiên sinh đã "lờ" đi không chép việc cái "ô" vĩ đại ấy rồi cũng đến lúc đổ kênh. Số là một hôm, trời nổi bão giông. Cây dâu cổ thụ bỗng nghiêng ngả, quay cuồng rồi đổ sập xuống, đè nát đúng bàn thờ nhà Lưu Bị. Lúc ấy Lưu Bị đã lên ngôi hoàng đế bên đất Thục. Giá như ông thầy kia lại nhìn thấy, chắc thể nào cũng bảo vị quý nhân nhà này có nhẽ sắp đến lúc... toi. Quả nhiên một thời gian ngắn sau đó, Thục chủ Lưu Bị gặp hạn ở thành

Bạch Đế rồi “toi” luôn tại đó. Trước khi chết, ngài không ngại nước Ngụy của Tào Tháo, cũng chẳng thêm ngại nước Ngô của Tôn Quyền. Ngài chỉ ngại mỗi... quân sư Khổng Minh mà thôi. Vì thế ngài đã phải triệu Khổng Minh đến tận giường bệnh mà chơi bài ngựa, tiếng là gửi gắm con cô, song lại “thòng” một câu rùng rợn rằng nếu nó bất tài, thì hay là ông thay nó, làm chủ quách nước Thục đi! Lưu Bị nói thế là có ý muốn “đe” Khổng Minh, rằng ta biết tổng ông là người như thế nào rồi. Trước khi gặp ta, ông có tiếng là một người ngay thẳng. Ông bắt ta phải ba lần hạ cố mới chịu ra, giả vờ không thêm màng đến danh vọng. Có thật ông không thêm màng danh vọng? Sao ở lều tranh mà ông theo dõi việc thiên hạ kĩ thế? Lại còn lặn lội đi gài sắn “thạch trận” ở những đâu đâu. Giờ ta mới biết ông rất có tài ảo thuật, dễ dàng mê hoặc được lòng ngưỡng mộ của thiên hạ không chỉ trong một vài đời. Ông mẹo vặt có thừa, song bụng dạ lại hẹp hòi. Trong thiên hạ, bất cứ ai tài hơn, ông cũng tìm cách chiêu nạp về rồi nghĩ kế trừ đi. Đã mượn tay Trương Nhiệm giết ngóm một Bàn Thống gây thơ cả tin, kẻ “học giỏi gấp mười ông” (ý này do chính ông từng nói ra), lại còn định chém Ngụy Diên ngay trước mắt ta. Ham hổ danh tiếng như ông thì sau khi ta chết đi rồi, dẫu có làm chuyện thoán nghịch cũng chẳng có gì lạ... Khổng Minh lúc đó sợ toát mồ hôi, vội vàng sụp xuống dập đầu thề lấy thề để (thề cá trê chui ống). Màn chơi bài ngựa này tuy chỉ có Lưu Bị và Khổng Minh biết, song khó mà che được cặp mắt thế gian. La Quán Trung về sau nhân đó cũng “lờ” đi cho văn vẻ sạch sẽ, sử sách trơn tru. Ấy là cái truyền thống chép sử xưa nay nó thế. Sử sách vốn chỉ ưa chép những chỗ thơm mà giấu nhem đi chỗ thối. Và La Quán Trung đã tỏ ra là một người chép sử khéo, song lại là một tay kể chuyện tồi, bởi

ông vẫn để lộ những chỗ thối của lịch sử ra. Lưu Huyền Đức quả có con mắt tinh đời. Về sau, chỉ vì ghen tài mà Khổng Minh đã quyết không thực hiện diệu kế của Ngụy Diên, lại còn dùng lời lẽ ngụy biện để chê bai, dè bĩu. Rốt cuộc cả 6 lần đem binh ra Kì sơn đều công cốc, đến nỗi thân phải bỏ ở gò Ngũ Trượng. Thế mà trước khi chết vẫn còn nghĩ kế để giết Ngụy Diên cho bằng được. Vị quân sư ngay thẳng ấy thù dai hay sợ Ngụy Diên sau này được đắc dụng thì sẽ thành công hơn mình? Vì thân mà hy sinh bég cả cơ nghiệp của chúa như thế, chẳng trách nước Thục do Lưu Bị tổn công gây dựng chẳng bao lâu cũng mất toi về tay cha con Tư Mã Ý, không để lại được chút hơi hám gì. Vậy thì cái điềm cây dâu cổ thụ kia bị đổ, làm nát cả bàn thờ nhà Lưu Bị quả là nghiêm lắm. "Mệnh" trời quả không thể xem thường. Tuy thế, song những màn "ảo thuật," những "mẹo" vặt của Khổng Minh vẫn được người đời thích thú, tôn sùng, đã lưu truyền được danh tiếng lẫy lừng của ông cho đến tận bây giờ. Danh tiếng ấy bao đời nay át cả Lưu Bị, đến mức bất cứ ai nghe thấy cũng phải trợn mắt thán phục. Thế thì có thể nói rằng Khổng Minh mới chính là người đã "vớ" được Lưu Bị, còn Lưu Bị, là người đã "vớ" phải Khổng Minh vậy.

Tóm lại, việc đời thường tuân theo quy luật quân tử khởi xướng, tiểu nhân a dua, quân tử thiệt thân, tiểu nhân thủ lợi. Cho nên cái triết lý "đầu voi đuôi chuột" dẫu chẳng ra gì, vẫn luôn tỏ ra đúng với mọi thời đại. Cái "ô Trời" ấy ở nhà Lưu Bị ban đầu dẫu có mang cái "lý" của một "con voi," thì cuối cùng, "con voi" ấy vẫn phải có lúc đổ kènh. Và

một khi nó đã đổ, thì kết quả bao giờ cũng vô cùng thảm hại. Việc của Trời Đất còn như thế, huống hồ là việc của con người. Một cây cỏ thụ còn như vậy, huống chi những loài cỏ lác. Vậy mà có kẻ vẫn còn muốn bền vững muôn năm? Có biết đâu rằng cái tử tế mãi chính là cái đáng nghi nhất trên đời. Cứ xem những sự khởi đầu và kết thúc của mọi cuộc đổi thay trên thế gian này thì biết. Sự thật rồi cuộc chẳng mang tí dáng dấp nào của những bản tuyên ngôn kinh điển viễn vông. Tuy rằng cây dâu kia ở nhà Lưu Bị (có vẻ) chẳng liên quan gì đến Khổng Minh. Song việc mọc thẳng của nó hoá ra lại là một cái "triệu" bất tường. Thật chẳng biết rồi nó sẽ đổ về phía nào để mà đề phòng vậy. Giả như nó đừng đứng thẳng, mà cứ cong hẳn về một phía, để ông cha Lưu Bị cất nhà ở bên phía ngược lại, thì bàn thờ nhà ông đâu đến nỗi bị đập nát, và duyên trời biết đâu đã chẳng dun rủi cho ông gặp phải con người cũng có tiếng ngay thẳng là Khổng Minh? Tưởng gặp phúc mà thành ra vô phúc, tưởng kì duyên mà lại hoá vô duyên. Chắc chỉ có giới mới đùa nổi kiểu ấy. Trên đời, có ai lại ngu đến mức không tự nhận mình là người ngay thẳng, nhất là những hạng được coi là kẻ sĩ. Thế nhưng so với cái trò đùa ghê gớm ấy của cơ trời, thì sự dối trá kinh niên của con người xem ra chẳng thấm thía vào đâu.

Ấy là chuyện cong, thẳng. Thế còn chuyện trong, đục... thì như thế nào?

Có một vị hoàng đế (mà người viết không nhớ rõ cụ thể là ai), vốn được các bầy tôi, lâu la xưng tụng là bậc thánh, đạo đức trong vắt như pha lê, không hề gợn chút dơ đục nào của cuộc đời. Một hôm

cải trang vi hành (tất nhiên ngài sẽ đến lầu xanh. Bởi lầu xanh bao giờ cũng là đích cuối cùng của mọi cuộc vi hành trên thế gian này), ngài vớ được một cô gái đẹp lắm, mắt liếc như thu ba, thân hình ngon như đùi gà rán. Bèn tán tỉnh rồi đưa nhau vào phòng trọ. Lâu lắm rồi hoàng đế mới được một phen thoả chí mây mò trên thân xác của một ả thần dân như vậy. Đang lúc hứng đến cao trào, vị hoàng đế bỗng buột mồm ngôn ra một lời dạy mà các thần dân của ngài ai ai cũng thuộc lòng từ thuở lên ba. Ngay lập tức, cô gái kia phát hiện ra chân tướng của ngài và kiên quyết cự tuyệt. Ngài năn nỉ thế nào cũng vô ích. đành tiếc nuối nuốt nước bọt, mặc quần áo vào rồi than thở, rằng giá ta đừng mang tiếng là một kẻ đạo đức trong suốt như pha lê thì có phải đỡ thiệt thòi. Đằng này... Té ra lũ bầy tôi kia sở dĩ xưng tụng ta như thế đâu phải vì chúng yêu ta, mà chính vì cái lợi ích của chúng...

Sách Phật kể rằng trong một kiếp, Đề Bà Đạt Đa và Phật cùng đầu thai làm con cá chép. Con cá chép là Đề Bà Đạt Đa chỉ thích bơi vào chỗ dòng nước trong vắt để phô bày cái hình dáng tuyệt đẹp của mình. Những giống xấu xí khác như cá mại, cá mè, cả lũ đồng đông cân cân cứ rùng rùng bám theo, vừa bơi vừa luôn miệng trầm trồ. Trái lại, con cá chép là Phật thì chỉ lẩn quẩn trong những chỗ nước đục, chẳng con nào thèm để ý tới làm gì. Một bữa có con chim bói cá đậu trên cây nhòm xuống. Trong làn nước trong vắt, nó nom rõ con cá chép Đề Bà Đạt Đa, liền lao xuống đớp gọn rồi nuốt chửng vào bụng. Đề Bà Đạt Đa chui vào bụng con bói cá, chẳng bao lâu bị nó tiêu hoá, biến thành một cục phân. Con bói cá bay qua sông, ỉa cục phân đó xuống giữa đàn cá vẫn thường bơi theo Đề Bà Đạt Đa khi

trước. Lập tức, từ cá mại, cá mè đến lũ đồng đông cân cần đều tỏ ra hết sức ghê tởm. Con nào con nấy vội cố hết sức bơi vào chỗ nước đục để lẫn trốn. Sau đây là mẫu đối thoại giữa cục phân Đề Bà Đạt Đa và Phật:

"Ngài thấy tôi bây giờ so với trước thế nào?" - cục phân hỏi.

"Không khác gì cả" - Phật trả lời.

"Thế tại sao lũ mặt hạng kia giờ lại xa lánh tôi?" - cục phân hỏi tiếp.

"Bởi bây giờ chúng mới nhìn rõ ngài thực ra là cái gì" - Phật trả lời.

"Ôi! Giá như ta đừng chọn chỗ nước trong" - cục phân than thở.

Câu chuyện chỉ đơn giản thế. Vậy mà có một số học thuyết rất đứng đắn đã căn cứ vào đó để chứng minh một cách đầy thuyết phục, rằng Đề Bà Đạt Đa nếu không là thủy tổ của cả loài người nói chung, thì ít nhất cũng là thủy tổ của cái giống mũi tẹt da vàng.

Chuyện khác: trong một lần giảng giáo lý Đại thừa, một vị Tổ của thiền tông kể rằng kiếp trước ông từng là một con sáo. Một bữa đang bay lượn, chợt bắt gặp một quả bầu rất to. Bèn khoét một lỗ rồi chui vào. Bấy bấy bốn chín ngày nằm trong đó, chén hết già nửa ruột bầu thì bỗng ngộ ra ba nghìn thế giới. Mừng vì đắc đạo, vị thiền sư (con sáo) bèn chui ra khỏi quả bầu rồi bay mãi, bay mãi... Bầu trời trước mắt ông như khác hẳn, rộng bao la và thơm ngát mùi hương. Tất cả,

từ một sợi lông cho đến những quả núi, cánh rừng... đều được thu vào cặp mắt chỉ bé bằng hai hạt tằm của ông. Mới hay sự đắc đạo là vô cùng thoả chí. Có lẽ ông sẽ bay mãi như thế, tự do tự tại, như lai như ý không gì câu thúc, không cần phải xác định phương hướng... nếu ông không vô tình bay qua một dòng suối. Dòng suối trong veo, nhìn thấu tận đáy. Nước suối ấy có thể rửa sạch mọi thứ. Có ai ngờ nó lại “rửa” luôn cả cái tâm Phật vừa mới được nhen nhúm trong ông. Soi mình xuống dưới, thiền sư bỗng thấy mình rõ ràng đang là một... con nhặng. Vậy mà vẫn không hề kinh ngạc (đã là thiền sư thì không bao giờ kinh ngạc). Có điều đôi cánh của con nhặng lúc đó dường như cứ bị hút về một phương nào đấy không thể cưỡng nổi. Lại bay mãi, bay mãi... Cuối cùng té ra ông lại trở về đúng cái quả bầu ấy. Bấy giờ nó đã thối nhũn từ bao giờ. Con nhặng là ông bị cái mùi thối ấy hấp dẫn, lập tức lao vào thò vòi ra hút lấy hút để... Thế là toi một kiếp tu hành. Toi từ lúc nào? Thiền sư hỏi rồi tự trả lời: không phải vì ông hút phải cái thứ ruột bầu thối tha ấy. Mà toi vào đúng cái lúc ông thấy mình là một con nhặng. Kể đến đây, thiền sư chép miệng: giá như dòng suối kia đừng có trong vắt như thế, mà nó đục ngầu, thì ông đã đắc đạo ngay từ kiếp đó rồi. Và câu chuyện ấy đã giải thích tại sao con người hiện đại ngày nay không thể trở thành thiền sư.

Cũng vẫn vị Tổ ấy, một hôm muốn truyền lại y bát, bèn hỏi đệ tử thứ nhất:

"Trước mắt con là hai cốc nước, một trong, một đục. Con chọn cốc nào?"

Đệ tử thứ nhất trả lời:

"Con chọn cốc nước trong."

Sư nhắm mắt không nói gì. Đệ tử thứ nhất lui ra. Đệ tử thứ hai vào. Thiên sư vẫn hỏi câu ấy. Đệ tử thứ hai trả lời:

"Con chọn cốc nước đục."

Sư lại nhắm mắt không nói gì. Đến lượt đệ tử thứ ba. Nghe xong câu hỏi, đệ tử thứ ba lặng im hồi lâu. Sư hỏi:

"Sao con không trả lời?"

Đệ tử thứ ba bảo:

"Con không thể nào phân biệt được thế nào là trong, thế nào là đục..."

Sư liền trao ngay y bát.

3/2007

Phạm Lưu Vũ

Mĩ tục

“Mĩ tục” là tục... của Mĩ (thơ Lý Đợi)

Câu chuyện này rút trong ghi chép của một khách du lịch.

Cụ Cả Lễ, người cao tuổi nhất làng Kinh vốn được coi là một bộ bách khoa toàn thư sống của cả làng. Khách nghe tiếng tìm đến cụ như tìm đến một địa chỉ văn hoá cuối cùng còn sót lại. Chờ cho cụ an toạ, khách lễ phép cất tiếng hỏi:

“Làng ta vẫn giữ truyền thống là một làng văn hiến đấy chứ, thưa cụ?”

Cụ Cả Lễ râu tóc bạc trắng như một ông tiên, ngược đôi mắt kỉ hà nhìn khách hồi lâu, đoạch chậm rãi trả lời:

“Việc ấy anh đi mà hỏi ông chủ tịch. Lão đây không dám giả nhời.”

Khách thoáng ngạc nhiên, bèn chuyển sang đề tài khác:

“Nghe nói cụ biết rất nhiều sự tích của làng...?”

Cụ Cả Lễ vẫn chậm rãi, đôi mắt nhìn xa xăm tận đâu đâu:

“Cái đó tùy duyên thôi. Sự tích cũng tùy duyên mà có...”

Cụ vừa nói đến đấy thì có đứa cháu chạy đến xin cụ chùm chìa khóa nhà xí để đi... ị. Khách ngạc nhiên quá, bèn hỏi ngay:

“Nhà xí mà cũng phải khoá ư, thưa cụ?”

“Ấy đấy, cái ‘duyên’ nó đến rồi đấy - cụ Cả Lễ bảo khách – Phải khoá chứ. Thậm chí phải bí mật để đề phòng kẻ xấu ăn trộm. Làng này có tục đi ỉa phải giấu cút. Người đi nhiều như anh mà cũng chưa bao giờ nghe nói đến hay sao?”

Đến đây thì khách kinh ngạc thật sự. Chẳng lẽ làng này là truyền nhân của... giống mèo cả hay sao mà lại có cái “tục” kì lạ như vậy. Té ra cái gì cũng có sự tích của nó cả. Sau đây là câu chuyện kể của cụ Cả Lễ:

Kể rằng thiền sư Căng Lulu vốn người làng Kinh, tên tục gọi là Ngục Văn, hồi bấy giờ làng này còn có họ Ngục. Căng Lulu là pháp hiệu. Ngài xuất thân trong một gia đình trưởng giả. Bình sinh lúc nào cũng xe ngựa rình rang, tấp nập kẻ hầu người hạ, ngày ngày toàn ăn thịt cá, lại hưởng không thiếu gì lạc thú trên đời. Bỗng một hôm thời thế đổi thay, gia tài dần dần khánh kiệt, kẻ hầu người hạ bỏ đi hết cả. Từ đó chỉ còn biết ăn rau cỏ qua ngày. Ngục Văn phần chĩ bèn bỏ làng ra đi, sang tận bên Tàu, tìm đến thiền sư Triều Châu xin học đạo. Các đệ tử của sư thấy Ngục Văn toàn thân tróc gẻ, người ngòm hôi hám có ý không ưa, xui sư đuổi đi. Sư nói:

“Cứ gì hôi hám. Hễ có duyên thì khắc ngộ được đạo.”

Các đệ tử hỏi vậy Ngục Văn có duyên gì? Sư đáp:

“Duyên đọc được bụng dạ của kẻ khác.”

Rồi cho xuống tóc, đặt pháp hiệu là Căng Lulu. Song mấy năm trôi không thấy sư nhìn ngó gì đến, cũng không hề giảng cho một câu, chỉ cho phép cấp tráp theo hầu như một chú tiểu. Một hôm thầy trò đang đi đường, Căng Lulu chợt nhìn thấy một con trâu đang ỉa bãi phân to tướng, trong lòng bỗng nổi tâm cơ, bèn buột miệng hỏi:

“Thưa... Phật pháp là cái gì vậy?”

Sư hỏi lại:

“Ngày trước người toàn ăn thịt cá, vậy người ỉa ra cái gì?”

“Ỉa ra cứt” – Căng Lulu trả lời ngay.

“Thế lúc chỉ ăn rau cỏ, người ỉa ra cái gì?” – Sư hỏi tiếp.

“Cũng... cứt” – Căng Lulu ngập ngừng.

“Pháp đấy! Pháp đấy” – Sư nói liền hai tiếng.

Căng Lulu hoát nhiên đại ngộ.

Tự bấy giờ các quán đều thông, bốn tượng hợp một, trí huệ rục rở, Căng Lulu trở thành thiền sư. Ngài bèn tìm về làng cũ, lập một chiếc am nhỏ ở đầu làng, hàng ngày đọc kinh, thiền định... rồi “hoá” ngay tại đó. Lâu dần cỏ dại trùm kín, nơi có chiếc am của thiền sư trở thành hoang phế. Một hôm có anh đánh dậm đi qua bỗng nổi cơn đau bụng, bèn chui vào giữa chỗ ấy ỉa một bãi. Tối hôm đó về nhà, đang ngủ, anh đánh dậm bỗng thấy một bóng người bước vào nhà bảo:

“Người sắp bị mọc một khối u ở trong bụng mà chết. Hãy uống một bát nước ở cái giếng chỗ ta thì sẽ khỏi...”

Anh đánh dậm không tin, bèn hỏi lại:

“Làm sao ông biết?”

“Xem cứt người ta biết” – bóng người kia trả lời. Nói xong biến mất.

Anh đánh dậm toát mồ hôi, giật mình tỉnh dậy. Hoá ra một giấc mơ.

Chợt nhớ đến việc ỉa bấy lúc ban ngày, anh chàng trong bụng cũng thấy hơi hoảng song vẫn nửa tin nửa ngờ. Khoảng tháng sau, anh ta cảm thấy có cục gì cứ chướng lên giữa bụng, ăn uống không tiêu được. Cái cục cứ lớn dần, lớn dần, đến nỗi bụng trương phình lên, cứng ngắc, từ đó chỉ còn nằm một chỗ, không đi lại được nữa. Vợ con anh ta bán cả đồ đạc, lợn gà, mời hết thầy thuốc này đến thầy

thuốc khác. Song ai cũng lắc đầu, nhất loạt bảo anh chàng sắp chào ông bà ông vải đến nơi.

Về phần anh đánh dậm, từ khi bị mọc cái u trong bụng thì biết rằng mình đã ỉa bậy vào chỗ thiêng nên bị thánh vật. Vì thế cứ cắn răng chịu đựng, không dám nói cho vợ con biết. Bảy giờ mười phần đã chết đến chín rưỡi, anh ta mới phều phào kể lại cho vợ nghe về giấc mơ hôm trước. Người vợ nghe xong lập tức tìm đến chỗ đã từng có cái am. Phát cây vạch cỏ mãi, quả nhiên có một cái giếng nhỏ sâu hút, nước trong vắt. Bèn múc đại một bát đem về cho chồng uống. Cũng chỉ là cầu may thế thôi. Không ngờ bát nước quả nhiên hiệu nghiệm thật. Anh chồng uống vào đến đâu thì bụng réo ùng ục đến đấy. Rồi cái khối u cứ xẹp dần. Ba ngày sau hết hẳn, lại đi lại được như thường.

Câu chuyện của anh đánh dậm chẳng mấy chốc loang ra khắp làng. Dân làng cho rằng vị thiền sư ngày trước của làng mình thế là đã hiển linh, bèn bàn nhau kẻ góp công người góp của làm một ngôi đền tại ngay chỗ đó gọi là đền “Cứt”. Thật là một cái tên độc nhất vô nhị trên thế gian này.

Tại sao lại có cái tên xấu xí như thế?

Nguyên các cụ ngày trước truyền rằng đền ấy thiêng lắm, cầu gì được nấy. Có điều đồ cúng không dùng thứ gì khác ngoài... cứt. Ai có bệnh cứ mang một đĩa cứt của mình tới, múc một bát nước ở cái giếng ấy, đem để cả hai thứ bên cạnh nhau trên bàn thờ rồi thắp hương khấn vái. Đợi cho cháy hết hương, đem bát nước về mà uống thì bách bệnh tiêu tan. Ngôi đền từ đó nổi tiếng, người thiên hạ lũ lượt tìm đến...

Song điều kì diệu nhất của ngôi đền là những người đến cúng cứt

không những khỏi bệnh, mà tất cả những gì vốn giấu kín trong bụng xưa nay đều bất ngờ ửng vào miệng thiên hạ mà lộ ra hết cả. Người lương thiện thì chẳng sao, bởi chẳng có gì mờ ám phải giấu giếm. Song đối với những kẻ lưu manh, bất lương, những kẻ chuyên nghề bịp bợm thì đó quả là một đại họa. Xưa nay con người ta cứ tưởng sự thật một khi đã được giấu trong bụng thì sẽ kín như bưng đời đời. Ai dè hàng ngày nó vẫn theo đường bài tiết mà chuồn ngoài. Thế là cùng với sự chữa khỏi bệnh là khỏi sự thật bị phơi bày, khỏi mặt nạ bị rơi tuột. Khỏi kẻ khoác áo đạo đức té ra lưu manh, khỏi vị phụ mẫu chi dân té ra phường bất lương gian ác... Vả lại con người ta mấy ai không hề có chút gì mờ ám trong lòng... Vì thế người tìm đến chữa bệnh cứ thưa dần, thưa dần. Có kẻ thà chết chứ nhất định không chịu mang cứt đến cầu cúng.

Thế rồi lại sinh ra cái nghề ăn trộm cứt mang đến đền để vạch những chỗ xấu của nhau. Kẻ trên, người dưới, đồng liêu, đồng nghiệp, hàng xóm láng giềng... rồi thì cả cha con, chồng vợ... cứ gọi là loạn cả lên. Cứt té ra lại là chỗ dễ làm bại lộ chân tướng nhất. Người vùng này có tục giấu cứt kể từ hồi đó. Ai cũng lo phòng xa bởi biết đâu đấy, dẫu mình không tự mang cứt đến cầu song nhờ có kẻ khác lấy trộm, mang đến cúng thì bao nhiêu điều giấu giếm của mình cũng sẽ bị phơi bày cho thiên hạ biết hết. Mới hay cái gọi là sự thật, hoá ra lại là thứ mà con người ta luôn luôn khiếp sợ. Vì thế giấu cứt mới nhanh chóng trở thành một cái tục của cả vùng này. Giấu cứt đồng nghĩa với giấu sự thật...

Dù sao thì sự hiện diện của ngôi đền cũng là điều cảnh báo đối với những kẻ rắp tâm làm điều xấu. Làng Kinh từ đó ít hẳn sự dối trá, bịp bợm. Trẻ con được cha mẹ theo dõi, rèn cặp trở nên ngoan ngoãn,

biết lễ phép với người lớn. Người lớn đối xử với nhau thân ái, chân tình, không dám hại nhau vì biết sự thật trong bụng sớm muộn gì cũng sẽ thoát ra bên ngoài. Làng Kinh có tiếng là một làng văn hiến từ đấy...

“Thế cái đền ấy bây giờ có còn không, thưa cụ?” – Khách hỏi.

“Phá rồi - cụ Cả Lễ trả lời – Phá trước tiên. Sau đó mới phá đến đình chùa. Phá từ cái hồi bắt đầu phong trào Hợp tác hoá nông nghiệp kia.”

Khách ngăn người ra tiếc rẻ. Hồi lâu lại hỏi:

“Phá đền phá đình rồi thì có ảnh hưởng gì đến văn hiến của làng không, có làm cho sự đối trá càng tha hồ hoành hành không thưa cụ?”

“Việc ấy anh đi mà hỏi ông chủ tịch - cụ Cả Lễ vẫn từ chối khéo – lão đây chỉ biết nói với anh rằng cái tục giấu cúrt thì không những vẫn còn, mà ngày nay người ta còn giấu kĩ hơn trước...”

Rời khỏi nhà cụ Cả Lễ, khách lên xe tìm đến nhà ông chủ tịch. Vừa chạy được một quãng, khách dừng xe hỏi thăm một thằng bé đang đứng thối bong bóng bên cạnh đường lỏi vào nhà ông chủ tịch.

Thằng bé trợn mắt nhìn khách một cái rồi ngoảnh đi, mồm nói:

“Đéo biết!”

Đành phải đi một quãng nữa, bỗng có một chiếc xe đạp nằm chổng cơ giữa đường. Khách vội vàng đạp phanh gấp. Vừa bước ra khỏi ô tô định dẹp nó sang bên cạnh để lấy đường đi thì nghe một giọng nói gần từng tiếng:

“Mày mà động vào cái xe đạp của ông thì ông choảng cho vỡ kính.”

Khách giật mình hướng về phía có tiếng nói. Thấy một gã trung niên đang đứng lấp ló trước cửa một ngôi quán lá, đôi mắt gã vẫn đỏ, một

tay lăm lăm cục đá to tướng.

Tiến thoái lưỡng nan, khách đành phải xuống nước thương lượng.

Kết quả phải chi mấy đồng tiền rượu cho gã mới đi qua được...

Chạy một quãng nữa thì gặp ngã ba. Bỗng nghe đánh “bép” một cái.

Thì ra khách mãi suy nghĩ về sự việc vừa rồi, không để ý ngay giữa

ngã ba có bãi cút trâu nên đã để xe trườn qua. Ngay lập tức, một

người đàn bà từ trong ngõ gần đấy xông ra tóm lấy đầu xe, tru tréo:

“Ông này đéo có mắt hay sao? Bãi cút trâu người ta đã cắm cảnh lá,

đánh dấu chủ quyền cẩn thận rồi. Vậy mà còn để cho xe trườn qua

làm tan nát cả. Ôi làng nước ôi là làng nước ôi. Ra mà xem đây này.

Có khổ thân tôi không cơ chứ...”

Khách hoảng quá, vội vàng móc bóp đèn bãi cút trâu...

Lại chạy tiếp một quãng nữa. Phía trước có một đôi nam nữ đang bá

vai nhau, vừa đi vừa véo ngực véo đùi nhau, nói cười ngả ngớn.

Khách buộc phải chạy xe từ từ, vừa chạy vừa nhún chuông. Đôi nam

nữ kia dường như không thèm để ý. Mãi đến khi mũi ô tô gần sát đến

nơi, cả hai mới uể oải đứng né sang một bên. Xe vừa chạy tới, gã

thanh niên thò mặt vào sát cửa xe, quát với theo:

“Còi, còi cái con mẹ mày à...”

Rốt cuộc khách cũng tìm được tới nhà ông chủ tịch. Ngay lập tức

nghe ông ta luyện thoáng:

“Làng này năm nào cũng điển hình tiên tiến đấy ông ạ. Từ sản xuất

đến văn hoá, y tế, giáo dục... đéo làng nào bằng làng này. Đây ông

xem, nào bằng khen, nào giấy khen, của huyện, của tỉnh... Đang

“phấn đấu” để được phong danh hiệu... “Anh hùng thời kì Đổi Mới...”

Cuối tháng 6 năm 2007

Phạm Lưu Vũ

*

Nhời bàn của Lê Anh Hoài:

Nhìn mây nhìn gió nhìn hoa mà ngộ đạo thì xưa nay đã nhiều. Song nhìn Cút mà ngộ đạo thì đây mới có một. Mà ngộ thật sự! Ai cũng phải tâm phục khẩu phục Cút.

Triết lý về Cút là triết lý về cái Tận Cùng. Cái Tận Cùng chẳng phải là Sự Thật sao? Nên đưa Cút lên bàn thờ chẳng phải việc ngược đời. Làm cho cái bản thủ lại thành thanh cao đến thế, Phạm Lưu Vũ tiên sinh quả là tài.

Nhưng cái đạo Cút của tiên sinh, hậu sinh chúng nó không thông, nên phần đầu mãi cũng chỉ đến “Anh hùng thời kỳ Đổi Mới” là cùng thôi chứ làm sao mà đến cái Thật nổi? Cút thật!

Phạm Lưu Vũ

Thăng Long lược phong thủy kí

Gọi là long mạch được chia ra thân (can long), cành (chi long), nhánh (cước long), ngoặt (bàng long)... Lớn thì gọi là đại can long, đại chi long, nhỏ thì gọi là tiểu can long, tiểu chi long... Long mạch được tạo nên do sự vận hành của Âm Dương, Thiên Địa, Ngũ hành, Can Chi, Bát Quái... con người chỉ có thể vận dụng, không can thiệp vào được, cho dù có sử dụng hàng vạn tấn TNT hay thậm chí bom nguyên tử... Đó chính là một bộ nhớ vĩ đại, ghi chép những chu kì lặp lại của Không - Thời gian trong tổng thể cái gọi là quá khứ, vị lai... của vũ trụ. Sách Địa giải huyền thư nêu rằng nằm trên đại can long thì có thể hình thành kinh sư (nơi đóng đô), chi long có thể lập nên thành, phủ, đô thị (tỉnh), cước long có thể lập nên trấn, xứ (huyện, xã)... Có long mạch, lại phải có ít nhất một đại can long hình thế khúc chiết, vững vàng thì mới được coi là đất đế vương. Đó là một trong những yếu tố tiên quyết để có thể lập quốc, hình thành một quốc gia. Trung Quốc rộng lớn có ba đại can long, hình thành bởi ba con sông là Trường Giang, Hoàng Hà và Áp Lục Giang. Nước ta cũng có một số đại can long. Trong đó sông Hồng chính là một trong những ranh

giới giữa hai đại can long nước Việt từ xưa tới nay vậy.

Khoa học về long mạch xem xét sự vận hành của khí tương quan với địa hình, phương vị, các chòm sao... nên xem Trời là tĩnh mà Đất thì động. Đó là một kiệt tác quan sát của người xưa. Chỉ riêng một môn này thôi, cũng đủ thấy trí tuệ phương Đông xưa vĩ đại đến nhường nào. Long mạch tạo nên sự vận hành của “khí”. Có chỗ bế (tắc), chỗ khai (mở), có nơi phát tán, có nơi ngưng tụ, có khi hung, khi cát...

biến ảo tùy thời. Tất cả đều không thể xem thường. Đời Nguyên có Liêu Kim Tinh vốn là người nghèo rách, tầm thường. Nhờ học được sách phong thủy của Ngô Cảnh Loan đời Tống mà tìm được một nơi đắc địa, có thể phát lên nhanh chóng. Song chỗ đất ấy nếu ở quá hai mươi năm mà không tu tạo thì sẽ bị tuyệt tự. Liêu Công bèn dọn nhà đến đó ở. Quả nhiên vài năm sau trở thành một phú hộ giàu có nhất vùng, tiếng tăm vang dội thiên hạ. Bấy giờ, trong nước có họ Trương là một bậc quyền thế nghe tiếng liền đón Liêu về để nhờ xem đất.

Trong vòng hơn chục năm, Liêu tìm cho họ Trương được bảy mươi tư chỗ đất có kết huyệt tốt. Vậy mà họ Trương vẫn chưa thỏa lòng tham. Đến khi thấy thời hạn hai mươi năm gần hết, Liêu ngỏ ý xin về để tu tạo mồ mả thì họ Trương cố giữ lại thêm mấy năm nữa. Kết quả khi Liêu trở về nhà thì con cháu đã bị nạn chết sạch, chỉ còn bà vợ già và đứa cháu ngoại. Liêu Công từ đó đau buồn, sinh bệnh rồi mấy năm sau cũng mất nốt. Chuyện từ xưa mà buồn đến tận bây giờ.

Cách đây xấp xỉ một nghìn năm, Lý Công Uẩn, ông vua khai sáng triều Lý đã nhìn thấy ở thành Đại La, đô cũ của Cao Vương (Cao Biền) nằm trên đại can long sông Hồng là một nơi có long mạch lý tưởng: “Xem khắp nước Việt, đó là nơi thắng địa, thực là chỗ tụ hội

quan yếu của bốn phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời...” (“Chiếu dời đô” - Lý Công Uẩn). Càng đắc địa hơn vì trước khi chảy đến đất này, sông Hồng đã bao lần ngoằn ngoèo, uốn khúc để thải bớt khí hung. Đến đây vừa đủ để lập nên một vùng cát địa, có long mạch đặt tầm cỡ thượng đô kinh sư. Thế mà trước khi chảy ra với biển, dòng sông vẫn còn muốn ngoái lại, lưu luyến như tiếc nuối điều gì... Rồi cũng từ đại can long Hồng Hà vĩ đại ấy, tỏa ra các chi long, cước long... vây bọc, tạo nên bức gấm thêu giữa một vùng trời nước.

Cũng cần phải nói rằng Thăng Long (thành Đại La cũ) là một vùng đất ngưỡng diện (ngửa mặt lên trời), sách xưa gọi là thế Dương lai Âm thụ (khí dương phủ xuống, khí âm ngẩng lên đón). Đất này nhược (mềm mỏng), khí ngưng kết ở bên trên mà tiêu tán ở bên dưới. Địa huyết kết ở nơi cao nhất, chính là khu vực có tên gọi núi Nùng ngày trước. Long mạch này không nộn (non), song cũng chưa phải lão (già), tuy “cát” đầy nhưng chưa hẳn đã hết khí “hung”. Thăng Long ngược lại với nơi Lý Công Uẩn lên ngôi là kinh đô Hoa Lư trước đó. Nơi ấy có long mạch gọi là thế Âm lai Dương thụ. Đó là thế đất cường (cương mãnh), khí tiêu tán ở bên trên mà ngưng tụ ở bên dưới. Thiên huyết kết ở chỗ thấp nhất. Long mạch Hoa Lư lợi cho phòng thủ, chiến tranh, có thể lập nghiệp đầy nhưng phúc trạch không dài. Hai triều vua trước (Đinh, Tiền Lê), mặc dù triều nào cũng có võ công hiển hách. Nhưng không triều nào dài quá ba chục năm. Đó chính là một trong những lý do chủ yếu để Lý Thái Tổ, vị vua có tầm nhìn xa trông rộng phải tìm đến Thăng Long? Và long mạch của chốn này quả đã không phụ lòng vị vua ấy khi mà nhà Lý dời đô thì lập tức tồn tại hơn hai trăm năm. Không những thế, các triều đại sau

(Trần, Hậu Lê...), vẫn đóng đô trên đất ấy cũng được hưởng phúc, kéo dài không kém. Tuy nhiên, khác với Hoa Lư, Thăng Long là nơi trống trải bốn mặt, giặc có thể xâm lấn bất cứ chỗ nào. Lịch sử từng chứng kiến Thăng Long bao lần bị tàn phá, vua quan phải bồng bế nhau chạy ra ngoài. Kể cả người Chiêm Thành, bao nhiêu đời bị coi là nhược tiểu, vậy mà cũng mấy phen đem quân ra cướp phá tận Kinh sư.

Long mạch để phúc trạch cho con người không phải là không có điều kiện, càng không phải thiên thu. Câu chuyện của Liêu Công trên đây là một ví dụ. Phải là người có đức mới ở được chốn đất thiêng. Đức càng kiên cố thì vận càng dài, đến khi nào đức cạn thì vận cũng tuyệt theo. Thăng Long chính là một nơi như thế. Hình như có một “giới hạn” đã định sẵn cho những “nhà” nào ngự trên long mạch ấy. Xin mạn phép có một cuộc đại thể đối với những triều đại từng định đô ở chốn này như sau:

Hoàng Đế Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long. Việc đầu tiên, đáng lẽ phải lập tông miếu, xã tắc... thì Ngài lại cho dựng tám ngôi chùa tại phủ Thiên Đức (trước là châu Cổ Pháp thuộc Bắc Giang) - quê Ngài. Các nhà chép sử đời sau sở dĩ đem điều đó ra trách Ngài vì hình như không hiểu được thâm ý của Ngài. Tại sao Ngài lại dựng đúng tám ngôi chùa? Có phải Ngài muốn chuẩn bị sẵn chốn về cho vong linh mình và con cháu sau này? Nghĩa là Ngài đã biết trước và hiểu rõ những bí mật về long mạch của đất Kinh Sư mới mà Ngài vừa chọn? Con số tám huyền bí ấy về sau như là cái giới hạn khó vượt qua đối với tất cả những chủ nhân của long mạch ấy. Nhà Lý do Ngài lập nên ngự trên đất Thăng Long hơn hai trăm năm (1010-1225). Tính từ Ngài (Lý Thái Tổ) đến Lý Huệ Tông, quả

vừa đúng tám đời thì đức suy, cũng là lúc vận tuyệt, vạ từ trong nhà sinh ra, cơ nghiệp lọt hết vào tay người khác.

Nhà Trần giành cơ nghiệp từ tay nhà Lý, tồn tại được hơn một trăm bảy mươi năm (1226-1399). Làm chủ Thăng Long bao gồm mười hai vị vua. Nhưng nếu tính từ đời thứ nhất là Thái Tông (Trần Cảnh) đến đời cuối cùng là Thiếu Đế (Trần An), thì thực chất cũng vừa đúng tám đời. Bởi có tới bốn vị vua là Hiến Tông, Dụ Tông, Nghệ Tông và Duệ Tông đều cùng đời thứ sáu (cùng là con Trần Minh Tông), hai vị: Phế Đế (con Duệ Tông) và Thuận Tông (con Nghệ Tông) là con chú con bác, đều cùng đời thứ bảy. Cuối cùng, Thiếu Đế (con Thuận Tông) là đời thứ tám. Để cho rõ, xin hình dung theo sơ đồ sau:

Đời thứ nhất:

Trần Thái Tông

Đời thứ hai:

Trần Thánh Tông

Đời thứ ba:

Trần Nhân Tông

Đời thứ tư:

Trần Anh Tông

Đời thứ năm:

Trần Minh Tông

Đời thứ sáu:

Trần Hiến Tông - Trần Dụ Tông - Trần Nghệ Tông - Trần Duệ Tông

Đời thứ bảy:

Phế Đế - Trần Thuận Tông

Đời thứ tám:

Thiếu Đế

Nếu tính theo đời vua thì từ Trần Thái Tông đến Trần Nghệ Tông - đúng vị vua thứ tám thì hết phúc, bấy giờ đức đã nghiêng ngả lắm rồi. Mấy đời sau thực chất chỉ còn hư danh, bởi thời vận đã đến hồi kết thúc, cơ đồ xuống dốc không phanh. Rốt cuộc vạ cũng từ trong nhà sinh ra, con cháu bị giết, cơ nghiệp về tay kẻ ngoại thích là Hồ Quý Ly.

Hai vị vua thời Hậu Trần (Giản Định Đế và Trưng Quang Đế) chẳng qua chỉ là vớt vát, vả lại cũng đã lưu lạc ra khỏi kinh thành, không còn liên quan đến long mạch Thăng Long nữa rồi.

Hồ Quý Ly cướp được ngôi nhà Trần nhưng phúc ngắn, đức mỏng, chỉ giữ được trong khoảng tám năm (1400-1407), cuối cùng cả hai cha con lẫn triều thần đều bị quân Minh bắt.

Lê Lợi đánh đuổi quân Minh, lập nên triều đại Hậu Lê (Lê Sơ). Triều Hậu Lê làm chủ nhân của Thăng Long chín mươi chín năm (1428-1527), bao gồm mười vị vua. Song tính theo đời thì chỉ có bảy đời. Đó là một triều đại hiển hách nhưng đầu voi đuôi chuột (các vua càng về sau càng ngắn ngủi, chết non, chính sự càng ngày càng nát).

Trong đó có ba vị là Túc Tông, Uy Mục Đế, Tương Dực Đế cùng đời thứ sáu, hai vị cuối cùng là Chiêu Tông và Cung Hoàng cùng đời thứ bảy. Cả hai vị này (Chiêu Tông và Cung Hoàng) đều bị giết bởi Mạc Đăng Dung. Tại sao trước đó, Lý Công Uẩn (triều Lý), Trần Cảnh (triều Trần) và con cháu của hai vị ấy đều được ngự trên đất này tám đời, mà đến lượt Lê Lợi (triều Lê Sơ) thì con cháu chỉ được hưởng mệnh đế vương đến đời thứ bảy? Giật mình nhớ lại lời nguyên trước khi bị giết ở ải Cổ Lộng của Trần Cảo, vị vua do chính Lê Lợi lập nên, và có thuyết nói rằng cũng do chính Lê Lợi sai người giết. Có phải

con cháu Lê Lợi đã phải trả nợ bót một đời (đế vương) cho Trần Cảo?

Lại nghe một cuốn gia phả có đưa ra một giả thuyết khác. Rằng Lê Lợi và con cháu không phải đã trả nợ cho Trần Cảo, mà là trả cho Lê Lai, người đã liều mình cứu Chúa (là Lê Lợi). Lê Lai về sau bị giết tại chân thành Đông Quan (Thăng Long), đơn giản vì (Lê Lợi) không thể (và không muốn) thực hiện lời hứa chia đôi thiên hạ ngày trước (?).

Gia phả ấy còn chép rằng khi giết Lê Lai, chính Lê Lợi đã tự làm giảm mất một đời (là đế vương) của con cháu mình. Nếu vậy thì đời còn thiếu kia của triều Lê Sơ trên long mạch Thăng Long, phải chăng đã được tính vào Lê Lai, kẻ bị giết oan vì (trót) có công lớn (là cứu Chúa) ấy? Tính vào chỗ nào? Lê Lợi có thể quên, các nhà chép sử (thời Lê) có thể quên. Nhưng nhân dân thì không quên điều ấy. Dân gian có câu: “Hai một Lê Lai, hăm hai Lê Lợi” nói về ngày giỗ của hai vị. Dù thế nào đi nữa, thì nếu không có Lê Lai, sẽ không có Lê Lợi.

Cho nên Lê Lai phải được hưởng cúng trước, giỗ trước, tương đương với việc xem Lê Lai là... đời trước của Lê Lợi. Nghĩa là long mạch đã tính cho triều Lê Sơ phải bắt đầu từ Lê Lai (rồi mới đến Lê Lợi...). Thế là trước sau vẫn đủ... tám đời. Nếu quả như vậy thì cái long mạch kia xem ra vừa nghiêm khắc, lại vừa... công bằng. Từ đó cũng xin tạm đưa ra sơ đồ sau đối với triều Lê Sơ:

Đời thứ nhất:

Trần Cảo (hoặc Lê Lai)?

Đời thứ hai:

Lê Thái Tổ

Đời thứ ba:

Lê Thái Tông

Đời thứ tư:

Lê Nhân Tông

Đời thứ năm:

Lê Thánh Tông

Đời thứ sáu:

Lê Hiến Tông

Đời thứ bảy:

Lê Túc Tông - Uy Mục Đế - Tương Dực Đế

Đời thứ tám:

Lê Chiêu Tông - Cung Hoàng Đế

Người viết sử dĩ không tính triều Lê Trung Hưng sau này vào đây bởi các vị vua triều Lê Trung Hưng ngự ở Thăng Long thực chất không phải con cháu của chính Lê Lợi, vả lại cũng đã xiêu giạt rất lâu mới trở lại kinh thành, mà thực ra có trở lại thì cũng chỉ làm hư vị (như sau đây sẽ nói) mà thôi.

Mạc Đăng Dung tàn sát con cháu Lê Lợi, cướp cơ nghiệp nhà Lê, lập ra nhà Mạc, chiếm giữ Thăng Long sáu mươi lăm năm (1527-1592), trải năm đời. Nhưng long mạch ghê gớm này không phải nơi mà đức của họ Mạc có thể giữ được lâu dài. Mạc Đăng Dung về xây kinh đô ở Cổ Trai (gọi là Dương Kinh thuộc Hải Dương), tiếng là để làm thanh viện cho Thăng Long, song thực chất là ngại chính cái long mạch ở đó. Mà chẳng riêng gì Mạc Đăng Dung. Đời sau cũng có khối anh hùng từng ngại cái long mạch đó, phải tìm nơi khác để lập đô. Bản thân con cháu Mạc Đăng Dung, trừ thời Mạc Đăng Doanh huy hoàng nhưng ngắn ngủi (trong khoảng mười năm), còn lại luôn luôn phải chạy giạt ra ngoài, thậm chí nhiều phen phải dựng hành cung ở

ngoại thành, không dám vào ở trong nội cung. Triều Mạc rốt cuộc còn xa mới đạt tới cái giới hạn tám đời mà cách đó hơn năm trăm năm, Lý Thái Tổ trước khi dời đô đã xem xét long mạch mà tiên định trước.

Triều Lê Trung Hưng (Lê mạt) kế tiếp nhà Mạc, song thực ra chỉ có hư vị. Thăng Long nằm trong tay chủ nhân đích thực là các Chúa Trịnh. Nhà Chúa kể từ khi Minh Khang Thái Vương Trịnh Kiểm nổi lên đã có lời “sấm”: “phi bá, phi đế, quyền khuynh thiên hạ, truyền được tám đời, trong nhà dấy vạ”. Lại đúng tám đời thì nhà Chúa phúc hết, vận tan...

Lịch sử đã đành không thiếu gì những sự trùng hợp lý thú. Song tác động ghê gớm của long mạch là một điều hoàn toàn có thật, từ xưa tới nay, không ai có thể xem thường. Đó chính là mối quan hệ nhân quả giữa quá khứ - hiện tại và tương lai... điều mà chính khoa học đang cố chứng minh và ngày càng tiến gần tới... cổ xưa. Kiến thức về long mạch của người xưa quả đã từng đạt tới những đỉnh cao kì vĩ. Tiếc rằng vì nhiều lí do, kiến thức ấy ngày nay hầu như đã bị thất truyền. Tuy nhiên, những tri thức của tiền nhân dù phong phú, kì bí đến mấy, thì tất cả đều được xây dựng trên một nền tảng là đạo lý làm người. Chỉ hy vọng rằng cái nền tảng ấy đừng bao giờ đổ nát, thì sự thất truyền chẳng qua chỉ là vận hạn, tạm thời. Nếu được như thế thì sẽ đến lúc, những tri thức ấy sẽ trở lại, sẽ tồn tại cùng với muôn đời con cháu chúng ta sau này.

Viết tại Tân Uyên - Bình Dương 11/2005

Phạm Lưu Vũ

Vai diễn cuối cùng

Cô Thắm làng Kênh lúc còn nhỏ bụng ỏng đít beo, người ngòm đen đúa, khắng khiu như một con cá mắm, lại còn thò lò mũi xanh. Thế mà càng lớn càng phổng phao, xinh đẹp đến không ngờ. Năm cô vừa tròn mười tám tuổi thì đã là một thiếu nữ đẹp vào loại chim sa cá lặn. Trai làng nhiều anh mê mẩn đến quên cả đường cày. Bằng chứng là chỉ nghĩ đến cô thôi mà lấm anh cứ băng băng cày lẩn sang ruộng nhà khác. Thế nhưng mê là mê trong bụng vậy thôi. Chứ chả anh nào dám mơ được hưởng hạnh phúc với cái sắc đẹp dường ấy. Các chàng đều tự biết điều rằng cô Thắm sinh ra không phải cho mình. Bởi vì ngoài sắc đẹp mê hồn, cô còn được trời phú cho giọng hát hay cứ như thể đã nhuần nhuyễn từ trong bụng mẹ. Tin đồn về cô chẳng mấy chốc bay xa, bay tới các làng lân cận, loang đến tận kinh thành.

Và cái gì phải đến rồi sẽ đến.

Một hôm, có gã công tử ăn mặc chải chuốt, sang trọng tìm đến nhà cô. Dân làng thì không biết gã là ai chứ tôi - người viết lại câu chuyện

này thì chẳng lạ gì. Đại khái gã cũng cùng nghề nghiệp với cái gọi là Mã Giám Sinh bên Tàu. Nghĩa là nghề cung ứng gái đẹp cho các thú vui chơi nơi đô thị. Mặc các nhà đạo đức muốn nghĩ thế nào thì nghĩ, chứ như bấy giờ, chỉ cần mặc bộ cánh bóng bẩy với túi tiền rủng rỉnh, là những gã trai lơ kiêu này tha hồ mà vơ vét các nàng tiên, những bông hoa dại được coi là hương đồng gió nội trót thác sinh từ những vùng quê lam lũ. Dân làng xuýt xoa bàn tán, lác đác có kẻ nghi ngờ, còn đa số thì mừng thay cho cô Thắm và bố mẹ cô ta. Các trai làng đau xót đến bỏ cơm, bỏ việc mà tự biết chẳng làm gì được, hàng tháng trời hồn vía cứ lạc tận đâu đâu. Nhiều anh trong số đó dần dà bỏ hẳn đồng ruộng, đâm ra làm thơ. Mà chỉ rất một hạng thơ tình, đúng hơn là thất tình, nghe mà nẫu cả ruột gan. Thế mà có nhiều tập đặt vào loại tuyệt hay lưu hành ở đời. Đến nỗi có nhà nghiên cứu sau này cứ khẳng khẳng, rằng khái niệm: "thất tình" chỉ bắt đầu xuất hiện từ các thi sĩ làng Kênh, rằng trước khi cô Thắm ra đi, trai làng Kênh cũng như dân cả nước chưa biết thế nào gọi là... "thất tình"...

Người viết câu chuyện này không có ý định theo chân cô Thắm ra kinh thành để kể về cuộc đời sau đấy của cô. Đại khái cũng chia ra làm hai giai đoạn: giai đoạn cô qua tay nhiều người và giai đoạn nhiều người qua tay cô. Nhưng có một điều không ai ngờ tới là Trời cho cô ra kinh thành với một sứ mệnh đặc biệt. Sứ mệnh để ra... vua.

Khi ấy cô Thắm đã thành cô đào nổi danh tài sắc của một nhà hát sang trọng giữa kinh thành. Có một quý ngài nghe tin đồn đại về cô đã không quản tới thân phận của mình mà tiền hô hậu ủng tới bao

trọn cả nhà hát để chiêm ngưỡng dung nhan. Quý ngài họ Hoàng vốn thuộc dòng hoàng tộc chính thống, có quyền thế nghiêng ngửa cả một vùng rộng lớn. Quả nhiên ngài ngậy ngất đến độ điên đảo ngay khi vừa trông thấy giai nhân. Thế là chẳng phải mối lái linh tinh, ngài lập tức ra lệnh cho tùy tùng rước cô Thắm về phủ mà không cần điều tra lý lịch, hay tiền án tiền sự lằng nhằng nếu có của người đẹp. Một điều ngài không biết, mà có biết chắc cũng phớt luôn là cô Thắm khi ấy đã mang trong bụng một cái bào thai khoảng hai tháng tuổi - kết quả của một sự cố mang tính nghề nghiệp với một gã phong lưu họ Dương. Tất nhiên sự sủng ái của quý ngài hoàng thân dành cho cô thật là vô bờ bến. Đủ chín tháng mười ngày, thằng bé sinh ra ngay lập tức được mang họ của ngài - họ Hoàng, Hoàng tôn Dương. Cái tên thật là trêu ngươi, như thể nhắc nhở nó sau này không được quên người cha đích thực của mình. Cô Thắm nghiễm nhiên trở thành một bà lớn vinh hiển chẳng kém gì bậc mẫu nghi thiên hạ. Mặc dù sau đó chỉ vài năm, ngài hoàng thân quý hoá và phúc đức ấy vì tửu sắc quá độ mà đột ngột châu trời. Nhưng gia sản và đất phong của ngài để lại cho mẹ con cô, không những thế, Hoàng tôn Dương lúc này còn được tập ấm tước của cha hờ - tước vương, thì sự vinh hiển lại càng tăng thêm phần rực rỡ.

Hoàng tôn Dương càng lớn càng lanh lợi, sáng sủa. Đến khi trở thành một chàng trai lừng lững, thì trong người đã mang đầy đủ cả chất phong lưu của cha để lẫn chất quý phái, danh gia vọng tộc của cha hờ. Cô Thắm (nay phải gọi là Thái phi mới đúng) nhân nhàn rỗi việc đời, vả lại cũng nhớ nhung nghiệp cũ nên đứng ra mở hẳn một nhà hát lớn vào loại nhất nước thời ấy.

Nói về đương kim hoàng thượng lúc bấy giờ, Đức Ngài vốn là con thứ được lập lên sau khi người anh ruột vẫn số ở ngôi không lâu. Lúc còn nhỏ chơi thuyền trên hồ, Đức Ngài chẳng may bị rơi xuống nước, khi vớt lên được từ cống đơm cá thì đã mười phần không còn lảy một phần sống sót. May gặp một gã thầy thuốc người Tàu, gã cam đoan sẽ cải tử hoàn sinh cho Đức Ngài, chỉ có điều sau này sẽ bị liệt dương. Mạng người (nhất lại là hoàng tử) là quý chứ cái khoản ấy dầu có liệt cũng chẳng chết ai. Tất nhiên Đức Ngài được gã lang băm kia cứu sống. Về sau, khi đã lên ngôi hoàng đế, cái sự thiệt thòi kia quả không dễ chịu chút nào, nhất là trong cung lại có sẵn mấy trăm mỹ nữ, cung tần. Đức Ngài dầu tế nhị không nói ra nhưng cả trăm quan lẫn thần dân thiên hạ, ai ai cũng hiểu nỗi bức xúc của Đức Ngài. Bấy giờ, gã lang băm ngày trước lại xuất hiện. Lạ sao gã toàn xuất hiện vào đúng những lúc gay gắt. Gã dâng lên Đức Ngài một bài thuốc chữa khỏi cái căn bệnh oái ăm ấy, mà người viết xin miễn kể ra ở đây vì nó không hợp với luân thường cho lắm. Về sau có nhà viết sử bình luận rằng chính gã đã cố tình tạo ra căn bệnh ấy ở Đức Ngài, nhân lúc cứu Đức Ngài thoát khỏi chết đuối, sau đó chờ cho đến khi Đức Ngài lên ngôi rồi lại đến xin chữa để lập công. Nếu thế thì thật là ghê gớm cho âm mưu của những gã lang băm. Quả nhiên sau này gã ỷ vào công lao đó mà lộng hành, tác oai tác quái đến mức ngang nhiên ngủ cả với cung nữ mà vẫn được Đức Ngài lờ đi.

Sau khi khỏi bệnh, Đức Ngài như con cá kinh từ trong ao tù vọt ra giữa biển cả mà thỏa sức vùng vẫy. Bài thuốc thật là kì diệu. Cái “của quý” trước kia vốn mềm nhũn như con đĩa của Ngài, thì nay lại có

khả năng giương lên hết cỡ, vĩ đại như cái cột cờ. Đức Ngai tha hồ dùng nó để “chiến đấu” với các giai nhân. Chỉ phải cái tội không thể có con. Vua mà không có con để truyền giữ ngôi báu thì thật không có nỗi đau nào lớn hơn. Có lẽ đó là nguyên nhân làm cho Đức Ngai từ đó suốt ngày đêm vùi mình vào những cuộc truy hoan tửu sắc, như để bù lại quãng đời thiệt thòi trước kia, như để trả thù cho cái sự tuyệt giống sau này... Việc nước đổ nát đã đành mà Đức Ngai cũng nhanh chóng tiến tới thân tàn ma dại. Trước lúc phải từ biệt cõi dương, chẳng hiểu do sự xấp xếp của mệnh Trời hay do Đức Ngai nửa khùng nửa điên, mà trong số anh em hoàng tử khối bậc anh tài, Đức Ngai không chọn ai. Người mà Đức Ngai chọn lên kế vị lại là gã con hờ của người anh cả, tức thị Hoàng tôn Dương.

Đến đây thì sứ mệnh của cô Thấm đã hoàn thành. Làng Kênh đã trở thành quê ngoại của đương kim hoàng thượng. Lịch sử thật là trớ trêu khi những gã con hoang nhiều khi lại rất có duyên với ngôi... hoàng đế. Vua và Thái hậu (cô Thấm bây giờ phải gọi là Thái hậu) xa giá về thăm làng Kênh. Khỏi phải nói sự tiền hô hậu ủng, xe ngựa rình rang. Dân chúng suốt dọc đường và dân làng Kênh được một phen choáng ngợp. Chỉ lạ cho các thi sĩ làng Kênh, giờ đã trở thành những ông lão, những cây đa, cây đề của nền thơ tình trứ danh ấy, lại chẳng hề tỏ ra vui mừng chút nào trước sự kiện giai nhân thuở trước trở về. Thì ra đối với họ, cô Thấm ngày xưa và Thái hậu bây giờ là hai con người hoàn toàn khác nhau...

Hoàng tôn Dương tuy làm vua nhưng cái chất nghệ sỹ say mê xướng ca không vì thế mà thuyên giảm. Bây giờ thì không ai có thể cản trở

Hoàng thượng thực hiện những ý thích của mình. Thế là đêm đêm, vị hoàng thượng ấy bí mật tới nhà hát của Thái hậu, cải trang đóng vai hoàng đế trong những tích tuồng, chèo cổ. Thiên hạ không biết, triều đình không hay. Chỉ biết rằng từ đó, nhà hát lồng lẩy của Thái hậu xuất hiện một kịch sỹ đại tài, chuyên đóng vai hoàng đế. Ban ngày Ngài làm vua ngoài đời, ban đêm làm vua trên sân khấu. Cái sự hi hữu vừa buồn cười, vừa thú vị ấy xem ra cũng chẳng sao nếu như không xảy ra sự cố gì đặc biệt. Nhưng có chuyện xảy ra. Tất cả do sự lẫn lộn của vị hoàng thượng - kịch sỹ trứ danh này. Lúc trên sân khấu, hoàng thượng tưởng mình đang ở giữa triều đình, lúc ở giữa triều đình lại cứ tưởng đang trên sàn diễn. Thế là lệnh chém đầu ban ra trên sân khấu, nhưng máu chảy, đầu rơi lại ở giữa cuộc đời. Chiếu chỉ, luật pháp... ban ra giữa triều đình, thì lại tưởng là đang... diễn kịch. Ban đầu trăm quan ngỡ ngác, thần dân hoang mang. Không biết lúc nào hoàng thượng làm vua thật, lúc nào hoàng thượng diễn kịch đây... Có một vị vua như thế, dần dần ranh giới giữa cuộc đời và sân khấu trở nên lẫn lộn lung tung cả. Triều đình đang là đời thực, thoát cái biến thành sân khấu. Sân khấu thoát cái biến thành cuộc đời... Thiên hạ tít mù, vua diễn kịch, trăm quan học theo cũng a dua diễn kịch, đến lượt thần dân cũng thi nhau diễn nốt. Sân khấu tràn ra cuộc đời, cuộc đời là một đại sân khấu. Những quan gian được dịp tung hoành, mặc sức "diễn" vai quan tùy theo cảm hứng. Trong triều đình, kẻ bất lương diễn kịch, ngoài đồng nội, dân chúng lầm than. Cái gọi là "công đường" tôn nghiêm cũng thực ra đã biến thành những sân khấu. Quan lớn xử quan bé, quan nọ xử quan kia... Chẳng có gì khó khăn mà không nhận ra rằng, lưu manh đã nhanh chóng trở thành một đặc quyền của đám quan lại (đến nỗi về sau, có

nhà viết sử còn đặt hẳn một cái tên riêng cho thời đại này, gọi là thời đại “độc quyền lưu manh”). Thế là bày ăn cướp xử bày ăn cắp, kẻ lưu manh giành giật với lưu manh... Quan án, tội nhân, cả thầy cãi cứ thi nhau diễn kịch. Có "vở" đạt đến trình độ cao của nghệ thuật bi, hài. Kẻ cướp được xử thành lương thiện, người vô tội bị tống vào tù...

Không lâu sau, cái hội chứng diễn kịch ngút trời ấy còn lan đến tận khoa cử. Muốn thành ông nghè, ông cử ư? Hãy diễn cho tốt vào. Người có chữ đôi khi phải diễn vai không có chữ, kẻ không có chữ lại diễn vai chữ nghĩa đầy mình. Thế là con cháu không thèm đi học nữa, cứ chờ đợi, lớn lên đóng vai gì tùy theo thời thế. Danh ông nghè, ông cử có thể mua bán giữa chợ đời. Các bậc túc nho hoảng hốt. Thế này thì nguy đến muôn đời chứ chẳng phải chuyện chơi. Rắn bảo không ăn thua, la mắng, gào thét cũng chẳng kết quả gì. Đám hậu sinh cứ quay cuồng trong những vai diễn. Có vị uất quá lăn đùng ra, sùi bọt mép, chân tay bắt chuồn chuồn lên cơn hấp hối. Vậy mà con cháu cứ tưởng đang đóng kịch, không những đứng nhìn, lại còn chỉ trỏ cười nói tán thưởng: "ông cụ nhà ta đóng vai đột tử sao mà sinh động thế..."

Đến mức ấy thì Hoàng tôn Dương cũng chẳng cần phải bí mật tới sân khấu làm gì nữa. Vai đời và vai kịch đã đồng nhất làm một rồi, thì hoàng thượng không ngần ngại gì mà không lấy tên trên sân khấu để đổi lại tên cho mình. Hoàng thượng trở thành đích danh Dương tôn Hoàng. Bây giờ các bậc tôn thất mới giật mình. Thế này thì nước trở thành của họ khác mất rồi. Phải làm sao cho hoàng thượng diễn vai

cuối cùng thôi.

Cái vai cuối cùng do các bậc tôn thất dàn dựng ấy, sau này các nhà nghiên cứu gọi là: "tương kế tựu kế". Đó là vai: nhường ngôi. Hoàng thượng ném đủ các kiêu làm vua rồi, nhưng riêng cái màn nhường ngôi thì chưa bao giờ diễn cả. Thế là chẳng cần biết trong kịch bản có tiết mục này hay không, vị hoàng thượng - kịch sỹ ấy vui vẻ thực hiện. Cởi hoàng bào ra khoác lên vai kẻ khác, mặc quần áo thường dập đầu xưng là thảo dân họ Dương. Chà! Cái vai này mới quá. Ngay lập tức, kẻ vừa được khoác hoàng bào kia ra lệnh nhốt tên thảo dân mới này vào cũi. Hình như đoạn này không có trong kịch bản, họ Dương giật bắn mình, lờ mờ tỉnh ra. Song hình như đã muộn. Kẻ vừa khoác hoàng bào kia có vẻ không muốn diễn kịch tí nào. "Khoan, ta còn vàng cất giữ trong cung." - Dương vẫy một viên cận thần. Nghe nói đến vàng, viên cận thần quỳ xuống, thò đầu vào cũi. Chỉ chờ có thế, Dương tóm ngay cổ lão, xiết chặt. – "Vở kịch không có đoạn này" - viên cận thần hoảng hốt gào lên, giọng khản đặc – "Thì chính ta đang diễn nó đây" - Dương cũng gào lên đáp lại rồi nắm đầu lão, xoay mạnh một cái. Khục - khớp xương cổ lão quay đúng một nửa vòng, mặt lão quật ra sau lưng, mắt trợn ngược, lưỡi thè ra, lão chết mà vẫn không hiểu Dương vừa diễn cái màn gì lạ vậy. – "Lôi nó ra ngoài, đập chết cho ta" - vị vua mới ra lệnh. Quân lính kéo Dương ra khỏi cũi. Một nhát, hai nhát... Dương đau quá gào lên – "Hạ màn đi thôi. Ta không muốn diễn nữa. Trả hoàng bào lại cho ta..." - Tiếng "ta" chưa kịp dứt thì Bốp! Một chùy giáng trúng sọ. Dương giật cong người, bật ngựa ra, mồm há hốc, hồn lập tức về nơi chín suối mà chưa kịp chứng kiến vai diễn cuối cùng của mình đạt

đến mức độ nào.

Thế là xong một kiếp hoàng thượng - kịch sỹ trứ danh. Cô Thắm - bây giờ lại trở thành bà Thắm - đau buồn bỏ xứ tha phương. Các thi sỹ làng Kênh vẫn tiếp tục những dòng thơ tình bất tuyệt, vẫn ngợi ca hình bóng giai nhân và ngày càng tìm ra những âm hưởng mới của triết lý... thất tình. Dân làng Kênh không dám ghi thành văn tự, nhưng đời này sang đời khác vẫn truyền miệng kể cho nhau nghe câu chuyện hi hữu đó, xem như một chút kiêu hãnh ngầm là nơi từng dính dáng đến cái sự ể ra hoàng đế một thời. Rốt cuộc sân khấu lại trở về vị trí vốn có của nó.

Hỡi các vị túc nho thuở trước, các vị hãy yên tâm mà an nghỉ nơi chín suối. Cuộc đời không phải là sân khấu nữa rồi. Tuy rằng hậu quả của cái thời đại tai hại ấy đôi khi vẫn còn rơi rớt, thậm chí có lúc còn lặp lại ở đâu đây...

2003

Phạm Lưu Vũ

Ván cờ lạ

Ngồi buồn giờ Sủ ký ra bói. Gặp ngay câu :

“... người tưởng ta học nhiều mà biết có phải không ? Không đâu. Ta lấy một điều để quán triệt tất cả...” - Lại cụ Khổng nói đây - .

Tiếc rằng ý tứ này không biết bao nhiêu người cũng từng nói đến rồi. Huống chi theo tự dạng của chữ “cổ”, thì cái gì cứ 10 miệng nói đến đều được coi là đã cũ. Vậy thì cái câu: *“thập niên chi kế...”* với *“bách niên chi kế...”* gì đó của cụ Quản xem chừng còn cũ hơn ...

Tóm lại, các cụ ngày xưa chỉ được cái... “cũ” rích! Chẳng trách đi học chả để làm gì, thà cứ túm thắt lưng quần lại rồi... ở vậy cho xong.

Nhưng có câu này thì chưa cũ thật. Ai như cụ Lão bảo: *“Học, tri kỳ thiên, tri kỳ địa, tri kỳ nhân, bất tri... kỳ cục”* (học, để biết trời lạ, đất lạ, người lạ, song không thể biết... ván cờ lạ). Không thể biết hay không cần biết?

Cụ Lão vốn nổi tiếng mông lung lắm, chữ của cụ phải tùy “thời” mà dịch mới được. Các vị túc nho ngày trước chỉ giảng chữ “cục” ở cuối câu nói ấy nghĩa là ván cờ, là thời thế, cuộc đời, v.v... (Bác Tú Xương có câu: *“nhập thế cục bất khả vô văn tự...”*). Hay nhỉ, chữ “cục” té ra chẳng phải tầm thường. Vậy mà xưa nay quen mồm nói *“cục cú”*, lại cứ tưởng đó chỉ là một danh từ chung (không cần viết hoa), thầy cô giảng có thể dùng làm chủ ngữ, tính ngữ, vị ngữ, thậm chí rất... “bổ” ngữ nữa, v.v...

Hoá ra chỉ hai từ ấy thôi, cũng đã đủ làm nên một câu (thành ngữ) rất ư hoàn chỉnh. Khi ấy dịch đầy đủ sẽ (phải) là: “cục cú” = ván cờ / thời thế... như cú. Rõ ràng là một thành ngữ dùng (phép so sánh) để chỉ... thế sự rất chi đáo để. Giờ mới hiểu tại sao Nguyễn Huy Thiệp

lại để cho huyền thoại dân tộc kiêm ông tổ của nghề ca hát Trương Chi cả 5 lần ngôn, mỗi lần chỉ ngôn đọc chữ “cút”, mà giấu biệt đi chữ “cục” ở đằng trước. Chắc do sợ “phạm húy”, hay sợ bị kiểm duyệt đây? (Biết đâu đã bị nhà xuất bản cắt mất thật?) Cắt cũng chả sao, bác Thiệp nhẩy? Bởi một gã hay bị xì - trét như Trương Chi một khi đã ngôn ra chữ “cút”, thì người nghe tất sẽ hiểu có chữ “cục” lấp ló đâu đấy. Trương Chi quả nhiên là con người đại diện cho nỗi bất hạnh lớn của dân tộc, có chữ “cục” mà cũng bị cấm không được quyền phát ngôn - rõ ba khi! (xin đọc là “bố khi!”, bởi “ba” = “bố”), v.v...

Thế còn ván cờ lạ? Nó là cái ván cờ nào vậy? Bí hiểm quá cụ Lão ơi. Chợt nhớ ra có lần bác Hà Văn Thủy bảo đại ý Lão hay Không... chắc! thì cũng là người Việt ta cả. Bây giờ gọi là “*Giao Chi*” (vừa “giao” vừa “chỉ”) hay “*Cửu chân*” (chín... ngón chân, cụt mất một ngón?) hay “*Nhật Nam*” (phía nam... nước Nhật)... gì gì đó. Đại khái là cái xứ vốn đã khuyết nhiều chỗ, lại cứ thích cắt tóc vẽ mình. Thế thì hai tiếng “*kỳ cục*” kia trong câu (bịa) của Lão hẳn phải là tiếng Việt, là chữ Nôm quê ta. “Kỳ cục” nghĩa là... *cục lạ*. Thế thôi. Dễ hiểu hơn “ván cờ lạ” rất nhiều. Ôi tự hào quá, hãnh diện quá đồng bào ơi. Chuyển sang Nôm tuy có làm mất toi câu thành ngữ 2 từ trứ danh trên kia (hoài của), song điều đó có tác dụng làm cho câu của cụ Lão đỡ bí hiểm hơn. Khi đó chỉ cần dịch là: “... học (mấy), cũng không thể (hay không cần?) hiểu những... cục lạ” (ở trên đời). Thế mới bảo “nôm na là cha mách qué” mà lị... Lại!

Không thể (hay không cần) hiểu những cục lạ? Đời thiếu gì cục lạ phải không? Vậy Lão Tử (nôm) muốn ám chỉ cái “cục lạ” nào đây? Nếu vừa là “cục lạ”, vừa là “ván cờ lạ” thì trường hợp này đích thị là

“nôm” lai với “chữ” rồi. Nghĩa là Lão Tử nếu không phải người Việt (chăm phần chăm), thì cũng là con lai giữa giống “*cắt tóc về mình*” Giao Chỉ ta với giống người “*đội mũ mang đai*” phương Bắc. Cái này bác Hà Văn Thuỳ sẽ gọi là “*hoà huyết*” đây.

Ta hãy hình dung một cách hết sức tư duy trừu tượng rằng, trong đoàn người Giao Chỉ sang nhà Chu cống nạp sản vật ngà voi, đồi mồi, sừng tê giác... năm xưa năm xưa có 1 người phụ nữ duy nhất (tại sao lại là 1 mà không phải 2, 3...? đơn giản bởi chỉ cần 1 là quá đủ). Người phụ nữ đó thấy phong cảnh lạ bèn giao phối với ít nhất 3 người đàn ông nước sở tại. Trong đó 1 người có “chất lượng” vào loại “xịn” nhất đã làm bà thọ thai và sinh ra Lão Tử. Lý luận này tỏ ra rất có cơ sở khoa học và đang được trực quan sinh động chứng minh một cách hùng hồn. Bằng chứng là đàn bà con gái xứ Giao Chỉ cho đến tận bây giờ, sau khi đã đóng góp rất nhiều mồ hôi xương máu (cả trinh tiết nữa) để hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ vĩ đại nhất trong lịch sử rồi, vậy mà vẫn còn giữ nguyên cái “truyền thống” thích ra nước ngoài thụ tinh từ hời đó (đang xếp hàng nườm nượp kia kìa, ai không tin thì đã có đường link sau đây :

(<http://www.tienphong.vn/Tianyon/Index.aspx...mp;ChannelID=12>).

Ngược lại, một thuyết khác lại cho rằng trong đoàn người mang đồ sang cống nạp hời ấy không có người đàn bà nào cả. Mà chính là 3 người đàn ông Giao Chỉ đã cùng lúc giao phối với duy nhất 1 người đàn bà phương Bắc mới sinh ra nổi 1 Lão Tử trứ danh.

Thuyết này tuy có hơi coi thường đàn ông Giao Chỉ là giống thấp bé nhẹ cân rụt rè chim ngắn một tí. Song cũng tỏ ra rất có cơ sở huyết thống, phù hợp với môn (tra) khảo cổ và (treo) cổ sử học. Bởi rõ ràng Lão Tử mang họ Lý (Lý Nhĩ), vốn là một cái họ rất phổ biến ở Giao

Chỉ lúc bấy giờ (ví dụ Lý Thông, Lý Toét...) . Những họ Lý ấy cho đến tận bây giờ vẫn còn nhan nhản đầy thôi. Ai không tin thì đã có công nghệ gien hoặc bài thơ: “Trong quán Lý Thông” của thi/nhạc sĩ Nguyễn Trọng Tạo làm chứng. Lý Nhĩ là tổ tiên của đại thi hào Lý Bạch thời nhà Đường sau này. Vậy thì Lý Bạch chẳng qua cũng con cháu cụ... Lý Thông Lý Toét quê ta cả.

Sở dĩ đưa ra hai thuyết trên đây không phải là muốn dây tí “máu” (Lão Tử) để ăn chặn “phần” (tiếng tăm) của người phương Bắc văn minh đâu nhé. Mà ai người nấy thờ, cờ ai người nấy phát, suất ai người nấy xơi. Can gì phải “thấy người khôn tung tin đồn là cùng họ”. Song cái gì một nửa của Xê ra cũng phải trả cho Xê ra... ít nhất một nửa.

Tóm lại là cả hai thuyết đều khẳng định Lão Tử là con lai (hèn nào có sách còn gọi đích danh là Lão Lai Tử). Mà lai sớm như thế ắt không F1, thì cũng F2; F3 hoặc cùng lắm là Fi, trong đó $i \leq$ (khoảng) 10.000 (bây giờ thì $i \rightarrow n$ rồi)!

Không phải người viết đang cố tình lan man lạc đề để bêu riếu kiến thức đâu nhé. Bởi đang nói đến “*nội hàm*” của cái từ “ván cò lạ” (hay “cục lạ”). Mà ở xứ Giao Chỉ này xưa nay vốn có nhiều “cục lạ” lắm. Ví dụ chỉ cần cốp nhặt tấp nham chi nhôm Đông, Tây kim cổ lẫn lộn.

Vậy mà thời nào cũng sinh ra khối “tư tưởng da” mang các họ: Đinh, Lê, Lý, Trần, Hậu Lê... đủ cả. Ấy là chưa nói đến những luận văn đã được Bộ Giáo & Đào tạo bằng tiến sĩ, thạc sĩ... Ví dụ đã chứng minh một cách vô cùng thuyết phục, rằng Xuân Tóc Đỏ không những là ông tổ của nền thể thao xã hội chủ nghĩa hết sức ưu việt ngày nay, mà còn trực tiếp giảng sinh thành Xuân Diệu để đóng góp cho nền văn hiến nước nhà những vần thơ tình tuyệt hũ, đồng thời giúp cho

các thể hệ học trò có cái để mà ghi lưu niệm hoặc tán tỉnh nhau. Một luận văn khác đã chứng minh rằng nhà triết học Kant, mà thế giới cứ tưởng lầm là người Đức, té ra là Việt kiều yêu nước chính hiệu Con nai đen. Bởi ông còn một người em ruột tên Kiết vẫn ở lại Việt Nam. Thì dân gian đâu có lạ gì hai ông ấy, thường vẫn gọi là “*cha Căng chú Kiết*” mà lì. Nghĩa là hai vĩ nhân ấy lúc nào cũng được coi là bậc cha chú của dân Giao Chỉ ta.

Riêng cha Căng này hồi còn bé chắc học sách của cụ Mạnh nên cũng bị ảnh hưởng cụ ít nhiều. Trên đời này cái gì cũng có thể qua loa, sơ sài được cả. Song những lý luận chặt chẽ, khoa học về nguồn gốc các vĩ nhân như trên thì cần phải quán triệt thật kĩ, quán triệt cho tất cả nam phụ lão ấu, quán triệt liên tục từ bậc tiểu học đến đại học, cao học, thối học... cho kì đến lúc chết mới tha. Cụ Lão và cụ Căng thì rõ là người Việt ta rồi. Cả cụ Khổng nếu không phải Việt thì cũng là Bách Việt, không Bách Việt cũng Thiên Việt, Vạn Việt, v.v...

Tóm lại thể nào cũng dính tí “Việt”. Bởi cụ vốn nổi tiếng là người đảng hoàng (thì “Việt” mà lì). Tuy được thiên hạ tôn là Vạn Thế Sư (thầy của muôn đời), song cụ vẫn không bị nhiễm cái tính kiêu ngạo, nhận vợ nhận vào hoặc lưu manh chợ búa như những kẻ cạy có quyền thế quen thói cả vú lấp miệng, lấy thịt đè người... Cụ chỉ làm cái việc nhặt nhạnh đây đó để chế ra kinh Thi, kinh Dịch, kinh Xuân thu... mà thôi. Thậm chí cụ còn trịnh trọng bảo các học trò: “*Thiên hạ thời nào cũng như một cái thùng phiếu (tư tưởng) khổng lồ. Ta chỉ đóng vai trò là người kiểm phiếu mà thôi.*”

Xét ra thì không chỉ mình cụ. Tuyệt đại đa số các triết gia cổ kim Đông Tây đều đóng vai trò là những người kiểm phiếu cả. Dĩ nhiên

mỗi người khi “kiểm” đều có những tiêu chí riêng của mình (ví dụ tiêu chí của cụ Khổng là chữ “*nhân*”, của cụ Mặc là chữ “*ái*”...) Lại kiểm được nhiều, ít khác nhau nên trình độ, mức tổng quát... của họ cũng khác nhau (trừ ăn gian). Học trò hỏi thế có ai không cần kiểm phiếu mà vẫn thành hay không? . Có ! Cụ Khổng bảo có 1 người như thế. Người đó là Lão Tử. Lão Tử chỉ làm người bỏ phiếu mà thôi, song đó là người bỏ lá phiếu quyết định. Thực ra thế gian lúc ấy không chỉ có mình cụ Lão. Phật Thích Ca cũng là một người như thế.

Sau các cụ hơn hai ngàn năm, phương Tây có ông Đề - Các (Descartes) mà lai lịch cũng đã từng được nhắc đến trong văn học sử của xứ Giao Chỉ. Đại khái bảo ông này là con cháu... cụ Đề Thám quê ta. Khi Đề - Các chứng minh một cách rất có lý rằng cái mũi (của chính ta...) đã lừa bịp ta nhiều, cho nên không chắc gì hoa hồng đã có mùi thơm như mũi ta hằng ngửi thấy. Tương tự như vậy, biết đâu mùi thối của cứt chẳng qua cũng chỉ là một sự bịp bợm?... Nhất là khi ông ta nói câu: *“Tôi tin chắc rằng những hạt giống đầu tiên của chân lý đã được Tạo Hoá đặt vào trong tâm trí ta. Nhưng chúng ta đã bóp chết những hạt giống đó vì hàng ngày đã nghe và đọc biết bao điều sai lầm...”* thì ông ta đã gần với Phật và Lão lắm rồi đấy.

Giả sử Đề - Các sinh ra trên đất Phật, chắc chắn ông ta đã chứng quả ít ra cũng tới bậc Bồ Tát. Song nếu vô phúc sinh vào thời này mà nói câu ấy thì đích thị là phản động, suốt đời đờng hòng ngóc đầu lên nổi. Thời dân chủ triệu lần này không được phép nghi ngờ sự đúng đắn sáng suốt của những điều đang (được) nghe và đọc. Ngoài Đề - Các ra, còn có các ông Anh - xtanh, ông Mác - Plan, ông Lôbaxepxki... cũng là những người bỏ phiếu. Tuy còn xa mới đạt đến tư tưởng của Phật, Lão. Song đó cũng là những lá phiếu (có tính

chất) quyết định một thời.

Có điều, các “cục” tư duy ấy dù cao siêu, bí hiểm đến mấy, xét ra đều không phải “cục lạ” (kì cục). Chỉ có ăn gian mới tạo nên “cục lạ” mà thôi... ☺ ☺ ☺ !

.....
.....

(người viết ☹ bắt chước văn tự thời Pháp thuộc, tự “kiểm duyệt” một đoạn)

Tóm lại khi cụ Khổng nói về kinh Thi mà chỉ dùng 3 chữ: “*tư vô tà*” (cái suy nghĩ, tư duy (của nó) không tà) thì cụ biết thiên hạ đã “*tà*” lắm rồi. Từ những câu kinh Thi đầu tiên truyền đến đời cụ ước chừng hai ngàn rưỡi năm. Hai ngàn rưỡi năm thì từ “*thanh*” biến thành “*tà*”. Từ cụ đến nay cũng tương đương khoảng thời gian ấy nữa. Lịch sử có cái trò lặp lại theo kiểu xoáy tròn ốc. Thế thì cái “*tà*” tiếp tục biến, đến thời nay dẫu có thành ra “cục lạ” xem chừng cũng... hợp với quy luật khách quan. Ấy là ván cờ “*Tư*”.

Thế còn ván cờ “*Văn*” thì sao? “*Văn*” Giao Chỉ nay liệu có là “cục lạ”? Cái “tít” rất to trên 1 tờ báo vào loại bàn thờ (của văn chương): “Giữa quá khứ và hiện tại, giữa hiện tại và tương lai” của một anh bạn gọi bóng gọi gió cho ☹ “tư duy trừu tượng” về cái “cục lạ” vô tiền khoáng hậu này. Khởi cần bàn đến nội dung rất chi là “thuộc lòng”, “trơn tuột” và xưa hơn... cụ Diễm của bài viết ấy. Chỉ riêng một câu: “*Sự đổi mới như một lựa chọn hiển nhiên nhưng không thay đổi cái cốt lõi.*” cũng đáng được coi là một “cục lạ” rất “nặng mùi” rồi.

Ai chả hiểu “cái cốt lõi” ở đây là gì. Nếu cần, cứ việc “nhân danh” “truyền thống” cái rụp... là xong. “Nhân danh” vốn là một con bài tử

của bất kì phép nguy biến tối tân hiện đại nào. Gì chứ việc “kế thừa truyền thống” thì quanh đây không thiếu gì phương pháp, từ thô thiển đến tinh vi, từ li ti đến tổng thể... đủ cả.

Ví như cái việc “ban quốc tính” (ban họ vua) ngày trước mà từ thời Lê Thánh Tông đã phải bãi bỏ vì sợ loạn mất huyết thống, cũng từng được “kế thừa” lại ở cả một xã nào đấy mà báo chí đã tốn khá nhiều giấy mực để ca ngợi. Nói về những “dòng chảy truyền thống” ấy thì đến tết Công Gô cũng chưa hết, bởi nó đã len lỏi vào mọi chốn, mọi nơi, từ cái ghế ngồi đến nồi cơm, từ chỗ đơm đến chỗ chặn, từ ăn mặn đến ăn chay...

Song đọc đến câu: “Các nhà... lần lượt bước lên sân khấu...” thì ☹

nghe cứ rờn rợn, ghê ghê thế nào ấy. Té ra các nhà... kia... diễn kịch hay sao? Vở kịch thứ bao nhiêu đây? Hay là vở diễn cuối đời? Bởi cái tit ôm trọn cả 3 thì (quá khứ, hiện tại và tương lai), cho nên ☹

chợt liên tưởng đến một công trình nghiên cứu dày ba nghìn trang nhan đề: “Về sự vang dội của nền văn thơ hiện đại xứ Giao Chỉ”. Đại khái văn thơ hiện đại Giao Chỉ chẳng những đã làm cho lớp lớp thế hệ trẻ đời nào cũng thuộc nằm lòng, mà còn vang vọng ngược cả về quá khứ. Đến nỗi Phạm Ngũ Lão mỗi khi đi đánh giặc đều lẩm nhẩm câu thơ: “*Đường ra trận mùa này đẹp lắm...*” Lý Thường Kiệt thì đặc biệt khoái câu: “*Đã xung trận cả trăm người như một...*” (tăng thêm 95 người).

Trong cuộc kháng chiến chống quân Tống vào năm một nghìn không trăm... câu thơ tuyệt hủ này được viết trên những tấm băng rôn treo la liệt khắp kinh thành. Kì diệu thật. Thơ hay thì phải thế thôi. Dẫu có biến thành kinh nhật tụng cũng còn được nữa, huống chi chỉ dùng

làm khẩu hiệu. Đã hay với hiện tại, tương lai... ai dám bảo rằng nó không thể hay với cả quá khứ? . Thậm chí phải hay với thế giới nữa chứ.

Sách còn dẫn chứng việc nhà văn Nô Ben người Pháp có cái tên dài thòng là Anbecamuc gì đó khi nghiên cứu văn thơ hiện đại Giao Chỉ, cứ tiếc mãi cho vua Louis XVI trước khi lên máy chém đã không đọc "Sống như Anh" của... Nguyễn Trãi (chắc camuc nhầm với từ "Trối"?).

Mà cũng chẳng cứ gì thơ văn. Rất nhiều ca khúc hiện đại (ví dụ bài "Hành quân xa" chẳng hạn...) chẳng đã từng vang lên theo bước những đoàn quân đi tiêu diệt 12 sứ quân của Đinh Bộ Lĩnh đó sao? Vừa rồi, nhân kỉ niệm 50 năm hành nghề bồi bút, có nhà thơ, nhà văn kiêm nhạc sĩ, kiêm nhà nghiên cứu, kiêm vân vân... còn cao hứng viết hẳn một công trình dày 800 trang, trong đó mô tả chi tiết những thông tin cực kì thú vị, rằng Trần Quốc Toản cũng đã bắt đầu biết đến "nhật kí Đặng Thuỳ Trâm", rằng những hoạn quan thời Lê mạt rất ngưỡng mộ "Thời xa vắng" của Lê Lựu, thậm chí còn tiếc rằng không có máy cát-xét để nghe băng Lê Lựu kể chuyện về chuyến đi Mỹ hồi những năm 80 thế kỉ trước, v.v...

Sở dĩ đưa ra những luận điểm căn bản trên đây để chứng minh rằng ván cờ "Văn" của xứ Giao Chỉ không những là một "cục lạ" cực kì, mà cái "cục" U50 ấy còn tỏ ra: "thân này đâu đã chịu già tom". Với nguồn "sữa" vô tận là tiền đóng thuế của hơn 80 triệu dân, nó không những "vẫn còn thơ trẻ", mà còn đang trong thời kì ăn khoẻ ngủ khoẻ, đang hết sức phát triển, có tương lai hết sức to lớn, với nhiều xứ, mạng hết sức vẻ vang...

Để nói lên ước vọng trẻ mãi không già này của cái "cục lạ" ấy, một thi

sĩ trẻ quá cổ đã từng viết: *“Vẹt trắng / vẹt trắng / vẹt thất caravat / vẹt hát karaôkê / vẹt máu dê máu cá... / Những con đã sinh ra thì chán chết / Những con chưa chán chết thì chưa sinh ra.”* Tinh thần phát triển đặc biệt còn được thể hiện rất (cụ) mượt trong bài diễn văn ễnh ương (photocopy hoặc thuộc lòng) mới đây do ông chủ tịch thâm niên (nhiều khả năng sẽ chủ tịch chung thân) đọc nhân dịp kỉ niệm “cục lạ” tròn trĩnh 50 năm + 1,35 tháng tuổi. Hơi tiếc là ☹ không có bản điện tử trong túi. ☺ ☺ ☺ !

.....

.....

(☹ lại bắt chước tự “kiểm duyệt” một đoạn)

Chợt nhớ cơn ác mộng cách đây ít lâu.

Sáng mùng hai tết, ☹ đã cãi nhau một trận kịch liệt với hai thằng con giai, một thằng lớp 3, thằng lớp 1. Số là giục chúng nó đi chúc tết thầy cô giáo. Ai dè chúng trợn mắt bảo: *“Bố lạc hậu quá. Thời buổi này thầy cô phải đến chúc tết học trò mới phải phép chứ?”* Láo! Láo quá. Có đời thuở nhà ai như thế hay không?

Sau một hồi thuyết giảng đạo đức không ăn thua, đang định lấy gậy phết cho mỗi thằng 1 trận thì quả nhiên có mấy thầy cô giáo hỏi thăm đến nhà thật. Các thầy cô ăn mặc tươm tất, ai nấy đều ôm 1 bọc quà, tranh nhau khúm núm trước mặt hai thằng học trò: *“Nhân dịp tết cổ truyền, phát huy truyền thống “tôn sinh trọng... gạo” của ông cha ta ngày trước, các thầy, cô thay mặt nhà trường đến chúc tết các em để tỏ lòng biết ơn đối với học trò của mình...”*

Ôi! Cảm động quá mà vẫn không dám tin. Chẳng lẽ cả cái sự “Giáo”

nay cũng biến thành “cục lạ” hay sao? Bèn kể lại giấc mơ với vợ, vợ bảo: “Được như thế có mà tử tế quá. Tiếc thay đó chỉ là giấc mơ. Cả một ‘cỗ máy’ Giáo & Đào khổng lồ đang hì hục làm tiền hết công suất trên lưng các thế hệ học trò, thì đáng nhẽ phải biết ơn học trò như thế mới phải. Làm thầy bây giờ lẽ ra phải nhớ câu: ‘*Không trò đổ mồ ra... cơm*’. Đằng này lại cứ khoác áo đạo đức giả...”

Chưa hết.

“Người ta không chỉ làm tiền, mà còn... làm tình (gạ tình lấy điểm), làm xiếc (thành tích), làm C.A. (tra khảo), làm quĩ dũ (đầu độc), làm... vân vân... nữa đấy. May mà con mình con giai, sau này đỡ phải lo cái khoản ‘đóng góp’ bằng tình ấy...”

Nghe vợ tuôn ra một tràng mà muốn ngất. Tính cãi lại mấy nhời để giữ thể diện, chợt nhớ Luận ngữ Tân thư đã từng dẫn ý tứ (cũ xì) của cụ Khổng, rằng: “*Hạng người ấy mà làm tướng thì mất toi thành. Làm quan phủ, quan huyện nào thì dân trong phủ, huyện ấy điêu đứng. Làm vua thì cả nước khốn nạn, thậm chí còn mất nước vào tay ngoại bang. Làm thầy thì ngu đến cả trăm đời sau... Thế gọi là gây họa cho thiên hạ.*”

Quả thực những “thầy” như thế không chỉ gây họa cho cái nền Giáo & Đào này, mà còn gây họa cho cả thiên hạ nữa. Nghĩ đến đây, bên tai chợt văng vẳng câu thơ: “*Kiếp học trò học như học giả / kiếp phụ huynh toi tả hầu bao...*” bèn tỉnh ngộ, không dám cãi lại vợ một câu nào nữa.

Ôi! “*Ván cờ*” Giáo&Đào hay cái cục “Giáo” này “kì” đến mức không bút nào tả xiết.

Chẳng trách khôn ngoan cỡ cụ Lão xưa đã phải thốt lên, rằng nó “... rất chi kì cục”. Nhìn thẳng bé lớp 3 còng lưng khoác chiếc ba lô chứa

7kg sách + vở +... mà nghĩ thương cho... bố nó. Con người ngày nay học nhiều có khác. Thật là những “trí tuệ”... ghê rợn.

Biết bao nhiêu mảnh khoé làm tiền chứa trong cái ba lô nặng trĩu âm mưu, song lại nhẹ tênh kiến thức ấy? Nào là các loại giáo khoa mỗi năm “cập nhật” một lần, nào là các kiểu “vở bài tập, vở ghi, vở... nháp...” (vở cũng phải qua made in nhà xuất bản), nào là sách tham khảo, sách hướng dẫn, luyện thi, v.v... chưa kể học phí, học cụ, học thêm rồi đồng chờ, đồng phục... lại còn đóng góp hết khoản nợ đến khoản kia theo những “sáng kiến” liên tu bất tận của nhà trường, của các thầy cô... (có cô mẫu giáo còn “kiêm” thêm nghề bán xôi, bán... báo Nhi đồng ở ngay cửa lớp - ví dụ chỉ có tính chất minh hoạ ☺ ☺ ☺!)

Thật là trăm... rơm đổ một đầu... bò.

Ai thấu cho những nỗi niềm ấy đây ?

“Cục” “Văn” thì đã thế rồi, còn các bậc “trí thức”? Nghĩ đến những cánh rừng trơ trụi, đến nỗi: *“con chim rừng tuyệt không chốn về...”*

Nghĩ đến những tấm lưng áo bạc của hàng triệu, hàng triệu nông dân tiền mông phận hèn, không đủ sức chạy đua đành bất lực nhìn con mình thất học. Lũ trẻ lớn lên lông nhông chờ cơ hội chạy chọt, vay tiền lo chi phí ra nước ngoài nạo cống, vá đường, làm con ở, con... râu, v.v... hy vọng may ra sẽ đổi đời.

Chẳng trách khi nói về cái “cục (Giáo) lạ” này, khối người đã phải ôm mặt... khóc rưng rức. Khóc rằng:

Than ôi !

“Chốn châu huyện, khôn đường con học /

Nơi trường làng, tiền mất tật mang”.

Thế mà:

“Nước Đông Hải đã tát cạn rồi, lấy gì để rửa? /
Trúc Nam Sơn cũng vừa chặt hết, lấy cái gì ghi ?...”
Trong khi đó thì ôi thôi:
“Thần, Người đều... im bật /
Trời, Đất chẳng... tằm hơi”.....

Đầu hè năm Đinh Hợi (2007)

Truyện ngắn

Xuất xứ

Vợ chồng cụ Cố Đặng người làng Bồ vốn dòng dõi một nhà có vai vế trong làng.

Đến đời cụ thì đã sa sút đi nhiều lắm, tuy vậy vẫn còn vài chục mẫu ruộng với dăm con trâu. Gia tư vẫn vào loại khá giả có cửa ăn, cửa để. Hai cụ hiếm hoi chỉ có mỗi một cô con gái. Cô có ngoại hình bình thường, chỉ phải tội tính khí hơi thất thường nên dân làng vẫn gọi là cô Tửng. Gọi mãi thành quen, đến nỗi không ai biết đến tên cúng cơm của cô nữa. Năm cô Tửng ngoài ba mươi tuổi bỗng có người hỏi làm vợ. Chàng rể chẳng phải ai xa lạ, chính cái anh chàng lực điền họ Lê thỉnh thoảng vẫn ngụ cư cày thuê cho dân làng và cho cả nhà cụ Cố. Thật đúng cả hai đang buồn ngủ lại gặp chiếu manh. Đám cưới diễn ra tha hồ mà vui vẻ, măn nguyện. Giữa lúc ăn uống ồn ào, có một ông già chống cây gậy trúc, xưng là bạn cũ của cụ Cố tới dự. Cụ Cố vui mừng ra đón khách. Đó là cụ Thượng Quang họ Phạm, người làng Kinh, cách làng Bồ đúng một cánh đồng. Cụ Thượng là người đỗ đại khoa, từng làm quan trấn xứ Sơn nam, lúc cáo quan được thăng hàm Thượng thư, vốn là bạn từ thời ẵm chõm của cụ Cố.

Vừa bắt đầu nâng chén thù tạc, cụ Thượng bỗng ngăn người khi nhìn thấy chú rể ra lạy chào. Quái! - Cụ thầm nghĩ - có phải mình hoa mắt không? Con người này tướng mạo đường đường, rõ là tướng đại quý. Không những thế, trên đầu như có khí thiên tử! Cụ từng biết về chàng họ Lê này, vốn chỉ là một người cày thuê nay làng này, mai làng khác, không rõ quê hương xuất xứ, một chữ bẻ đôi cũng không. Chẳng có lẽ... Đến khi cụ cho đòi cô dâu ra lạy chào, phát hiện thấy tướng sinh quý tử của cô Tửng thì cụ buộc phải tin vào điều mình vừa nhìn thấy. Cặp vợ chồng này có khí đế vương. Nhưng bằng cách nào để leo tới cái địa vị tốt vời ấy từ những thân phận thế kia?

Cụ Thượng thờ người ra ngắm nghĩ. Thời buổi những nhiều như thế

này, một chiếc ghế, một miếng ăn cũng là kết quả của những sự tranh giành quyết liệt. Con người ta sống ở đời, nếu không có vai vế, bè đảng, không con ông nọ, cháu bà kia thì dẫu có tài kinh bang tế thế cũng mãi mãi chìm lấp chốn dân gian. Huống hồ cặp vợ chồng vô danh tiểu tốt như thế này... Cụ chép miệng - chắc mình đoán sai hoặc biết đâu trên đời còn có cái lý nào đó mà mình chưa xét đến thì sao. Ấu là cứ im lặng theo dõi sự biến cải càn khôn một phen, biết đâu lại gặp điều lý thú.

Bấy giờ đang là thời nhà Mạc.

Một hôm có gã Khách phương bắc tự xưng là Phong Vân đạo sĩ tới xin được ra mắt vua Mạc. Gã rập đầu râu:

- Bệ hạ thừa hưởng cái cơ nghiệp do cướp được từ tay kẻ khác, đang lúc rối ren, thiên không gặp được thời, địa không có chỗ lợi, nhân gặp lúc bất hoà, muốn thi hành vương đạo là điều không sao có thể làm được. Chỉ có cách làm theo bá đạo mà thôi. Nay ở phương nam có vương khí thiên tử chói ngời, nếu không kịp thời trấn áp thì cái cơ nghiệp mong manh này chắc cũng không còn được bao lâu nữa.

Vua Mạc nghe nói mừng rỡ như vớ được vàng. Bèn trả lời:

- Đó chính là điều bấy lâu nay quả nhân trăn trở mà chưa nghĩ ra kế sách. Kẻ làm vua bây giờ, cốt sao cho thiên hạ được yên, bốn phương thuận phục thì thôi, cứ gì phải vương đạo với bá đạo. Nếu Khách có thể trấn áp được cái vương khí thiên tử ấy, cần bao nhiêu quân sĩ, ngân lượng, quả nhân sẽ đáp ứng đầy đủ.

Rồi lập tức cấp cho gã Khách ba trăm quân sĩ cùng mọi thứ xe ngựa, lương thực... hẹn ngày hoàng đạo chọn giờ tốt lên đường. Hôm ấy vào khoảng gần trưa, cụ Thượng đang ngồi trong nhà chọt nghe tiếng huyền não, hình như có tiếng loa vọng về từ cánh đồng làng Bó. Đứa cháu chạy vào bẩm:

- Thưa - có quan quân bao vây cánh đồng, truyền loa bắt dân làng Bó về điểm mục, nghe nói có giặc trà trộn.

Cụ Thượng giật nảy mình, linh tính báo cho cụ biết việc này có liên quan tới anh chàng họ Lê. Cụ quyết định phải tới tận nơi xem sao.

Vừa chống gậy tới giữa cánh đồng, cụ Thượng thấy phía cổng làng Bó, dân làng nghe lệnh đang lũ lượt kéo về, trong đám quan quân, phấp phới một lá cờ đề chữ: "MẠC". Cụ đưa mắt nhìn quanh, cách mấy thửa ruộng, chàng họ Lê vẫn đang thản nhiên cày như thể không nghe thấy tiếng loa truyền của quan quân. Phải báo cho anh ta biết mà trốn đi - Cụ vừa chọt nghĩ như thế thì bỗng hụt một cái, cụ

vấp mô đất ngã nhào xuống một vũng nước sâu. May mà cụ kịp cầm cây gậy trúc xuống giữa vũng nước để khỏi lao cả người xuống. Tiếng loa vẫn réo ầm ầm thúc giục. Cụ vội vã lấy lại thế đứng, tìm cách kéo cây gậy lên. Lạ thay, cây gậy như có người ghì chặt lấy, mặc dù đã cố hết sức, cụ vẫn không sao rút nó lên được. Sốt ruột vì tính mạng chàng họ Lê, cụ bỏ mặc cây gậy, quay ra thửa ruộng lúc này để gọi anh ta.

Bỗng cụ Thượng lạnh toát người. Không còn chàng họ Lê trên thửa ruộng ấy nữa.

Rõ ràng cụ vừa trông thấy anh ta, chiếc cày vẫn còn cắm giữa ruộng, con trâu vẫn đứng ngoe nguẩy... Cụ quay nhìn về phía cổng làng, thì ra anh ta đã đi về tới gần đám lính. Không kịp nữa rồi, cụ chỉ còn biết rảo bước tới xem sự thể ra sao.

Không có chuyện gì xảy ra. Chàng họ Lê đã qua khỏi đám lính, vào hẳn trong làng. Có một gã đạo sĩ ăn mặc theo kiểu phương bắc đang ngó chăm chăm ra phía cánh đồng lúc này đã không còn bóng người. Lạ thật - gã lẩm bẩm - khí thiên tử vẫn còn vằng vặc thế kia? Sao lại không còn người nào, chẳng lẽ...

Rồi gã đạo sĩ sốt ruột kéo đám lính phăng phăng xông ra giữa cánh đồng. Lăn theo một con lạch nhỏ ngoằn ngoèo như con rắn. Tới chỗ có cái vũng nước phình ra như đầu con rắn ấy, gã chợt phát hiện cây gậy trúc của kẻ nào đã cắm xuống đáy từ bao giờ. Gã giật mình toát mồ hôi. Thủ phạm chính là cây gậy. Có kẻ nào đó cao tay hơn đã cắm nó vào giữa cái huyệt ấy để giữ khí thiên tử lại nhằm đánh lừa gã. Biết gặp phải tay cao thủ, dù có cố nữa cũng vô ích, gã đạo sĩ đành dẫn đám lính rút lui ra khỏi làng.

Chờ cho bọn lính đi hết, cụ Thượng mới thông thả đi về. Tới chỗ cây gậy trúc cắm xuống vũng nước lúc này, cụ thử rút nó lên một lần nữa xem sao. Lạ thật, lần này thì cụ rút được nó một cách hết sức nhẹ nhàng. - Chắc tại lúc này mình vội quá - cụ thầm nghĩ rồi bán tin bán nghi, về tới nhà mà vẫn chẳng hiểu sự thể ra làm sao.

Sau đó khoảng nửa năm, cụ Thượng đã gần quên chuyện chàng họ Lê ấy thì bỗng một hôm, vừa chập tối có con chim khách bay về phương bắc, vừa bay vừa kêu ba tiếng. Giở tay bấm độn, cụ Thượng biết chàng họ Lê lại sắp xảy ra chuyện.

Quả nhiên vào sáng hôm sau, vừa tới cổng nhà cụ Cố Đặng, cụ Thượng đã thấy người ra kẻ vào tấp nập. Leo lên mấy bậc thềm theo lời mời của cụ Cố, cụ Thượng dựng cây gậy trúc cạnh hiên, vào hẳn trong nhà mới biết hôm nay có lễ cầu tự cho vợ chồng cô Túng vì lấy nhau đã lâu chưa có con. Tới giờ thìn, vợ chồng cô phải đội lễ xuống

cúng ở đình...

Nói về gã Phong Vân đạo sĩ cùng đám quan quân, sau lần thất bại ấy, gã vẫn đóng quân tại một vùng gần làng Bó để chờ cơ hội. Hôm ấy gã gieo quẻ, biết khí thiên tử sẽ xuất hiện ở đình làng Bó vào giờ thìn ngày hôm sau. Quẻ bói cũng cho gã biết mạch khí làng ấy đang thịnh lắm, nếu không chấn yểm thì sẽ thất bại. Gã chuẩn bị sẵn một tên lính khỏe mạnh, cho ăn uống no nê rồi nửa đêm bí mật dẫn quân áp sát làng Bó.

Cuối giờ mao, gã bấm đúng một mạch đất rồi bắt tên lính khỏe mạnh kia đứng chắn giữa huyết đạo, dặn phải đứng yên không nhúc nhích chờ cho gã cùng đám quan quân hành sự. Sau đó tất cả kéo nhau tiến về hướng đình làng.

Lúc bấy giờ ở nhà cụ Cổ Đặng, thấy đã sắp đến giờ dâng lễ, cụ Cổ giục chàng rể họ Lê mau mau đội lễ ra đình. Bất ngờ hình như có khách đến. Con chó mực nhà cụ Cổ đang nằm trong gầm phản bỗng vừa sủa inh ỏi vừa lao vọt ra ngoài. Nó chạy qua đụng phải cây gậy trúc cụ Thượng dựng ngoài hiên. Cây gậy đổ xuống rồi vừa lăn vừa nhảy tung tung qua mấy bậc thềm văng xuống sân. Vừa lúc ấy chàng rể họ Lê đội mâm lễ đi tới, cây gậy quất ngang đúng ống quyển làm chàng ta vấp ngã nhào xuống sân, mâm lễ đổ tung toé. Thế là đành phải làm mâm lễ khác và chờ qua giờ ngọ mới lại đi dâng được.

Phía gã đạo sĩ và đám quan quân, lúc này đã bao vây kín đình làng Bó. Lục soát một hồi chỉ rất một hạng nông dân chân đất mắt toét, thân cu bụng bị. Không hề tìm thấy tướng mạo đế vương đâu, ngay cả khí thiên tử cũng không thấy xuất hiện. Gã lỏng lộn, tức tối song cũng đành kéo quân trở ra. Tới chỗ huyết đạo có tên lính đứng chắn khi trước, nhìn quanh không thấy y đâu cả. Gọi mãi mới thấy y lồm cồm từ trong bụi rậm gần đấy chui ra. Gã đạo sĩ quát:

- Ta bảo người đứng nguyên ở đây, có sao người chui vào đấy làm gì?

- Bẩm - tên lính nhăn nhó đáp - con đứng được một lúc, bỗng tự nhiên đau bụng không sao chịu nổi. Chắc tại hôm qua con ăn phải... Rốt cuộc lần thứ hai gã đạo sĩ lại ném mũ thất bại, đành rút quân về triều tâu lại sự thể cho vua quan nhà Mạc biết. Trong đám quan văn, có kẻ bước ra tâu:

- Thần nghe nói giết làm còn hơn bỏ sót. Nay đã xác định kẻ kia tiềm ẩn trong đám hương thôn ấy rồi, có giết sạch cả xã, cả huyện ấy đi thì cũng là một việc phải làm. Cốt sao trong đó có kẻ ta cần trừ khử

là được rồi.

Vua Mạc y lời tâu, lập tức cấp cho gã đạo sĩ một nghìn quân, lại kén hai viên tướng giỏi chia làm hai đạo hành quân theo thế gọng kìm, dặn hễ thấy khí thiên tử xuất hiện ở đâu, thì giết sạch mọi người trong khu vực đó.

Cụ Thượng Quang sau lần ấy nghe tin có quan quân bao vây đình làng Bó mà không bắt được ai, thì mười phần đã tin đến tám chín phần rằng chàng họ Lê đích thị có khí đế vương mà vua quan nhà Mạc đang cố trừ khử cho bằng được. Cụ định bụng chờ cơ hội sẽ báo cho chàng ta biết để mà trốn biệt tích may ra...

Hôm ấy vừa khi đi ngủ, cụ Thượng bỗng thấy một đứa bé nhỏ chỉ độ một tấc ba phân chui từ trong giường cụ ra, nó chạy tới đầu ngõ thì mất hút. Cụ kinh ngạc bấm độn thử, thì ra lại liên quan tới anh chàng họ Lê kia. Mà lần này thì lành ít dữ nhiều. Cụ quyết định sáng sớm hôm sau phải báo ngay cho anh ta biết.

Sáng sớm, cụ Thượng không kịp dặn dò con cháu, vội vã chống gậy định sang làng Bó. Vừa ra tới đầu ngõ, bỗng cụ lại nhìn thấy đứa bé một tấc ba phân tối hôm qua. Nó quặp chặt lấy chân cụ, cắn một miếng làm cụ đau thót tận tim gan, phải quăng cả gậy rồi lăn đùng ra. Con cháu không hiểu chuyện gì tưởng cụ phải gió, vội cuống quýt khiêng cụ vào nhà. Đúng một giờ ba khắc sau, cơn đau đột nhiên biến mất, cụ lại thấy khỏe khoắn như chưa hề bị cắn bao giờ. Nghĩ tới việc ở làng Bó, sợ không kịp báo cho chàng họ Lê, cụ lại chống gậy, vội vã bước đi.

Nói về gã Phong Vân đạo sĩ. Đã sẵn sàng nếu cần thì giết sạch theo lệnh của vua Mạc. Nhưng không ngờ lần này gã gặp may. Đám quan quân bí mật bao vây làng Bó từ nửa đêm. Sáng tinh mơ cứ ai thò ra khỏi làng là chúng bắt. Bắt đến người thứ chín thì đúng anh chàng họ Lê, vốn hôm ấy cụ Cố sai lên núi hái thuốc. Cái tướng đế vương cùng khí thiên tử ngùn ngụt của anh ta làm gã đạo sĩ không thể nào làm được. Gã mừng hú vội sai bỏ chàng họ Lê vào cũi rồi cấp tốc giải về kinh.

Khi cụ Thượng lên tới làng Bó thì mọi sự đã an bài. Chàng họ Lê đã nằm trong cũi. Cụ chỉ còn biết dậm chân kêu khổ, tiếc rằng mình tới chậm, giá như không bị cắn bởi cái thằng bé quỷ quái ấy...

Lúc bấy giờ sự nghiệp trung hưng nhà Lê do Thái sư Lượng Quốc Công Trịnh Kiểm phò tá chống lại nhà Mạc đang lên như diều gặp gió. Vua tôi Lê - Trịnh đã chiếm phần lớn đất đai vùng thượng du. Quân nhà Mạc càng đánh càng tỏ ra kém thế vì không được lòng

dân. Đang lúc thuận lợi, vua Lê mới có hai mươi hai tuổi bỗng bị bạo bệnh rồi mất mà không có con nối. Trịnh Kiểm họp các tướng lại nói: - Nước không thể một ngày không có vua. Chúng ta đem thân phò tá, xông pha chiến trận để lập công danh cũng mong có ngày được phong quan tước. Nay nếu không có vua thì bây giờ dân biết theo ai, sau này dẫu may mà thành công thì ai là người phong quan tước cho chúng ta.

Rồi lập tức sai người đi khắp nơi tìm con cháu vua Lê. Song trải bao năm loạn lạc, binh hoả liên miên. Con cháu vua Lê người thì đã chết, người thì thay tên đổi họ, trốn tránh, lẫn khuất trong dân gian. Tìm ra đúng dòng dõi vua Lê lúc bấy giờ thật chẳng khác nào mò kim đáy bể.

Bất ngờ nhận được tin mật báo rằng vùng ấy có khí thiên tử mà vua quan nhà Mạc đang cố trấn áp mấy lần chưa được. Trịnh Kiểm mừng quá vội sai các tướng mang quân chia làm mấy đường tìm đến. Khi quân sĩ của Trịnh Kiểm đến được làng Bó thì chàng trai họ Lê vừa bị bắt giải đi hôm trước, bèn vội vã đuổi theo. Tới bên đò Đoan vĩ thuộc địa phận phủ Thanh liêm thì bắt gặp. Hai bên giao chiến trong độ nửa giờ, quân nhà Mạc không chống nổi đành mạnh ai nấy chạy, bỏ lại chiếc cũi nhốt chàng họ Lê, cả gã Phong Vân đạo sĩ cũng bị bắt sống.

Không chịu được tra tấn, gã Phong Vân đạo sĩ đành khai hết mọi việc về chàng họ Lê. Trịnh Kiểm mừng như vớ được vàng, định ngay lập tức lập làm vua. Song có kẻ bàn:

- Người này tuy họ Lê song không rõ xuất xứ, chắc gì thuộc dòng dõi vua Lê. Chi bằng ta hãy thông thả cho người điều tra rõ tông tích, nếu đúng sự thật thì danh cũng chính mà ngôn cũng thuận, hợp với sự trông ngóng của bốn bề. Bấy giờ ta hãy lập cũng chưa muộn gì. Nay vội vàng lập lên nhờ ra xuất xứ lại thuộc hàng hạ dân thì lúc ấy hối cũng không kịp.

Có kẻ lại bàn:

- Bây giờ lòng người ly tán, thiên hạ mong có vua như nắng hạn mong được mưa rào. Chờ điều tra xuất xứ nữa thì biết đến bao giờ. Vả lại trong lúc loạn lạc, lẫn lộn vàng thau thế này chính là lúc kẻ làm tướng cần phải quyền nghi. Xuất xứ thế nào chính tự ở ta chứ ở đâu ra nữa. Nếu kẻ kia quả thực không phải dòng dõi Thái Tổ Cao Hoàng Đế (trở Lê Lợi), thì Đức Thái Tổ còn có người anh thứ tên là Trừ đã được tặng phong Lam Quốc Công. Biết đâu lại chẳng có dòng dõi từ đấy. Thế thì cũng là dòng Hoàng tộc. Không những thế còn có cái

điềm trấn áp khí thiên tử của họ Mạc mà bấy lâu nay thiên hạ đã nghe nói. Chính là ứng với người này. Thế là trong thì lòng quân đã định, ngoài thì thiên hạ đã nghe. Dẫu có dòng giống hay không phỏng quan trọng gì.

Trịnh Kiểm nghe bàn mừng lắm bèn quyết định chọn ngày lành tháng tốt, đắp đàn thụ thiện, tôn chàng họ Lê lên ngôi vua, bố cáo thiên hạ, tự nhận là cháu năm đời của Lam Quốc Công Lê Trừ, anh ruột Thái Tổ Cao Hoàng Đế Lê Lợi khi xưa...

Lại nói cụ Thượng Quang bấy giờ nghe tin chàng họ Lê thoát nạn đã lên ngôi hoàng đế, vô cùng thần phục mà than rằng:

- Lễ đời thật là huyền diệu, muốn cũng không mà chẳng muốn cũng không được. Không nói ra cũng thế mà nói ra cũng thế. Tưởng là cơ Trời lại hoá ra ngẫu nhiên, tưởng ngẫu nhiên mà lại hoá cơ Trời. Thế mới hay Cơ Trời là ngẫu nhiên hay ngẫu nhiên chính là Cơ Trời thì đó là điều mà con người không sao có thể biết được.

Tuy nhiên cái điềm lành ít dữ nhiều trong quả báo trước khi chàng họ Lê bị quân nhà Mạc bắt thì phải đợi mười sáu năm, lúc ấy vua tôi sinh mới bắt hoà, đương kim hoàng đế bị ép phải thắt cổ chết thì cụ Thượng mới chứng nghiệm hết được.

Rồi từ đó cụ đóng cửa nằm nhà viết sách, không bước chân đi đến đâu nữa. Câu chuyện trên đây rút ra từ bút tích của cụ do một người hậu duệ rất xa còn lưu giữ lại được.

(Đã đăng trên báo Người Hà Nội)

Nguồn: bbqt - tamilot sưu tầm

Người đăng: NHDT

Thời gian: 19/06/2007 2:17:21 CH